Tuần: 1-4 ***Ngày soạn: 1/9/2025***
Tiết PPCT: 1-10 ***Lớp: 12a2***

BÀI 1: KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…
- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm tiểu thuyết; phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất: Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 1, 2, 3 -VĂN BẢN 1: "XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC"
(Trích "Số đỏ") - Vũ Trọng Phụng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, thể hiện nhân vật và hệ thống sự kiện, cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật… thể hiện qua đoạn trích.
- Học sinh nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết "Số đỏ" thể hiện qua đoạn trích
- Học sinh nhận biết và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp nói mỉa, nghịch ngữ trong đoạn trích

2. Về năng lực:

- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" để đọc hiểu những văn bản cùng thể loại và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

3. Về phẩm chất: HS có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, bảng, máy tính, máy chiếu, một số tư liệu ảnh, video clip liên quan đến tác giả Vũ Trọng Phụng, phiếu học tập.
2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, Tiểu thuyết *"Số đỏ"*, tài liệu, tranh ảnh liên quan tác giả, tác phẩm…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế đọc hiểu văn bản *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.
b. Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi: Hiểu biết của em về tiểu thuyết "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng
c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS về tiểu thuyết *"Số đỏ"* của Vũ Trọng Phụng.
d. Tổ chức thực hiện: GV cho HS chia sẻ cảm nhận về tiểu thuyết "Số đỏ" và nhận xét về câu trả lời của HS. Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS xem video giới thiệu về tiểu thuyết "Số đỏ": https://www.youtube.com/watch?v=KiUaMDTiOXY - GV đặt câu hỏi gợi mở: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tiểu thuyết "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe yêu cầu của GV **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời một số HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, kết luận: *- ""Số đỏ"" là một tác phẩm để đời cho bao thế hệ - một tác phẩm sẽ mãi là vật báu vô giá trong nền văn học Việt Nam. Vâng, đó là một đóng góp hết sức to lớn của nhà văn với "cái nghèo gia truyền" - Vũ Trọng Phụng cho kho tàng văn chương dân tộc.* *- Tiểu thuyết ""Số đỏ"" được đăng ở "Hà Nội báo" từ số 40 ngày 7/10/1936 và được in thành sách lần đầu năm 1938. Tác phẩm nổi tiếng này đã được chuyển thể thành nhiều phim và kịch. Đây được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của "ông vua phóng sự đất Bắc". ""Số đỏ"" xoay quanh nhân vật làm đảo điên Hà Nội những năm 1930 - 1940, Xuân Tóc Đỏ - từ một thằng bé mồ côi, kiếm sống bằng đủ thứ nghề: trèo me, trèo sấu, nhặt bóng ở sân quần vợt, quảng cáo thuốc lậu... nhờ thủ đoạn xảo trá, "nhờ thời" đã trở thành đốc tờ Xuân, nhà cải cách xã hội, giáo sư quần vợt, thậm chí là anh hùng cứu quốc, là vĩ nhân... Sử dụng lối tương phản giữa cái đồi bại, thối nát vô luân với cái hài, cái trào phúng đã giúp cuốn tiểu thuyết thành công trong việc lột trần những "quái thai" thời đại trong buổi giao thời. Từ đó, tác phẩm cũng đã đả kích cay độc cái xã hội tư sản bịp bợm, đang chạy theo lối sống văn minh rởm, hết sức lố lăng thối nát. Bên cạnh đó,*	*- ""Số đỏ"" là một tác phẩm để đời cho bao thế hệ - một tác phẩm sẽ mãi là vật báu vô giá trong nền văn học Việt Nam. Vâng, đó là một đóng góp hết sức to lớn của nhà văn với "cái nghèo gia truyền" - Vũ Trọng Phụng cho kho tàng văn chương dân tộc.* *- Tiểu thuyết ""Số đỏ"" được đăng ở "Hà Nội báo" từ số 40 ngày 7/10/1936 và được in thành sách lần đầu năm 1938. Tác phẩm nổi tiếng này đã được chuyển thể thành nhiều phim và kịch. Đây được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của "ông vua phóng sự đất Bắc".*

tác phẩm cũng đả kích những phong trào được thực dân khuyến khích như: Phong trào Âu hoá, thể dục thể thao, chấn hưng Phật giáo... Sự thành công của tác giả còn ở việc đã xây dựng được những nhân vật trở thành điển hình về mặt tâm lý xã hội mà cho đến tận hôm nay bóng dáng những nhân vật ấy vẫn còn đâu đó quanh ta. Tiêu biểu đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết được thể loại tiểu thuyết hiện đại; Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng; Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

b. Nội dung: HS đọc tìm hiểu phần tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung của thể loại tiểu thuyết hiện đại; Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng; Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS tự đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK trong thời gian 3 phút **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK. HS trả lời một số câu hỏi và yêu cầu mang tính gợi mở của GV như: - Em đã từng học, đọc những tiểu thuyết nào? Qua những tác phẩm ấy, em hiểu được gì về thể loại tiểu thuyết? - Nêu cách hiểu của em về mệnh đề sau đây: Tiểu thuyết dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Để hiểu rõ đặc điểm đó của tiểu thuyết, em có thể so sánh tiểu thuyết với thể loại nào đã được học? - Nêu một vài căn cứ theo hiểu biết của em để chứng minh rằng tiểu thuyết có rất nhiều dạng thức, thể hiện nhiều hướng phát triển, tìm tòi khác nhau. - Theo em, người biên soạn SGK muốn nhắm tới điều gì khi đặt tên cho bài học là "Khả năng lớn lao	**1. Tiểu thuyết hiện đại** - K/n: Tiểu thuyết thuộc loại hình tự sự, là một hình thức cụ thể của *truyện* hay *truyện kể*. - Tiểu thuyết có dung lượng lớn (phân biệt với *truyện ngắn*, *truyện vừa*), có thể "phản ánh" được hiện thực ở quy mô rộng, bao quát nhiều cảnh đời, nhiều số phận, đề cập nhiều sự kiện xảy ra trong thời gian dài và ở các không gian khác nhau. - Tiểu thuyết tiếp cận hiện thực chủ yếu từ góc độ đời tư, dành sự quan tâm đặc biệt đến số phận con người cá nhân. Ở điểm này, tiểu thuyết thường được đưa ra so sánh với *sử thi*, một hình thức tự sự xuất hiện từ thời cổ đại, ưu tiên thể hiện những vấn đề lớn của cộng đồng. – Tiểu thuyết có thể được viết bằng văn xuôi hoặc văn vần. Tuy nhiên, không phải tác phẩm truyện thơ nào cũng có thể được nhìn nhận là tiểu thuyết, nếu trong đó, câu chuyện về con người cá nhân và một số vấn đề cơ bản khác thuộc về kết cấu, ngôn ngữ, sự phối hợp các điểm nhìn,… không được thể hiện nổi bật. Trên vấn đề này, có cơ sở để xem *Ép-ghê-nhi Ô-nhê-ghin* (*Yevgeny Onegin*) của Pu-skin (Pushkin), *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,… là tiểu thuyết - thơ. - Khả năng lớn lao của tiểu thuyết: + Tiểu thuyết có thể bao quát được bức tranh đời sống rộng lớn với đủ thành phần xã hội và các sự kiện chằng chéo, phức tạp (điều này thể hiện rõ trong đoạn trích *Số đỏ*).

của tiểu thuyết”? Nêu những điều mà tiểu thuyết có thể làm được trong khả năng của nó. - Em hiểu thế nào về vấn đề: Tiểu thuyết có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác? - Cắt nghĩa nguyên nhân khiến tiểu thuyết thường đưa tới cho độc giả cảm giác “chân thật”. - Em đã biết gì về những cuộc bình chọn nhằm xác định “Những tiểu thuyết Việt Nam hay nhất”, “Những tiểu thuyết nổi tiếng nhất mọi thời đại của văn học thế giới”?	+ Tiểu thuyết có thể đi sâu khám phá những bí mật của tâm hồn con người, soi tỏ cả những điều có thể xem là dị thường, tưởng chừng không thể giải thích (điều này có thể được chứng thực qua đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*). + Tiểu thuyết giúp người đọc hiểu rõ tính toàn vẹn của đời sống và khơi dậy ý thức tôn trọng những cách diễn giải, đánh giá khác nhau đối với những gì đã hoặc sẽ diễn ra trong đời sống nhân loại.
- Phong cách hiện thực là gì? So sánh trong tương quan đối lập với các thể loại khác?	**2. Phong cách hiện thực trong sáng tác văn học nói chung và trong tiểu thuyết nói riêng** - *Phong cách hiện thực* là khái niệm có phạm vi sử dụng khá rộng và nội hàm thường biến động trong các ngữ cảnh khác nhau. Nó biểu thị nỗ lực khái quát của các nhà lí luận, phê bình về một kiểu tiếp cận và thể hiện nghệ thuật đối với đời sống mang tính chất trực diện, khách quan; gạt bỏ mọi ảo tưởng, ngộ nhận; từ chối sự tô vẽ, “mĩ hoá”;… Theo đó, khái niệm này thường được đặt trong thế đối lập với khái niệm *phong cách lãng mạn* – một khái niệm biểu thị kiểu tiếp cận và thể hiện nghệ thuật mang tính chất ngược lại: coi trọng cái chủ quan; ít quan tâm logic vận động khách quan của sự vật, sự việc; ưa sử dụng bút pháp lí tưởng hoá;… Khái niệm *phong cách hiện thực* không chỉ được dùng để gọi tên phong cách sáng tác của các nghệ sĩ theo *chủ nghĩa hiện thực* (một trào lưu văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ ở phương Tây trong khoảng thời gian từ những năm 30 của thế kỉ XIX sang đến đầu thế kỉ XX) mà còn được dùng để chỉ phong cách sáng tác của một số nhà văn, nhà thơ thuộc các thời đại và khu vực văn hoá, văn học khác, khi họ đề cao nguyên tắc sáng tác bám sát những gì thực sự diễn ra trong đời sống. Chính vì vậy, Đỗ Phủ (sống vào thời Đường ở Trung Quốc) có thể được xem là nhà thơ có *phong cách hiện thực*, phân biệt và đối trọng với Lý Bạch (nhà thơ cùng thời) có *phong cách lãng mạn*.
- Thế nào là biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ? - Nói mỉa và nghịch ngữ có mối quan hệ như thế nào với nhau? **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời HS trả lời câu hỏi theo định hướng các câu hỏi trên **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS nắm được kiến thức, hiểu và nhận diện được một số đơn vị	**3. Biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ** - Nói mỉa được hiểu là một phương thức ngôn ngữ đặc biệt dùng để diễn đạt sự đánh giá "chênh" đi, thậm chí có khi còn ngược lại so với sự thật cần đánh giá. Chính vì thế ngôn ngữ ở đây bao giờ cũng mang sắc thái biểu cảm rõ nét, và thường là thái quá. Người ta thường nhận được những câu quá khen, hoặc chê thậm tệ; hoặc cũng có khi lẽ ra phải khen thì lại chê, phải chê thì lại khen; và đặc biệt lại có cả những câu tưởng chừng phi lý; Trong

kiến thức cơ bản sẽ sử dụng trong tìm hiểu văn bản và thực hành tiếng việt, viết bài văn.	khẩu ngữ, nói mỉa thường thể hiện bằng sự kéo dài hay nhấn mạnh giọng nói. Đôi khi có kèm theo cả sự thay đổi nét mặt, cử chỉ, dáng điệu... ở người nói. Người nghe thường nhận ngay ra cái dáng vẻ của ngôn ngữ mỉa mai, giễu cợt. - Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, người nói (người viết) sử dụng trong cùng một câu hoặc một đoạn văn những từ ngữ hoặc câu có nghĩa trái ngược nhau nhằm tạo ra cách nói nghịch lí, bất ngờ để thể hiện được đúng nhận xét về đối tượng được nói đến. => Giữa nói mỉa và nghịch ngữ có sự nhập nhằng nhất định vì khi nói mỉa, người ta có thể sử dụng nghịch ngữ. Trong khí quyển của nói mỉa, một nghịch ngữ đôi khi bị đồng hoá, khiến người ta không còn cho đó là nghịch ngữ nữa. Sự thực, cần phân định rõ: nói mỉa không phải là một đơn vị ngôn ngữ mà là một cơ chế tạo lời nhằm tạo ra sự mâu thuẫn giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm bắt được những kiến thức chung về tác giả Vũ Trọng Phụng, hoàn cảnh xã hội đương thời, tiểu thuyết Số đỏ và đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc".
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: Đọc **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Sử dụng phương pháp dự án: - GV giao HS đọc, tìm hiểu trước ở nhà những thông tin chính về tác giả, tác phẩm, đoạn trích (Hs thảo luận nhóm 2 nhóm theo **PHT số 1, 2)** **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm, đoạn trích - chuẩn bị phiếu học tập ở nhà **B3. Báo cáo thảo luận** - HS cử đại diện lên trình bày nội dung đã chuẩn bị ở nhà	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** ***a. Cuộc đời*** - Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) quê ở tỉnh Hưng Yên nhưng sinh ra và sống chủ yếu ở Hà Nội. - Ông bước vào làng báo, làng văn từ rất sớm (bắt đầu có truyện đăng báo từ năm 1930), dùng ngòi bút để kiếm sống và chống chọi một cách khó khăn với tình cảnh nghèo túng, bệnh tật triền miên. ***b. Sự nghiệp sáng tác*** **** Tác phẩm tiêu biểu*** - Cạm bẫy người (phóng sự, 1933), Kĩ nghệ lấy Tây (phóng sự, 1934), Cơm thầy cơm cô (phóng sự, 1936), Giông tố (tiểu thuyết, 1936), "Số đỏ" (tiểu thuyết, 1936), Vỡ đê (tiểu thuyết, 1936), Lấy nhau vì tình (tiểu thuyết, 1937), Trúng số độc đắc (tiểu thuyết,

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét và đánh giá bằng diểm	1938),... **** Đặc điểm sáng tác*** - Các tác phẩm đều toát lên sự khinh bỉ sâu sắc cái xã hội đương với cảm hứng vạch trần sự thật; xây dựng những hình tượng nhân vật sắc nét, vừa mang tính đặc thù của một thời đại cụ thể, vừa thể hiện rõ bản chất một số trạng huống tồn tại phổ quát của cuộc sống. **2. Văn bản** ***a.Tiểu thuyết "Số đỏ"*** - Tiểu thuyết "Số đỏ" ra mắt lần đầu tiên vào năm 1936. Đến năm 1938, tác phẩm được in thành sách. - Đây là tác phẩm đỉnh cao trong văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng và có vị trí quan trọng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. *** Thể loại chính:** Tiểu thuyết *** Phương thức biểu đạt**: Tự sự **** Tóm tắt*** - Nhân vật chính của tác phẩm là Xuân, biệt danh là Xuân Tóc Đỏ. Từ một đứa trẻ mồ côi, lêu lổng, lang thang, đã trải qua đủ "nghề" thường được xem là "mạt hạng", Xuân Tóc Đỏ dần bước chân vào xã hội "thượng lưu" nhờ sự nâng đỡ đầy toan tính của bà Phó Đoan – một me Tây dâm đãng. - Đầu tiên, Xuân Tóc Đỏ đến làm việc ở tiệm may Âu hoá. Hắn được vợ chồng Văn Minh và những người trong gia đình này hoặc vô tình hoặc cố ý tôn lên làm "nhà cải cách xã hội", "đốc tờ Xuân", "giáo sư quần vợt. - Với đủ danh hiệu "vẻ vang" ấy và với sự láu lỉnh, cơ hội cố hữu, Xuân Tóc Đỏ khiến cô Tuyết say mê và được nhiều nhân vật khác sợ hãi, nể trọng, nhờ cậy, ghi ơn. - Xuân Tóc Đỏ đạt đến vinh quang tột đỉnh vào thời điểm vua nước Xiêm sang thăm Việt Nam nhằm thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia, giữa bối cảnh nền chính trị thế giới đang có những biến động khó lường. - Với "thành tích" để thua quán quân quần vợt người Xiêm trong trận thi đấu thể thao mang tính ngoại giao, Xuân Tóc Đỏ được tung hô là "vĩ nhân", "anh hùng cứu quốc" và tiếp tục được một số tổ chức danh giá chào đón, mời làm thành viên danh dự. ***b. Đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*** - Xuất xứ và vị trí: "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" là đoạn trích nửa đầu của chương XX - chương cuối cùng của tác phẩm "Số đỏ". - Bố cục + Phần 1 từ đầu đến "nhà quán quân quần vợt Xiêm

	La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ.": Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt. + Phần 2: tiếp theo đến "các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.": Diễn biến kịch tính của "ván quần" giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La. + Phần 3: phần còn lại: Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, nhân vật và hệ thống sự kiện; cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật;... thể hiện qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

b. Nội dung:

- Tập trung làm rõ các vấn đề *Câu chuyện và sự kiện - Tình huống và nhân vật trào phúng - Người kể chuyện và điểm nhìn - Ngôn ngữ - Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng* qua các nhiệm vụ cụ thể.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: Khám phá VB **Nhiệm vụ 1:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS đọc một số đoạn tiêu biểu với giọng đọc hóm hỉnh, châm biếm - Trả lời câu hỏi: Văn bản kể câu chuyện gì? Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc". (Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 3**)* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	**II. Khám phá văn bản** **1. Tìm hiểu về câu chuyện và sự kiện** - Câu chuyện: "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" - Sự kiện chính: + *Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt*: Sân quần Rollandes Varreau của Hà thành đã ghi được một chỗ rẽ cho lịch sử thể thao khi giá vào cửa là ba đồng hạng bét nhưng người xem cũng trên ba nghìn. / Tất cả mọi người đều đã thua và họ đều hi vọng vào Xuân Tóc Đỏ. Tất cả các quan chức cấp cao của hai nước đã an toạ nhưng Tổng cục thể thao Bắc Kì đang lo sốt vó khi không thấy hai nhà đương kim Hải và Thụ. / Cuối cùng, để chữa cháy họ mời quán quân Xiêm La đấu với Xuân Tóc Đỏ. + *Diễn biến kịch tính của "ván quần" giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La*: / Trong trận đấu, Xuân đã chiếm được ưu thế hơn so với quán quân Xiêm. / Điều đó khiến vua Xiêm tức giận và doạ dẫm chiến tranh sẽ nổ ra nếu Xuân thắng, ông Giám đốc chính trị Đông Dương đã phải tìm ông Văn Minh để bảo Xuân Tóc Đỏ nhường quán quân Xiêm La. + *Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng*: Xuân nghe vậy thì nhường bàn cuối khiến công chúng, khán giả sững sờ. / Ban đầu họ có vẻ đả đảo Xuân nhưng với với sự lẻo

Nhiệm vụ 2: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Xác định tình huống của đoạn trích. Tình huống nào là chính? Vì sao? *(Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 4)* - Theo lời tác giả: "*Số đỏ* tập trung cao độ thể hiện sự dị dạng của con người trong một xã hội đang tư sản hoá cuối mùa". Sự "dị dạng của con người" thể hiện như thế nào qua các nhân vật trong đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc? (Hs thảo luận nhóm 4-6 em theo PHT số 4)*.	mép, khôn lỏi của mình, Xuân đã thuyết phục quần chúng bằng tài diễn thuyết. / Hắn tỏ vẻ trịch thượng và tự cho rằng mình đã bỏ qua lòng tự trọng mà cứu đất nước. Lúc này, quần chúng lại coi hắn như người hùng cứu quốc thực thụ và tán tụng, ngợi ca. **2. Tình huống và nhân vật trào phúng** ***a. Tình huống*** - Tình huống 1: Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân tỉ thí với quán quân Xiêm La. - Tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh – một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời. - Tình huống 3: Đông đảo khán giả đả đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ. => Trong ba tình huống nêu trên, tình huống chính là tình huống 2. Bởi vì, tình huống này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên kịch tính và bước ngoặt của toàn bộ sự kiện được kể, nó liên quan chặt chẽ đến cao trào của sự kiện, nói lên "Số đỏ" của nhân vật Xuân, phơi bày toàn bộ sự bịp bợm của màn kịch đang diễn ra. ***b. Nhân vật trào phúng*** - *Tên gọi*: ông TYPN, Văn Minh, Xuân Tóc Đỏ, cô Tuyết, nhân vật đám đông,…: tên nhân vật độc đáo, mang ngụ ý, gây ấn tượng mạnh, gắn với ngoại hình, đặc điểm, tính cách đặc biệt,… kích thích sự tò mò, hứng thú của người đọc. – *Hành động*: + Nhân vật Xuân: *"kêu rằng cái phần danh dự của gia đình cũng còn có cơ cứu chữa được, vì mọi người còn hi vọng vào Xuân*" và không được tác giả giới thiệu một cách trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua lời kể của nhân vật khác nhưng ta có thể thấy mọi người đều đang rất mong chờ, hi vọng và trao trọn niềm tin cho nhân vật này. Điều đó cho thấy đây là một nhân vật có quyền lực, tài giỏi vô cùng nên mới được trao niềm tin để cứu vớt lại danh dự của một gia đình. + Ông Văn Minh: sung sướng vì người của mình được đại diện cho Hà Thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc, trước nhà vô địch Xiêm La vì như vậy sẽ làm tăng danh dự cho bản thân. + Vua Xiêm: "*lộ ra mặt rồng tất cả sự thịnh nộ của vị thiên tử thế thiên hành đạo"; "Vua Xiêm tức thì lôi*

	trong túi áo ra cái bản đồ Ấn Độ Chi Na do chính phủ Xiêm vẽ lại" và thể hiện rõ nét cơn thịnh nộ của vua Xiêm khi đứng trước bàn thắng của Xuân Tóc Đỏ, lối miêu tả cường điệu càng nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của sự kiện. + Ông Giám đốc chính trị Đông Dương *"sau khi tai nghe một hiệu lệnh của quan Toàn quyền, tức thì bỏ khán đài, chạy xuống sân đi tìm ông bầu của Xuân Tóc Đỏ*" và Hành động của quan chức đã tạo ra một bức tranh hài hước và mỉa mai về tình hình cứu quốc, cứu quốc bằng phương án nhường đối thủ, đây là một lối suy nghĩ hèn nhát, thiển cận. + Nhân vật đám đông: "*Tuy giá vé vào cửa là ba đồng hạng bét, số công chúng sáng hôm sau ấy, cũng trên ba nghìn"; "rất nhiều người hâm mộ vì đến chậm, không mua được vé, bèn hoá ra phẫn uất và chết một cách rất thể thao, nghĩa là tự tử dần bằng thuốc phiện không có giấm thanh, hút vào phổi"; "công chúng còn đứng lại, đông nghìn nghịt, tốp này định chia buồn với Xuân, tốp kia định trách cứ Xuân*" và Gợi khung cảnh hỗn loạn, đầy nghịch lí qua ngôn ngữ châm biếm, mỉa mai xen lẫn cường điệu để mô tả trạng thái "*thôi miên, lên đồng*", ở đây là cả một cộng đồng xã hội bị một cá nhân, tổ chức lôi kéo "dắt mũi". Lời nói: "*Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!"; "Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta phải đành nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La!"; "Xuân thua không phải bởi vô tài! Chắc thiên hạ đã mục kích rất rõ. Vậy xin thiên hạ hãy bình tĩnh nghe tại sao người của tôi lại phải thua"; "A bas Xuân! A bas Xuân! Des explications"* mang màu sắc châm biếm, mỉa mai xen lẫn cường điệu, phê phán => Bằng ngòi bút trào phúng, lối viết "ngấu nghiến", nhịp điệu dồn dập, giọng văn phảng phất thái độ khinh miệt, nhà văn đã tạo ra những nhân vật dị biệt, khác lạ từ tên gọi đến tính cách. Họ đại diện cho một xã hội lố lăng, kệch cỡm, "chó đểu" thời bấy giờ
Nhiệm vụ 3 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. *(HS thảo luận theo PHT số 5)***.** **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện **B3. Báo cáo thảo luận**	***c. Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng*** + Nội dung: đề cập đến những hậu quả của một xung đột Việt – Xiêm và nhấn mạnh rằng cuộc chiến sẽ kéo theo nạn đói và thảm hoạ cho nhân loại. + Ngôn từ: *"Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta đành phải nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La"; "Mi đã biết đâu cái lòng hi sinh cao thượng vô cùng", "điểm cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình…*" chứa đầy các yếu tố đối nghịch, hội tụ các mối tương quan xã hội phức tạp. Chúng xung đột và hoà hợp với

Học sinh cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	nhau một cách kì dị, phản ánh đúng bản chất kì dị của xã hội đương thời. + Giọng điệu: kiêu ngạo, hùng biện, bề trên,… bản chất khôn lỏi, cơ hội của Xuân. + Hành động: nó vỗ vào ngực (tự cao, tự mãn, đề cao bản thân); nó đấm tay xuống không khí (sự kiên định); nó giơ cao tay lên (sự quyết tâm);… => Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch, thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân - một kẻ "hạ lưu" vô học nhưng láu cá - đã chui sâu, leo cao và đạt được cơ hội "thăng tiến" khó ngờ. Theo ông, tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài.
Nhiệm vụ 4 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Xác định ngôi kể, điểm nhìn đã được nhà văn lựa chọn và ý nghĩa của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực theo khám phá và quan niệm của nhà văn? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản	**3. Ngôi kể và điểm nhìn** - Ngôi kể và điểm nhìn: Đoạn trích được kể ở ngôi thứ ba với điểm nhìn bên ngoài. - Ý nghĩa: + Tạo điều kiện bao quát toàn cảnh sự việc, đẩy nhanh nhịp độ kể và làm nổi bật tính chất "hề" của toàn bộ những gì được kể. + Tuy chọn điểm nhìn bên ngoài để miêu tả, tái hiện sự việc nhưng vị trí đặt điểm nhìn lại luôn được dịch chuyển, soi chiếu ở nhiều góc khác nhau (bao quát, cụ thể, xa, gần,…) để người đọc thấy được bức tranh tổng thể về những gì đang diễn ra: từ cảnh náo nhiệt trên sân vận động đến cảnh rỉ tai ám muội giữa các "đấng" tai to mặt lớn trong ban tổ chức sự kiện; từ cảnh rừng người hò reo đến cảnh đặc tả từng động tác tay, chân đầy "biểu cảm" của nhân vật chính - Xuân Tóc Đỏ. + Mô tả và đánh giá hiện thực từ nhiều góc độ, phê phán và chỉ ra những vấn đề xuất hiện trong thời buổi "cũ - mới tranh nhau", "Á - Âu xáo trộn", mớ hỗn độn tạp nham mà tác giả cho rằng đó là "cái xã hội đen tối, thối nát". Điểm nhìn toàn tri giúp nhà văn vạch trần những mảng tối trong hiện thực đồng thời thể hiện sự khinh bỉ đối với xã hội lúc bấy giờ. => Như vậy, việc lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn tuỳ thuộc đặc điểm của đối tượng được miêu tả, thể hiện. Đây là sự lựa chọn phù hợp, có ý đồ nghệ thuật rõ ràng.
Nhiệm vụ 5 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV đặt câu hỏi: - Nêu nhận xét khái quát về sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật	**4. Ngôn ngữ** - Sự tương đồng: Thể hiện rõ sắc thái mỉa mai, trào phúng, mặc dù ở lời nhân vật, sự mỉa mai không mang tính chủ động. Do được đặt trong bối cảnh "hề" nên ngay cả khi lời nhân vật thể hiện tâm trạng hoảng hốt (lời nhân vật Văn Minh) hay lâm li, phấn khích (lời nhân vật Xuân Tóc Đỏ), thì tính chất mỉa mai vẫn

<table>
<tr>
<td>ở đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh cử đại diện chia sẻ
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 6
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV đặt câu hỏi
Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng thể hiện như thế nào qua đoạn trích?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh suy nghĩ, trao đổi thảo luận và thực hiện
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh cử đại diện chia sẻ
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt những kiến thức cơ bản</td>
<td>được bộc lộ rất rõ, hoà điệu với tính chất mỉa mai trong lời người kể chuyện.
– Sự khác biệt:
<table>
<tr><th>Ngôn ngữ của người kể chuyện</th><th>Ngôn ngữ của nhân vật</th></tr>
<tr><td>– Là lời người kể chuyện.</td><td>– Là lời nhân vật.</td></tr>
<tr><td>– Thực hiện chức năng thuật kể, miêu tả, giới thiệu nhân vật, sự việc.</td><td>– Phát ra trong những hoàn cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể.</td></tr>
<tr><td>– Thể hiện góc nhìn và quan điểm đánh giá riêng.</td><td>– Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.</td></tr>
</table>
5. Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng
- Ý thức phơi bày những mặt trái, mặt nhố nhăng của hiện thực luôn thường trực. Trong con mắt của ông, xã hội đương thời đầy rẫy những biểu hiện tha hoá, suy đồi, dường như vô phương cứu chữa.
- Sắc sảo trong việc xây dựng những chân dung biếm hoạ, luôn tìm thấy những chi tiết độc đáo có thể lột trần chân tướng của sự vật, hiện tượng và con người thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau.
- Thể hiện một khả năng tưởng tượng, hư cấu đặc biệt khi liên tiếp dựng lên những tình huống phi lí, những mẫu nhân vật quái dị với hành động và ngôn ngữ khác thường. Tuy nhiên, mọi sự tưởng tượng, hư cấu của ông đều dựa trên nền tảng hiện thực.
- Để tăng cường khả năng bao quát hiện thực cho trang viết, nhà văn dụng công trong việc hư cấu nên các tình huống - sự kiện có sự góp mặt của đủ hạng người trong xã hội; sử dụng bối cảnh lịch sử và xã hội thực tế; ngôn từ sắc bén, mô tả tinh tế để thể hiện sự nhạy bén trong việc quan sát và phê phán xã hội thông qua các biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ, ẩn dụ,…; giọng văn đanh thép, mỉa mai để tố cáo sự thối nát của xã hội đương thời; sử dụng kiểu liên hệ so sánh đầy tính bất ngờ nhắm tới nhiều đối tượng cùng một lúc</td>
</tr>
</table>

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết *"Số đỏ",* một kiệt tác hoạt kê của tiểu thuyết Việt Nam trong thế kỉ XX, thể hiện qua đoạn trích.

b. Nội dung:

Câu 1. Nêu chủ đề và giá trị hiện thực của đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

Câu 2. Hãy tìm những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích.

Câu 3. Hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV đặt câu hỏi** - Nêu chủ đề và giá trị hiện thực của đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc?* - Hãy tìm những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích? - Hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, tìm câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời cá nhân câu hỏi GV đưa ra **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và kết luận	**III. Tổng kết** **1. Chủ đề và giá trị hiện thực** ***a. Chủ đề*** - Sự tha hoá về nhân cách của những kẻ đại diện cho xã hội "chó đểu"; sự xuống cấp của cả hệ thống, một chế độ xã hội đang trên đường băng hoại đầu thế kỉ XX trước cơn xoáy Âu hoá ở Việt Nam. ***b. Giá trị hiện thực*** - Vũ Trọng Phụng dựng lên bức tranh về xã hội thượng lưu thông qua cuộc tỉ thí quần vợt. - Bức tranh hiện thực về một cộng đồng xã hội thượng lưu lố lăng, kệch cỡm,… **2. Những dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê được thể hiện qua đoạn trích** - Phản ánh được bức tranh đời sống rộng lớn với đủ thành phần xã hội và các sự kiện chằng chéo, phức tạp - Từ một vài sự việc, nhân vật cụ thể, nhà văn giúp độc giả hình dung được bức tranh rộng lớn về các quan hệ và tính cách phức tạp trong xã hội. - Làm chuyển biến nhận thức của độc giả về các vấn đề bức thiết của cuộc sống. - Xây dựng các tình huống và chân dung trào phúng. - Ngôn ngữ trào phúng. - Bối cảnh trào phúng. **3. Khái quát cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê** - Đọc và xác định đề tài; câu chuyện và hệ thống sự kiện; tình huống và thế giới nhân vật; ngôi kể và điểm nhìn; ngôn ngữ. - Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản; nhận xét về phong cách của nhà văn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức vừa hình thành về tác giả và tác phẩm.
b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm.
c. Sản phẩm: Kết quả bài làm của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu, trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm lên slide **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm được GV đưa ra **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi HS trả lời câu hỏi	***Câu 1: Dòng nào dưới đây phát biểu đúng nhất về nhà văn Vũ Trọng Phụng?*** A. Là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. **B. Được mệnh danh là "ông vau phóng sự đất Bắc", dùng ngòi bút chân chính để kiếm sống trong tình cảnh khó khăn, bệnh tật.** C. Nhà văn suốt đời đi tìm vẻ đẹp vĩnh hằng D. Người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rực rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này

B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, đánh giá	***Câu 2: Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng bao gồm những thể loại nào?*** A. Kịch, phóng sự, truyện ngắn, thơ B. Bài báo, kịch, tiểu thuyết, thơ **C. Bài báo, kịch, phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết** D. Kịch, tiểu thuyết, phóng sự, truyện ngắn, vè ***Câu 3: Cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của Vũ Trọng Phụng?*** **A. Vạch trần sự thật** B. Đồng cảm với số phận con người C. Tình yêu quê hương D. Tình yêu thiên nhiên. ***Câu 4: Tiểu thuyết ""Số đỏ"" ra mắt độc giả lần đầu tiên trên tờ báo nào?*** A. Nhân dân báo **B. Hà Nội báo** C. An Nam báo D. Nam Kỳ báo ***Câu 5: Đoạn trích ""Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"" nằm ở chương thứ mấy của tiểu thuyết ""Số đỏ""?*** A. Chương XVII B. Chương XVIII C. Chương XIX **D. Chương XX** ***Câu 6: Nhân vật chính trong tác phẩm đoạn trích ""Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"" là ai?*** A. Văn Minh B. Typn C. Bà Phó Đoan **D. Xuân Tóc Đỏ** ***Câu 7: Trong đoạn miêu tả chân dung các nhân vật, người viết đã dùng giọng điệu như thế nào?*** **A. Mỉa mai trào phúng** B. Trân trọng, ngợi ca C. Tôn kính và lễ phép D. Khinh rẻ, bất chấp ***Câu 8: Vì sao ông Văn Minh tỏ ra vui sướng?*** A. Vì người của ông đã chiến thắng quán quân của Xiêm La. B. Vì ông được ban trị sự của Tổng cục ra nói chuyện riêng. **C. Vì người của ông được đại diện cho Hà Thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc.** D. Vì ông sắp được lĩnh được số tiền thưởng to. ***Câu 9: Tình huống nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự kịch tính và bước ngoặt cho toàn bộ sự kiện trong đoạn trích?***

	A. Khi Xuân Tóc Đỏ đứng lên hùng biện trước mặt công chúng. **B. Khi Văn Minh được vị thượng quan của Chính phủ mời ra nói chuyện.** C. Khi Xuân Tóc Đỏ để thua quán quân quần vợt Xiêm La. D. Khi Xuân Tóc Đỏ lên xe huênh hoang ra về. ***Câu 10: Trong đoạn trích, Xuân Tóc Đỏ đã làm gì để được ngợi ca?*** A. Xuân đã đứng lên hùng biện trước mặt rất nhiều người. B. Xuân đã giành chiến thắng trong trận quần vợt với nhà vô địch người Xiêm. **C. Xuân đã để thua trong trận đấu quần vợt với nhà vô địch Xiêm.** D. Xuân đã thuyết trình trước mặt vua Xiêm về tinh thần yêu nước của mình. ***Câu 11: Sau bài "phát biểu" của Xuân Tóc Đỏ, thái độ của công chúng ra sao?*** **A. Bùi ngùi, cảm động** B. Căm ghét, oán hận C. Khinh bỉ và muốn đánh hắn D. Trân trọng và hết sức ngợi ca ***Câu 12: Cách xưng hô gọi "mi" xưng "ta" của Xuân Tóc Đỏ thể hiện điều gì?*** **A. Thể hiện thái độ trịch thượng coi mình như đấng cứu thế của Xuân và sự khinh thường quần chúng.** B. Thể hiện sự ngu muội của kẻ sĩ vô học. C. Thể hiện sự cao thượng của một kẻ vừa cứu quốc. D. Thể hiện sự xuẩn ngốc của Xuân Tóc Đỏ, càng làm vở kịch trở nên lố bịch.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống

b. Nội dung: HS suy nghĩ, làm bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"*.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo bài làm cá nhân

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá; chiếu (đọc) đoạn văn mẫu

Đoạn văn tham khảo

Tiểu thuyết có khả năng lớn lao trong việc phản ánh hiện thực đời sống. Ta có thể thấy rõ điều này qua đoạn trích *"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc"* thuộc tác phẩm *"Số đỏ"* của nhà văn Vũ Trọng Phụng – một bức tranh sống động về đời sống và thời đại mà nó miêu

tả. Bằng bút pháp trào lộng, tác giả đã đưa đến trước mắt người đọc khung cảnh một trận đấu quần vợt lịch sử với nhiều tình huống, sự việc và các mối quan hệ sinh động, hài hước. Đoạn trích không chỉ mô tả về nhân vật chính mà còn phản ánh một cách sâu sắc tình hình chính trị, xã hội và tâm lý con người thời buổi Âu hóa. Chân dung nhân vật chính là Xuân Tóc Đỏ được phác họa từ nhiều phương diện: hành động, ngôn ngữ, tính cách và đặc biệt là trong chiều dài số phận, cuộc đời xoay quanh những mối quan hệ phức tạp. Sự tương tác đa chiều giữa các nhân vật cùng với những trăn trở của về con người trong những mối quan hệ xã hội làm nên bức tranh đời sống phản ánh chân thực về thời đại. Điều này đã làm nổi bật khả năng của tiểu thuyết: phản ánh những khía cạnh sâu sắc của con người và xã hội. Thông qua đoạn trích nói riêng, ta thấy rằng không thể phủ nhận sức mạnh đặc biệt của tiểu thuyết trong việc tái hiện bức tranh đời sống ở cả bề rộng và bề sâu, đưa tới độc giả những thông điệp và tư tưởng mà nhà văn gửi gắm.

4. Củng cố: Nội dung kiến thức bài học; Nghệ thuật văn bản.

5. HDVN: Làm phần kết nối đọc viết trong SGK

PHIẾU HỌC TẬP 1 – VĂN BẢN 1

Hs tìm hiểu thông tin về tác giả (ở nhà)

Tìm hiểu	Trả lời
Cuộc đời	
Sự nghiệp	
Phong cách	

PHIẾU HỌC TẬP 2 – VĂN BẢN 1

Hs tìm hiểu thông tin về tác phẩm và đoạn trích (ở nhà)

Tìm hiểu	Trả lời
Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	
Thể loại, PTBĐ	
Xuất xứ, vị trí đoạn trích	
Bố cục đoạn trích	

PHIẾU HỌC TẬP 3 – VĂN BẢN 1

PHT số...: Tìm hiểu về tình huống truyện

Em hãy xác định các tình huống truyện

Tình huống 1	Tình huống 1	Tình huống 3
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Theo em, tình huống nào là chính? Vì sao?

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 4 – VĂN BẢN 1

Theo lời tác giả: "*Số đỏ* tập trung cao độ thể hiện sự dị dạng của con người trong một xã hội đang tư sản hoá cuối mùa". Sự "dị dạng của con người" thể hiện như thế nào qua các nhân vật trong đoạn trích? *(Hs thảo luận nhóm 4-6 em theo **PHT số 5**).*

ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRÀO PHÚNG			
Khía cạnh		**Biểu hiện/ dẫn chứng**	**Nhận xét**
Tên gọi			
Hành động			
Lời nói			
Kết luận			

PHIẾU HỌC TẬP 5 – VĂN BẢN 1

Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. (HS thảo luận theo **PHT số 6**).

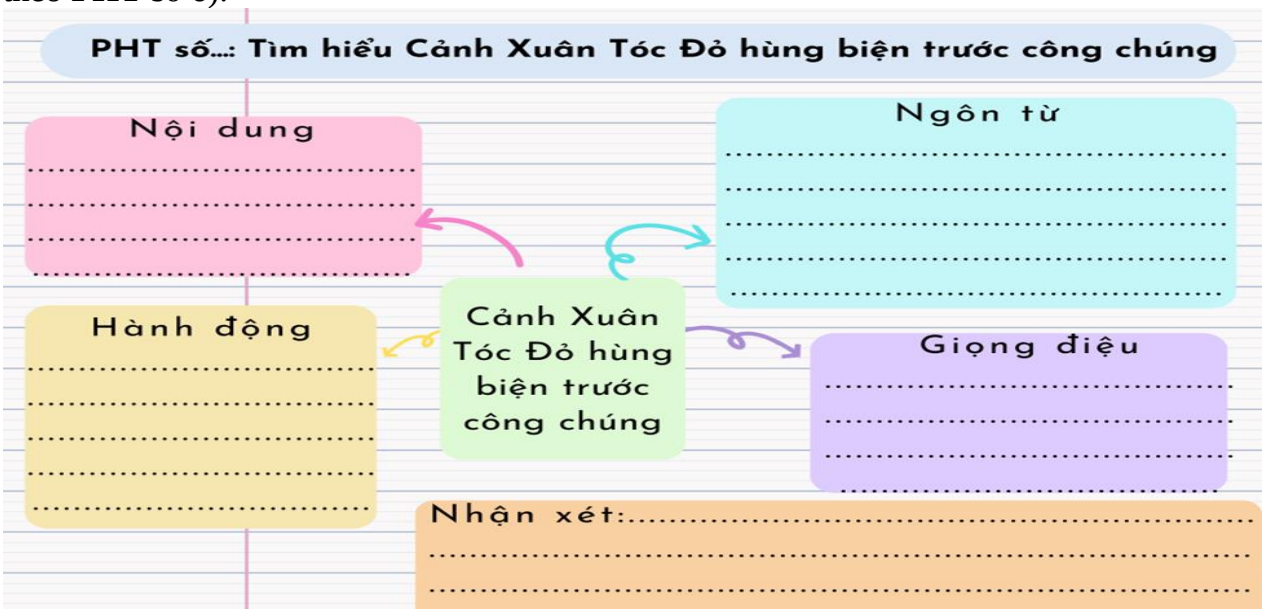

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6 – VĂN BẢN 1

PHIẾU HỌC TẬP		
STT	**Dấu hiệu của tiểu thuyết hoạt kê**	**Biểu hiện trong văn bản**
1		
2		
3		
4		
5		
...		

Tiết 4, 5 VĂN BẢN 2: NỖI BUỒN CHIẾN TRANH (trích)_BẢO NINH

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Thông qua quá trình dạy đọc, giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: nhìn cuộc sống từ góc độ đời tứ; khả năng soi tỏ tường tận đời sống bên trong của nhân vật; sự luân chuyển điểm nhìn trong nghệ thuật trần thuật;...
- Nhận biết và phân tích được cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều về các sự kiện đời sống và về bản thân nghệ thuật tiểu thuyết.
- Nhận biết và phân tích được hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức trong đoạn trích (mặc dù có thể không trực tiếp sử dụng các thuật ngữ thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức).
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Nỗi buồn chiến tranh* để đọc hiểu tiểu thuyết hiện đại và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ.

3. Về phẩm chất: Biết chia sẻ với những chấn thương tinh thần của con người thời hậu chiến, biết quý trọng cuộc sống hoà bình vốn phải được đánh đổi bằng rất nhiều máu xương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối tri thức, tạo hứng thú, tạo ra mâu thuẫn nhận thức: cho HS tự khơi dậy những ấn tượng, suy nghĩ, hiểu biết của mình về chiến tranh, từ đó có được tâm thế phù hợp khi tiếp nhận những thông điệp đầy nhân bản của tác phẩm. Câu hỏi thứ hai gợi HS nhớ lại những văn bản văn học đã biết có liên quan đến văn bản sắp học về mặt đề tài. Điều này cũng hết sức cần thiết, có thể tạo cơ sở cho HS biết vận dụng nhiều góc nhìn khác nhau khi bước vào khám phá một tác phẩm chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú

b. Nội dung: Xem video, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video kể về di chứng chiến tranh. GV đặt câu hỏi gợi vấn đề: ? Video trên nói về vấn đề gì? ? Chiến tranh - 2 tiếng ấy gợi cho em những ấn tượng suy nghĩ gì?	- Video trên nói về vấn đề: + hậu quả, di chứng của chiến tranh + Lời khuyên cho giới trẻ hãy sống thật tốt trên trọng thành quả mà cha ông ta đã

? Em đã đọc, đã học những tác phẩm nào viết về đề tài chiến tranh, nêu ấn tượng nổi bật của em về một trong những tác phẩm ấy? **B2+3: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video, thực hiện nhiệm vụ và báo cáo **B3. Báo cáo thảo luận:** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - *GV nhận xét và dẫn vào bài:* Chiến tranh là một đề tài rộng lớn. Trước Bảo Ninh, đã có biết bao nhà văn Việt Nam như Trần Đăng, Nguyễn Đình Thi, Nguyên Ngọc, Hồ Phương, Nguyễn Văn Bổng, Võ Huy Tâm, Nguyễn Quang Sáng, Anh Đức, Nguyễn Thi, Nguyễn Trọng Oánh, Chu Lai, Nam Hà đã sáng tác tiểu thuyết về chiến tranh nhằm giáo dục truyền thống anh hùng. Nhưng là nhân chứng của chiến tranh, là người lính đi qua chiến tranh, nhà văn Bảo Ninh, sau khi chiến tranh kết thúc, đã nói lên một tiếng nói khác, có phần ngược lại: "*Nỗi buồn chiến tranh*", Bảo Ninh đã viết về chiến tranh bằng thể nghiệm đời sống đau đớn của những người trải qua chiến tranh - đó là 1 quan điểm giàu giá trị nhân văn, bởi vậy "*Nỗi buồn chiến tranh"* là tiểu thuyết đã vượt lên chiến tranh; ở đây chiến tranh chỉ là bối cảnh, còn nội dung tiểu thuyết là nỗi buồn đau triền miên mà chiến tranh để lại - đó là nỗi buồn của chết chóc hủy diệt, nỗi buồn của tuổi trẻ phôi pha, nỗi đau của tình yêu tan vỡ. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu tác phẩm để làm sáng tỏ điều đó.	hi sinh xương máu để lại... - "Chiến tranh" - hai tiếng ấy ai cũng cảm thấy khiếp sợ; vì nó đồng nghĩa với chết chóc, hủy diệt, với mất mát đau thương. "Chiến tranh" - hai tiếng ấy cũng gợi về những đấu tranh quyết liệt, những khát khao cháy bỏng của những ai có lòng yêu Tổ quốc sâu sắc, cũng là nơi tình người ấm áp đùm bọc lẫn nhau vượt qua khó khăn vươn tới chiến thắng huy hoàng. - Kể tên một số tác phẩm viết về chiến tranh: + *Đồng chí* - Chính Hữu + *Chiếc lược ngà* -Nguyễn Quang Sáng +*Mảnh trăng cuối rừng*- Nguyễn Minh Châu + *Nắng đồng bằng* - Chu Lai + *Mãi mãi tuổi hai mươi*- Nguyễn Văn Thạc, + *Tuổi thơ dữ dội* - Phùng Quán,... HS nêu ấn tượng của cá nhân về 1 tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Bảo Ninh, tác phẩm và đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh* (Trích - Bảo Ninh).

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm và thực hiện trò chơi tiếp sức.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV lưu ý HS cách đọc văn bản: đọc với nhịp điệu chậm rãi, giọng điệu thương cảm, thiết tha, chú ý những gợi dẫn trong mỗi thẻ đọc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS cùng nhau đọc thầm trước văn bản khoảng 5 phút.	**I. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Đọc văn bản** **2. Tìm hiểu chung** **a. Tác giả** - Bảo Ninh sinh năm 1952, tên khai sinh là Hoàng Ấu Phương, quê ở tỉnh Quảng Bình. Ông vào bộ đội năm 1969, giải ngũ năm 1975. - Tác phẩm chính của ông: Nỗi buồn chiến

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS nối tiếp nhau đọc to từng phần của văn bản theo đánh số. - HS khác đọc thầm, nhận xét cách bạn đọc. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét cách đọc, có thể đọc mẫu. **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung** - Giáo viên nêu yêu cầu: + HS thảo luận nhóm đôi khoảng 3 phút những vấn đề chính liên quan đến tác giả Bảo Ninh, tác phẩm và đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh.* + Sau thảo luận, đại diện các nhóm tham gia trả lời tiếp sức các câu hỏi, cụ thể: **Câu 1.** Nhà văn Bảo Ninh sinh năm bao nhiêu? **Câu 2.** Nhà văn Bảo Ninh quê ở đâu? **Câu 3.** Đề tài quen thuộc của ông là gì? **Câu 4.** Nhà văn Bảo Ninh quan niệm như thế nào về sứ mệnh của nhà văn? **Câu 5.** Xác định thể loại của tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh.* **Câu 6**. Tác phẩm hoàn thành năm nào? **Câu 7.** Nhân vật chính trong tác phẩm là ai? **Câu 8.** Để thể hiện đời sống nội tâm của nhân vật, tác giả đã dùng thủ pháp và bút pháp nào? **Câu 9.** Nêu xuất xứ đoạn trích được học. **Câu 10.** Xác định nội dung, bố cục đoạn trích. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm chuẩn bị **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS lần lượt tiếp sức cho nhau từ đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	tranh (tiểu thuyết, 1987), Truyện ngắn Bảo Ninh (2002), Lan man trong lúc kẹt xe (truyện ngắn, 2005), Chuyện xưa kết đi, được chưa? (truyện ngắn, 2009), Tạp bút Bảo Ninh (2015)... - Bảo Ninh là một trong những nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Ông nhà văn quân đội. -Phong cách nghệ thuật + Thường viết về người lính và cuộc sống của con người trong chiến tranh . + Mô tip truyện: mô tip gặp gỡ. Lấy bối cảnh truyên ngắn là thời chiến tranh hoặc Hà Nội. + Biệt tài miêu tả: miêu tả chi tiết, tỉ mỉ đến "đau nhói" những vét thương của chiên tranh. + Ngôn ngữ phong phú, chọn lọc kĩ càng và chính xác. **b. Tác phẩm và đoạn trích** - Thể loại của tác phẩm: tiểu thuyết. - Thời gian hoàn thành tác phẩm: 1987. - Nhân vật chính trong tác phẩm là: Kiên. - Để thể hiện đời sống nội tâm của nhân vật, tác giả đã dùng: + Thủ pháp đồng hiện + Bút pháp "dòng ý thức" - Xuất xứ đoạn trích: trích trong *Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1991, tr.89 - 92, 277 - 283). - Nội dung bố cục đoạn trích: + Phần 1 (từ đầu đến trí tưởng tượng): Trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên - dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt. + Phần 2 (phần còn lại): Những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với "núi bản thảo" bộn bề mà Kiên bỏ lại.

Nội dung 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu trích đoạn *Nỗi buồn chiến tranh* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; khả năng soi tỏ tường tận đời sống bên trong của nhân vật; sự luân chuyển điểm nhìn trong nghệ thuật trần thuật;… thể hiện qua văn bản *Nỗi buồn chiến tranh*.

- Nhận biết và phân tích được cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều về các sự kiện đời sống và về bản thân nghệ thuật tiểu thuyết.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm, tham gia chương trình phỏng vấn để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV chia lớp làm 8 nhóm, 2 nhóm thực hiện chung 1 nhiệm vụ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nội dung 1: Tìm hiểu đề tài và câu chuyện được kể **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV tổ chức cho HS xác định đề tài, sắp xếp các sự việc theo từng phần của văn bản. - GV gợi dẫn để HS nhận thấy sự khác biệt ở đoạn trích này. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm 1,8 GV chọn 1 HS trình bày, GV khuyến khích HS nhận xét **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	**II. Khám phá văn bản** **1. Đề tài và câu chuyện được kể** – Đề tài: Đời sống của con người thời hậu chiến. – Câu chuyện được kể: + Phần 1: Người kể chuyện ngôi thứ ba kể về trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên – dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt. + Phần 2: Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng "tôi") kể về những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với "núi bản thảo" bộn bề mà Kiên bỏ lại. Đó là ấn tượng, cảm xúc và suy tư về nhân vật Kiên, về quyền được nhớ lại, về niềm hạnh phúc đang chờ đợi những ai muốn đi ngược thời gian để sống trọn vẹn với những gì đã xảy ra trong quá khứ, về chiến tranh, về ý thức bảo vệ phẩm giá ở mỗi người trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt,… **2. Sự khác biệt:** + "Câu chuyện" trong đoạn trích được kể từ hai ngôi: ngôi thứ ba (phần một) và ngôi thứ nhất (phần hai). + Nhân vật trong đoạn trích gần như không có "hành động bên ngoài" mà chỉ có "hành động bên trong", tức là chỉ hiện lên trước người đọc với dòng tâm tư bất tận của mình. + Đoạn trích mờ nhạt (hay thiếu) yếu tố sự kiện: Trong đoạn trích, nổi bật là dòng tâm tư bất định của nhân vật Kiên cùng những suy tưởng miên man của người kể chuyện xưng "tôi". Đặc điểm này đã gây không ít bối rối cho những độc giả vốn quen đọc truyện, tiểu thuyết truyền thống có hệ thống sự kiện, biến cố, tình tiết, chi tiết kết nối với nhau chặt chẽ, được phân lớp tường minh
Nội dung 2: Tìm hiểu thế giới nội tâm nhân vật Kiên **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV gợi ý cụ thể cho HS thực hiện các câu hỏi nhỏ sau: 1. Nhân vật Kiên xuất hiện	**2. Thế giới nội tâm nhân vật Kiên** **a. Trạng thái tâm lí thường trực của Kiên:** - Kiên là một anh bộ đội bước ra từ cuộc chiến với chấn thương tâm hồn nặng nề trước những hi sinh, mất mát, đổ vỡ do chiến tranh. - Trạng thái tâm lí: buồn đau dai dẳng, luôn bị kí ức chiến tranh lôi ngược về quá khứ (*hồn phách xiêu lạc, ý thức mờ mịt, lú lẫn, mê mẩn, cô quạnh, âu sầu, bi quan*

trong đoạn trích với trạng thái tâm lí như thế nào? 2. Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh đã hiện lên với "khuôn mặt" như thế nào? Đây có phải là "khuôn mặt" duy nhất của chiến tranh hay không? Vì sao? 3. Vì sao Kiên sẽ được "phục sinh trong chuỗi dài tái hiện"? - GV yêu cầu HS mỗi nhóm làm việc theo cặp đôi. - GV khuyến khích HSghi ra giấy những từ ngữ phù hợp đã tìm được ở cả hai phần của đoạn trích. Qua những từ ngữ đó, có thể thấy trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên. GV nhắc HS chú ý chọn những tính từ phù hợp nhất để khái quát được "khuôn mặt" khác nhau của chiến tranh. Từ đó, lí giải vì sao Kiên sẽ được "*phục sinh trong chuỗi dài tái hiện*". **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm 2,7 GV chọn 1 HS trình bày, GV khuyến khích HS nhận xét **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	*bế tắc, vô vọng, tim như rách dần, cả hai buồng phổi nghẹt khói thuốc, miệng khô đắng, cổ tắc lại, nấc, anh cắm đầu viết,…*). **b. "Khuôn mặt" chiến tranh trong hồi ức của Kiên:** - Dữ tợn, chết chóc, phi nhân tính, gây ám ảnh nặng nề và nỗi buồn đau không dứt cho những ai từng trực tiếp trải qua. Để lại ấn tượng nặng nề nhất trong kí ức của Kiên là "trận tử chiến truông Gọi Hồn với những diễn biến nặng nề của nó và số phận bi thảm của tiểu đoàn anh". - Đây không phải là "khuôn mặt" duy nhất của chiến tranh. Từ góc nhìn khác, người ta có thể thấy vẻ hào hùng, lãng mạn của nó, bất chấp những thực tế khốc liệt như sự phản ánh của các tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật), *Bài ca xuân 71* (Tố Hữu), *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê), *Mảnh trăng cuối rừng* (Nguyễn Minh Châu), *Lá đỏ* (Nguyễn Đình Thi),… =>Như vậy, mỗi sự việc có thể được nhìn nhận đa chiều, tuỳ tâm thế, nhận thức, trải nghiệm riêng của mỗi người. Nỗi đau của nhân vật Kiên rất đáng trân trọng. Vì vậy, cái nhìn về chiến tranh tránh được sự hời hợt, công thức, mà trong trường hợp này, hời hợt, công thức đồng nghĩa với việc lảng tránh phần gai góc của hiện thực và nhìn đời sống một chiều. **c. Kiên được "phục sinh trong chuỗi dài tái hiện":** - Chi tiết: "Kiên tin rằng anh đã phục sinh, nhưng là một sự phục sinh lùi về sâu xa.", "Có vẻ như anh đã tìm ra cuộc đời mới của mình: đấy chính là cuộc đời đã qua, là tuổi trẻ đã mất đi trong nỗi đau buồn chiến tranh.", "Nhưng mặc dù thế, tôi tin rằng anh vô cùng hạnh phúc trên con đường hướng mãi về quá khứ.", "Tôi cảm thấy ghen tị với niềm cảm hứng, niềm lạc quan quay ngược về quá khứ của anh.",… - Ý nghĩa: Trở về quá khứ, Kiên thấy được là chính mình khi sống với toàn bộ kí ức; Kiên trở thành hiện tượng "dị biệt, khó cắt nghĩa" trong mắt của "bàn dân thiên hạ". Đó cũng là số phận của những người "đi tìm thời gian đã mất". Kiên tìm được hạnh phúc trong sự nhớ lại. Nhờ "tắm gội" trong kí ức, tâm hồn anh được phục sinh. Ý nghĩa của đời anh, của nỗi đau buồn mà anh gánh theo chính là chỗ đó. Sự mê mải lần về quá khứ của anh, như vậy, có thể gợi lên rất nhiều nhận thức sâu sắc và mới mẻ về đời sống cho người đọc. => Như vậy, cần hiểu rõ chức năng đích thực của nhân vật trong tác phẩm truyện nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Nhân vật "chính diện" không nhất thiết phải tồn tại như một tấm gương mẫu mực về lối sống để người

	đọc bắt chước, noi theo. Nhân vật là một ước lệ nghệ thuật, phải thể hiện được những vấn đề tác giả suy ngẫm và muốn chia sẻ. Vì vậy, việc đồng tình hay không đồng tình với Kiên hoàn toàn độc lập với việc đánh giá về giá trị của tác phẩm. Điều đó đã tạo ra những đối thoại nhiều chiều. Đây cũng là đặc trưng của văn học sau năm 1975.
Nội dung 3: Người kể chuyện và sự luân chuyển điểm nhìn **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** 1. Ngôi kể và điểm nhìn có sự dịch chuyển như thế nào ở hai phần của đoạn trích? 2. Người kể chuyện đã nêu những nhận xét gì về cuốn tiểu thuyết mà nhân vật Kiên đang viết dở? Những nhận xét đó gợi liên hệ tới đặc điểm nào của tiểu thuyết hiện đại? 3. Trong đoạn trích, phần kể lại việc Kiên bỏ đi và "tôi" đọc lại bản thảo của Kiên góp phần soi tỏ điều gì về bản chất nỗi đau buồn của nhân vật chính, về công việc viết tiểu thuyết? - GV nhắc HS tập trung chú ý đoạn cuối phần một và nửa đầu phần hai của văn bản, nêu được những câu mà người kể chuyện (theo hai ngôi khác nhau) nhận xét về cuốn tiểu thuyết dang dở mà nhân vật Kiên bỏ lại. GV có thể đọc to các đoạn có liên quan, vừa đọc, vừa hỏi và phân tích mở rộng (đối với một tác phẩm có lời văn rất đẹp như "*Nỗi buồn chiến tranh"*, việc làm này có hiệu quả tích cực). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm 3,6 GV	**3. Người kể chuyện và sự luân chuyển điểm nhìn** ***3.1. Sự chuyển dịch ngôi kể và điểm nhìn:*** – Sự lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn là dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Ở phần một, tác giả kể ở ngôi thứ ba theo điểm nhìn của nhân vật Kiên và ở phần hai là kể ở ngôi thứ nhất theo điểm nhìn của người kể chuyện xưng "tôi". – Trong phần một, kể ở ngôi thứ ba với điểm nhìn bên trong, điểm nhìn từ nhân vật Kiên, nhà văn có thể kể những gì xảy ra trong cuộc sống của Kiên, đồng thời cũng diễn tả một cách tự nhiên diễn biến tinh tế nhất trong nội tâm của nhân vật như sự đấu tranh, giằng xé, những ám ảnh, những trạng thái đau đớn của tâm hồn,… – Sự dịch chuyển ngôi kể và điểm nhìn tạo một cuộc đối thoại giữa hai người viết về tác phẩm của Kiên: "Tôi" và Bảo Ninh. "Tôi" nói về ấn tượng và suy nghĩ của mình trước "núi giấy" do nhân vật Kiên bỏ lại, qua đó, gián tiếp "tiết lộ bí mật" về kết cấu của chính cuốn tiểu thuyết đang trình hiện trước người đọc – *Nỗi buồn chiến tranh*. **3.2. Người kể chuyện nhận xét về cuốn tiểu thuyết đang viết dở của Kiên:** "bản thảo tiểu thuyết của Kiên dầy dần lên và dần đến đoạn kết, song đồng thời cũng như thể mỗi ngày một thêm **dang dở**. Những chương sau như là **điệp khúc** của các chương phía trước.", "Có vẻ như **chẳng một trình tự nào hết**. Trang nào cũng hầu như là trang đầu, trang nào cũng có vẻ như trang cuối.", "đây vẫn là một sáng tác dựa trên cảm hứng chủ đạo của sự rối bời", "**mạch chuyện không ngừng đứt gãy**. Tác phẩm từ đầu đến cuối **không hề có nổi một tuyến chung**, một bề mặt đại khái nào mà hoàn toàn là những khối thù hình", "**sự mất bố cục, sự thiếu mạch lạc, thiếu bao quát** nhiều khi chứng tỏ sự hụt hẫng của tư duy người viết, chứng tỏ cái vẻ "lực bất tòng tâm" của y", "tác phẩm bị dẹp bỏ của "nhà văn phường chúng tôi" hiện lên trong một **cấu trúc khác, trong sự hoà đồng với cuộc đời thực không hề hư cấu** của anh", "Dường như do sự tình cờ của câu chữ và của bố cục, tôi và tác giả đã ngẫu nhiên trở nên hoà đồng tư tưởng,

chọn 1 HS trình bày, GV khuyến khích HS nhận xét **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	trở nên rất gần nhau.”… – Liên hệ tới đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại: + Tiểu thuyết hiện đại thường có kết cấu đa tầng, đa tuyến; nhân vật có khi vắng bóng hoặc không có diện mạo, tính cách hoàn chỉnh; điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi rất bất ngờ, linh hoạt; ngôn ngữ thường đa thanh;… Chính những điều đó khiến cho tiểu thuyết hiện đại “khó đọc” với nhiều người vốn quen với lối tư duy đơn tuyến, thường thụ động nhận những bài học đã được tác giả “đóng gói” sẵn. + Với những cách tân, đột phá mạnh mẽ, tiểu thuyết hiện đại góp phần nhào nặn lại người đọc, buộc người đọc phải thay đổi nhiều thói quen tiếp nhận, ngoài việc chú ý câu chuyện được kể còn phải quan tâm tìm hiểu cách kể, cách viết đầy tính “khiêu khích” của tác giả, phải chủ động tạo sự kết nối giữa văn bản đang đọc với các văn bản khác. + Hình thành được cách đọc phù hợp đối với tiểu thuyết hiện đại là cả một quá trình lâu dài, đòi hỏi người đọc phải liên tục thích ứng, khám phá, đồng sáng tạo với tác giả, khắc phục cách nhìn đông cứng về những cái thường được xem là hình mẫu. Chính nhân vật người kể chuyện xưng “tôi” trong đoạn trích cũng phải trải qua rất nhiều khó khăn trước khi hiểu ra và tìm thấy sự đồng cảm lớn với Kiên – “*nhà văn của phường chúng tôi*” – cùng những trang bản thảo kì lạ do anh tạo nên trong trạng thái “*ý thức mờ mịt*”, “*được sáng tác dựa trên cảm hứng chủ đạo của sự rối bời*”. **3.3. Suy ngẫm của nhân vật “tôi” khi đọc lại bản thảo của Kiên** – Nỗi buồn của nhân vật chính: + Nỗi đau buồn mà Kiên lâm vào hay tự dìm mình vào có cội nguồn từ sự chiêm nghiệm sâu sắc bộ mặt phi nhân tính của chiến tranh: chiến tranh gây ra những chết chóc, gây nhiều tổn thương tinh thần không thể chữa lành. + Nỗi đau buồn của Kiên kéo anh mãi về quá khứ nhưng cũng làm cho anh được phục sinh về mặt tinh thần, giúp anh soi tỏ toàn bộ tháng ngày qua bằng một cái nhìn mới, đầy ý thức. – Công việc viết tiểu thuyết: + Đối với Kiên, viết tiểu thuyết chính là một hành động cụ thể để tái hiện trọn vẹn quãng đời đã qua vốn bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh và để thực hiện sự phục sinh tinh thần. + Đối với các nhà văn, viết tiểu thuyết là việc đi tìm một hình thức biểu đạt phù hợp có thể soi tỏ được bản

	chất của đời sống, cuốn người đọc vào những câu chuyện ngỡ xa lạ nhưng thực ra là của chính họ (Nhân vật "tôi" khi đọc bản thảo tiểu thuyết của Kiên đã dần dần vỡ lẽ: "Dường như do sự tình cờ của câu chữ và của bố cục, tôi và tác giả đã ngẫu nhiên trở nên hoà đồng tư tưởng, trở nên rất gần nhau. Thậm chí tôi ngờ rằng có quen anh trong chiến tranh.").
Nội dung 4. Thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** – GV hướng dẫn HS hoạt động cặp đôi. Mỗi cặp đôi chọn một đoạn văn bản, phân tích thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức, từ đó nhận thấy sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm 4,5 GV chọn 1 HS trình bày, GV khuyến khích HS nhận xét **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt vấn đề.	**4. Thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức.** * *Thủ pháp đồng hiện:* – Cơ sở: hồi ức của Kiên. – Biểu hiện: Tác giả cho xuất hiện cùng lúc các hình ảnh, sự việc vốn xảy ra ở những thời điểm và không gian khác nhau: "Kiên cũng không thể cắt nghĩa được vì sao mà vào cái đêm lạnh giá ấy, đứng trước cửa sổ nhìn màn mưa mỏng đang chầm chậm tràn ngang qua bầu không khí xanh xám run rẩy, uốn ngả theo chiều gió đông bắc, lòng đăm đắm nhớ tới Phương, anh lại chợt nhìn thấy mùa mưa Cánh Bắc, nhìn thấy Ngọc Bơ Rây, truông Gọi Hồn",... Từ đó, soi tỏ nội tâm của nhân vật Kiên. + "*Con người nội tâm trong anh cô quạnh, âu sầu không hề cảm thấy gió lạnh chiều tà*" Æ Sự cô đơn trong con người Kiên, một sự cô đơn đến âu sầu khiến anh không cảm nhận được những gì diễn ra xung quanh, kể cả những cơn gió lạnh. + "*Lặng lẽ đưa mắt nhìn vượt khỏi tầm mắt, vươn tới cõi xa xăm bên ngoài biên giới của tư duy, đạt đến cõi hoà đồng người sống và người chết*" Æ Sự mong mỏi đến cùng cực, sự khát khao muốn gặp gỡ những người đồng đội đã mất của mình. + "Và, trên vùng không gian tinh thần ấy Kiên thấy hiện lên rõ rệt một cách bí ẩn… một gương mặt mà đã từ lâu rồi anh quên lãng" Æ Từ sự khát khao mong mỏi, trong kí ức anh lúc này hiện ra một gương mặt mà từ lâu anh đã quên, có thể là một người bạn cũ, một người đồng đội cũ tại chiến trường và đó chính là hình ảnh đầu tiên xuất hiện. + Nối tiếp sau gương mặt ấy là một loạt các kí ức trong đoạn đời, kỉ niệm khác lần lượt kế tiếp nhau như: "Kí ức về một trưa mùa khô rực rỡ nắng, hoa nở đầy trong những khoảnh khắc rừng thưa…"; "Kí ức một ngày mưa lũ gian truân bên bờ Sa Thầy vào rừng hái măng đào củ"; "những bờ suối, bãi lau, buôn nhỏ hoang tàn"; "những gương mặt đàn bà mến thương xa lạ gợi niềm nhớ nhung âu yếm… niềm đau của mối tình…". Miêu tả kí ức nhân vật, nhà văn sử dụng những từ ngữ giàu sức gợi như "kí ức xa vời, trập trùng và lạnh lẽo", "khắc nghiệt và thẳm sâu"; biện pháp so sánh kí ức ấy như

	"rừng như núi trong lòng anh chiều ấy" làm cho tâm hồn không còn có thể dừng mắt ở điểm nào nữa trên cõi không cùng của quá khứ. Để miêu tả quá trình phục hiện kí ức của Kiên, trước hết nhà văn đã tập trung miêu tả sự cô đơn trong lòng nhân vật. Từ tâm trạng cô đơn dẫn tới khát khao muốn gặp gỡ đồng đội. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến một loạt các kí ức đồng hiện trong tâm tư nhân vật. * *Bút pháp dòng ý thức:* Trạng thái chuyển động không ngừng và biến hoá phức tạp của toàn bộ ý thức nhân vật. Kiên chìm đắm trong dòng hồi ức và nhân vật "tôi" triền miên trong những băn khoăn trước đống bản thảo dang dở mà Kiên bỏ lại. Cứ như vậy, mọi trạng thái tinh thần của nhân vật được bộc lộ. Qua đó, người đọc cảm nhận được hiện thực của chiến tranh, triết lí quan niệm của nhà văn về đời sống và cùng tham gia đối thoại, tranh biện, đồng sáng tạo với nhân vật và nhà văn.

Nội dung 3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin, những cảm xúc như thế nào? - Nêu ngắn gọn những dấu hiệu của tiểu thuyết hiện đại thể hiện qua đoạn trích? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** Đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh* thể hiện sự dằn vặt, giằng xé trong tâm hồn của nhân vật Kiên, sự đồng cảm và thấu hiểu của nhân vật tôi; đồng thời phản ánh sự kinh hoàng của chiến tranh cũng như những tác hại của nó gây ảnh hưởng mãi về sau với những người đã từng đi qua nó. **2. Nghệ thuật** - Nhân vật gần như không có "hành động bên ngoài" mà chỉ có "hành động bên trong", tức là chỉ hiện lên trước người đọc với dòng tâm tư bất tận, không có diện mạo, tính cách hoàn chỉnh. - Sử dụng thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức. - Đoạn trích mờ nhạt (hay thiếu) yếu tố sự kiện. - Tiểu thuyết hiện đại thường có kết cấu đa tầng, đa tuyến. - Điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi bất ngờ, linh hoạt. - Ngôn ngữ thường đa thanh và giọng giễu nhại

	được sử dụng thường xuyên.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tham gia Vòng quay may mắn: **Ai nhanh hơn?**
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- Cả lớp tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn?** bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi sau khi nghe giáo viên đọc dứt câu hỏi (HS nào giơ tay nhanh sẽ dành quyền trả lời).
- Mỗi câu trả lời đúng HS sẽ nhận được một phần quà (do GV chuẩn bị để khích lệ HS học tập tốt).
- Hệ thống câu hỏi trả lời nhanh:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*
A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba
C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định ngôi kể
Câu 2. Sự độc đáo trong kết cấu tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*
A. Tiểu thuyết trong tiểu thuyết B. Đầu cuối tương ứng
C. Vòng tròn D. Đồng tâm
Câu 3. Sự "dị biệt" của Kiên trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*
A. Một người mãi lang thang trên hành trình trở về quá khứ đẫm màu bi thương
B. Một người anh hùng trở về từ quá khứ
C. Một ngươi đàn ông của gia đình
D. Bức tượng đài của chiến tranh hiên ngang, sừng sững
Câu 4.
Cho các từ ngữ sau: không gian, dòng tâm tư, thời gian, nỗi buồn
Lựa chọn từ ngữ đã cho điền vào chỗ trống
Cấu trúc tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* không theo trật tự thông thường. Tác giả tạo sự đan chéo lẫn lộn các chiều…(1), …(2) nhưng vẫn nương theo …(3) đầy biến động của nhân vật. Qua đó, tác giả đã thể hiện nỗi ám ảnh của nhân vật trước chiến tranh. Tất cả các sự kiện trong tác phẩm đều được miêu tả dưới nhãn quan da diết của...(4)
Đáp án (1): thời gian, (2): không gian, (3): dòng tâm tư, (4): nỗi buồn
Câu 5. Phát biểu sau đây Đúng hay Sai?
Cái nhìn đa chiều, toàn diện về chiến tranh trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* được thể hiện ở cái nhìn khách quan của nhà văn đối với Kiên; ở sự soi xét có khoảng cách từ phía độc giả trước tâm trạng và hành xử của Kiên.
A. Sai B. Đúng
Câu 6. Dấu hiệu nào trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh* đúng với tiểu thuyết hiện đại?
A. Trần thuật theo dòng thời gian tuyến tính, đơn giản
B. Kết cấu truyện theo dòng thời gian
C. Nhân vật gần như không có "hành động bên ngoài"; sử dụng thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức; kết cấu đa tầng, đa tuyến; điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi bất ngờ, linh hoạt
D. Yếu tố hư cấu và phi hư cấu đan xen, hòa trộn
Bước 2,3: Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận
Học sinh cả lớp cùng tham gia trò chơi
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV đánh giá, nhận xét, trao quà cho HS có câu trả lời nhanh, đúng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Nỗi buồn chiến tranh* để đọc hiểu tiểu thuyết và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày *Thông điệp ý nghĩa mà đoạn trích mang đến cho độc giả*

GV nhắc học sinh: Đọc lướt lại đoạn trích và rút ra thông điệp.

GV khuyến khích HS: viết đúng cảm nhận, suy nghĩ có thực của mình

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút viết đoạn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS đoạn văn tham khảo, định hướng HS chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ	**3.0**
Nội dung	Trình bày cảm nhận về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	
	Trình bày cảm nhận khái quát về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	**2**
	Lí giải những cảm nhận cụ thể về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	**2**
	Những điều rút ra từ sự lựa chọn của Kiên.	**1.0**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	**1.0**
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**1.0**

Đoạn văn tham khảo

Đoạn trích "Nỗi buồn chiến tranh" của tác giả Bảo Ninh mang đến một thông điệp đầy ý nghĩa về tác động của chiến tranh lên tâm hồn và cuộc sống của con người; nó giúp người đọc hiểu được:

-Tác động sâu sắc của chiến tranh: Đoan trích thể hiên rõ rằng chiến tranh không chỉ gây ra những tổn thất về thể xác mà còn có tác động sâu sắc vào tâm hồn, tạo ra những đau thương không thể nào quên.

- Chiến tranh đưa đến nỗi buồn và sư mất mát: "Nỗi buồn chiến tranh" khắc họa rõ nét cảm giác mất mát, đau đớn mà Kiên và cả thế hệ của anh phải trải qua. Những người lính trở về sau chiến tranh phải đối mắt với một thế giới hoàn toàn khác, nơi quá khứ vẫn ám ảnh họ mỗi ngày. Tác phẩm nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến tranh đã làm thay đổi con người, biến họ trở thành những người luôn sống trong nỗi buồn và hoài niệm. Dù đau đớn nhưng trong ký ức của Kiên, vẫn tồn tại những tình cảm cao đẹp như tình yêu, tình bạn, và tình đồng đội giúp họ vượt qua khó khăn.

-Sức mạnh của việc ghi chép và viết: Đoạn trích cũng nhấn mạnh sức mạnh của việc ghi chép và viết trong việc thể hiện và giải quyết tâm trạng của nhân vật. Việc viết giúp Kiên thấu hiểu và xử lý những cảm xúc và ký ức đau buồn.
-Sự hy vọng và ý nghĩa trong cuộc sống: Cuối cùng, đoạn trích chứa thông điệp về sự hy vọng và ý nghĩa trong cuộc sống. Dù cuộc chiến tranh có thể gây ra nhiều khó khăn và đau khổ, nhưng việc tìm thấy cách để thể hiên cảm xúc, giữ lại những ký ức và lục tìm ra ý nghĩa trong cuộc sống sau chiến tranh là điều có thể giúp con người tiếp hướng về tương lai và hy vọng.
=>Tác phẩm thể hiện sự thất vọng về chiến tranh, những hậu quả mà chiến tranh gây ra và thể hiện khao khát hòa bình, khơi sâu ý thức về tầm quan trọng của hòa bình và hậu chiến tranh, góp phần làm thay đổi cách nhìn của thế giới về những cuộc chiến tranh phi nghĩa.

4. Củng cố: GV hướng dẫn HS cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại**:** Đọc và xác định đề tài; Nêu câu chuyện và hệ thống sự việc chính; Nhận biết nhân vật; Xác định được ngôi kể, điểm nhìn ngôn ngữ; Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản; Nhận xét về phong cách của nhà văn.
5. HĐVN: Tìm đọc thêm các văn bản tiểu thuyết hiện đại có cùng đề tài, chủ đề.

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 6:

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA, NGHỊCH NGỮ: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- Nhận biết được biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực đặc thù
- Năng lực nhận biết và phân tích biện pháp tu từ nghịch ngữ, nói mỉa.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2.2. Năng lực chung
- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:
- Giáo dục học sinh có ý thức sử dụng tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:
- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi mở: Em hãy nhận xét về các thành ngữ, tục ngữ sau: *Chó ngáp phải ruồi, Mèo mù vớ cá rán, Trơn lông đỏ da,…* - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời 2 - 3 HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng. - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.	Chiếu PP hình ảnh liên quan

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Nhận biết

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ..

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: HS nắm rõ kiến thức bài học.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi: *+ Nhắc lại khái niệm nói mỉa, nghịch ngữ.* *+ Nêu dấu hiệu nhận biết biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả	**1. Khái niệm** - Nói mỉa (Tri thức NV). - Nghịch ngữ (Tri thức NV). **2. Dấu hiệu nhận biết biện pháp tu từ nói mỉa** - Những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng. Hoặc, các từ biểu thị sự đánh giá tích cực, nhưng nghĩa của cả từ, cụm từ lại thể hiện một thái độ trái ngược, hàm ý phê phán, chê bai. - Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới. - Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá.

lớp lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Nhận xét, đánh giá** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	- Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn. - Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn. **3. Dấu hiệu nhận biết biện pháp tu từ nghịch ngữ** - Có sự kết hợp dường như phi lí giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ. - Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng được đề cập trước đó.

II. Thực hành tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS xác định được biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và tác dụng của nó.

b. Nội dung:

HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thiện bài tập 1,2,3 trong SGK.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS theo hình thức nhóm đôi (think – pair – share) và làm các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt (SGK, tr.45) **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt, trao đổi với bạn cùng nhóm đôi. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận để cùng giải quyết một vấn đề (bài tập) mà GV yêu cầu/ đặt ra - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập.	**1. Bài tập 1** a, Biện pháp tu từ nói mỉa: *"ở cái nước có hàng triệu con voi"*. - Phần trước có vẻ được tường thuật nghiêm túc, khách quan, nhưng với cụm từ này, độc giả cảm nhận được rõ sự chế giễu ngầm ẩn, do trọng tâm thông tin đã chuyển từ sự ghi chú thoáng qua (đáng lẽ thế) về một quốc gia, xứ sở thành sự đo đếm một đối tượng khác không mấy liên quan đến nhân vật chính (Triệu Voi như một danh xưng quốc gia bị biến thành cụm từ thể hiện nội dung "tính đếm" nôm na). - Triệu Voi (hay Vạn Tượng) vốn là một biệt danh của nước Lào từng được người Việt quen sử dụng; ở đây, Vũ Trọng Phụng đã mượn nó, đúng hơn là mượn nội dung bao hàm của nó để nói về nước Xiêm. Sự *"thiếu chính xác"* ở đây có thể đã được ý thức, thuộc về sự lựa chọn nhằm thể hiện ý đồ nghệ thuật riêng của tác giả. b, Biện pháp tu từ nói mỉa: *"ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu"* => cách miêu tả trịnh trọng một hành động bình thường, tầm thường; cách so sánh mang tính chất hạ thấp hay hạ bệ đối tượng. **2. Bài tập 2** a, Biện pháp nghịch ngữ: *"giơ quả đấm chào loài người"*. Cụm từ: *"quả đấm"* gợi ý niệm về bạo lực và sự đối kháng, trong khi hành động *"chào"* lại biểu thị sự thân thiện, hoà đồng. b, Nghịch ngữ ở đây là *"cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau"*. *"Cơm rượu"* và *"bò lợn"* với *"quan phủ, quan tỉnh"* là những đối tượng khác biệt nhau về loại và *"đẳng cấp"*, vậy mà bị đánh đồng trong chuỗi liệt kê, từ *"hiệp sức"* mang

	hàm ý mỉa mai, khinh miệt. **3. Bài tập 3** a, Biện pháp nghịch ngữ: *"ầm ầm mà quạnh hiu"*. Ở đây, có sự đối chọi về nghĩa của hai từ chính trong cụm từ. *"Ầm ầm"* là từ tượng thanh, thường dùng để miêu tả tình trạng âm thanh lớn, mạnh. *"Quạnh hiu"* diễn tả tình trạng vắng vẻ, thường là tĩnh lặng của một không gian cụ thể. Ghép *"ầm ầm"* bên *"quạnh hiu"* để diễn tả một trạng thái chung của đối tượng là việc làm khác thường. b, Biện pháp nghịch ngữ: *"nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình"*. Ở đây, *"cấp tiến"* và *"bảo thủ"* lật tẩy bản chất của đối tượng, buộc độc giả phải tập trung chú ý vào một thông tin lẽ ra là thông tin phụ của câu văn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tư từ nói mỉa, nghịch ngữ .

b. Nội dung: Chọn một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và phân tích , chỉ ra tác dụng.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Giao nhiệm vụ HT: GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung.* **B2. Thực hiện nhiệm vụ HT:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo, thảo luận:** GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận. **B4. Kết luận, nhận định:** GV dựa vào Bảng kiểm về đoạn văn để định hướng điều chỉnh cách sửa bài tập cho HS trong tiết *Ôn tập*.	- Nói mỉa: *+ Người ta đồn rằng có rất nhiều người hâm mộ vì đến chậm, không mua được vé, bèn hóa ra phẫn uất và chết một cách rất thể thao, nghĩa là tự tử dần bằng thuốc phiền không có giảm thanh, hút vào phổi.* + Còn duyên, kén cá chọn canh Hết duyên, ếch đực cua kềnh cũng vơ. Con duyên kén những trai tơ Hết duyên ông lão cũng vơ làm chồng. + Sống thì cơm chẳng cho ăn Chết thì xôi thịt, làm văn tế ruồi. - Nghịch ngữ: *+ Nghĩa là bản chức yêu cầu ngài bảo tài tử của ngài phải nhuồng, phải thua nhà vô địch Xiêm ngay đi!* *+ Hỡi quần chúng! Mi không hiểu gì, mi oán ta! Ta vẫn yêu quý mi mặc lòng mi chẳng rõ lòng ta!*

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về cách giải thích nghĩa của từ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và lí giải ý tưởng sử dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và lí giải ý tưởng sử dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc theo cá nhân, Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và lí giải ý tưởng sử dụng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc xem lại phần Tri thức Ngữ văn và Thực hành tiếng Việt đã thực hiện để viết đoạn văn. **B3. Báo cáo thảo luận** HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Trên cơ sở đó, HS tiếp tục hoàn thiện sản phẩm ở nhà. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận, nhận định, khái quát về kiến thức tiếng Việt HS cần nắm.	**Bài làm của HS**

4. Củng cố: Nội dung kiến thức bài học; các dạng bài tập liên quan

5. HDVN: GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện bài tập trong SGK

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 7,8:

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Học sinh chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Học sinh biết cách triển khai bài viết đúng hướng đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan(theo những mức độ khác nhau).

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực đọc, năng lực viết.
- Năng lực thẩm mĩ trong tiếp nhận và phát hiện những giá trị của tác phẩm văn học

2.2. Năng lực chung

- Năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề trong việc chủ động tạo lập văn bản so sánh hai tác phẩm truyện.

4. Về phẩm chất:

- Yêu nước: giáo dục học sinh có ý thức sử dụng tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Trách nhiệm và chăm chỉ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Hiểu bản chất của một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: HS hiểu về mục đích so sánh, đánh giá và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm

- HS làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá.
- Tìm ra được 2 tác phẩm truyện có những điểm tương đồng khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*. **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3.** HS báo cáo sản phẩm. GV tạo không khí thật thoải mái để HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình. GV cho 1 – 2 HS trình bày, các HS còn lại bổ sung. **Bước 4.** GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt vào bài.	Chiếu PP hình ảnh liên quan

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

a. Mục tiêu: Xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Tìm hiểu được cách viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu yêu cầu viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Có thể gợi ý một số câu hỏi sau: Em hiểu thế nào về mục đích so sánh, đánh giá và cơ sở của việc so sánh, đánh giá? Trong các bài viết cụ	**I. Tìm hiểu yêu cầu viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện** 1. Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. 2. Trình bày được các thông

thể, có nhất thiết mục đích so sánh, đánh giá luôn phải được trình bày trước cơ sở so sánh, đánh giá hay không? Vì sao? Em giải thích ra sao về nghĩa của cụm từ "một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể"? Hãy kể tên một số phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm truyện. Vì sao trong bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, người viết không thể bỏ qua việc trình bày các thông tin khái quát về hai tác phẩm? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** GV cho HS báo cáo nội dung đã thực hiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét và kết luận	tin khái quát về hai tác phẩm truyện. 3. Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định. 3. Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh. 4. Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Phân tích được bài viết tham khảo trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Phân tích bài viết tham khảo về bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào phiếu học tập/ vở

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo. GV cho một HS trình bày, các HS khác góp ý, bổ sung. GV nhận xét và kết luận như mục Sản phẩm. - GV cho HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý những thông tin về tác giả, tác phẩm nghệ thuật. GV có thể cho 1 – 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, kết luận như mục Sản phẩm. - GV chú ý cách người viết đưa ra những thông tin trong bài viết tham khảo và triển khai phân tích, bình luận về những điểm đặc sắc của hai tác phẩm. GV cho HS trình bày quan điểm. GV kết luận như mục Sản phẩm. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** GV cho HS báo cáo nội dung đã thực hiện	**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** 1. Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm Mảnh trăng cuối rừng và Những đứa con trong gia đình: viết về cùng đề tài, tiêu biểu cho những phong cách tiếp cận hiện thực chiến tranh của văn học trong một giai đoạn cụ thể. 2. Mục đích so sánh hai tác phẩm: Sự thống nhất trong cảm hứng sáng tác của các nhà văn cách mạng khi viết về cùng một đề tài, cách họ thể hiện phong cách cá nhân độc đáo – một điều không dễ làm trong bối cảnh cách mạng, mọi sáng tác văn học phải mang tính định hướng cao và cần được chuốt nhọn thành "vũ khí". 3. Các phương diện cơ bản được đưa ra so sánh: - Điểm tương đồng: hoàn cảnh sáng tác, soi tỏ những điều bí ẩn kì diệu đã làm nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt. - Những thông tin về từng tác phẩm: xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,… - Phân tích những điểm tương đồng, điểm

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét và kết luận.	riêng biệt. 4. Đánh giá về đặc điểm, giá trị của hai tác phẩm: Mảnh trăng cuối rừng và Những đứa con trong gia đình là những sáng tác mang dấu ấn thời đại rõ nét.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: HS biết phân tích đề, lập dàn ý và viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đảm bảo yêu cầu.

b. Nội dung: Đề bài gợi ý viết theo định hướng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh về nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*** Chuẩn bị viết** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV cho HS xác định rõ khi chuẩn bị viết phải làm gì? Lựa chọn các dề bài nào để làm bài viết? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS lựa chọn nội dung phù hợp để viết bài **Bước 3. Báo cáo thảo luận** HS nộp bài viết hoàn thiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV thu bài của HS đã hoàn thiện *** Tìm ý, lập dàn ý** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm ý và lập dàn ý về 2 tác phẩm truyện. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** HS nộp dàn ý hoàn thiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV thu kết quả của HS	**<u>Bước 1. Chuẩn bị viết</u>** - Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: - Xác lập cơ sở so sánh: - Bài viết có thể ưu tiên nhấn mạnh sự tương đồng hoặc chỉ tập trung nói về sự khác biệt giữa hai tác phẩm. **Gợi ý đề bài:** *1. Hoàng tử bé* của Ăng - toan đơ Xanh - tơ - Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint - Exupéry) và *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của Nguyễn Ngọc Thuần *2. Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng và *Thời thơ ấu* của Mác-xim Go-rơ-ki (Maksim Gorky) *3. Chí Phèo* và *Lão Hạc* của Nam Cao *4. Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài **<u>Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý</u>** ***Tìm ý*** Đọc kĩ hai tác phẩm và tìm đọc những bài viết về hai tác phẩm Có thể tự đặt ra các câu hỏi như sau để tìm ý: – Vì sao khi đọc truyện này độc giả thường liên hệ đến truyện kia? – Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào? – Điều gì dẫn đến sự "gặp gỡ" đó giữa hai tác phẩm truyện? (Vừa đi sâu cắt nghĩa nguyên nhân của sự tương đồng, vừa tạo được sự gắn kết giữa các đoạn viết về từng tác phẩm.) – Dù có những điểm tương đồng, sự khác biệt giữa hai truyện vẫn thể hiện rõ. Sự khác biệt đó là gì? – Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết bài văn dựa trên dàn ý đã lập. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo thảo luận** HS nộp bài viết đã hoàn thiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV thu bài viết của HS đã hoàn thiện sau khi hết giờ làm bài	hai tác phẩm truyện với nhau.) *Lập dàn ý* – Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này. – Thân bài: Cần triển khai các ý: + Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... + Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện (ví dụ: hai tác phẩm cùng đề cập một loại hiện tượng đời sống hay một loại hình nhân vật; hai tác giả có cùng quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực; có hiện tượng tác giả này chịu ảnh hưởng tác giả kia về đề tài, cảm hứng, bút pháp, phong cách sáng tác;...). **Bước 3. Viết** – Để làm sáng tỏ các luận điểm, cần chú ý khai thác bằng chứng từ những phương diện khác nhau của hai tác phẩm truyện, bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... – Khi trích dẫn văn bản truyện hay một bài phê bình, đánh giá nào đó về truyện, cần đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan. – Tránh biến bài viết thành một văn bản mang tính chất lắp ghép máy móc, gồm hai "bài" nhỏ phân tích từng tác phẩm riêng biệt. – Thường xuyên chú ý mạch lạc, liên kết của bài viết và thực hiện việc ngắt đoạn phù hợp để người đọc dễ theo dõi hệ thống luận điểm. **Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện** – Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung. – Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài viết, GV chữa và trả bài.

b. Nội dung: Hoàn thiện bài viết trên cơ sở góp ý của cả lớp

c. Sản phẩm: Bài viết hoàn thiện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
**** Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ*** - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần	**1. Ưu điểm:**

đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV chữa bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và bổ sung (nếu có). **** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ*** - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. **** Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận*** - GV gọi h/s trình bày sản phẩm của mình (GV sẽ chọn 1-2 bài viết tốt; 1-2 trung bình; 1 bài kém cho h/s đọc). - Trong khi h/s trình bày sản phẩm, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. - GV có thể cho h/s xem, đánh giá chéo bài của bạn trên cơ sở bảng đánh giá. **** Bước 4: Đánh giá kết quả*** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	**2. Nhược điểm:** **3. Kết quả:** (GV có thể sử dụng bảng thống kê kết quả theo: Tốt - Khá - Đạt - Không đạt)

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ

STT		Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1		Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.		
2		Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện.		
3		Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định.		
4		Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh.		
5		Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.		

4. Củng cố: Nội dung kiến thức bài học
5. HDVN: GV yêu cầu HS về nhà xem lại và rút kinh nghiệm cho bài viết sau.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 9:

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nêu được tên truyện, tác giả và khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Học sinh trình bày về các nhận định, đánh giá về các tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp với các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình.

2. Về năng lực

– Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

– Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

– Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;…

3. Về phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Huy động kiến thức đã có của HS về kĩ năng thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

b. Nội dung: Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện cần chú ý điều gì?

c. Sản phẩm: Để có bài nói tốt, chúng ta cần:

– Xác định nội dung trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc.

– Chú ý giọng điệu khi kể, ngôn ngữ hình thể (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ) phù hợp với nội dung bài nói.

– Có thể kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi: Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện cần chú ý điều gì? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời; GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi về những lưu ý để có bài nói tốt, hấp dẫn. GV yêu cầu 1 – 2 HS trình	Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý: – Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này. – Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. – Trình bày một số kết quả so sánh,

bày, các HS khác góp ý, bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV kết luận và dẫn dắt vào bài.	đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). – Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Xác định được các bước thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

b. Nội dung: HS thuyết trình được về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh trên Video hoặc PP.

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS.
Câu hỏi:
1. Người nói và người nghe cần lưu ý gì sau khi thuyết trình?
2. Xây dựng quy trình bài thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời; GV quan sát, điều hành lớp.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận: – GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi để lưu ý những điều cần thiết khi thuyết trình. GV yêu cầu 1 – 2 HS trình bày. GV nhận xét, kết luận như mục Sản phẩm.
– Tuỳ tình hình lớp học, GV chia nhóm 4 – 6 HS. GV yêu cầu các nhóm trao đổi để lập dàn ý. GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. GV nhận xét, kết luận như mục Sản phẩm. GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, mỗi nhóm từ 4 – 6 HS. GV lưu ý các nhóm lập dàn ý, góp ý nội dung nói, cách nói của bạn: Nói đã diễn cảm chưa? Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ, âm lượng, nhịp điệu giọng nói,... có phù hợp không?
– GV yêu cầu HS nhớ lại phần thực hành trong nhóm và các trao đổi sau khi nói để trả lời câu hỏi. GV có thể cho một HS trình bày, các HS khác bổ sung, góp ý. GV kết luận như mục Sản phẩm. GV nhấn mạnh trong hoạt động nói – nghe, phần trao đổi sau khi nói rất quan trọng giúp người nói hoàn thiện bài nói của mình, có những tương tác tích cực với người nghe, giúp người nghe có những phản hồi tương tác với người nói.
</td><td>
1. Sau khi trình bày xong bài nói, cần phải có sự trao đổi, đánh giá giữa người nói và người nghe:
<table>
<tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr>
<tr><td>– Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm.
– Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.
– Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành</td><td>– Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu.
– Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm.
– Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.
– Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.
– Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói.</td></tr>
</table>
2. Xây dựng quy trình trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, gồm ba bước:
Bước 1. Chuẩn bị thuyết trình
Bước 2. Thuyết trình
Bước 3. Trao đổi, đánh giá
</td></tr>
</table>

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV yêu cầu các nhóm xây dựng quy trình bài thuyết trình. Các nhóm trình bày. GV nhận xét và kết luận như mục Sản phẩm. GV nhấn mạnh quy trình một bài nói gồm ba bước (Chuẩn bị thuyết trình; Thuyết trình; Trao đổi, đánh giá).	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung

Câu 1. Trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết.

Câu 2. Nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

Câu 1. Trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết.

Câu 2. Nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:

PHIẾU NHẬN XÉT		
STT	***Tiêu chí***	***Nhận xét***
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trình bày bài nói dựa trên dàn ý đã lập. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**. Các nhóm góp ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. **Câu 1.** GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt. HS trình bày theo thời gian quy định. GV lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. GV cho một số HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 7 - 10 phút. **Câu 2.** Sau khi HS hoàn thành phần trình bày bài nói, GV hướng dẫn HS trao đổi về bài nói theo các yêu cầu, tiêu chí đã xác định. GV thống nhất các tiêu chí đánh giá bài nói để các nhóm nhận xét. GV kết luận: Khi thuyết trình, các em chú ý nội dung và cách nói phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng các tiêu chí đưa ra. Đặc biệt, khi giới thiệu các em cần quan tâm đến phản ứng của người nghe để kịp thời điều chỉnh. Để đánh giá được chính xác bài nói, người nghe cũng cần chú ý lắng nghe, bám sát vào các tiêu chí để trao đổi, thảo luận. Trên cơ sở đó, HS rút kinh nghiệm	HS thuyết trình

cho mình **Bước 4. Kết luận, nhận định:** Sử dụng phiếu đánh giá	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Hãy so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện em đã đọc hoặc đã học.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có thể quay video clip hoặc ghi âm, tuỳ điều kiện thực tế.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm qua phần mềm học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Tuy nhiên, HS có thể tự rà soát các yêu cầu theo các tiêu chí:

STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện. GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.

4. Củng cố: Cách thuyết trình hấp dẫn

5. HDVN: HS về nhà hoàn thiện bài thuyết trình. Đọc trước bài 2

Tiết 10:

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

THỰC HÀNH ĐỌC: TRÊN XUỒNG CỨU NẠN

(Trích cuộc đời của Pi) – Y- an Ma – ten -

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS hiểu được những trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ;
- Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu.
- Nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.

2. Về năng lực:

Nhận biết và phân tích được những biến động trong cuộc sống của mỗi con người khi đối mặt với khó khăn, nguy hiểm.

3. Về phẩm chất:

Hiểu và đồng cảm với những con người lâm vào nghịch cảnh éo le trong cuộc sống; Biết xây dựng và thiết lập một cuộc sống tốt đẹp cho chính bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động:

Tạo tâm thế, sự hứng thú của HS khi bắt đầu thực hành đọc văn bản

b. Nội dung: HS xem Video do GV chuẩn bị về Những cuộc Phiêu lưu của Tom Sawyer của nhà văn Mark Twain

c. Sản phẩm: HS xem Vi deo

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS xem Video qua đường Link: https://www.studyphim.vn/movies/tom-sawyer-2011. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem Video **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1-2 HS trình bày cảm nhận của mình sau khi xem xong Video **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và dẫn dắt vào bài	Cảm nhận của học sinh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu hoạt động:

- Nắm bắt được những kiến thức chung về tác giả Y- an Ma - ten, đoạn trích "Trên xuồng cứu nạn".
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hành đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và trả lời câu hỏi của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao cho HS tự đọc SGK, tìm hiểu về tác giả và phần tóm tắt tác phẩm (SGK tr 37). Trình bày sự hiểu biết về tác giả Y- an Ma - ten và cuốn tiểu thuyết "Cuộc đời của Pi" **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK, tìm hiểu	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** - Y- an Ma - ten sinh năm 1963 tại Tây Ban Nha, là công dân Ca - na - đa, là tác giả của một số cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn nổi tiếng. - Cuốn tiểu thuyết "Cuộc đời của Pi" là cuốn sách thứ ba của nhà văn được tặng giải thưởng Man Booker năm 2022. **2. Tác phẩm** - Xuất xứ: được xuất bản năm 2001 bởi nhà xuất bản Knopf Canada. Năm 2002, cuốn sách giúp tác giả giành được giải Man Booker. Năm 2003, văn bản tiếng

tác giả và cuốn tiểu thuyết; **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày nội dung đã tìm hiểu được về tác giả và tác phẩm **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận	Anh, *Life of Pi*, được chọn cho giải *Canada Reads* và văn bản tiếng Pháp. - Nội dung: Tác phẩm kể về cậu bé Piscine Molitor Patel, sau đó, cậu tự gọi mình là Pi. Pi là con trai của một chủ vườn thú tại vùng Pondicherry của Ấn Độ. Cậu say mê tôn giáo và cùng một lúc theo cả đạo Hindu, đạo Hồi và đạo Thiên Chúa. Để tránh những biến cố chính trị, gia đình cậu chuyển toàn bộ vườn thú tới Canada trên một con tàu của Nhật Bản có tên là Tsimtsum. Con tàu đã gặp một cơn bão lớn và chìm, còn Pi lạc mất gia đình mình, cậu sống sót trên chiếc thuyền cứu hộ cùng một con hổ Bengal có tên Richard Parker, một con linh cẩu, một con đười ươi và một con ngựa vằn. Cuối cùng, chỉ còn lại con hổ và cậu lênh đênh trên biển. Sử dụng những hiểu biết về nuôi dưỡng thú hoang, Pi đã duy trì sự sống của cả cậu và Richard Parker cho tới khi cả hai dạt lên một bờ biển. Câu chuyện bắt đầu khi tác giả gặp Pi, lúc này đã ở tuổi trung niên có vợ và hai con, tại Winnipeg - Canada và bắt đầu ghi chép lại chuyện đời của anh.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Những trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển; tính triết lí, thể hiện quan điểm qua con mắt của nạn nhân đắm tàu

b. Nội dung: Tìm và nhận xét về: trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển; Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt của một nạn nhân vụ đắm tàu.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày qua thảo luận/ ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao cho HS thực hiện yêu cầu sau: 1. Đọc kĩ văn bản, tìm chi tiết chỉ trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển. 2. Đọc kĩ văn bản, tìm những câu văn mang tính triết lí, thể hiện quan điểm qua con mắt của nạn nhân đắm tàu. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm bàn; đưa ra câu trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**	**II. Khám phá văn bản** **1. Trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ.** *** Chi tiết:** - Thấy nhiều kiểu trời: + Trời có đám mây trắng + Trời tịnh không một gợn mây + Trời mỏng dính và u ám + Trời là trận mưa đen ngòm + Trời là trận nước đổ xuống, là trận đại hồng thủy… - Thấy nhiều loại biển: + Biển gầm thét như một con hổ + Biển thì thầm vào tai ta như người bạn rủ rỉ tâm tình + Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần + Biển sấm sét như những trận đất lở + Biển rít lên như giấy nháp cọ trên mặt gỗ + Biển kêu như người nôn mửa + Biển lặng ngắt như chết - Cảm nhận thấy giữa trời và biển là gió

HS trình bày nội dung đã tìm hiểu được **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận.	- Thấy được đêm và trăng *** Nhận xét:** Người gặp nạn cảm nhận sự bí ẩn của vũ trụ. Họ đối diện với cảm giác lớn lao của vũ trụ, sự im lặng của đêm, và sự hoang dã của biển cả. Trong những giây phút đơn độc, họ nhận ra sự nhỏ bé trước vẻ đẹp tự nhiên, và cảm nhận sự kỳ diệu của cuộc sống giữa bao điều bí ẩn. **2. Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt của một nạn nhân vụ đắm tàu.** * Những câu văn mang tính triết lí, thể hiện quan điểm qua con mắt của nạn nhân đắm tàu - Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của một vòng tròn. Cho dù mọi vật có vẻ như biến động vô cùng… Cái hình học kia không bao giờ thay đổi. → Khi đắm tàu, khi nạn nhân đang tiến gần hơn với cửa tử thì góc nhìn cũng như suy nghĩ sẽ chỉ dừng lại ở một khía cạnh nhất định, dù mọi vật có biến động ra sao, có đang thay đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực thì con người sẽ chỉ nhìn thấy rằng, mình đang bước vào cửa tử. - Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi lớn lao. Mà thực tế là, cái vòng tròn còn nhân bản lên nữa → Đây có thể là một cách miêu tả cho sự ngây thơ, sự tin tưởng mù quáng mà chúng ta thường có đối với thế giới xung quanh, Đôi khi, những niềm tin và hy vọng của chúng ta có thể bị lạc quan, ngây thơ, và chúng ta không nhận ra rằng thế giới có thể đầy rẫy những mặt trái và nguy hiểm. - Một kẻ đắm tàu là kẻ bị mắc cạn trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn còn nhân bản lên nữa. → Khi đối mặt với cái chết, con người có thể hi vọng nhưng họ sẽ bị kéo về thực tại vì họ hiểu họ đã bị mắc kẹt và không thể nào thoát ra, họ dần chấp nhận với sự thực này. - Là một kẻ đắm tàu là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi. → Khi đối mặt với cái chết, con người sẽ bị mắc kẹt giữa sự lạnh lùng và cảm giác lúc ấy chỉ là sự mệt mỏi. - Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia. → Cuộc sống luôn luôn vận động và ta sẽ không biết chuyện gì có thể xảy ra. - Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thực sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang lao vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân. → Khi bạn gặp nguy hiểm và đứng giữa một cơ hội mong

	manh để sống, bạn sẽ chẳng còn cơ hội nào khác và chỉ biết nỗ lực để tìm ra con đường sống.

Nội dung 3. Tổng kết

a. Mục tiêu:

Tìm hiểu nội dung và nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả tiểu thuyết nhằm khái quát chân lí muôn đời từ những trải nghiệm riêng của nhân vật.

b. Nội dung:

- Tìm và nhận xét về: Nội dung, nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày qua thảo luận/ ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao cho HS thực hiện yêu cầu sau: Nội dung của văn bản trên là gì? HS tìm những chân lí mà nhân vật thể hiện trong văn bản và xét xem các cách kể này có gì đặc sắc? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân; đưa ra câu trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày nội dung đã tìm hiểu được **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận.	**1. Nội dung** Văn bản kể về hành trình của Pi trên chiếc xuồng cứu nạn và những trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ. Những nghịch lí cuộc sống được nhìn qua con mắt một nạn nhân vụ đắm tàu. **2. Nghệ thuật** - Xây dựng điểm nhìn: Cái nhìn độc đáo của tác giả thông qua nhân vật. Cách nhìn của nhân vật về thế giới, về cuộc sống và về những giá trị cơ bản được trình bày một cách sâu sắc và tinh tế thông qua cái nhìn của nhân vật về sự vật xung quanh - Tác giả có những khám phá độc đáo và khái quát các chân lí, giá trị, và bài học muôn đời trong cuộc sống. - Dùng những từ ngữ mang tính triết lí, giàu hình ảnh tượng trưng, so sánh để khái quát được những chân lí muôn đời.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành các nội dung giáo viên yêu cầu

c. Sản phẩm: Kết quả bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV giao cho HS tìm những câu chuyện về con người gặp khó khăn trong cuộc sống, có thể khi rơi vào bước đường cùng con người cũng có thể vượt qua **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân; đưa ra câu trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày nội dung đã tìm hiểu được **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận.	Bài trình bày của HS

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Tạo mối liên hệ giữa văn bản với đời sống
b. Nội dung: HS suy nghĩ, làm bài tập
c. Sản phẩm: Bài làm của HS
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày những bước tiến và mục tiêu trong thời gian tới của bản thân.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo bài làm cá nhân
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá; kết luận.

4. Củng cố: Cách đọc một văn bản một cách hấp dẫn
5. HDVN: HS về nhà hoàn thiện bài giao ở phần luyện tập.
****

Tuần: 4- 7 ***Ngày soạn: 20/9/2023***
Tiết PPCT: 11-21 ***Lớp: 12a2,3***

BÀI 2:
NHỮNG THẾ GIỚI THƠ

A. MỤC TIÊU CHUNG
1. Về kiến thức:
- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...
2. Về năng lực:
- Vận dụng được kinh nghiệm, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc cá nhân về văn bản văn học
- Vận dụng được kiến thức về một số phép tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
3. Về phẩm chất: Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.
B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 11,12,13 ĐỌC VB 1 **CẢM HOÀI**
(Nỗi lòng- Đặng Dung)

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức: Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ ***Cảm hoài của Đặng Dung.***
2. Về năng lực:
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản ***Cảm hoài*** để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

3. Về phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi/máy chiếu, …

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và tâm thế hứng khởi cho học sinh; huy động kiến thức nền để tiếp nhận tác phẩm *Cảm hoài* của Đặng Dung.

b. Nội dung: Chia sẻ những hiểu biết của em về phong cách cổ điển.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt vấn đề: Trong lịch sử và trong cuộc sống đời thường, có những thất bại khiến cho người đời không chỉ cảm thấy buồn thương, tiếc nuối mà còn nể phục, kính trọng. Hãy kể về một thất bại như thế và cho biết điều gì gây ấn tượng cho bạn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ theo từng cá nhân về vấn đề GV đặt ra. **Bước 3: Báo cáo thảo luận** - Mời một vài HS chia sẻ suy nghĩ bản thân. - Yêu cầu các HS khác bổ sung, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét các câu trả lời. - GV định hướng một vài nội dung trọng tâm về các vấn đề đặt ra và dẫn dắt vào bài học.	Học sinh chia sẻ theo quan điểm cá nhân

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố đặc trưng thơ (Biểu tượng, yếu tố siêu thực trong thơ, phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn).

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến nội dung vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS chuẩn bị bài học ở nhà. - Trên lớp, GV chia lớp thành 4 nhóm: thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. ****/ Nhóm 1:*** *Biểu tượng*	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Biểu tượng** - Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong

+ Biểu tượng là gì? + Đặc điểm của biểu tượng? + Trong sáng tác văn học, ngoài các biểu tượng có sẵn, các nhà văn, nhà thơ còn sáng tạo nên những biểu tượng nào? Cho ví dụ. ***/ Nhóm 2:** *Yếu tố siêu thực trong thơ* + Nêu các biểu hiện của yếu tố siêu thực trong thơ. + Yếu tố siêu thực xuất hiện trong một số tác phẩm thơ ở thời kì nào của nền văn học? Liên hệ mở rộng. ***/ Nhóm 3:** *Phong cách cổ điển* + Phong cách cổ điển là gì? + Đặc trưng cơ bản của phong cách cổ điển? ***/ Nhóm 4:** *Phong cách lãng mạn* + Phong cách lãng mạn là gì? + Phong cách lãng mạn có những đặc điểm cơ bản nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập. - GV quan sát và hỗ trợ các nhóm. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát. - Đặc điểm: + Có khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng. + Thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người và cuộc sống. + Quá trình hình thành biểu tượng chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí, văn hoá,… của dân tộc và thời đại. **2. Yếu tố siêu thực trong thơ** - Biểu hiện: qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, gây cảm giác khó hiểu cho độc giả và hoàn toàn mang tính tự nhiên. - Yếu tố siêu thực xuất hiện thấp thoáng trong một số tác phẩm thơ dân gian, thơ thời trung đại, đặc biệt ở thời hiện đại. **3. Phong cách cổ điển** - Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. - Đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mỹ;... **4. Phong cách lãng mạn** - Phong cách lãng mạn: + Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong mối tương quan so sánh với phong cách hiện thực, xuất hiện từ thời cổ đại. + Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học được hình thành ở phương Tây vào cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. - Đặc điểm cơ bản: + Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng. + Đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng. + Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CẢM HOÀI - ĐẶNG DUNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên đã phân công theo từng nhóm/vấn đề để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
***/ Đọc** - GV gọi 1-2 học sinh đọc thành tiếng bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ trước lớp, khuyến khích HS học thuộc lòng bài thơ; nhắc các em chú ý sử dụng thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản; đọc kĩ chú thích và nêu câu hỏi về những từ ngữ chưa hiểu. - So sánh bản phiên âm và dịch thơ: + Ở câu 1, từ "du du" bản dịch thơ dịch là "ngổn ngang" là sát. "Du du"nghĩa là kéo dài mãi không dứt, không cùng; "ngổn ngang" gợi sự bề bộn, làm cho khó tháo gỡ hoặc giải quyết. + Ở câu 2, cụm từ "nhập hàm ca" dịch là "cuộc say ca": chưa thể hiện được điều không thích nhưng vẫn phải làm với mong muốn giải toả tâm trạng nhưng tâm trạng vẫn ngổn ngang. + Ở câu 8, "gươm Long Tuyền" chưa được dịch hết ý. "Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma" không chỉ cho thấy vẻ đẹp lung linh tráng lệ của hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới trăng mà còn thấy được thanh gươm đang mài là thanh gươm báu. ***/ Tìm hiểu chung** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS trao đổi và thảo luận theo cặp đôi các vấn đề sau: + Nêu những nét tiêu biểu về cuộc đời của Đặng Dung. *(Lưu ý các em về bối cảnh lịch sử đất nước và kết cục bi tráng của cuộc đời tác giả).* + Tác phẩm? • Bài thơ viết về đề tài gì? • Bài thơ viết theo thể thơ nào? • Nhân vật trữ tình của bài thơ? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** HS có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thực hiện nhiệm vụ GV đã giao. **Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV mời từng HS trả lời các câu hỏi/vấn đề đã đặt ra. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và	**II. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Đặng Dung (?-1414) - Quê quán: Can Lộc - Hà Tĩnh. - Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha cai quản đất Thuận Hoá. - Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công hiến hách. - Năm 1414, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc nên đã tuẫn tiết trên đường đi. - Sáng tác chỉ còn lại duy nhất bài thơ Cảm hoài. **2. Tác phẩm** - Đề tài: chí khí của người anh hùng trước vận nước. - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật. - Nhân vật trữ tình: tác giả (người tráng sĩ lỡ thời, thất thế).

chốt lại kiến thức trọng tâm.	

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ ***Cảm hoài.***
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản ***Cảm hoài*** để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các khía cạnh về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật; phong cách cổ điển được thể hiện qua bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS thảo luận các vấn đề sau: + Hoàn cảnh - tình thế của nhân vật trữ tình thể hiện như thế nào qua bốn câu thơ đầu? + Đối diện với hoàn cảnh - tình thế đó, nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**III. Khám phá văn bản** **1. Hoàn cảnh – tình thế và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình** */ Hoàn cảnh - tình thế: - "Việc đời dằng dặc": sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề; sự nghiệp chống quân Minh cứu nước hết sức gian lao, vất vả, cần nhiều thời gian. - "ta đã già": tuổi tác đã già mà thù nhà nợ nước chưa trả xong - sự hữu hạn của đời người. - "biết làm thế nào?": tâm trạng rối bời. - "Trời đất… say ca": người anh hùng đắm mình trong cuộc rượu hát ca cùng với trời đất nhưng không quên được nỗi đau mất nước. → Bi kịch của người anh hùng: bất lực trước thời cuộc. */ Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình - Khi gặp thời thì kẻ tầm thường (như người hàng thịt, kẻ đi câu) cũng dễ dàng lập được công danh. - Khi thất thế thì dẫu người tài ba, anh hùng lỗi lạc cũng đành ôm tủi hận. → Nỗi đau của những người anh hùng vì lỡ vận mà nghiệp lớn không thành nên đành "nuốt hận". Liên hệ với cuộc đời Cao Bá Quát, Phan Bội Châu, Nguyễn Du…
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau: + Trong hai câu luận, tác giả đã sử dụng	**2. Nỗi lòng của người anh hùng** - Các biểu tượng: "xoay trục đất", "rửa bình khí", "kéo sông Ngân": quen thuộc trong thơ TĐ.

những biểu tượng quen thuộc trong thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng của mình? + Nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	Liên hệ: "*Vũ trụ nội mạc phi phận sự*" (Nguyễn Công Trứ) *"Sinh vi nam tử yếu hy kỳ,* *Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di"* (Phan Bội Châu) - Nhận xét: + Các biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ. + Thể hiện khát vọng lớn lao, khí phách của người anh hùng: đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyền đất nước; chấm dứt chiến tranh, mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân, không còn phải dùng đến vũ khí nữa. + Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phẫn khi nghiệp lớn không thành.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau: Phân tích ý nghĩa của hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng trong hai câu kết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**3. Hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng** - Quốc thù chưa trả > < đầu sao bạc. + Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước. + Đã bền gan vững chí vượt qua biết bao thử thách, gian nguy mà đến khi đầu bạc, nghiệp lớn vẫn chưa thành, thù nước chưa trả được. → Người tráng sĩ hiểu rõ tình trạng "lỡ thời, thất thế" và thực tại phũ phàng, nghiệt ngã của mình. - Bao độ mài gươm ánh nguyệt hà. + Bất chấp hoàn cảnh vô vọng, người anh hùng ấy vẫn không nản chí, không từ bỏ hoài bão lớn lao *(Bao phen không ngủ mang gươm báo ra mài dưới ánh trăng).* + Người tráng sĩ tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần và ý chí bất khuất. → Biểu tượng cao đẹp của người anh hùng đầy khí phách qua bút pháp cách điệu hoá. */ Ý nghĩa: Hình tượng người tráng sĩ trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, hào hùng - vẻ đẹp bi tráng, góp phần mang lại vị trí đặc biệt và sức sống bất diệt cho bài thơ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập	**4. Phong cách cổ điển thể hiện qua bài**

Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS vấn đề sau: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển thể hiện qua bài thơ Cảm hoài của Đặng Dung. */ Gợi ý: Phượng diện nội dung và nghệ thuật. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS các nhóm báo cáo KQTL. - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**thơ** - Phương diện nội dung: + Đề tài: nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả. + Cảm hứng: khẳng định chí lớn - theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất, rửa giáp binh và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước - dẫu đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới bóng trăng. - Phương diện nghệ thuật + Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật với thi luật chặt chẽ. + Chữ viết: chữ Hán. + Không gian: vũ trụ. + Hình tượng thơ: mang tính quy phạm, giàu ý nghĩa biểu tượng "xoay trục đất", "rửa bình khí". + Sử dụng điển tích: người hàng thịt, kẻ đi câu, gươm Long Tuyền. + Giọng điệu, âm hưởng bi hùng.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh tổng kết được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi để HS đánh giá tổng quát nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi giải quyết vấn đề sau: Khái quát giá trị về nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS chia sẻ ý kiến, quan điểm cá nhân. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** Bài thơ là lời giãi bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc; đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng, chí khí quật cường và tinh thần kiên trì chiến đấu của người anh hùng lỡ vận. **2. Nghệ thuật** - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, hàm súc cô đọng. - Hình tượng giàu sức gợi, bi tráng, kỳ vĩ. - Biểu tượng thơ giàu ý nghĩa, hàm súc. - Sử dụng điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích và dư âm. - Sử dụng nghệ thuật đối, so sánh... - Giọng điệu hào hùng, bi tráng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối đọc - viết, hình thành năng lực viết đoạn văn về một vấn đề đặt ra từ văn bản.
b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).
c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà anh/chị cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS xác định vấn đề cần viết. - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,... **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc vào tiết học tiếp theo. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.	**Gợi ý:** - Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ. - Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng *xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân* gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu tượng người tráng sĩ đầu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả. - Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học ở văn bản ***Cảm hoài*** để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.
b. Nội dung: Nêu một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong một bài thơ trung đại mà em yêu thích.
c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS viết: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong một bài thơ *trung đại mà em yêu thích.*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook của GV,...
Bước 3: Báo cáo thảo luận: GV cho HS trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong, gọi 1- 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá thường xuyên).
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm.

4. Củng cố:
- Nắm được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài.*
- Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).

5. Hướng dẫn về nhà: Chuẩn bị văn bản 2 trong sgk/tr44 và trả lời các câu hỏi trong sgk/tr47.

<u>Tiết 14,15</u> - ĐỌC VĂN BẢN 2: TÂY TIẾN
(*QUANG DŨNG*)

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Học sinh nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được giá trị nội dung: nỗi nhớ của tác giả về một bức tranh thiên nhiên miền Tây nơi người lính Tây Tiến hành quân qua và đặc biệt là nỗi nhớ về đơn vị Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: cảm hứng lãng mạn, âm hưởng bi tráng, bút pháp hiện thực, chất nhạc, chất họa, ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng … được kết hợp tài tình trong bài thơ.
2. Về năng lực
- Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến,* qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.
- Rèn luyện năng lực cảm thụ những đặc trưng thể laoij của một tác phẩm thơ.
- Học sinh phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo, để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập:
2. Về phẩm chất:
- Học sinh có thêm sự yêu quý, trân trọng, biết ơn thế hệ cha ông, những người lính đã xả thân vì sự hòa bình của dân tộc.
- Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.
- Học sinh thêm trân trọng nền hòa bình mà mình đang được hưởng.
- Học sinh nguyện sẽ cố gắng ra sức học tập để xây dựng và đưa đất nước phát triển đi lên, xứng đáng với công lao của thế hệ cha ông đã ngã xuống….
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Học liệu: SGK, sách giáo viên, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
b. Nội dung thực hiện:
GV Nêu câu hỏi: Em đã học, đã đọc những bài thơ nào viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam? Hãy kể tên tác phẩm? Tác giả? Và đọc một vài câu thơ mà em thích nhất.
- HS theo dõi và đưa ra đáp án của mình
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	- *Đồng chí* – Chính Hữu

? Em hãy kể tên tác phẩm, tác giả mà em đã học hoặc đã đọc viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam ? Hãy đọc diễn cảm một đoạn trích mà em thích nhất **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS theo dõi và chia sẻ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Chia sẻ của HS **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. Đề tài người lính cách mạng Việt Nam vốn là một đề tài khá lớn, được nhiều nhà thơ, văn khai thác. Ở mỗi tác giả có những sự khám phá khác nhau, và để các em có thêm những góc nhìn mới về đề tài nay, hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ Tây Tiến của tác giản Quang Dũng	- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* – Phạm Tiến Duật… - *Màu tím hoa sim* – Hữu Loan - *Việt Bắc* – Tố Hữu - Sản phẩm riêng của mỗi học sinh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- Hs xác định được bố cục của bài thơ, nội dung từng phần.

b. Nội dung: HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của giáo viên

c. Sản phẩm: Phiếu học tập HS đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **Đọc:** Gv hướng dẫn cách đọc và yêu cầu học sinh đọc trước ở nhà, chú ý phần phụ chú. Gv đọc một đoạn, gọi học sinh đọc các đoạn tiếp theo. Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc văn bản theo hướng dẫn của giáo viên -HS tham khảo sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, để hoàn thành nhiệm vụ thông tin, tìm hiểu tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu **B3. Báo cáo thảo luận** -Gv gọi hs trình bày sản phẩm phần tìm hiểu đã chuẩn bị ở nhà -Gv tổ chức hco học sinh nhận xét, góp ý bổ sung để hoàn thiện	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Quang Dũng (1921-1988), tên khai sinh là Bùi Đình Diệm. Quê huyện Đan Phương, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) - Sau Cách mạng tháng Tám ông tham gia quân đội. Từ sau 1954 là biên tập viên Nhà xuất bản Văn học. - Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc nhưng ông được biết đến nhiều nhất với tư cách một nhà thơ. Thơ ông hồn hậu mà tinh tế, phóng khoáng, giàu cảm hững lãng mạn. Đặc biệt ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại lại đậm chất nhạc và chất họa... - Các tác phẩm chính: Đường lên châu Thuận (truyện, kí 1964), Rừng về xuôi (truyện, kí 1968), Nhà đồi (truyện, kí 1970), Mây đầu ô (1986)... - Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. **2. Văn bản** - Hoàn cảnh sáng tác: 1948 tại Phù Lưu Chanh, khi tác giả đã rời xa đơn vị Tây Tiến - Xuất xứ tác phẩm: in trong tập Mây đầu ô. Tác phẩm ban đầu được Quang Dũng đặt "Nhớ Tây Tiến". Sau này, khi in trong tập *Mây đầu ô* tác giả bỏ đi từ *Nhớ*. - Cảm hứng chủ đạo: Tình cảm gắn bó sâu nặng với đoàn

B4. Đánh giá kết quả thực hiện -GV nhận xét, đánh giá, kết quả làm việc của học sinh -Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	quân Tây Tiến, thiên nhiên, con người Tây Bắc và tình yêu đất nước. - Nhan đề Tây Tiến: - Đây là tên đơn vị quân đội: được thành lập đầu năm 1947 - Lực lượng chủ yếu là: học sinh, sinh viên trí thức Hà Nội - Nhiệm vụ: bảo vệ biên giới Việt Lào và đánh tiêu hao một phần quân đội Pháp - Địa bàn hoạt động: khá rộng gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, miền tây Thanh Hóa và cả Sầm Nưa (Lào) - Điều kiện hành quân: vô cùng gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật hoành hành… - Tinh thần đơn vị Tây Tiến: luôn lạc quan, yêu đời và vô cùng dũng cảm - Bố cục: - Phần 1 – 14 câu thơ đầu: *"Sông Mã ... thơm nếp xôi"*: Nỗi nhớ của tác giả về bức tranh thiên nhiên miền Tây và hình ảnh hành quân của người lính Tây Tiến - Phần 2 – 8 câu tiếp: *"Doanh trại ... hoa đong đưa"*: Nỗi nhớ của tác giả về những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh thiên nhiên sông nước miền Tây - Phần 3 – 8 câu tiếp *"Tây Tiến đoàn ... khúc độc hành":* Nỗi nhớ của tác giả về tập thể người lính Tây Tiến - Phần 4 – 4 câu cuối *"Tây Tiến ... chẳng về xuôi":* Lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Hs phân tích, đánh giá nội dung của từng phần, làm nổi bật đươc nỗi nhớ của Quang Dũng về bức tranh thiên nhiên nơi người lính đi qua và đặc biệt là nỗi nhớ về người lính Tây Tiến.
- Hs phân tích và đánh giá được những đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng: ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại đậm chất nhạc và chất họa, âm hưởng bi tráng và cảm hứng lãng mạn được kết hợp với bút pháp hiện thực...
- Hs hiểu hơn về một giai đoạn lịch sử của đất nước thời kì kháng chiến chống Pháp, thêm yêu quý, tự hào về người lính Việt Nam, biết ơn thế hệ cha ông. Trân trọng nền hòa bình đang có, ra sức học tập, để xây dựng đất nước...

b. Nội dung:

- Hs sử dụng sách giáo khoa liệu tham khảo trên mạng, chuẩn bị theo hướng dẫn của giáo viên
- Hoàn thành phiếu học tập, trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập học sinh hoàn thành
- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Cảm nhận 14 câu thơ đầu **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết các vấn đề sau: - Bài thơ viết về đề tài gì? - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là gì? - Hình tượng nhân vật trữ tình + Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ như thế nào qua hai câu thơ đầu? + Trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, những điểm nhớ kí ức: nhớ về thiên nhiên (rừng núi), nhớ về đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về hình ảnh người lính được gợi lên như thế nào? - Nêu ấn tượng về trạng thái cảm xúc được tác giả thể hiện ở hai câu thơ đầu - Tìm những từ ngữ, chi tiết miêu tả bức tranh thiên nhiên, hình ảnh người lính được thể hiện trong các câu, đoạn nhỏ đó. Em hình dung như thế nào về bức tranh thiên nhiên và con đường hành quân của người lính Tây Tiến? - Em hãy nêu cảm nhận về nhạc điệu trong bốn câu thơ "Dốc lên khúc khuỷu… mưa xa khơi" - Đánh giá khái quát về bức tranh	**II. Khám phá văn bản** **1. Đề tài và cảm hứng chủ đạo** - Bài thơ viết về đề tài chiến tranh và người lính. - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng. **2. Hình tượng nhân vật trữ tình** **2.1. Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ qua hai câu thơ đầu:** – Kết đọng trong nỗi nhớ: sông Mã, Tây Tiến, rừng núi, nhớ về Sông Mã là nhớ về Tây Tiến. Đó là nơi gửi chốn về trong nỗi nhớ của người lính. – Nỗi nhớ "chơi vơi" thể hiện độ lùi của thời gian và độ nhoè của cảm xúc, nỗi nhớ tiềm ẩn và lan toả, lúc đậm, lúc nhạt. - Hai câu thơ đầu đã định hướng và chi phối cảm xúc cho cả bài thơ, nỗi nhớ khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về. **2.2. Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc hoạ qua nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên (rừng núi), đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về người lính.** **a. Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân** **Tây Tiến** ***- Câu 3 - 4:*** *"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,* *Mường Lát hoa về trong đêm hơi"* *+ Bút pháp tả thực:* ***Sương mù vùng cao như che lấp, nuốt chửng đoàn quân hành quân mỏi mệt.*** *+Kết hợp bút pháp lãng mạn: "*Mường Lát hoa về trong đêm hơi", ***gợi không gian huyền ảo: cảnh vật về khuya phủ đầy hơi sương lạnh giá.*** Câu thơ với nhiều thanh bằng: Tạo cảm xúc lâng lâng trong lòng người chiến sĩ khi bắt gặp cảnh hoa nở giữa rừng → Mỗi mảnh đất đi qua có một dấu ấn riêng, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân vất vả, gian khổ nhưng tâm hồn yêu đời, lạc quan ***- Bốn câu tiếp theo:*** *" Dốc lên khúc khuỷ dốc thăm thẳm* ..... *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"* - Điệp từ: dốc, ngàn thước nhấn mạnh địa bàn lắm dốc, nhiều thác vô cùng nguy hiểm

thiên nhiên và hình ảnh người lính hành quân trong 14 câu thơ đầu **B2. Thực hiện nhiệm vụ** -Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình theo những yêu cầu của giáo viên **B3. Báo cáo thảo luận** -Đại diện 1-2 nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả của nhóm mình -Hs những nhóm khác nhận xét, bổ sung, nếu cần -Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ hs **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Nhiều từ láy gợi hình được sử dụng: *khúc khuỷ, thăm thẳm, heo hút* diễn tả địa hình hiểm trở, gập ghềnh, gấp khúc, vừa gợi độ cao, vừa gợi chiều sâu như không biết đâu là giới hạn cuối cùng. - Nghệ thuật đối: lên cao, xuống thấp, câu thơ như có chất họa, bị bẻ làm đôi diễn tả dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm, hình dung diễn tả đúng thế núi đồi, lên cao, rồi xuống thấp. Hình dung sự khó nhọc trên chặng đường hành quân leo dốc gian khổ - Hai chữ *ngửi trời* :vừa đặc tả độ cao chót vót của núi (Người lính trèo lên ngọn núi cao dường như đang đi trong mây nổi thành cồn *"heo hút",* mũi súng như chạm đến đỉnh trời) vừa thể hiện tính chất tinh nghịch, khí phách ngang tàng, coi thường hiểm nguy của người lính Tây Tiến. + Câu thơ thứ tư đối lập với ba câu trên: "*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*", làm cho đoạn thơ có chất nhạc trong đó. Được dệt toàn thanh bằng, âm *ơi* kết thúc dòng thơ: câu thơ nhẹ như nhịp thở thư giãn của người lính. Nếu ba câu trên là nốt cao trong một bản nhạc thì câu thơ thứ tư chính là một nốt nhạc trầm nhẹ. + Người lính tạm dừng chân bên một dốc núi, phóng tầm mắt ra xa, thấy một không gian mịt mùng sương rừng, mưa núi, thấy thấp thoáng những ngôi nhà như đang bồng bềnh trôi giữa biển khơi. → Thiên nhiên vô cùng hiểm trở, gập ghềnh, dốc cao, vực sâu, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân gian khổ nhưng hết sức yêu đời, tinh nghịch ***- Hai câu tiếp theo:*** "*Anh bạn dãi dầu không bước nữa* *Gục lên súng mũ bỏ quên đời"* - Từ láy dãi dầu, diễn tả sự dãi nắng, dầm mưa, vất vả, gian khổ trên con đường hành quân của người lính. - Nghệ thuật nói giảm nói tránh: không bước nữa, bỏ quên đời, diễn tả sự ra đi hết sức nhẹ nhàng, thanh thản nhưng luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu của người lính Tây Tiến. → Hình ảnh người lính hành quan gian khổ, có cả sự hi sinh nhưng vẫn toát lên tư thế kiên cường, sẵn sàng chiến đấu. **- Hai câu tiếp theo:**

	+ Điệp từ: chiều chiều, đêm đêm nhằm nhấn mạnh không chỉ một chiều, một đêm mà nhiều chiều, nhiều đêm, không chỉ ban đêm mà thậm chí cả ban ngày + Cái hoang vu, hiểm trở tiếp tục được khai thác theo chiều thời gian: + Nhân hóa âm thanh: tiếng "*thác gầm thét"* trong mỗi buổi chiều, hình ảnh: *"cọp trêu người"* đêm đêm gợi thiên nhiên hoang sơ, bí ẩn + Cách dùng động từ vô cùng độc đáo, đắc sắc cọp "trêu" (chứ không phải vồ người, xé xác người", gợi sự trẻ trung, tinh nghịch của chất lính, làm giảm bớt sự khắc nghiệt của thiên nhiên. → Gợi không gian hoang vu, rừng thiêng nước độc, đầy bí hiểm, dữ dội ***- Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng hai câu thơ:*** *"Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói,* *Mai Châu mùa em thơm nếp xôi".* + Cảnh tượng thật đầm ấm: Sau chặng đường hành vất vả, người lính quây quần bên nồi cơm bốc khói + Bát xôi nghi ngút khói và hương lúa nếp ngày mùa được trao từ tay *em* : làm ấm lòng người chiến sĩ, xua tan vẻ mệt mỏi + Kết hợp từ khá lạ, quan hệ từ bị lược bớt: "*mùa em"* → làm giọng thơ ngọt ngào, êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho người đọc cảm nhận đoạn tiếp theo. **b. Nhớ về những kỉ niệm trong đêm liên hoan và thiên nhiên sông nước miền Tây trong 8 câu tiếp theo.** *** Bốn câu thơ đầu- cảnh liên hoan văn nghệ** *"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa* *...Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"* **+ Địa điểm:** diễn ra buổi liên hoan văn nghệ: ở doanh trại – nơi đóng quân của người lính. **+ Thành phần:** người lính và người dân bản địa trong đó đặc biệt phải kể đến là nhân vật trung tâm, nhưng người em gái dân tộc bản địa vừa e thẹn vừa tính tứ (*e ấp*), vừa duyên dáng trong điệu vũ xứ lạ (*man điệu*) **+ Hoạt động:** ca hát, nhảy múa quanh đốm lửa lớn + Động từ "bừng" làm không gian như sáng rực lên, lung linh, sáng cả không gian núi rừng **+ Hai chữ "*kìa em*":** cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say, ngây ngất của các chàng trai Tây Tiến → Người lính Tây Tiến nhập cuộc, hòa mình say

Nhiệm vụ 2: Tám câu tiếp theo **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Trong kí ức của ức của nhân vật trữ tình, hình ảnh đêm lửa trại, và con người, cuộc sống miền Tây Bắc hiện lên với những nét đặc sắc gì? Những hình ảnh đó góp phần làm nổi bật hình tượng người lính Tây Tiến như thế nào? - Phân tích những đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong đoạn trích - So sánh thiên nhiên trong phần này với 14 câu thơ đầu **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm đôi – hoàn thành bảng so sánh **B3. Báo cáo thảo luận** Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	sưa theo âm điệu dìu dặt, đưa hồn về những chân trời mới, xây hồn thơ với bao mộng ước ngọt ngào: "*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ".* ***Bốn câu cuối, cảnh sông nước miền Tây:** *"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy,* *...Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"* **- Không gian và thời gian:** Dòng sông trong một buổi chiều giăng mắc một màu sương; sông nước, bến bờ lặng tờ, hoang dại như thời tiền sử, mênh mông, nhoè mờ, ảo mông **- Con người:** + *dáng người trên độc mộc:* dáng hình mềm mại, uyển chuyển của những cô gái Thái trên những chiếc thuyền độc mộc + Vẻ đẹp của con người hoà hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên: những bông hoa rừng cũng *"đong đưa",* làm duyên trên dòng nước lũ. +Thiên nhiên mang vẻ mềm mại, duyên dáng khác hẳn với những nét khoẻ khoắc, gân guốc khi đặc tả cảnh dốc đèo ở khổ trên → Ngôn ngữ tạo hình, vài nét gợi tả chấm phá, giàu tính nhạc, chất thơ hoà quyện: thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của thiên nhiên và con người. **c. 8 câu tiếp, nỗi nhớ chân dung người lính Tây Tiến:** **** Hai câu đầu:*** *Ngoại hình của người lính:* *"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc* *Quân xanh màu lá dữ oai hùm"* **- Vừa bi:** Ngoại hình khác thường do hiện thực nghiệt ngã: + "*không mọc tóc":* người thì cạo trọc đầu để thuận tiện khi giáp lá cà, người thì bị sốt rét đến rụng tóc + "*Quân xanh màu lá":* nước da xanh xao do ăn uống thiếu thốn, sốt rét, bệnh tật hành hạ, trang phục xanh hay màu ngụy trang bởi lá rừng... **- Vừa hùng:** không né tránh hiện thực khốc kiệt của chiến tranh nhưng qua cái nhìn lãng mạn + "*đoàn binh không mọc tóc": "đoàn binh"* chứ không phải *"đoàn quân"*→ hào hùng + "*Quân xanh màu lá"* nhưng vẫn *"dữ oai hùm",* nghệ thuật tương phản đối lập giữa ngoại hình bên ngoài với sức mạnh bên trong → Hai câu đầu miêu tả ngoại hình bên ngoại có vẻ kì dị, ốm yếu,xanh xao nhưng lại mang phong thái oai phong, dữ tợn, uy nghi như chúa sơn lâm của binh đoàn Tây Tiến

Nhiệm vụ 3: **B1. Chuyển giao nhiệm** Hình tượng đoàn binh Tây Tiến được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung **B3. Báo cáo thảo luận** Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	**** Hai câu tiếp: Giấc mộng lãng mạn của người lính.*** *"Mắt trừng gởi mộng qua biên giới* *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"* - **"*Mắt trừng*":** đôi mắt mở to, nhìn thẳng, như không chớp, cái nhìn nẩy lửa đối với kẻ thù - ***"gửi mộng qua biên giới":*** thể hiện nét oai phong, lòng quyết tâm đánh giặc đến cùng, Mong muốn lập được chiên công nơi biên giới Việt Lào *"Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm" :* - Nhớ người yêu, những cô gái Hà Thành duyên dáng, xinh đẹp - Diễn tả đúng thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ, trở thành động lực để giúp người lính Tây Tiến vượt qua mọi khó khăn, gian khổ → Khắc họa vẻ đẹp của người lính trong nhiệm vụ cũng như vẻ đẹp tâm hồn của họ **** Bốn câu cuối: Cái chết bi tráng và sự bất tử:*** *"Rải rác biên cương mồ viễn xứ* ..... *Sông Mã gầm lên khúc độc hành"* -Sử dụng từ Hán Việt cổ kính: *"Rải rác biên cương mồ viễn xứ"*, tạo không khí trang trọng, thiêng liêng, làm giảm nhẹ cái bi thương của hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới lạnh lẽo, xa xôi. + Phủ định từ "*chẳng"* (khác với *không*- sắc thái trung tính) và cách nói hoán dụ "*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh",* thái độ kiên quyết hi sinh vì Tổ quốc, lí tưởng quên mình thật cao đẹp làm vơi đi cái đau thương. + Cách nói giảm nói tránh "*anh về đất"*, làm vơi đi cảm giác đau thương, ẩn chứa hàm nghĩa: chết là hoá thân với đất mẹ, là hoá thân với non sông đất nước, cái chết trở thành bất tử cùng hồn thiêng sông núi. *+ Áo bào thay chiếu:* sự thật bi thảm: những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả manh chiếu để che thân, phải mai táng bằng chính chiếc áo các anh mặc hàng ngày. Bằng cảm hứng lãng mạn dưới góc nhìn của Quang Dũng người lính Tây Tiến không may ngã xuống như được khoác trên mình tấm "*áo bào":* nghe trang trọng, thiêng liêng, thể hiện tình cảm yêu thương đồng đội. + Biện pháp nhân hoá + động từ "*gầm"*: dữ dội,

	hào hùng → âm thanh làm át đi cảm xúc bi thương: gợi về sự ra đi của những anh hùng nghĩa sĩ thuở xưa → đưa tiễn người là khúc nhạc bi tráng của núi sông → cái chết thấm đẫm tinh thần bi tráng => Giọng thơ trang trọng: thể hiện tình cảm tiếc thương và sự trân trọng, kính cẩn trước sự hi sinh của đồng đội. Hai cảm hứng lãng mạn và bi tráng đan cài dựng nên tượng đài bất tử trong thơ. **d. Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến** - Cách nói khẳng định: "*Tây Tiến người đi không hẹn ước*" → tô đậm cái không khí chung của một thời Tây Tiến với lời thề kim cổ: ra đi không hẹn ngày về, một đi không trở lại (*nhất khứ bất phục hoàn*)
Nhiệm vụ 4: **B1. Chuyển giao nhiệm** Hình tượng đoàn binh Tây Tiến được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung **B3. Báo cáo thảo luận** Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Đường lên Tây Tiến: *"thăm thẳm, chia phôi"*: nỗi xót xa khi đã xa đồng đội, khi nghĩ đến đường lên Tây Tiến xa xôi, vời vợi. - Nhà thơ khẳng định tâm hồn mình thuộc về Tây Tiến: *"Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy* *Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi"* + *Mùa xuân ấy:* thời điểm lịch sử không bao giờ trở lại → mốc thương nhớ vĩnh viễn trong trái tim những người lính Tây Tiến một thời + Cách nói đối lập: *Sầm Nứa* >< *về xuôi* (tâm hồn) (thể xác) → Sự gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến: dù đã rời xa nhưng tâm hồn, tình cảm vẫn đi cùng đồng đội, vẫn gắn bó máu thịt với những ngày, những nơi đã đi qua => Nhịp thơ chậm, giọng thơ trầm buồn nhưng vẫn toát lên vẻ hào hùng, ý chí, quyết tâm của người lính Tây Tiến
Nhiệm vụ 5: **B1. Chuyển giao nhiệm** - Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ Tây Tiến. - Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà em cho là đặc sắc. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung	**3. Ngôn ngữ và biểu tượng** – Trong bài thơ *Tây Tiến*, một số câu thơ được tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt (khác với lời nói thông thường) như: "Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"; "Mường Lát hoa về trong đêm hơi"; "Heo hút cồn mây súng ngửi trời"; "Gục lên súng mũ bỏ quên đời"; "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi". Ví dụ: – "Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm", sử dụng "dốc thăm thẳm": kết hợp từ mới mẻ vì "thăm thẳm" là từ chỉ độ sâu chứ không phải độ cao. – "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi", sử dụng toàn thanh bằng: gợi vẻ đẹp yên bình, nhẹ nhàng của

B3. Báo cáo thảo luận Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	vùng núi Tây Bắc. **4. Phong cách lãng mạn** – Một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến*: + Cảm hứng: Khẳng định, ngợi ca lí tưởng cứu nước, khí phách anh hùng và sự hi sinh cao cả của người lính Tây Tiến. + Hình tượng: Khám phá, khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn tinh tế, phóng khoáng, mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. + Ngôn ngữ: Sự sáng tạo trong tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt, hình ảnh độc đáo. + Sử dụng nhiều yếu tố tương phản: khi khắc hoạ hình tượng thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng đoàn quân Tây Tiến.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại toàn bộ nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm của học tập:

- Câu trả lời của học sinh, bằng giấy nháp, ghi lại kết quả làm việc cá nhân
- Hoàn thành phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức bài học * Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: **Nhóm 1:** GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm 1 tổng hợp kiến thức chung về bài học. **Nhóm 2:** Nêu nhận xét khái quát về bức trnah thiên nhiên trong bài thơ **Nhóm 3:** Nêu nhận xét về hình tượng người lính Tây Tiến được thể hiện trong bài thơ. **Nhóm 4:** Nhận xét về các giá trị nghệ thuật **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ đã phân công **Bước 3.** Các nhóm hoàn	**III. Tổng kết** *Về nội dung: Thông qua nỗi nhớ về một đơn vị, một vùng đất, một quãng đời chiến đấu, bài thơ đã thể hiện hào khí của tuổi trẻ Việt Nam trong buổi đầu chống Pháp đầy gian lao. *Giá trị nghệ thuật **- Cảm hứng lãng mạn** trong văn học là cảm hứng khẳng định cái tôi tràn đầy tình cảm, cảm xúc, hướng về lí tưởng. Nó đi tìm cái đẹp trong những cái khác lạ, phi thường độc đáo, vượt lên những cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hàng ngày, nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của trí tưởng tượng liên tưởng. Cảm hứng lãng mạn cũng thường tìm đến cách diễn đạt khoa trương, phóng đại, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và tạo được ấn tượng mạnh mẽ.. Cảm hứng lãng mạn đã trở thành cảm hứng chủ đạo trong sáng tác, nó nâng đỡ con người có thể vượt lên mọi thử thách trong máu lửa của chiến tranh gian khổ để hướng đến ngày chiến thắng. Có thể nói đây là dòng cảm hứng xuyên suốt bài thơ, đọng lại trong lòng người nghe những thanh vang về nét đẹp con người, thiên nhiên Tây Bắc. Thiên nhiên nơi đây hiện lên thật nên trơ, trữ tình: **- Âm hưởng bi tráng.** Bi tráng trong tác phẩm văn học được thể hiện ở việc miêu tả hiện thực, không né tránh cái bi, tức cái gian khổ, đau thương. Cái bi nhưng không phải

thành phiếu học tập và trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét góp ý bổ sung GV kiểm tra phiếu học tập sau tiết học. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện** - GV nhận xét và chốt kiến thức.	là bi lụy mà là bi tráng, hào hùng. Là cái chết nhưng không bi lụy mà là cái chết hào hùng lẫm liệt, cái chết đi vào cõi bất tử. Cái bi thường được biểu hiện ở giọng điệu, âm hưởng, màu sắc tráng lệ hào hùng. - Trên nền thiên nhiên Tây Bắc dữ dội và huyền ảo, nhà thơ tô đậm hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hào hùng và hào hoa bằng bút pháp lãng mạn, nhưng không thoát li hiện thực và cảm hứng bi tráng. Bài thơ viết về chiến tranh, nhưng Quang Dũng không hề nói đến trận đánh, tiếng súng. Nhưng người đọc vẫn hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh. Bởi bài thơ viết nhiều về sự hi sinh của người lính. Nhưng bằng ngòi bút tài hoa lãng mạn và cảm hứng bi tráng, Quang Dũng đã miêu tả điều đó một cách thấm thía, xúc động, hào hùng.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên:……..

Lớp……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (NHÓM 1)

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT BÀI THƠ TÂY TIẾN

- Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ tác phẩm:

……

……

- Nhan đề Tây Tiến:

……

……

- Đề tài và cảm hứng chủ đạo:

……

……

- Bố cục:

……

……

……

Họ và tên:……..

Lớp……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (NHÓM 2)

BỨC TRANH THIÊN NHIÊN MIỀN TÂY TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- 14 câu thơ đầu::

……

……

……

……

……

- 8 câu thơ tiếp theo:

……

……

……

……

Họ và tên:……..

Lớp……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 (NHÓM 3)

NGƯỜI LÍNH TÂY TIẾN TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- 14 câu thơ trong khổ đầu::

……

……

……

- 8 câu thơ khổ 2:

……

……

……

- 8 câu thơ khổ 3:

……

……

……

……

- 4 câu thơ cuối:

……

……

Họ và tên:……..

Lớp……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 (NHÓM 4)

THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG BÀI THƠ TÂY TIẾN

- Bút pháp hiện thực

……

……

……

- Cảm hứng lãng mạn:

……

……

……

……

- Âm hưởng bi tráng

……

……

……

……

- Các thủ pháp nghệ thuật khác:

……

……

……

……

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung bài học giáo viên tổ chức cho học sinh kết nối đọc – viết để đánh giá năng lực cảm thụ tác phẩm của học sinh cuối bài

b. Nội dung thực hiện: Giáo viên yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến

c. Sản phẩm: Học sinh viết đoạn văn

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viêm giao nhiệm vụ yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến Chú ý phải nói được nội dung và nghệ thuật. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện câu trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh lựa chon ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV chốt ý theo bài làm của HS	**IV. LUYỆN TẬP** **Bài làm tham khảo** Đọc bài thơ Tây Tiến của tác giả Quang Dũng, người đọc chúng ta vô cùng ấn tượng với nhiều vẻ đẹp rất đáng trân trọng của người lính Tây Tiến. Một trong những vẻ đẹp tiêu biểu đó chính là tinh thần lạc quan, yêu đời,. Trên con đường hành quân đầy gian khổ, gập ghềnh, những chành trai trí thức Hà Nội luôn mở rộng lòng mình đón nhận bức tranh thiên nhiên của núi rừng Tây Bắc "hoa về trong đêm hơi". Núi cao, vực sâu, khi vượt qua những địa hình hiểm trở, dường như họ không nghĩ đến những mệt mỏi, vất vả, gian khổ, thiếu thốn mà người đọc nhận thấy một sự lạc quan, yêu đời, trẻ trung chất lính qua cách dùng từ vô cùng độc đáo của tác giả "súng ngửi trời" hay như "cọp trêu người". Qua cách dùng những động từ "ngửi, trêu" của tác giả gợi cho người đọc chúng ta thấy binh đoàn Tây Tiến với tinh thần lạc quan đã vượt lên mọi hoàn cảnh khó khăn. Có thể bệnh tật hoành hành, thậm chí có cả hi sinh nhưng những người lính luôn hướng về phía trước, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, "chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh". Bằng bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn tác giả Quang Dũng đã làm nổi bật nét đẹp trẻ trung, yêu đời của người lính Tây Tiến trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tham gia trò chơi ô chữ bí ẩn, để hệ thống lại một số kiến thức đã học

b. Nội dung thực hiện: GV đưa vấn đề: Giáo viên trình chiếu trò chơi ô chữ và cho học sinh lựa chọn ô chữ yêu thích để khám phá.

c. Sản phẩm: Bài viết sáng tạo, trình chiếu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viêm giao nhiệm vụ Câu 1, 7 chữ cái, bài thơ Tây Tiến được in trong tập thơ này? Câu 2, 14 chữ cái, Quang Dũng là nhà thơ của … Câu 3, 13 chữ cái, vẻ đẹp nổi bật của hồn thơ Quang Dũng	- Mây đầu ô - Xứ Đoài hoa trắng - Tài hoa, lãng mạn - Pha Luông - Nỗi nhớ

Câu 4, 8 chữ cái, tên địa danh xuất hiện trong bài thơ Tây Tiến Câu 5, từ khóa, có 6 chữ cái, đây là một tính từ thể hiện cảm xúc chủ đạo xuyên suốt bài thơ Tây Tiến. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện câu trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh lựa chọn ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV chốt ý theo bài làm của HS	

4. Củng cố: Học sinh về xem lại bài học

5. Hướng dẫn về nhà:

- Tìm hiểu thêm về những bài thơ viết về đề tai người lính thời kì kháng chiến chống Pháp, và cho biết điểm chung của người lính trong những bài thơ ấy. Mỗi nhóm tạo một bài thuyết trình Powertpoint, để buổi sau trình bày.
- Bài sau: chuẩn bị bài mới Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo

Tiết: 16 ĐỌC VĂN BẢN 3

ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA

-Thanh Thảo-

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực... được thể hiện trong bài thơ.
- Cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

2. Về năng lực: Rèn luyện kĩ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

3. Về phẩm chất: Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.…

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, tư liệu ảnh, video có liên quan đến tác giả Thanh Thảo và bài thơ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Khơi gợi những hiểu biết của HS về đất nước Tây Ban Nha, về văn hóa đặc trưng của đất nước này. Tạo tâm thế sẵn sàng bước vào bài học.

b. Nội dung: Học sinh nghe đoạn nhạc bài hát *Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn - Nhạc: Thanh Tùng, Phỏng thơ: Thanh Thảo*. Trả lời câu hỏi: Bài hát ca ngợi người nghệ sĩ nào? Gắn liền với đặc trưng văn hóa nổi bật nào của đất nước Tây Ban Nha?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV mở đoạn nhạc https://www.youtube.com/watch?v=Jw3YenaGdNs, lưu ý học sinh lắng nghe ca từ và trả lời câu hỏi: Bài hát nhắc đến đặc trưng văn hóa nổi bật nào của Tây Ban Nha? Đặc trưng đó được thể hiện qua hình tượng nghệ sĩ nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe bài hát, trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** GV hướng dẫn HS xung phong phát biểu ý kiến **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận, dẫn dắt vào bài mới.	Bài hát ngợi ca Lorca – người nghệ sĩ vĩ đại của đất nước Tây Ban Nha, gắn liền với nhạc cụ dân gian của Tây Ban Nha đó là đàn ghi ta (còn được gọi là Tây Ban Cầm).

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Thanh Thảo và bài thơ: *"Đàn ghi ta của Lor-ca"*

b. Nội dung: Gv chia lớp thành 4 nhóm (Nhóm 1,2 tìm hiểu tác giả, nhóm 3,4 tìm hiểu tác phẩm)**,** HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả Thanh Thảo và tác phẩm Đàn ghi ta của Lor-ca.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. **1. Đọc:** - GV gọi 1 HS đọc văn bản, chú ý đọc bài thơ tự do với cách ngắt, ngừng giọng linh hoạt, phong phú: + Đoạn 1: đọc với giọng trang trọng, ngữ điệu chia sẻ, phảng phất nỗi buồn. + Đoạn 2, 3, 4: đọc với nhịp điệu trầm lắng, giai điệu xót xa. + Hai đoạn thơ cuối (5, 6): đọc với giọng nhanh, gấp ở phần đầu khổ, giọng chậm, xót xa chia sẻ, dàn trải, xa xôi ở mấy dòng thơ cuối bài thơ. - Chú ý các thẻ đọc, đọc phần chú thích.	**I. Tìm hiểu chung**
2. Tác giả - GV phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhóm 1,2: + Nhóm 1: Nêu tiểu sử và con người của Thanh Thảo + Nhóm 2: Trình bày những nét chính trong sự nghiệp của nhà thơ (thể loại, phong cách thơ, tác phẩm chính). **3. Tác phẩm** - GV phân nhiệm vụ nhóm 3,4: + Nhóm 3: Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác và thể thơ của tác phẩm "Đàn ghi ta của Lor-ca". + Nhóm 4: Tìm hiểu về Phêđêricô Gaxia Lorca**;** Xác định bố cục, mạch cảm xúc của bài thơ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**	**1. Tác giả** **a. Tiểu sử và con người** - Tên khai sinh là Hồ Thành Công. - Sinh: 1946. - Quê quán: Quảng Ngãi. - Tốt nghiệp Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội sau đó vào chiến trường miền Nam tham gia chiến đấu. - Một trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. **b. Sự nghiệp**

- HS đọc thông tin trong SGK chuẩn bị kiến thức. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.** - GV mời HS đại diện các nhóm phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, mở rộng: ***- Kiểu tư duy trong thơ Thanh Thảo:*** + Tượng trưng: tìm vào trạng thái tâm hồn với những linh cảm được khơi dậy từ vô thức, cho rằng hiện tượng trong vũ trụ tồn tại như những dấu hiệu tượng trưng cho bản chất huyền bí của tạo vật mà chỉ riêng nhà thơ mới có những thiên bẩm kì diệu để thâm nhập và biểu đạt được những hình ảnh tượng trưng ấy. Thơ là một thứ "siêu cảm giác", không thể giải thích được. Không cần có hình tượng rõ nét, thơ được quan niệm như một bản hoà âm hoàn hảo. Dường như có nét tương đồng giữa sinh sôi của tạo hoá với sự sáng tạo thơ ca. + Siêu thực: Hướng tới một hiện thực cao hơn thực tại. Thế giới siêu thực chỉ có thể cảm thấy trong giấc mơ, trong tiềm thức, lúc đãng trí, thần kinh suy nhược, rối loạn. Khám phá thế giới ấy, nghệ sĩ sẽ phát hiện ra những điều sâu kín mà thiêng liêng, bí ẩn mà chính xác trong cuộc sống con người. Đề cao yếu tố tâm linh và sự ngẫu hứng, sáng tác thường được cấu thành bởi những dòng liên tưởng tiềm thức rời rạc. ***- Một số nhận định về thơ Thanh Thảo:*** + Thanh Thảo phát biểu: *"Thơ là chữ nghĩa cũng không là chữ nghĩa, là ý thức mà không phải ý thức, là vô thức mà không hẳn vô thức. Thơ đúng nghĩa là sự bộc lộ tận cùng của nhà thơ"* (Trích: *Sự đồng cảm trong phê bình thơ*, tr.66) + Thanh Thảo cho rằng: *"Hơn ai hết, người làm thơ phải là người bình tĩnh khi buông dây câu về vô định mong giật được con -cá - bặt - tăm... Nghĩa là khi làm thơ, nhà thơ biết mình sống trong lòng sự sáng tạo. Đó là niềm tự hào và điều an ủi lớn nhất đối với một nhà thơ"* (Trích: *Hướng tới Nobel hay Nobell?* tr.90) + Về ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng thơ, Thanh Thảo quan niệm: chớ nên tưởng rằng *"ngôn ngữ thơ là làm phong phú ngôn ngữ con người"*, mà *"nó chỉ chắt lọc tinh túy của ngôn ngữ con người"*, cũng đừng nghĩ rằng: những hình ảnh, những biểu tượng thơ chỉ có kích thích trí tưởng tượng của con người, mà *"nó còn khiến con người vững tin rằng ngoài*	- Sau năm 1975, ông viết báo, tiểu luận, phê bình và nhiều thể loại khác mà tiêu biểu nhất là thơ. - Phong cách thơ Thanh Thảo: + Giàu suy tư, trăn trở về những vấn đề của xã hội và thời đại, thể hiện sự nỗ lực cách tân thơ ca, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do với nhịp điệu và những liên tưởng phóng khoáng, có sức khơi gợi mạnh mẽ. + Kiểu tư duy trong thơ: giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực. - Các tác phẩm chính của Thanh Thảo gồm có: Những người đi tới biển (1977), Dấu chân qua trảng cỏ (1978), Những ngọn sóng mặt trời (1981), Khối vuông ru-bích (1985), Từ một đến một trăm (1988)… **2. Tác phẩm** **a. Xuất xứ, hoàn cảnh ra đời và thể thơ** - Được rút từ tập *"Khối vuông ru-bích"*, tập thơ tiêu biểu cho phong cách thơ của Thanh Thảo. - Lor-ca là nhà thơ mà Thanh Thảo rất ngưỡng mộ. Cả thơ ca, cuộc đời và cái chết của Lor-ca đã gây cho tác giả những xúc cảm và ấn tượng. Chính những hình ảnh và nhạc điệu trong nhiều bài thơ của Lorca đã dẫn dắt Thanh Thảo khi viết "Đàn ghita của Lor-ca" - Thể thơ: Tự do **b. Phêđêricô Gaxia Lorca (1898-1936)** - Một thiên tài sáng chói của Tây Ban Nha về thơ ca, hội họa, âm nhạc, sân khấu… - Một nhân cách cao đẹp: yêu nghệ thuật, yêu nhân dân và đất nước Tây Ban Nha…

những hình ảnh thế giới mà mình thấy được, cảm nhận được còn những hình ảnh mà mình chưa thấy nhưng sẽ thấy, chưa cảm được nhưng sẽ cảm được. Có những giấc mơ mình sẽ mơ, và có những cuộc đời mình sẽ sống cùng với cuộc đời chính mình đang sống" (Trích: *Tản mạn về thơ,* tr.81). + Thiếu Mai từng nhận xét: *"Thơ Thanh Thảo có dáng riêng. Đọc anh, dù chỉ mới một lần, thấy ngay dáng ấy… Thơ Thanh Thảo có khả năng gợi dậy những suy nghĩ của người đọc bởi vì thơ ấy là thơ của một tâm hồn giàu suy tưởng, giàu trí tuệ"* ***- Gv mở rộng kiến thức về Phêđêricô Gaxia Lorca (1898-1936)*** *+ Lor-ca sớm có tư tưởng tiến bộ trong việc cách tân nghệ thuật thơ ca đồng thời tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống lại thế lực độc tài phát xít Phrăng-cô.* *+ Ngày 16/7/1936 trên đường trở về quê hương, ông bị bọn dân vệ của Phrăng-cô giết và phi tang xác. Cái chết của ông khơi lên một làn sóng phẫn nộ mạnh mẽ trên thế giới đối với bè lũ Phrăng-cô.* *+ Thơ của Lor-ca là biểu tượng của tự do và cái đẹp, của dân chủ và nhân quyền, giàu tính tượng trưng, siêu thực. Nhân cách nghệ sĩ của ông được nhiều người biết đến qua câu thơ nổi tiếng: "Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn".*	- Một số phận đầy oan khuất với cái chết bi thảm. **c. Bố cục, mạch cảm xúc** - Dòng 1 – 6: Hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc (Đoạn 1) - Dòng 7-12: Hình ảnh Lorca nơi pháp trường (Đoạn 2) - Dòng 13-22: Hình ảnh tiếng đàn – biểu tượng cho niềm đau và sức sống bất diệt. (Đoạn 3, 4) - Dòng 23-31: Hình ảnh Lor-ca, cái chết và sự bất tử. (Đoạn 5, 6) => Bài thơ được viết như một khúc tưởng niệm Lorca, làm sống dậy hình ảnh Lorca và thể hiện sự tri âm, đồng cảm và ngưỡng vọng một người nghệ sĩ tài hoa có cốt cách anh hùng và số phận bi thương.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực...
- Cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS (phiếu học tập, câu trả lời…)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Nhan đề và lời đề từ **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, tìm hiểu ý nghĩa nhan đề và lời đề từ của bài thơ. GV phát vấn: - Nêu ý nghĩa nhan đề *"Đàn ghita của Lor-ca"*.	**II. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề và lời đề từ** **a. Ý nghĩa nhan đề** - Đàn ghi-ta còn được gọi là "Tây Ban Cầm" là niềm tự hào, là đặc trưng văn hóa của đất nước Tây Ban Nha. - Diễn tả sự gắn bó khăng khít giữa đàn ghi-ta và Lor-ca cũng chính là tình yêu của Lor-ca dành cho nghệ thuật và dành cho đất nước Tây Ban Nha.

- Trình bày ý nghĩa lời đề từ *"Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn"*. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận** HS trình bày ý kiến cá nhân **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung, kết luận	- Nhan đề còn thể hiện niềm ngưỡng vọng và tấm lòng đồng cảm của Thanh Thảo đối với người nghệ sĩ thiên tài Lor-ca. -> Nhan đề hé mở hình tượng nghệ thuật trung tâm của bài thơ là *Lor-ca*, gắn liền với biểu tượng nghệ thuật mang tính cách tân: *đàn ghi ta***.** **b. Ý nghĩa lời đề từ** - Lời đề từ là di chúc của Lor-ca khi dự cảm về cái chết của bản thân. (Trích trong bài thơ *Ghi nhớ*) - Thể hiện tình yêu say đắm của Lor-ca với nghệ thuật, với xứ sở Tây Ban Nha. - Lor-ca gửi gắm mong muốn xóa bỏ ảnh hưởng của bản thân để dọn đường cho thế hệ sau vươn tới sáng tạo những điều mới mẻ. -> Lời đề từ khẳng định vẻ đẹp của Lor-ca: người nghệ sĩ với tình yêu nghệ thuật cao thượng, vĩ đại.
Nhiệm vụ 2. Hình tượng Lor-ca **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia HS thành 4 nhóm tiến hành phân tích hình tượng Lor-ca theo các phiếu học tập: + *Phiếu học tập số* 1: Những chi tiết, hình ảnh miêu tả Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc ở đoạn 1. Nhận xét cuộc đời, số phận người nghệ sĩ Lorca? + *Phiếu học tập số 2:* Những chi tiết, hình ảnh miêu tả Lor-ca nơi pháp trường ở đoạn 2. Rút ra nhận xét. + *Phiếu học tập số 3*: Những chi tiết, hình ảnh miêu tả tiếng đàn Lor-ca ở đoạn thơ 3, 4. Rút ra nhận xét. + *Phiếu học tập số 4*: Những chi tiết, hình ảnh về cái chết Lor-ca và sự bất tử ở hai đoạn thơ cuối. Rút ra nhận xét. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS tiến hành trao đổi thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện HS trình bày phiếu học	**2. Hình tượng Lor-ca** **** Hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc:*** – Hình ảnh *"áo choàng đỏ":* Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha với những trận đấu bò tót và hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ. – *Tiếng đàn bọt nước*: Sự kết hợp giữa âm thanh và hình khối gợi đến cuộc đời của người nghệ sĩ (gắn với tiếng đàn), vừa gợi đến số phận mong manh, chìm nổi của ông (dễ tan vỡ như bọt nước). – Hình ảnh người nghệ sĩ "*đi lang thang"; "vầng trăng chếnh choáng"; "yên ngựa mỏi mòn":* Thể hiện phong cách nghệ sĩ dân gian tự do, phóng túng (lang thang trên những miền thảo nguyên); sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị rối ren, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi. -> Lorca – một con người yêu tự do, nhà cách tân nghệ thuật mang số phận mong manh và đơn độc. **** Hình ảnh Lor-ca nơi pháp trường:*** - *"Áo choàng bê bết đỏ":* Gợi cảnh tượng về cái chết kinh hoàng của Lor-ca, gợi số phận đau thương. - *"Chàng đi như người mộng du":* Lorca không quan tâm đến hiện thực xung quanh, không hề nao núng trước họng súng của bè lũ Phrăng-cô. -> Thể hiện nỗi xót xa, tiếc thương của tác giả đối với cái chết của Lor-ca, đồng thời gợi lên hình ảnh bi tráng của người nghệ sĩ. **** Hình ảnh tiếng đàn của Lorca:*** - *Tiếng ghi ta nâu/ Bầu trời cô gái ấy*: màu nâu là màu của cây đàn ghi ta, màu da rám nắng, màu của

tập của nhóm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt kiến thức	đất, của quê hương, thể hiện tình yêu nhân dân tha thiết. *Bầu trời cô gái ấy*: hình ảnh biểu tượng cho tự do, biểu tượng cho ước nguyện về tình yêu lứa đôi, ước nguyện về một mái ấm gia đình. - *Tiếng ghi ta lá xanh*: màu lá xanh, màu của sự sống, sự sinh sôi, màu hi vọng. - *Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*: bàng hoàng, tức tưởi, gợi sự mỏng manh của số phận. - *Tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy*: đau đớn, nghẹn ngào. Tiếng đàn trở thành thân phận, linh hồn, thành cả thân thể, sinh thể của người tạo ra nó. – *"Không ai chôn cất tiếng đàn/ Tiếng đàn như cỏ mọc hoang":* Nghệ thuật, tình yêu tự do mà Lor-ca theo đuổi không thể bị hủy diệt, nó luôn giản dị, có sức sống bất diệt và lan tỏa mãnh liệt như cỏ dại. - *Giọt nước mắt vầng trăng/ Long lanh trong đáy giếng*: Vầng trăng nơi đáy giếng là sự bất tử của cái Đẹp, thể hiện niềm tin mãnh liệt về sức sống bất diệt của tiếng đàn Lorca. -> Biện pháp so sánh và chuyển đổi cảm giác giúp tiếng đàn chuyển hóa linh hoạt thành sắc màu, hình khối…, khẳng định tài năng nghệ thuật của Lorca. **** Hình ảnh Lor-ca, cái chết và sự bất tử*** – *Đường chỉ tay đã đứt:* ẩn dụ về cuộc đời ngắn ngủi, một sự sống đã dừng lại. – *Dòng sông, ghi ta màu bạc*: gợi cõi chết (dòng sông sinh tử) và sự hóa thân bất tử cho nghệ thuật. – Các hành động: *ném lá bùa, ném trái tim*: tượng trưng cho một sự giã từ, giải thoát của người nghệ sĩ. - Chuỗi âm thanh *"li-la li-la li-la":* âm sắc thanh tịnh, siêu thoát như tràng hoa tưởng niệm người nghệ sĩ, tạo nên dư âm tha thiết của khúc bi ca. -> Hình ảnh giàu nghĩa biểu tượng, đan xen giữa thực và ảo, khẳng định sự bất diệt của Lorca trong lòng nhân dân Tây Ban Nha. => Khẳng định vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca; Tiếng lòng thương xót, đồng cảm sâu sắc của Thanh Thảo đối với người nghệ sĩ thiên tài Lor-ca.
Nhiệm vụ 3. Nhạc tính của bài thơ **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để trao đổi, nhận xét: - Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? - Nhận xét về âm hưởng của thi	**3. Nhạc tính của bài thơ** – Các yếu tố tạo nên nhạc tính: + Chuỗi từ *"li-la li-la li-la…"* có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phần kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. + Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền

phẩm này? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS tiến hành trao đổi theo cặp đôi, chỉ ra các yếu tố tạo nên nhạc tính, đồng thời nhận xét âm hưởng của bài thơ. **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện HS trình bày **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt kiến thức **Nhiệm vụ 4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV tổ chức hoạt động cặp đôi trao đổi: - Tìm những hình ảnh mang tính biểu tượng và nêu ý nghĩa của một hình ảnh đặc sắc nhất. - Xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi cặp đôi, dựa vào phần *Tri thức ngữ văn* để thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận** HS đại diện trình bày. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	mạch. + Các dòng thơ liên kết với nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, âm hưởng ngân vang (*hoàng – choàng), (ấy – mấy – chảy), (đàn – hoang – trăng), (ngang – gan),...* + Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dìu dặt, ngân nga (*lang thang, chếnh choáng, nghêu ngao, bê bết, ròng ròng, long lanh, đơn độc, mỏi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...*). - Nhạc tính giúp bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, căm phẫn vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba... **4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực** **a. Biểu tượng:** – Một số hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ: *áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái ấy, "giọt nước mắt vầng trăng/ long lanh trong đáy giếng",...* – HS lựa chọn một hình ảnh và nêu ý nghĩa: *"giọt nước mắt vầng trăng/ long lanh trong đáy giếng"*: giọt nước mắt sáng trong được ví với vầng trăng, vầng trăng nơi "đáy giếng" như giọt nước mắt muôn đời. Đem cái đẹp bao la, trường cửu đặt vào mặt nước nhỏ và sâu như một biểu tượng của niềm tin mãnh liệt nhưng âm thầm về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca. **b. Yếu tố tượng trưng, siêu thực:** – Yếu tố tượng trưng: những hình ảnh biểu tượng như *áo choàng, vầng trăng, dòng sông, tiếng đàn,...* - Yếu tố siêu thực: mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được *("đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc"; "chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/ vào xoáy nước";...)* – Tác dụng: Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả "lạ hoá" và "độ mở" cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc. => Tâm huyết với thơ, Thanh Thảo luôn trăn trở trong khát vọng kiếm tìm những cách biểu đạt mới. Dấu ấn sáng tạo của ông khá đậm nét ở loại thơ văn xuôi và trường ca. Thi phẩm *Đàn ghi ta của Lor-ca* được xem là thành công nhiều mặt của thơ Thanh

	Thảo.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Hiểu nội dung, tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung: HS nghiên cứu SGK, sử dụng kiến thức đã học để nêu cảm nhận, suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của toàn bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn: - Bài thơ thể hiện thái độ, tâm trạng của tác giả như thế nào? - Bài thơ thể hiện bằng hình thức nghệ thuật nào? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS lắng nghe câu hỏi - HS đọc kĩ văn bản - HS suy ngẫm và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** - Bài thơ ngợi ca vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca – nhà thơ, nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban Nha và thế giới thế kỉ XX. - Thể hiện tiếng lòng đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo đối với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca. **2. Nghệ thuật** - Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc. - Kết hợp hài hoà giữa hai yếu tố thơ và nhạc. - Hình ảnh sáng tạo, giàu tính biểu tượng, gợi mở liên tưởng nhiều chiều. - Sự kết hợp mới mẻ, lạ hoá về ngôn từ, sử dụng phong phú biện pháp tu từ. - Sử dụng yếu tố tượng trưng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP 1 *Hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc*	
Tìm hiểu	**Trả lời**
- Những chi tiết, hình ảnh miêu tả Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc ở đoạn 1. - Nhận xét cuộc đời, số phận người nghệ sĩ Lorca?	

PHIẾU HỌC TẬP 2 *Hình ảnh Lor-ca nơi pháp trường*	
Tìm hiểu	**Trả lời**
- Những chi tiết, hình ảnh miêu tả Lor-ca nơi pháp trường ở đoạn 2. - Rút ra nhận xét.	

PHIẾU HỌC TẬP 3 *Hình ảnh tiếng đàn của Lorca:*

Tìm hiểu	Trả lời
- Những chi tiết, hình ảnh miêu tả tiếng đàn Lor-ca ở đoạn thơ 3, 4. -Rút ra nhận xét.	

PHIẾU HỌC TẬP 4 *Hình ảnh Lor-ca, cái chết và sự bất tử.*	
Tìm hiểu	**Trả lời**
- Những chi tiết, hình ảnh về cái chết và sự bất tử của Lor-ca ở hai đoạn thơ cuối. - Rút ra nhận xét.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài thơ, HS viết kết nối với đọc

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh có thể hiện đặc sắc trong hình thức biểu đạt (Hình ảnh tượng trưng, siêu thực; Thể thơ tự do; Nhạc tính, biện pháp tu từ…).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu HS thực hành viết đoạn văn **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức: – Nội dung: Cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ: + Biểu hiện nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ. + Tác dụng của hình thức biểu đạt trong việc thể hiện hình tượng Lor-ca và cảm xúc của tác giả. + Những tâm đắc riêng của cá nhân – Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. **B3. Báo cáo thảo luận**. GV khuyến khích sự xung phong hoặc chỉ định 1 – 2 HS trình bày trước lớp **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh về bài	Trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca,* nhà thơ Thanh Thảo đã cho người đọc thấy được những cách tân về hình thức biểu đạt. Một trong những nét đặc sắc về hình thức biểu đạt phải kể đến đó là yếu tố âm nhạc (Nhạc tính) của bài thơ. Ngoài cấu trúc tự sự, bài thơ còn được chồng thêm một cấu trúc khác: cấu trúc nhạc giao hưởng, gợi liên tưởng một bè trầm (basso ostinato) có phần nhạc đệm của ghi ta. Các chuỗi âm *"li-la li-la li-la"* luyến láy sau hai câu thơ đầu, gợi liên tưởng tiếng vang của chùm hợp âm sau tấu khúc hoặc ca khúc mở đầu. Chuỗi âm "li-la li-la li-la" kết thúc bài thơ gợi lên tiếng vang của chùm hợp âm vĩ thanh, sau khi phần chính của bản nhạc đã được diễn tấu xong, hoặc khi ca khúc đã dừng lời. Ngoài ra, nhịp thơ thay đổi linh hoạt, khiến lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng, khi liền mạch. Để tạo độ dìu dặt, ngân vang cho lời thơ, Thanh Thảo đã tận dụng tối đa biện pháp điệp ngữ, điệp âm, sử dụng các từ láy như *lang thang, chếnh choáng, nghêu ngao, ròng ròng*…Với nhạc tính đó, bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng. Từ đó, người đọc hiểu hơn về vị trí của Lor-ca trong lịch sử dân tộc Tây Ban Nha, thấu hiểu sự ngưỡng mộ và tôn kính của nhà thơ Thanh Thảo đối với người Thầy vĩ đại của mình.

viết của HS, rút kinh nghiệm và kết luận.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn

b. Nội dung: HS về nhà vẽ bức tranh về đặc trưng văn hóa của đất nước Tây Ban Nha được thể hiện trong bài thơ (Đàn ghi ta, khung cảnh đấu bò tót, điệu nhảy Flamenco…)

c. Sản phẩm: Tranh vẽ của học sinh (thực hiện theo tổ, nhóm)

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS (theo tổ, nhóm) vẽ tranh về văn hóa Tây Ban Nha thể hiện trong bài thơ "Đàn ghita của Lor-ca".

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Mỗi tổ phân công nhiệm vụ cho thành viên của mình để cùng hoàn thiện sản phẩm. HS thảo luận để chọn nội dung, lên ý tưởng về bố cục, màu vẽ, giấy vẽ... Các tổ hoàn thiện tranh vẽ ở nhà.

B3. Báo cáo thảo luận: HS nộp lại sản phẩm sau 1 tuần. Sản phẩm được thuyết trình, giới thiệu trên lớp.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chấm điểm sản phẩm học tập và trưng bày những sản phẩm có chất lượng.

4. Củng cố: HS nắm lại những đặc sắc của bài thơ về nội dung và nghệ thuật.

5. HDVN:

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học
- Soạn tiết "Thực hành Tiếng Việt": Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ (HS làm các bài tập trong SGK, Trang 51)

PHẦN 2:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 17: TÁC DỤNG CỦA MỘT SỐ BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết, phân tích được một số phép tu từ thường gặp trong thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối và biết phân tích tác dụng của chúng.

2. Về năng lực: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp HS phân tích được các tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.

3. Về phẩm chất: HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi học trò nhớ lại kiến thức về các biện pháp tu từ đã học ở các lớp dưới.

b. Nội dung: Học sinh nêu được tên các biện pháp tu từ đã học; nhận biết được các ví dụ đưa ra thuộc các biện pháp tu từ.

c. Sản phẩm: Các biện pháp tu từ đã học: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, đảo ngữ, nói quá, nói giảm nói tránh,....

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên cho cả lớp hoàn thiện phiếu học tập. ***B2. Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện nhiệm vụ tìm tên biện pháp tu từ và nối vào ví dụ tương ứng, ghi kết quả ra giấy. **B3. Báo cáo thảo luận:** Tổ chức thảo luận và kết luận. Gv thu sản phẩm cử 3 học sinh trình bày kết quả. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động của HS, từ đó gợi nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ đã học.	**I. Khởi động** - Các biện pháp tu từ đã học: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, đảo ngữ, nói quá, nói giảm nói tránh,... **- Các ví dụ:** **+ So sánh:** *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi* *Như đứng đống lửa như ngồi đống than.* (Ca dao) **+ Nhân hóa:** *Heo hút cồn mây súng ngửi trời* (*Tây Tiến*- Quang Dũng) **+ Ẩn dụ:** *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi* *Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.* *(Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ*- Nguyễn Khoa Điềm) **+ Hoán dụ:** *Những trái tim như ngọc sáng ngời. (Mẹ Tơm –* Tố Hữu*)* **+ Điệp ngữ:** "*Nhớ sao ngày tháng cơ quan* *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo* *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều* *Chày đêm nện cối đều đều suối xa…"* (*Việt Bắc*- Tố Hữu) **+ Chơi chữ:** *Con ngựa đá đá con ngựa đá.* **+ Nói giảm nói tránh:** *Anh bạn dãi dầu không bước nữa* *Gục lên súng mũ bỏ quên đời. (Tây Tiến*- Quang Dũng*)* **+ Đảo ngữ:** *Lao xao chợ cá làng ngư phủ* *Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.* *(Cảnh ngày hè*- Nguyễn Trãi*)*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp và biện pháp tu từ đối.

b. Nội dung: HS đọc thu thập thông tin, nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp biện pháp tu từ đối thông qua bảng nối cột

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Nối cột A với cột B

A	Nối	B
1.Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá		*a) Buồn trông cửa bể chiều hôm* *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa* *Buồn trông ngọn nước mới sa* *Hoa trôi man mác biết là về đâu* *Buồn trông nội cỏ dầu dầu* *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi* (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)
2.Tác dụng của biện pháp tu từ đối		*b) Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ* *Người khôn người đến chốn lao xao* (Trích Nhàn - Nguyễn Bỉnh Khiêm)
3. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ ẩn dụ (trong một cặp câu)		*c) Thuyền về có nhớ bến chăng* *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền* (Ca dao)
4. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ đối (trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu)		d) Làm cho sự vật vô tri vô giác trở nên cụ thể, sinh động gần gũi, có hồn hơn
5. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ điệp ngữ		e) Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn, tăng hiệu quả diễn đạt.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn tr.41 SGK tập 1 để nhận biết **biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hoá, điệp, đối** **- GV chiếu** Bảng nối cột A với cột B **Yêu cầu:** HS quan sát, thảo luận cặp đôi nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá và biện pháp tu từ đối bằng nối cột **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc lại Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi hoàn thành bảng nối - GV quan sát, khích lệ, động viên HS **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện cặp đôi trình bày kết quả nối cột - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét	**I. Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp, đối** **1/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, đối** - Biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ. + Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt làm cho sự vật vô tri vô giác trở nên cụ thể, sinh động gần gũi, có hồn hơn - Biện pháp tu từ đối là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau về nghĩa + Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn, tăng hiệu quả diễn đạt. + Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu: *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy* *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu* *Ngàn dâu xanh ngắt một màu,* *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?* (Bản dịch Đoàn Thị Điểm, *Chinh phụ ngâm*) + Đối trong một cặp câu: *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,* *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.”*

Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá kết quả làm việc của HS theo Dự kiến sản phẩm (ĐÁP ÁN: 1d, 2e, 3c, 4b, 5a)	(Nguyễn Khuyến, *Thu điếu*) **2/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp** - Biện pháp tu từ ẩn dụ có tác dụng nhằm tăng sức gợi hình va gợi cảm cho sự diễn đạt *d) Thuyền về có nhớ bến chăng* *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền* (Ca dao) - Biện pháp tu từ điệp ngữ có tác dụng tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho câu văn, đoạn thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

a. Mục tiêu: Học sinh nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

b. Nội dung: Học sinh thực hiện nhiêm vụ được giao, ghi lại kết quả.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS làm các bài tập 1,2,3,4 trong sgk trang 51- thành 4 nhóm - Nhóm 1 – Bài tập 1 - Nhóm 2 – Bài tập 2 - Nhóm 3 – Bài tập 3 - Nhóm 4 – Bài tập 4 **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận** GV tổ chức cho các nhóm cử đại diện lên báo cáo thảo luận và kết luận. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận như mục *Sản phẩm*, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở	**II. LUYỆN TẬP** **1. Bài tập 1 SGK Ngữ văn 12, tập 1, trg 51** **a. Chiều chiều oai linh thác gầm thét** **Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người** - Các hình ảnh nhân hoá "thác gầm thét", "cọp trêu người": - Tác dụng: + Tái hiện khung cảnh rừng già hoang vu, bí ẩn đầy nguy hiểm của núi rừng Tây Bắc qua âm thanh thác nước dữ dội ở tầng trên và tiếng chân cọp đe dọa ở tầng dưới chân thác. Qua đó, ta thấy được sự hiểm nguy hàng ngày các chiến binh Tây Tiến phải trải qua. Đó là vẻ đẹp kiên cường, anh dũng của các chiến binh Tây Tiến. + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. **b.** *Trời thu thay áo mới* *Trong biếc nói cười thiết tha* - Các hình ảnh nhân hoá "Trời thu thay áo mới", " nói cười thiết tha". - Tác dụng: + Câu thơ gợi hình ảnh bầu trời thu như một con người trong màu áo mới của mùa thu, tươi tắn, ấm áp, biết "nói cười thiết tha". Gợi khung cảnh tươi sáng và không khí tràn ngập niềm vui của mùa thu độc lập. + Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm, có hồn

	2. Bài tập 2 SGK Ngữ văn 12, tập 1, trg 51 *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc* *Quân xanh màu lá dữ oai hùm* *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới* *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm* (Quang Dũng – *Tây Tiến)* - Các hình ảnh ẩn dụ "dữ oai hùm", "dáng kiều thơm". - Tác dụng: + Hình ảnh " *Dữ oai hùm*": thể hiện cốt cách ngang tàng, kiêu dũng của người lính Tây Tiến. Bất chấp hình hài tiều tuỵ xanh xao vì căn bệnh sốt rét rừng, phong thái họ vẫn hùng dũng, oai nghiệm như chúa sơn lâm +*"Dáng kiều thơm":* gợi vẻ đẹp duyên dáng, yêu kiều, sang trọng của những thiếu nữ Hà thành. Qua đó, thể hiện nỗi nhớ quê nhà, khát vọng tình yêu và tâm hồn mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. + Đồng thời còn ***t***ăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn thơ. **3. Bài tập 3** **a**. *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm* …… *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* - Các điệp ngữ: "Dốc" và "ngàn thước" - Tác dụng: + Điệp ngữ "dốc" đặt ở đầu và giữa câu thơ, gợi tả những con dốc nối tiếp nhau, dốc chồng lên dốc; điệp ngữ "ngàn thước": những đỉnh núi cao ngất trời và vực sâu thăm thẳm. Qua đó nhấn mạnh sự hùng vĩ, hiểm trở của núi non vùng Tây Bắc. + Tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho đoạn thơ. **b.** *tiếng ghi ta nâu* ……. *máu chảy* - Các điệp ngữ: "tiếng ghi ta" - Tác dụng: + Điệp ngữ "tiếng ghi-ta": nhấn mạnh những ấn tượng về tiếng đàn, về nghệ thuật và tâm hồn người nghệ sĩ Lor-ca; + Tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho giai điệu cho các câu thơ, đoạn thơ. **4. Bài tập 4** **a.** *Gặp thời đồ điếu công thành dễ,* ……

	Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà - Biện pháp tu từ đối: "*gặp thời – lỡ vận, đồ điếu – anh hùng, công thành dễ – hận xót xa; phò chúa – tẩy binh, dốc lòng – khôn lối, nâng trục đất – kéo Ngân Hà"* - Tác dụng + Biện pháp tu từ đối ở bốn câu thơ: *gặp thời – lỡ vận, đồ điếu – anh hùng, công thành dễ – hận xót xa; phò chúa – tẩy binh, dốc lòng – khôn lối, nâng trục đất – kéo Ngân Hà.* Tác dụng nhấn mạnh những "trải nghiệm" đau đớn và bày tỏ nỗi niềm bi phẫn của nhân vật trữ tình. + Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa nhịp nhàng cho lời thơ, đoạn thơ, tăng hiệu quả diễn đạt. **b.** *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi* *Mương Lát hoa về trong đêm hơi* - Biện pháp tu từ đối: "Sài Khao – Mường Lát" , "sương lấp – hoa về" - Tác dụng + Đối từ ngữ chỉ địa danh như Sài Khao- Mường Lát + Miêu tả trạng thái của cảnh vật (sương lấp – hoa về)có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên miền sơn cước: vừa hiểm trở, hoang vu, giá lạnh vừa thơ mộng, tình tứ. + Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa nhịp nhàng cho lời thơ, đoạn thơ, tăng hiệu quả diễn đạt.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ, vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), theo chủ đề tự chọn.

HS có nhiều lựa chọn. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

- **Nội dung:** Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.
- **Hình thức:** Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

B3. Báo cáo thảo luận

GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.

HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập. GV yêu cầu HS trong lớp đọc và góp ý.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

GV đưa ra sản phẩm minh họa:
Mỗi ngày khi chúng ta tỉnh dậy vào buổi sớm là một ngày hạnh phúc. Ta gọi đó là ngày hạnh phúc bởi trước hết là một ngày ta được sống. Trái tim nhỏ bé đập trong lồng ngực như reo vui trước nhịp sống đang diễn ra mỗi ngày. Hạnh phúc mỉm cười, vẫy tay chào đón chúng ta, chỉ cần mỗi người biết trân trọng hạnh phúc là những gì mình đang có. Vậy đó, hạnh phúc thật sự rất đơn giản, hạnh phúc là yêu thương; hạnh phúc là trân trọng; hạnh phúc là kiếm tìm đích đến của chính mình từ những điều đơn giản nhất.

4. Cũng cố: HS làm bài tập
- Nối cột tên BPTT vào ví dụ tương ứng.
- Chỉ ra các dấu hiệu nhận biết của các biện pháp tu từ đó.

1. Nhân hóa	***a.*** *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi* *Như đứng đống lửa như ngồi đống than.* (Ca dao)
2. So sánh	***b.*** *"Nhớ sao ngày tháng cơ quan* *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo* *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều* *Chày đêm nện cối đều đều suối xa…"* (*Việt Bắc*- Tố Hữu)
3. Ẩn dụ	***c.*** *Con ngựa đá đá con ngựa đá.*
4. Hoán dụ	***d .*** *Anh bạn dãi dầu không bước nữa* *Gục lên súng mũ bỏ quên đời.* (*Tây Tiến*- Quang Dũng)
5. Chơi chữ	***e.*** *Lao xao chợ cá làng ngư phủ* *Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương (Cảnh ngày hè- Nguyễn Trãi)*
6. Đảo ngữ	***f.*** *Những trái tim như ngọc sáng ngời (Mẹ Tơm-* Tố Hữu)
7. Điệp ngữ	***g.*** *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi* *Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.* *(Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ-* Nguyễn Khoa Điềm)
8. Nói giảm nói tránh	***h.*** *Heo hút cồn mây súng ngửi trời (Tây Tiến-* Quang Dũng)

(ĐÁP ÁN: 1h, 2a, 3g, 4f, 5c, 6e, 7b, 8d)

5. HDVN
- Hoàn thành bài tập vận dụng.
- Sưu tầm thêm các bài tập xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ
- Chuẩn bị bài: Viết bài văn NL So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

PHẦN 3: VIẾT

Tiết 18,19

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức
- Giới thiệu ngắn ngọn về hai bài thơ và nêu được những cơ sở lựa chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá.
- Làm sáng tỏ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm.
- Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh
- Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.

2. Về năng lực

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, lựa chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Chỉ ra, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: bảng, máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức, tạo hứng thú cho học sinh.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung HS trả lời cá nhân để giải quyết tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. GV giao nhiệm vụ cho HS - Hãy kể tên một số tác phẩm thơ cùng đề tài mà em đã học hoặc đã đọc? - Theo em, vì sao những bài thơ có cùng đề tài mà vẫn có sức hấp dẫn đối với người đọc, người viết? **B2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3.** HS báo cáo sản phẩm. GV tạo không khí thật thoải mái để HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình. GV cho 1 – 2 HS trình bày, các HS còn lại bổ sung. **B4**. GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, biểu dương tinh thần tích cực của HS. - GV dẫn vào bài: Trong chương trình THPT, việc so sánh hai tác phẩm văn học là kiểu bài nghị luận cần thiết và quen thuộc nhằm đánh giá kĩ năng cảm thụ văn học và kĩ năng viết có chiều sâu về tác phẩm. Với kiểu bài này đòi hỏi HS cần có năng lực cảm thụ sâu sắc tác phẩm văn học,	***Một số bài thơ cùng đề tài:** **- Đề tài người lính:** *Tây Tiến (Quang Dũng), Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về Tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)* **- Đề tài Đất nước:** *Đất nước (Nguyễn Đình Thi), Trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)* … **- Đề tài người phụ nữ:** *Thương vợ (Tú Xương), Tự tình (Hồ Xuân Hương)…* **- Đề tài mùa xuân**: *Mùa xuân chín, Xuân như ý (Hàn Mặc Tử),* …. *** HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về sức hấp dẫn của những bài thơ có cùng đề tài, có thể là:** - Cùng đề tài nhưng mỗi bài thơ, mỗi tác giả có những cách biểu cảm, cách cấu tứ, xây dựng hình

có vốn kiến thức phong phú, sâu rộng, sự tinh nhạy cùng với lối tư duy tổng hợp, khái quát cao để nhận ra nét tương đồng và khác biệt của hai hay nhiều tác phẩm được so sánh. Mỗi bài thơ là một đứa con tinh thần của nhà thơ. Tuy có nhiều bài thơ có chung một đề tài nhưng mỗi bài lại mang dáng vẻ khác nhau, tạo được ấn tượng riêng với bạn đọc và có chỗ đứng riêng trong nền văn học Việt Nam. So sánh hai tác phẩm thơ, chúng ta không chỉ hiểu thêm về bài thơ mà còn thấy được cái hay đặc biệt làm nên giá trị mỗi bài thơ.	tượng nghệ thuật riêng biệt, tạo dấu ấn riêng.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung: Tìm hiểu yêu cầu kiểu bài

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Giáo viên gọi học sinh đọc bài viết tham khảo, yêu cầu HS chú ý các thẻ lưu ý bên phải và trả lời các câu hỏi sau: 1. Trong bài viết, tác giả đã dựa trên những cơ sở nào khi chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá? 2. Bài viết triển khai các nội dung, so sánh đánh giá như thế nào? Bạn có nhận xét gì về hiệu quả cách triển khai đó? 3. Theo bạn, có thể có những cách trình bày nào khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu phía trên **B3. Báo cáo thảo luận:** - Trả lời câu hỏi cá nhân và trình bày trước giáo viên **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Gv nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức	**I. Tìm hiểu chung về dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ** **1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo** - Trong bài viết, tác giả đã lựa chọn hai bài thơ là *Thu vịnh* (Nguyễn Khuyến) và *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), cơ sở lựa chọn là hai bài thơ nổi tiếng cùng viết về mùa thu xứ Bắc của Việt Nam nhưng ra đời vào những thời đại khác nhau. - Bài viết so sánh đánh giá bài thơ theo trình tự sau: ***(1) Giới thiệu hai bài thơ và định hướng so sánh*** + Hai bài thơ: Thu Vịnh (Nguyễn Khuyến) và Đây mùa thu tới (Xuân Diệu). + Định hướng: So sánh bức tranh thiên nhiên mùa thu ở hai bài thơ từ đó so sánh tâm trạng của hai nhà thơ. ***(2) Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ.*** Gặp gỡ ở điểm là đều viết về cảnh thu, tình thu đẹp nhưng buồn. ***(3) Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo nên sự khác biệt của đối tượng so sánh*** Nét riêng biệt là do sự khác biệt thế hệ của hai nhà thơ nên có những quan điểm thẩm mĩ khác nhau. ***(4)Phân tích nét riêng trong cảnh và tình của***

	bài Thu vịnh. Đây là bức tranh thu ở làng quê Việt Nam, dân dã và yên bình. Tâm tư nhà thơ bộn bề với nỗi lo lắng về vận nước nhà. ***(5) Phân tích nét riêng của bài Đây mùa thu tới trong sự đối sánh với bài Thu Vịnh.*** Nỗi buồn trong thơ Xuân Diệu là nỗi buồn đầy trực cảm→mùa thu đến và đi gợi cho Xuân Diệu nỗi lắng lo về sự chảy trôi của thời gian chứ không ngưng đọng cảnh như Nguyễn Khuyến. ***(6) Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ.*** Một bài thơ mang đậm màu sắc cổ điển với phong vị ẩn dật, một bài thơ mang đậm nét hiện đại với cái tôi cá nhân mới mẻ. ***(7) Nêu ý kiến khẳng định về kết quả và ý nghĩa của việc so sánh.*** Cả hai tâm hồn đều yêu tha thiết mùa thu và đều muốn hướng về tình yêu quê hương xứ sở. - Với cách triển khai như trên người viết đã phân tích, đánh giá được sự gặp gỡ, tiếp nối của thơ ca về vẻ đẹp của mùa thu đất nước cùng những giá trị, những nét đặc sắc riêng của mỗi bài thơ. - Bài viết là một phương án triển khai nội dung so sánh, đánh giá. Học sinh có thể điều chỉnh bổ sung theo ý kiến cá nhân. Chẳng hạn: Khi so sánh điểm giống nhau có thể lí giải thêm để thấy sự gặp gỡ của các thi nhân trong việc bộc lộ tình yêu với thiên nhiên đất nước, hoặc có thể so sánh, đánh giá riêng về điểm tương đồng và khác biệt theo từng phương diện (cảnh thu, tình thu) của hai bài thơ…
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: + Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là gì? + Yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ có điểm gì chung và điểm gì riêng so với kiểu bài phân tích, đánh giá một bài thơ? + Theo em để so sánh hai tác phẩm	**2. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài:** **- Mục đích so sánh, đánh giá:** Đối sánh hai tác phẩm văn học, đánh giá được những giá trị đặc sắc, những đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. Ngoài việc hướng đến làm rõ các giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, thì yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ ngoài thao tác nghị luận chung về phân tích thơ, còn đòi hỏi người viết sử dụng thao tác đối sánh (liên hệ, kết nối) để có cái nhìn tổng quan hoặc đi sâu vào từng khía cạnh cần so sánh của văn bản. **- Yêu cầu của kiểu bài:** + Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm thơ so sánh.

thơ, người viết cần trang bị kiến thức kĩ năng gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ và phát biểu ý kiến cá nhân. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. **B4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thơ xét trên phương diện nội dung và nghệ thuật. + Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp. + Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm thông qua việc so sánh. + Với kiểu bài này đòi hỏi HS cần có năng lực cảm thụ sâu sắc tác phẩm văn học, có vốn kiến thức phong phú, sâu rộng, sự tinh nhạy cùng với lối tư duy tổng hợp, khái quát cao để nhận ra nét tương đồng và khác biệt của hai hay nhiều tác phẩm được so sánh. **3. Dàn ý chi tiết kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (SGK/trang 57)** **Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá. **Thân bài:** Có nhiều cách trình bày nội dung so sánh, đánh giá. Người viết cần linh hoạt trong việc lựa chọn cách trình bày phù hợp với hiểu biết và hứng thú của bản thân, điều này sẽ góp phần quan trọng vào thành công của bài viết. Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: **- Cách 1:** Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này dễ làm nhưng nhiều khi bị trùng lặp ý và mục đích so sánh không được làm nổi bật. **- Cách 2:** Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này cũng dễ thực hiện và tránh bị trùng lặp, thể hiện được ý so sánh, nhưng mạch so sánh khi trình bày bài thơ thứ nhất dễ bị chìm. **- Cách 3:** So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. Cách này làm nổi bật được tính chất so sánh

	nhưng dễ làm mờ tính liền mạch, chỉnh thể của mỗi bài thơ, đòi hỏi người viết phải có khả năng tư duy tổng hợp và lập luận chặt chẽ, có sự tinh nhạy trong phát hiện vấn đề. **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị viết – chọn đề tài
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV cho HS tự lựa chọn đề tài trong SGK hoặc tự chọn một đề tài so sánh.
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
- HS lựa chọn đề tài và tìm đọc lại hai văn bản thơ, xác định phương diện so sánh, tiến hành lập dàn ý theo phiếu học tập 1 và 2
PHIẾU HỌC TẬP 1
Đề bài: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ Đồng chí (Chính Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng)
Họ và tên….Nhóm…Lớp…
<table>
<tr><td>Mục đích so sánh</td><td>Phương diện sánh</td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
</table>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Đề bài: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ Đồng chí (Chính Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng)
Họ và tên….Nhóm…Lớp…
<table>
<tr><td>Điểm tương đồng giữa</td><td>Điểm khác biệt giữa hai bài thơ</td><td>Giá trị của hai bài</td></tr>
</table>
</td><td>
II. Thực hành viết:
1. Chọn đề tài
-Trước hết, HS cần xác định những cơ sở để triển khai các nội dung so sánh, gắn với đặc trưng của thể thoại thơ (đề tài, phong cách sáng tác, bút phát nghệ thuật…). Từ cơ sở đó, xác định lựa chọn các bài thơ tiêu biểu với những điểm tương đồng, khác biệt có ý nghĩa.
- Phạm vi lựa chọn so sánh đánh giá rất mở và linh hoạt. Hai bài thơ có thể của hai tác giả hoặc cùng tác giả.
- Xác định được phương diện cần so sánh: Đối tượng cụ thể được miêu tả, thể hiện, cảm hứng, cái nhìn nghệ thuật, bút pháp…
*Gợi ý một số đề tài:
- So sánh hai tác phẩm thuộc các giai đoạn, xu hướng văn học khác nhau: Tiếng nói tri âm trong Độc Tiểu Thanh kí (Nguyễn Du) và Đàn ghi-ta của Lorca (Thanh Thảo)
- So sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong các tác phẩm thơ: Cảm hứng về đất nước trong Đất nước (Nguyễn Đình Thi) và Việt Bắc (Tố Hữu)
- So sánh, đánh giá các hình tượng: Hình tượng người lính trong Đồng chí (Chính Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng), hình tượng người phụ nữ trong Tự tình II (Hồ Xuân Hương) và Thuyền và biển (Xuân Quỳnh)…
- So sánh đánh giá về hình thức nghệ thuật: Cách thể hiện nỗi nhớ trong Tây Tiến (Quang Dũng) và Tiếng hát con tàu (Chế Lan Viên)…
2. Hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý cho một đề bài
</td></tr>
</table>

hai bài thơ	(Gợi ý: Nguồn gốc xuất thân, vẻ đẹp, bút pháp miêu tả)	thơ

B3. Báo cáo thảo luận:
- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV nhận xét, chốt kiến thức, hướng dẫn lập dàn ý và các bước thực hành viết.

cụ thể
- **Đề bài:** So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Các bước	**Nội dung**		
Chuẩn bị viết	- Tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến hai tác phẩm, ghi chép những thông tin cần thiết về yêu cầu của đề. - Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ hình tượng người lính trong hai tác phẩm thơ. - Xác định phương diện so sánh: Hình tượng người lính. - Bài viết có thể làm rõ sự tương đồng hoặc tập trung nói về sự khác biệt giữa hình tượng người lính trong hai tác phẩm.		
Tìm ý, lập dàn ý	**Tìm ý**	**Trả lời câu hỏi:** Dựa vào yêu cầu của kiểu bài, định hướng từ bài viết tham khảo và đề tài đã xác định, có thể nêu các câu hỏi sau để tìm ý: - *So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào?* Việc xác định cơ sở để so sánh, đánh giá dựa trên nội dung (hiện thực đời sống, tư tưởng, tình cảm của tác giả,..) và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm (thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, giong điệu, hình ảnh, chi tiết, thủ pháp nghệ thuật,..). - *Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì*? - *Đâu là đểm khác biệt giữa hai bài thơ?* - *Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác biệt của hai bài thơ?* Điểm tương đồng và khác biệt thường xuất phát từ những yếu tố thuộc về đặc trưng của thơ ca và phong cách nghệ thuật riêng của mỗi nhà thơ, hoặc xu hướng và bút pháp thi ca của từng giai đoạn sáng tác. - *Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ*	
	Lập	**MB**	**Giới thiệu ngắn gọn về**

			dàn ý		**hai bài thơ Tây Tiến và Đồng chí**
				TB	- HS cần xác định đúng phạm vi so sánh, đánh giá: Hình tượng người lính trong hai bài thơ. - HS lựa chọn cách triển khai đánh giá phù hợp với năng lực và trình độ của bản thân - Gợi ý so sánh: **+Nguồn gốc xuất thân:** chiến sĩ Tây Tiến (trong đó có tác giả) số đông là những thanh niên trí thức Hà thành, người lính trong Đồng chí là những người nông dân mặc áo lính. Các anh ra đi từ những làng quê nghèo **+ Vẻ đẹp:** Chiến binh Tây Tiến mang vẻ đẹp khác thường. Hình tượng các anh nổi lên vừa hào hùng, dữ dội lại vừa hào hoa, mơ mộng. Người chiến sĩ dưới ngòi bút Chính Hữu mang vẻ đẹp bình dị. Các anh hiện ra với dáng vẻ: Chất phác, lam lũ: **+ Bút pháp miêu tả:** bút pháp của Chính Hữu trong Đồng chí là bút pháp tả thực. Ông chú trọng vẻ đẹp của tình đồng chí – những người chung quân ngũ,chung lý tưởng chiến đấu. Còn Quang Dũng đã khái quát vẻ đẹp chung của người chiến sĩ Tây Tiến trên đường hành quân và hoạt động ở vùng biên giới xa xăm, nhiều hiểm trở với bút pháp lãng mạn
				KB	Tuy hai hình tượng người lính này mang những vẻ đẹp khác nhau nhưng làm hoàn chỉnh bức chân dung

				anh bộ đội Cụ Hồ trong buổi đầu tiến hành cuộc cách mạng kháng chiến chín năm chống Pháp.
	Viết	Sản phẩm là bài viết của học sinh		
	Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung. - Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức		
	3. Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết **Sản phẩm là bài viết của Học sinh**			

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ
c. Sản phẩm: Bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề và bài viết của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
B1: Chuyển giao nhiệm vụ
NV1: Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề.
NV2: Tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.
B3: Báo cáo, thảo luận: Thực hiện báo cáo vào tiết nói và nghe.
B4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, tổng kết cho điểm trong bài học sau.
4. Củng cố
5. HDVN
- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Chuẩn bị nội dung nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ HS tự lựa chọn.

TRẢ BÀI VIẾT NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU
1. Về năng lực
- Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT…
- Năng lực đặc thù:
+ Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và tư duy để làm tốt các bài kiểm tra.
+ Tự đánh giá những ưu - nhược điểm trong bài làm của mình.
+ Năng lực tự chủ và tự học, có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau.
2. Về phẩm chất:

- Tự giác về sửa chữa lại bài.
- Ý thức nỗ lực vươn lên trong học tập.
- Chăm chỉ, vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Đề kiểm tra
- Bài kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS, HS rút kinh nghiệm cho bài làm

b. Nội dung: GV chữa bài, trả bài; HS đối chiếu đáp án với bài làm của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ ***GV:*** - Chiếu 3 bài trích từ bài làm của HS: + 1 văn bản TB : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cẩu thả... + 1 văn bản viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả... + 1 VB viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi.. - Y.c HS đọc và so sánh để chỉ ra lỗi của văn bản : ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB tối ưu nhất . **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** ***GV chuyển dẫn vào bài mới***: Nguyên nhân nào dẫn đến các hạn chế trong bài kiểm tra của HS...?	- Đọc to VB và phân tích ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB: hay nhất.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: HS rèn kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý, lập ý, liên kết, sử dụng kết hợp các TTLL (phân tích, so sánh...) để viết bài nghị luận văn học.

b. Nội dung: HS chữa bài, phân tích đề, lập dàn ý; GV đưa ra đáp án.

c. Sản phẩm: Nội dung bài học, bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS phân tích đề và lập dàn ý **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu hsinh nhắc lại đề. GV chiếu đề lên ? Xác định yêu cầu của đề ở bài văn? ? Lập dàn ý? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**I. Đề bài và đáp án biểu điểm** Giáo án tiết kiểm tra... ***Đề bài:*** - HS lên bảng chữa bài. **** Phân tích đề:***

Gọi 1 – 2 HS nhận xét. GV bổ sung, chốt. Đáp án tiết viết bài **Nhiệm vụ 2:** ***Nhận xét, đánh giá chung*** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nhận xét ưu - nhược điểm bài viết của mình. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** **BIỂU ĐIỂM:** - **Điểm 9 - 10:** Đáp ứng tốt các yêu cầu của đề, bố cục sáng rõ, văn viết mạch lạc, có cảm xúc, cảm nhận độc đáo, sâu sắc, sáng tạo. - **Điểm 7- 8:** Đáp ứng khá tốt các yêu cầu của đề, bố cục hợp lí, mắc một số lỗi về diễn đạt. - **Điểm 5- 6:** Đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đề, mắc 1 số lỗi diễn đạt, viết câu. - **Điểm 3 - 4:** Chưa sát đề, mắc nhiều lỗi diễn đạt, viết câu. - **Điểm 1- 2:** Chưa hiểu đề, bài làm sơ sài, hoặc lan man, kiến thức thiếu chắc chắn, diễn đạt hạn chế - **Điểm 0:** Không làm bài, bỏ giấy trắng.	**II. Nhận xét chung** ***1. Ưu điểm.*** - Xác định đúng vấn đề nghị luận - Triển khai yêu cầu về nội dung của đề. - Chữ viết rõ rang, diễn đạt trong sang, mạch lạc - Bài viết chỉ rõ được nét tương đồng, điểm khác nhau và nguyên nhân - Sáng tạo, liên hệ, mở rộng…. ***2. Nhược điểm.*** - 1 số bài chưa bám sát đề, chưa làm rõ được yêu cầu của đề. - Nội dung sơ sài. - Một số bài diễn đạt chưa lưu loát, mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, viết câu. - Chữ viết xấu - Có bài cả phần thân bài chỉ có 1 đoạn văn.
Nhiệm vụ 3: ***Trả bài, rút kinh nghiệm***. **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV trả bài cho HS. GV yêu cầu: ? Em hãy đối chiếu với yêu cầu của đề, so sánh với dàn ý vừa lập để nhận ra ưu, khuyết điểm trong bài làm của bản thân. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Hs đọc bài và tự nhận xét bài làm. GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu. **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu. Gv yêu cầu các HS sinh trao đổi bài cho nhau để cùng học tập, rút kinh nghiệm. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV trả lời băn khoăn của HS về bài làm của mình.	**III. Trả bài và đọc bài.** ***1. Cho HS đọc 3 bài, cụ thể:*** + Một bài thuộc loại khá, giỏi: + Một bài thuộc loại trung bình: + Một bài thuộc loại yếu kém : - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm. ***2. Trao đổi bài .*** ***3.Hướng dẫn chữa lỗi.*** Xem lại những lỗi đã mắc mà cô giáo đã chỉ ra bằng mực đỏ. **IV. Bài viết tiêu biểu** - Bài viết tốt (8-9,10 điểm): - Bài viết đạt yêu cầu (5-6-7 điểm): - Bài viết yếu, kém (dưới 5): **V. Tổng kết kết quả**

Thống kê			
Điểm giỏi:			

Gv đọc 1 số dẫn chứng HS mắc lỗi. GV tổng kết kết quả bài viết của học sinh.	Điểm khá:				
	Điểm TB:				
	Điểm kém:				

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng những KT, KN đọc – hiểu; thực hành các lỗi trong bài viết của mình.

b. Nội dung: HS có thể làm chữa các lỗi trong bài kiểm tra của bản thân, khắc phục các lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu, liên kết câu, đoạn văn.

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS đã được sửa các lỗi

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu đọc kĩ bài, lời nhận xét của GV. - Đối chiếu dàn ý, biểu điểm, đáp án. - Sửa những lỗi mắc cơ bản: + Lỗi diễn đạt, dùng từ (viết lại phần sai). + Lỗi chính tả. + Lỗi viết câu. + Lỗi liên kết. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày trước lớp phần đã sửa. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**Thực hành**. 1. Lỗi diến đạt, dùng từ 2. Lỗi chính tả. 3. Lỗi viết câu. 4. Lỗi liên kết.

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ.		
2	Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm thơ		
3	Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thơ xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định.		
4	Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết và phù hợp về hai tác phẩm thơ căn cứ vào kết quả so sánh		
5	Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm thơ thông qua việc so sánh.		

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 20

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá.
- Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định.
- Có những nhận xét đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.
- Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.

2. Về năng lực

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần *Viết* để xây dựng nội dung bài thuyết trình.
- Trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần *Viết*).
- Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

3. Về phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần chú ý điều gì?

c. Sản phẩm: Để có bài nói tốt, chúng ta cần:

- Xác định nội dung trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc.
- Chú ý giọng điệu khi kể, ngôn ngữ hình thể (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ) phù hợp với nội dung bài nói.
- Có thể kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...) nếu có. Ví dụ Cảm nhận bài Chân quê của Nguyễn Bính:

https://www.youtube.com/watch?v=MeGxDxsOYBg

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS GV đặt câu hỏi **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ	

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Xác định được các bước thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Chúng ta sẽ tìm hiểu các bước thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ từ chính bài viết đã thực hiện. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung.
Câu 1. Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý yêu cầu nào?
Câu 2. Người nói và người nghe cần lưu ý gì sau khi thuyết trình?
Câu 3. Xây dựng quy trình bài thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình. GV quan sát, điều hành lớp.
B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm về những lưu ý để có bài nói .
Mỗi nhóm cử thành viên lên thuyết trinh, Thời gian 3-4
</td><td>
I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI
Câu 1
Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý yêu cầu:
– Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ đó để so sánh, đánh giá.
– Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định.
– Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.
– Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.
Câu 2
Sau khi trình bày xong bài nói, cần phải có sự trao đổi, đánh giá giữa người nói và người nghe:
<table>
<tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr>
<tr><td>- Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.
– Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá (chẳng hạn có thể trình bày thêm cơ sở để so sánh, cách trình bày các nội dung so sánh,...)</td><td>- Cần làm rõ thêm những ý mà người nghe chưa rõ.
– Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

phút **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Hs: nhận xét bài nói của bạn theo các tiêu chí GV kết luận. – GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm để lưu ý những yêu cầu cần đạt khi thuyết trình. GV yêu cầu HS trình bày. GV nhận xét, kết luận như mục *Sản phẩm*. – GV lưu ý HS nhớ lại phần thực hành trong nhóm và các trao đổi sau khi nói để trả lời câu hỏi. GV có thể cho một HS trình bày, các HS khác bổ sung, góp ý. GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV nhấn mạnh trong hoạt động nói – nghe, phần trao đổi sau khi nói rất quan trọng giúp người nói hoàn thiện bài nói của mình, có những tương tác tích cực với người nghe. – GV yêu cầu các nhóm xây dựng quy trình bài nói. Các nhóm trình bày. GV nhận xét và kết luận như mục *Sản phẩm*. GV nhấn mạnh quy trình một bài nói gồm ba bước (Chuẩn bị thuyết trình; Thuyết trình; Trao đổi, đánh giá). (Hai nhóm nhận xét qua lại sản phẩm của nhau theo quy trình bài nói và nghe)	**Câu 3** Xây dựng quy trình trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, gồm ba bước: **Bước 1. Chuẩn bị nói** - Tóm tắt nội dung bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ -- Xác định từ ngữ then chốt gắn với luận điểm - Chuẩn bị các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ **Bước 2. Thực hành nói** - Mở đầu: Giới thiệu được hai bài thơ và lý do lựa chon để so sánh, đánh giá. - Triển khai: + Trình bày được điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ trên một số phương diện đã xác định. + Đánh giá được giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh. - Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá trong tiếp nhận văn bản văn học. **Bước 3. Trao đổi, đánh giá (b**ảng tiêu chí)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết lắng nghe và trao đổi, thảo luận.

b. Nội dung: Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

Câu 1. Bài nói được trình bày.

Câu 2. Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói theo các tiêu chí:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ; GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trình bày bài nói dựa trên dàn ý đã lập. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục

Nhóm 1: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài Đồng chí (Chính Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng)?

Nhóm 2: So sánh, đánh giá hình tượng người phụ nữ trong bài Tự tình II (Hồ Xuân Hương) và Thuyền và biển (Xuân Quỳnh)?

B2. Thực hiện nhiệm vụ; HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp..

B 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của nhóm . Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Câu 1. GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài giới thiệu hay. HS trình bày bài giới thiệu theo thời gian quy định. GV lưu ý HS cần tận dụng được các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. GV cho một số HS trình bày bài giới thiệu, mỗi HS từ 7 – 10 phút.

Câu 2. Sau khi HS hoàn thành phần trình bày bài nói, GV hướng dẫn HS trao đổi về bài nói theo các yêu cầu, tiêu chí đã xác định. GV thống nhất các tiêu chí đánh giá bài nói để các nhóm nhận xét. GV kết luận: *Khi trình bày bài giới thiệu, cần chú ý nội dung và cách nói phù hợp, đảm bảo thực hiện các tiêu chí đưa ra. Đặc biệt, khi giới thiệu các em cần quan tâm đến phản ứng của người nghe để kịp thời điều chỉnh. Để đánh giá được chính xác bài nói, người nghe cũng cần chú ý lắng nghe, bám sát vào các tiêu chí để trao đổi, thảo luận*. Trên cơ sở đó, HS rút kinh nghiệm cho mình.

II. Luyện tập

Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói theo các tiêu chí:

PHIẾU NHẬN XÉT		
STT	**Tiêu chí**	**Nhận xét**
1	Giọng nói rõ ràng, truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Tìm đọc hai bài thơ trung đại Việt Nam, nêu bật đề tài, chủ đề, thể thơ và chỉ ra một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ đó. (Chú ý các tác giả Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du,Nguyễn Khuyến, Tú Xương, ...)

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có thể quay video clip hoặc ghi âm, tuỳ điều kiện thực tế.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm qua phần mềm học tập.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Tuy nhiên, HS có thể rà soát yêu cầu theo các tiêu chí:

PHIẾU NHẬN XÉT		
STT	**Tiêu chí**	**Nhận xét**
1	Giọng nói rõ ràng, truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	

B 3,4. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận

4. Củng cố: Kĩ năng nói và nghe so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

5. HDVN

- Hoàn thành bài tập vận dụng
- Bài sau: Thực hành đọc *Bài số 28*

Phụ lục

1. Phiếu học tập số 1

Thuyết trình So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Thuyết trình so sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng) **Thuyết trình so sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm) và *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi).**
- Mở đầu: Giới thiệu được hai bài thơ và lý do lựa chon để so sánh, đánh giá. - Triển khai: + Trình bày được điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ trên một số phương diện đã xác định. + Đánh giá được giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh. - Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá trong tiếp nhận văn bản văn học.

2. Phiếu học tập số 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Tên người hoặc nhóm đánh giá:		
Tên người được	**Căn cứ đánh giá**	**Kết quả**

đánh giá		Đạt	Chưa đạt
	Nội dung tham gia thuyết trình		
	Kĩ năng trình bày ý kiến		
	Kĩ năng tương tác khi thuyết trình		
	Nội dung tham gia thuyết trình		
	Kĩ năng trình bày ý kiến		
	Kĩ năng tương tác khi thuyết trình		

Tiết 21

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. THỰC HÀNH ĐỌC: BÀI THƠ SỐ 28 (Ta-go)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Nhận biết được chất trữ tình và chất triết lí được thể hiện trong bài thơ ***Bài thơ số 28*** của Ta – go**.**

2. Về năng lực:

- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình ảnh thơ mang tính chất biểu tượng, đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ)
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản ***Bài thơ số 28*** để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung cận đại.

3. Về phẩm chất: Học sinh yêu mến, trân trọng những vẻ đẹp của thơ ca và cuộc sống, biết nuôi dưỡng tâm hồn phong phú.

II. THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS nhắc lại được một số vấn đề liên quan đến thơ ca
- HS trình bày những hiểu biết của mình về thơ, thơ trữ tình và các đặc trưng nổi bật của thơ qua những ví dụ cụ thể.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS ôn lại phần Tri thức ngữ văn ở nhà và ghi lại ví dụ vào vở
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trình bày phần tìm hiểu ở trên lớp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Giáo viên giao nhiệm vụ tìm hiểu **Bước 2:** HS tự thực hiện nhiệm vụ **Bước 3:** HS trình bày phần tìm hiểu **Bước 4:** Giáo viên chốt lại những thông tin quan trọng của bài	- Vở soạn bài của HS - Phần trình bày của HS - Ví dụ minh họa:

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục đích:

- Học sinh phân tích được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.
- Học sinh đánh giá được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về thơ và thơ trữ tình

c. Sản phẩm: bài tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên cho HS lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở thích. Chia nhóm và thảo luận *Nhiệm vụ 1. Nội dungc hính của bài thơ* *Nhiệm vụ 2. Phân tích các hình ảnh trong bài thơ* *Nhiệm vụ 3. Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.* *Nhiệm vụ 4. Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 20 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về thơ và thơ trữ tình	*** Nội dung chính:** Bài thơ thể hiện quan niệm về một tình yêu chân chính. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có một tình yêu trọn vẹn thì con người phải biết khám phá, hòa hợp và tin yêu. **Câu 1: Các hình ảnh thơ có tính chất biểu tượng.** - Hình ảnh: đôi mắt + Biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn, nội tâm con người. + Thể hiện khát khao giao hòa, kết nối tâm hồn giữa hai người yêu nhau. + Ánh mắt ẩn chứa nhiều cung bậc cảm xúc: buồn, băn khoăn, khao khát. - Hình ảnh: trái tim + Biểu tượng cho tình yêu, sự lãng mạn, nồng nhiệt. + Trái tim khao khát được hòa quyện, kết hợp, rung động trước ánh mắt của người yêu. - Hình ảnh: biển cả + Biểu tượng cho sự rộng lớn, mênh mông, bí ẩn. + Thể hiện tâm hồn sâu thẳm, nội tâm phức tạp của con người. + Nơi ẩn chứa những bí mật, khao khát và ước mơ. - Hình ảnh: trăng + Biểu tượng cho vẻ đẹp thanh tao, dịu dàng, lãng mạn. + Ánh trăng soi sáng tâm hồn, dẫn lối cho tình yêu. + Tạo nên bầu không khí huyền ảo, thơ mộng. - Hình ảnh: cốc rượu + Biểu tượng cho tình yêu say đắm, nồng nhiệt. + Cử chỉ rót rượu thể hiện sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. + Rượu là chất xúc tác cho tình yêu thăng hoa. - Hình ảnh: hương thơm + Biểu tượng cho sự tinh tế, quyến rũ, gợi cảm. + Mùi hương lan tỏa, khơi gợi cảm xúc, khát khao. + Tạo nên bầu không khí lãng mạn, say đắm.

	Câu 2 Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ. - Thể thơ: tự do - Ngôn ngữ, giọng điệu bài thơ thay đổi linh hoạt, lúc tha thiết, nồng nàn, lúc lại bâng khuâng, tiếc nuối... thể hiện tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình. - Hình tượng thơ: trừu tượng, sâu sắc **Câu 3. Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.** Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả một tình yêu hòa hợp về mặt tâm hồn. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có tình yêu trọn vẹn chỉ có một cách là luôn khám phá cái bí ẩn, cái sâu xa của tình yêu. Qua đó thể hiện niềm tin vào sức mạnh của tình yêu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Dựa vào các bài thơ đã học hãy đọc một bài thơ và nêu được các yếu tố: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần trong bài thơ đó

b. Nội dung: HS đọc tác phẩm thơ và liệt kê được các yếu tố đã được học.

c. Sản phẩm: Học sinh chia sẻ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố của tác phẩm thơ như: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	**Ví dụ tham khảo ví dụ sau** ***"****Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững* *Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa* *Trong và sáng đôi bờ suy tưởng* *Sống hiên ngang mà nhân ái, chan hòa."* *(Huy Cận)* - Nhân vật trữ tình: Nhân dân Việt Nam với niềm tự hòa về truyền thống yêu nước, đấu tranh của dân tộc - Vần thơ: Hiệp vần chân "hoa" câu 2 và "hòa" câu 4 - Nhịp điệu: Cách ngắt nhịp uyển chuyển *"Sống vững chãi/ bốn ngàn năm/ sừng sững* *Lưng đeo gươm/ tay mềm mại bút hoa* *Trong và thật sáng/ đôi bờ suy tưởng* *Sống hiên ngang/ mà nhân ái, chan hòa."* - Đối: Lưng đeo gươm – chiến đấu; tay mềm mại bút hoa – văn hóa; Sống hiên ngang – mạnh mẽ cứng rắn; nhân ái, chan hòa – tinh tế, dịu dàng, trọng tình nghĩa - Thi luật: Mỗi câu có 8 chữ bắt vần chân ở câu 2 và 4 - Thể thơ: Thơ tự do 8 chữ

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Dựa vào kiến thức đã học HS tự sáng tác một bài thơ theo thể thơ tự do.
b. Nội dung: HS sáng tác một bài thơ chủ đề tự chọn theo thể thơ tự do.
c. Sản phẩm: Phần tình bày của học sinh
d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện sáng tác và đọc trước lớp **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS sáng tạo theo nội dung tự chọn

4. Củng cố: Hiểu được
- Hình ảnh biểu tượng trong thơ
- Yếu tố siêu thực trong thơ
- Phong cách cổ điển
- Phong cách lãng mạn

5. HDVN
- Soạn bài theo PPCT: Bài 3 Lập luận trong văn bản nghị luận

Đọc VB 1: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*

****

Tuần: 8-13 ***Ngày soạn: 5/10/2024***
Tiết PPCT: 22-39 ***Lớp: 12a2,3***

BÀI 3
LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:
- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghi luận.
- Nhận biết được lỗi logic và lỗi câu mơ hồ, biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm.

2. Về năng lực:
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...).

- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

3. Về phẩm chất:
- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.
- Trân trọng, hướng tới những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 22, 23- VĂN BẢN 1: NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC
(TRẦN ĐÌNH HƯỢU)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- HS nhận biết được một số mặt của vốn văn hoá dân tộc; nắm được những nét đặc thù của văn hoá Việt Nam; định hướng mà tác giả gợi ý cho việc tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hoá Việt Nam; nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
- HS nhận biết được luận đề, các luận điểm, cách thức lập luận của tác giả thể hiện trong từng luận điểm và cả đoạn trích; việc sử dụng phối hợp các thao tác trong bài nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

2. Về năng lực:
- Vận dụng kiến thức vào phân tích và đánh giá việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.
- Kết nối đọc hiểu với việc viết đoạn văn nghị luận xã hội liên quan đến vấn đề đặt ra trong văn bản.

3. Về phẩm chất: Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:
- SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một
- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu:
- Tư liệu, hình ảnh tác giả Trần Đình Hượu
- Tư liệu, hình ảnh về một số di sản văn hoá dân tộc

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:
- Kiểm tra sự chuẩn bị của hs
- Kết hợp trong giờ

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:
- GV cho HS chơi trò chơi: AI NHANH HƠN
- Nội dung trò chơi: GV chiếu các hình ảnh di sản văn hóa của dân tộc. Nhiệm vụ của học sinh là nhận diện, gọi tên các di sản văn hóa đó.

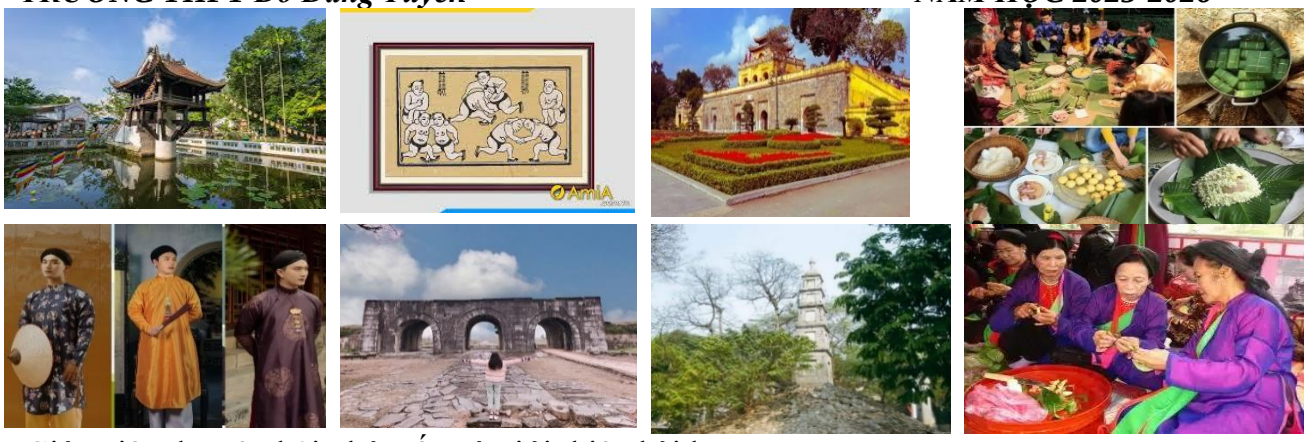

- Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn và giới thiệu bài học

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS: HS gọi tên và miêu tả vài nét đặc trưng về di sản văn hóa đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chiếu ngữ liệu (PP) - Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: *Trong hoàn cảnh hội nhập hiện nay, vì sao mỗi người VN cần hiểu biết về các di sản văn hóa của dân tộc mình?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** - Học sinh báo cáo và thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	**1. Một số di sản văn hóa dân tộc:** - Hoàng Thành Thăng Long là chứng nhân ngàn năm lịch sử của đất Việt - Thành nhà Hồ là công trình kiến trúc hiếm hoi được xây dựng hoàn toàn bằng lũy đá còn tồn tại duy nhất tại Đông Nam Á - Áo dài truyền thống - Tranh Đông Hồ - Chùa Một Cột - Tháp Bút - Bánh chưng ngày Tết …. **2. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay, việc hiểu biết về các di sản văn hóa của dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt đối với mỗi người Việt Nam vì các lý do sau:** - Di sản văn hóa là một phần quan trọng của bản sắc dân tộc. Khi hiểu biết về di sản văn hóa, mỗi người Việt Nam có thể tự hào và giữ gìn những giá trị, truyền thống của dân tộc mình. - Trong quá trình hội nhập, mỗi người Việt Nam đều có thể trở thành những "đại sứ văn hóa". Hiểu biết về di sản văn hóa giúp giới thiệu và quảng bá những giá trị văn hóa đặc sắc của Việt Nam đến bạn bè quốc tế, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên thế giới. - Di sản văn hóa là cầu nối gắn kết các thế hệ và các vùng miền trong nước. Khi hiểu biết và tôn trọng di sản văn hóa, mọi người sẽ có tinh thần đoàn kết và đồng thuận cao hơn trong việc xây dựng và phát triển

	đất nước.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức về yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng); củng cố về cách sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu phần tri thức trong sgk.
- HS thảo luận và trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; sơ đồ hóa kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phần Tri thức ngữ văn của bài học, tự tìm hiểu nội dung các khái niệm được diễn giải trong SGK. - Thảo luận và trả lời các câu hỏi sau: + Hãy diễn giải ngắn gọn khái niệm lập luận. Nêu ví dụ về lập luận thể hiện trong một văn bản nghị luận đã học. + Lập luận được thực hiện trong từng đoạn văn hay trong toàn bộ văn bản? Nêu ví dụ minh hoạ. + Lập luận thể hiện như thế nào qua mối quan hệ giữa luận đề với luận điểm, giữa các luận điểm với nhau? + Lí lẽ và bằng chứng có vai trò như thế nào đối với việc lập luận? + Vì sao chứng minh, bác bỏ, bình luận được xem là các thao tác đặc thù của văn bản nghị luận? + Các thao tác giải thích, phân tích, so sánh có vai trò như thế nào trong văn bản nghị luận?	**1. Lập luận trong văn bản nghị luận** - Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết. + Lập luận bao giờ cũng có tính mục đích, nhằm khẳng định hoặc bác bỏ một quan điểm, ý kiến nào đó. Như vậy, lập luận phải gắn với một luận đề hoặc luận điểm cụ thể mà người viết đã xác định trước một cách rõ ràng. + Cơ sở của lập luận là lí lẽ và bằng chứng. Việc lựa chọn, sắp xếp lí lẽ và bằng chứng theo một hệ thống chặt chẽ để đi đến kết luận về một vấn đề chính là bản chất của lập luận. + Lập luận vừa được thể hiện ở phạm vi từng đoạn văn, vừa thể hiện ở quy mô toàn bộ văn bản **2. Các thao tác được sử dụng trong bài văn nghị luận** - **Chứng minh** là dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định tính đúng đắn của ý kiến, quan điểm mà người viết bảo vệ. Sử dụng thao tác chứng minh, người viết phải bám sát luận điểm cần làm sáng tỏ; đưa ra được lý lẽ sắc bén; chọn được bằng chứng xác thực, tiêu biểu từ thực tế đời sống hay từ các nguồn khác (tuỳ phạm vi của vấn đề nghị luận). - **Bình luận** là đánh giá của người viết về cái hay - dở, tốt - xấu,... của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động. Qua thao tác bình luận, có thể thấy được trình độ nhìn nhận, đánh giá của người viết về đối tượng cụ thể. Sử dụng thao tác bình luận, người viết phải có cái nhìn tổng thể, hiểu được bản chất của đối tượng, thấy được tầm ảnh hưởng của đối tượng đó trong một lĩnh vực cụ thể, và rộng ra, đối với đời sống. - **Bác bỏ** là dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ sự sai trái của một quan điểm hay ý kiến, từ đó khẳng định

B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc kĩ nội dung phần Tri thức ngữ văn ở SGK, suy nghĩ để trả lời những câu hỏi trên. **B3. Báo cáo thảo luận** - HS báo cáo kết quả - Thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV khai thác vốn hiểu biết mà HS đã tích lũy được qua quá trình học về văn bản nghị luận. - Chốt kiến thức *Lưu ý:* Nội dung tiểu mục *Lỗi logic của câu, Lỗi câu mơ hồ* tìm hiểu trong tiết Thực hành tiếng Việt.	tính đúng đắn của quan điểm mà người viết bảo vệ. Sử dụng thao tác bác bỏ, người viết phải xem xét quan điểm cần bác bỏ trong nhiều tương quan; tránh cực đoan, hẹp hòi, phiến diện; khi bác bỏ, phải hướng tới khẳng định cái hợp lý, cái đúng đắn có tính phổ quát. - **Giải thích** là dùng lời lẽ để trình bày một cách cặn kẽ, tỉ mỉ, giúp người đọc hiểu rõ đặc điểm, bản chất của vấn đề, hiện tượng được nêu đế' bàn luận. Khi bàn luận, người viết thường đặt các câu hỏi:tính *chất của vấn đề (hiện tượng) là gì? Cần hiểu như thế nào về vấn đề (hiện tượng) này?* - **Phân tích** là chia tách các bộ phận, các yếu tố riêng lẻ của một đối tượng nào đó để tìm hiểu một cách cặn kẽ nhằm khám phá bản chất của nó. Trong văn nghị luận, phân tích bao giờ cũng phải tiến hành song song với tổng hợp. Phân tích là để quan sát từng bộ phận, từng yếu tố và mối quan hệ giữa chúng, đồng thời phải tổng hợp lại để thấy được tính chỉnh thể, toàn vẹn của đối tượng. - **So sánh** là đối chiếu đối tượng này với đối tượng khác hay khía cạnh này với khía cạnh khác trong cùng một đối tượng, nhằm rút ra điểm giống nhau hoặc khác nhau giữa chúng. Nhờ so sánh, người ta mới nhận thấy giữa các đối tượng có thế' có điểm chung bên cạnh những điểm riêng biệt. Từ đó, nhận thức về bản thân đối tượng cũng trở nên chính xác, đúng đắn hơn; các nhận xét được rút ra có cơ sở chắc chắn hơn. →Trên thực tế, tuỳ nội dung và yêu cầu nghị luận, người viết thường sử dụng phối hợp một cách linh hoạt các thao tác.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN: NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Đọc VB và tìm hiểu các thông tin về tác giả, tác phẩm, những thông tin ngoài văn bản giúp ích cho việc đọc hiểu.

b. Nội dung:

- Vận dụng kĩ thuật đọc văn bản
- Tìm hiểu thông tin tư liệu về tác giả và tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** - GV đọc mẫu một đoạn và hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản và thái độ của tác giả khi bàn về văn hoá dân tộc. - Nhắc HS chú ý nghĩa của các từ ngữ được giải thích ở chân trang. **2. Tác giả**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Trần Đình Hượu (1926-1995) quê ở tỉnh Nghệ An, là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hoá, văn học Việt Nam thời trung dại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập,

- Nêu những thông tin về tác giả? - Theo em thông tin nào là quan trọng nhất trong việc tiếp cận văn bản? **3. Tác phẩm** - Xuất xứ, vị trí của văn bản? - Nội dung chính? - Thể loại? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi hoặc cá nhân vào phiếu học tập **B3. Báo cáo thảo luận** - HS báo cáo kết quả, thảo luận trao đổi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, chốt lại ý chính.	đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nên tư tưởng, văn hoá, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung dại Việt Nam. **2. Văn bản** - Vị trí: Văn bản Nhìn về vốn văn hóa dân tộc trích phần II của tiểu luận Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc công bố năm 1986. - Nội dung: những nhận định mang tính bao quát về bản sắc văn hóa Việt Nam. - Thể loại: văn nhật dụng

RUBIC ĐÁNG GIÁ VIỆC ĐỌC VĂN BẢN

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Đọc to, rõ, trôi chảy		
Ngắt nghỉ hợp lí		
Tốc độ phù hợp		
Ngữ điệu linh hoạt, truyền cảm		

PHIẾU TÌM HIỂU TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

Họ tên học sinh……. Lớp ……

Tác giả	Tác phẩm		
……..	Xuất xứ	Mục đích sáng tác	Ý nghĩa nhan đề
……. ……..	…….. …….. ……..	…….. …….. ……..	…….. …….. ……..

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, chỉ ra mối liên hệ của chúng.
- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

b. Nội dung: HS tìm hiểu các nội dung như: Luận đề; Nghệ thuật lập luận; Sự kết hợp các thao tác nghị luận; Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Xác định luận đề của văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Ở văn bản này, tác giả đã nêu vấn đề gì để nghị luận?	**II. Khám phá văn bản** **1. Vấn đề nghị luận** - Vấn đề nghị luận của văn bản được nêu khái quát trong một vế câu ở phần đầu: "chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc".

Chỉ ra mối liên hệ giữa vấn đề đó với nhan đề của văn bản?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi
- HS báo cáo kết quả, thảo luận trao đổi

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- HS khác nhận xét
- GV nhận xét, chốt lại ý chính.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của văn bản

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi

+ Đặc điểm của văn hoá Việt Nam được tác giả khái quát bằng những luận điểm nào? Tác giả căn cứ vào đâu để khái quát như vậy?

+ Theo em trong bài viết, kết luận nào về văn hoá Việt Nam là quan trong nhất? Kết luận đó gợi cho em suy nghĩ gì?

+ Nhận xét về cách nêu vấn đề, cách sắp xếp luận điểm, cách lập luận của người viết.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả
- Thảo luận, phản biện giữa các nhóm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, chốt kiến thức
- Cho điểm sản phẩm báo cáo tốt của hs.

– Căn cứ xác định: Nội dung này hoàn toàn thống nhất với nhan đề của đoạn trích *(Nhìn về vốn văn hoá dân tộc). Nhìn về ở* đây là tìm hiểu, khám phá. Kết quả của việc tìm hiểu, khám phá là những *nhận xét được* rút ra.

2. Nghệ thuật lập luận

Luận đề: ***"chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc"***		
Luận điểm		**Lí lẽ, bằng chứng**
1	Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.	– Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,… đều không phát triển đến tuyệt kĩ. – Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.
2	Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.	– Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. – Người Việt Nam lo cho con cháu; mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp; ưa chuộng con người hiền lành, tình nghĩa; ca tụng sự khôn khéo;…
3	Người Việt Nam ưa những gì vừa phải, chừng mực, không thích cái hoảnh tráng, cầu kì.	Làm rõ ở màu sắc, quy mô, giao tiếp, trang phục,…
4	Tinh thần chung của nền văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.	Lối sống, quan niệm sống,…
5	Văn hoá Việt Nam là sự dung hợp giữa cái vốn có, cái riêng và tiếp thu cái bên ngoài.	Văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc.
Kết luận *Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực,*		

	linh hoạt, dung hoà. →Kết luận quan trọng vì đã thâu tóm tất cả những luận điểm, nêu bật đặc điểm của văn hoá Việt Nam mà tác giả trình bày trước đó; gợi mở, có ý nghĩa định hướng cho việc đi sâu nghiên cứu từng bình diện của văn hoá dân tộc.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác lập luận trong văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - ***Nhóm 1,3:*** "Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tư hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật" - luận điểm này đã được tác giả chứng minh như thế nào? Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao? - ***Nhóm 2,4:*** Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS vận dụng kiến thức đã được cung cấp ở phần *Tri thức ngữ văn* để nhận diện các thao tác mà tác giả sử dụng trong văn bản. Từ đó phân tích để làm rõ nội dung nghị luận thể hiện ở từng thao tác. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **B3. Báo cáo thảo luận** - Đại diện nhóm báo cáo kết quả - Thảo luận, phản biện giữa các nhóm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	►**Nhận xét:** - Cách nêu vấn đề nghị luận: nêu ngắn gọn, trực tiếp bằng một vế của câu mở đầu. Điều đó giúp người đọc xác định dễ dàng vấn đề nghị luận. - Cách sắp xếp luận điểm: Tác giả dựa vào biểu hiện nhiều mặt của văn hoá Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử: tôn giáo, văn chương, âm nhạc, kiến trúc, quân sự, lối sống, giao tiếp, ứng xử, việc tiếp thu các triết thuyết Nho, Phật, Lão,… để khái quát thành các luận điểm. →Cách sắp xếp các luận điểm của văn bản: logic, chặt chẽ, thuyết phục. - Cách lập luận: +Tác giả sử dụng lập luận chặt chẽ, logic để tăng tính thuyết phục cho bài viết. + Lập luận của tác giả đi từ khái niệm đến thực trạng, từ thực trạng đến giải pháp. **3. Sự kết hợp các thao tác lập luận:** * Thao tác chứng minh: "Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tư hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật" - luận điểm này đã được tác giả chứng minh bằng các bằng chứng: + Nước ta không sản sinh ra một tôn giáo, một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội hoạ,... phát triển đến mức có ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hóa, thành đặc sắc văn hoá, thiên hướng văn hoá của dân tộc. + Thần thoại không phong phú; tôn giáo và triết học không phát triển; các ngành khoa học, kỹ thuật không có truyền thống; âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc đều ở mức vừa phải; hiếm có nhà thơ để lại nhiều tác phẩm,... + Thực tế đó cho thấy văn hoá Việt Nam là văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị. * Thao tác bình luận: Sau khi nêu một thực tế, tác giả đặt câu hỏi như một cách đánh giá: "Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, nhiều bất trắc?". * Thao tác bác bỏ: Bằng lập luận của mình, tác giả thể hiện sự không tán đồng quan điểm đề cao tầm vóc, quy mô và ảnh hưởng lớn lao của văn hoá Việt Nam từng phổ biến một thời. * Thao tác phân tích: Chẳng hạn ở phần 3, tác giả đã chia

- GV nhận xét, chốt kiến thức - Cho điểm sản phẩm báo cáo tốt của hs. **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tác giả đã bộc lộ thái độ gì? Bạn suy nghĩ như thế nào về thái độ nghiên cứu đó? + Tác giả tán thành hay phản đối điều gì? + Sự tán thành hay phản đối đó được thể hiện bằng giọng nói như thế nào? + Em có đồng tình với thái độ của tác giả khi nói về những vấn đề đó không? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận về vấn đề, **B3. Báo cáo thảo luận** - HS báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét, góp ý các ý kiến của HS, khẳng định quan điểm xác đáng.	tách từng khía cạnh để cho thấy người Việt Nam ít tinh thần tôn giáo. * Thao tác giải thích: Ví dụ, để nói rõ người Việt Nam ít tinh thần tôn giáo, tác giả giải thích thêm: "Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình". →Nhìn chung, các thao tác nói trên được tác giả sử dụng hết sức linh hoạt, nhuần nhị, phối hợp với nhau chặt chẽ, uyển chuyển trong từng luận điểm để đạt hiệu quả lập luận tối đa. **4.Thái độ, tình cảm của người viết:** - Ở văn bản này, tác giả thoát khỏi thái độ ca ngợi hoặc chê bai thường thấy khi bàn về những đặc điểm nổi bật của văn hoá Việt Nam. Chê hay khen vốn là phản ứng tình cảm hoàn toàn có lý do tồn tại trong một bài nghị luận, vì văn nghị luận không loại trừ yếu tố biểu cảm. Tuy nhiên, để nêu kiến nghị một cách khoa học, tác giả đã không sa vào một trong hai thái độ đó. - Giọng văn điềm tĩnh, khách quan phù hợp với việc trình bày các luận điểm cũng như triển khai các thao tác nghị luận để làm sáng tỏ vấn đề. Nếu hiểu cái đích xa mà tác giả hướng đến là góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển thì ta mới có thể nhận ra nguồn cảm hứng thật sự của tác giả.

PHIẾU TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN Họ tên học sinh…… Lớp……		
STT	**Luận đề:….**	
	Luận điểm	**Lí lẽ và bằng chứng**
1		
2		
…		
	Kết luận:…	

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Nhận biết cách triển khai hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ trong văn bản nghị luận.
- Có khả năng đánh giá được hiệu quả của bài viết.

b. Nội dung: Khái quát được những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ hóa được hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ được trình bày trong văn bản.

- Chỉ ra được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cách triển khai luận đề, luận điểm, luận cứ của bài viết. - Văn bản được viết nhằm mục đích gì? - Tính chất thuyết phục của văn bản? - Tâm tư, tình cảm được gửi gắm trong văn bản? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận – trình bày **B3. Báo cáo thảo luận:** - HS báo cáo, trình bày kết quả thảo luận. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, gợi ý, trao đổi, thống nhất kết quả.	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật:** - Lập luận khoa học, rõ ràng, chặt chẽ, thuyết phục. - Kết hợp hiệu quả các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, giải thích, so sánh... **2. Nội dung:** - Đánh giá phân tích thẳng thắn, khách quan về đặc điểm văn hóa dân tộc với những điểm mạnh và những hạn chế => Bản sắc văn hóa dân tộc. - Nhiệt huyết yêu nước thể hiện qua niềm mong mỏi, khát khao chân thành xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: H/s biết cách xây dựng, triển khai ý trong bài văn nghị luận

b. Nội dung: Xác định được hệ thống luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ ý kiến của tác giả Trần Đình Hượu "*Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là "thiết thực, linh hoạt, dung hòa"*. (Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống)*

c. Sản phẩm: Hệ thống các ý chính và mạch lập luận rõ ràng, chặt chẽ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - H/s tìm ra mạch lập luận: luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận, cách sắp xếp **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - H/s làm việc theo cặp. **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** H/s thảo luận, nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt ý	- HS xác định được hệ thống luận điểm, hướng triển khai các luận điểm có thể như sau: * Giải thích:ý kiến của tác giả Trần Đình Hượu * Phân tích và chứng minh tính chất đúng/ sai của ý kiến đó. "Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam: - Thiết thực không? biểu hiệnnhuw thế nào? - Linh hoạt không?Biểu hiện như thế nào? - Dung hòa không? Biểu hiện như thế nào? * Kết luận: Khẳng đinh ý nghĩa của ý kiến. Liên hệ mở rông.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nghị luận về một vấn đề có liên quan, gần gũi với vấn đề trong văn bản "Nhìn về vốn văn hóa dân tộc"

b. Nội dung: HS viết một đoạn văn, liên hệ ý nghĩa tác phẩm với cuộc sống ngày nay

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. H/S làm việc ở nhà theo yêu cầu nhiệm vụ viết tiếp đoạn văn theo câu chủ đề sau:"Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc giữ gìn truyền	* Hình thành mạch lập luận theo logic các câu hỏi sau: - Quá trình hiện đại hóa đất nước đang diễn ra như thế nào?

thống văn hóa dân tộc có cần thiết không?” **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - H/S viết tiếp đoạn văn theo câu chủ đề sau:“ Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc là cần thiết” **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhân xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho hs.	- Việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc cần thiết không? Vì sao? - Truyền thống văn hóa dân tộc được biểu hiện ở những khía cạnh nào?

4. Củng cố:
- Cách đọc hiểu văn bản nghị luận:
+ Văn bản bàn luận về vấn đề gì?
+ Tác giả đưa ra những luận điểm nào?
+ Mỗi luận điểm đó được làm sáng tỏ bằng những dẫn chứng, lí lẽ nào?
+ Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào trong bài viết?
+ Cách lập luận có thuyết phục không?
+ Mục đích, thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong bài viết là gì?
+ Suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản?

5. HDVN:
Chuẩn bị bài: Đọc hiểu văn bản “Năng lực sáng tạo”

Tiết 24 - VĂN BẢN 2: NĂNG LỰC SÁNG TẠO

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:
- Nhận biết được bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Hiểu được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

2. Về năng lực:
- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Hiểu được mục đích của người viết.
- Đánh giá được nội dung văn bản và hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

3. Về phẩm chất: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập một, một số tư liệu ảnh có liên quan đến tác giả Phan Đình Diệu và văn bản *Năng lực sáng tạo.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong tiến trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà bạn biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà bạn biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ kết quả làm việc **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức 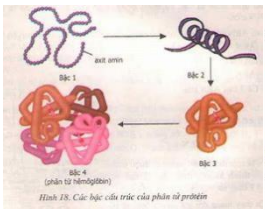 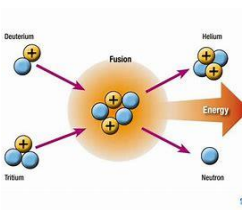 	* Một số thành tựu sáng tạo nổi bật của con người trong thời gian gần đây: Gần đây, con người đã đạt được nhiều thành tựu sáng tạo nổi bật trong nhiều lĩnh vực, mang lại lợi ích to lớn cho cuộc sống. Nhờ ứng dụng những công nghệ tiên tiến, con người đã **giải mã cấu trúc protein**, mở ra tiềm năng chữa trị bệnh tật; **khám phá năng lượng nhiệt hạch**, hứa hẹn giải quyết vấn đề thiếu hụt năng lượng; **tạo ra tế bào gốc từ da người**, góp phần y học tiến bộ. **Trí tuệ nhân tạo AI, công nghệ nano, công nghệ in 3D** là những ví dụ điển hình cho sự sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ, giúp con người giải quyết các vấn đề phức tạp hiệu quả hơn. **Âm nhạc trực tuyến**, phim ảnh chất lượng cao và trò chơi điện tử ngày càng thu hút đông đảo người dùng, thể hiện sự sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật. * Điểm chung nhất của những thành tựu này: - Tất cả đều dựa trên những tiến bộ khoa học và công nghệ. - Tất cả đều có tiềm năng cải thiện cuộc sống của con người. - Tất cả đều cho thấy sự sáng tạo không ngừng của con người. Ngoài những thành tựu trên, còn rất nhiều thành tựu sáng tạo khác của con người mà bạn có thể tìm hiểu thêm. Việc theo dõi những thành tựu này sẽ giúp bạn cập nhật những tiến bộ mới nhất của khoa học, công nghệ và nghệ thuật, đồng thời khơi gợi niềm cảm hứng sáng tạo của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm "Năng lực sáng tạo"

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Đọc kĩ phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm SGK- tr. 71. Hoàn thành phiếu học tập sau:
<table>
<tr><td>Giới thiệu về tác giả Phan Đình Diệu?</td><td></td></tr>
<tr><td>Thể loại, xuất xứ, nội dung chính của tác phẩm</td><td></td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
</td><td>
I. Tìm hiểu chung
1.Tác giả:
- Phan Đình Diệu (1936-2018) là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam.
- Ông là một trong những người được ghi nhận là có công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam.
- Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgíc toán, lý thuyết thuật toán, ôtômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin.
2. Tác phẩm "Năng lực sáng tạo"
- Thể loại: Nghị luận
- Xuất xứ: Trích trong cuốn Một góc nhìn của trí thức (Tập 4)
- Nội dung: Văn bản tập trung làm rõ khái niệm, tầm quan trọng, điều kiện và giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo
</td></tr>
</table>

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và cấu trúc của văn bản nghị luận
- Học sinh phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Học sinh đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

Nhóm 1. Xác định cấu trúc nghị luận của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm theo gợi ý:

Luận đề	
STT	**Luận điểm**
1	
2	
3	
4	
5	
Nhận xét mối quan hệ giữa các luận điểm	

Nhóm 2. Tìm hiểu về nghệ thuật lập luận

Phân tích cách sử dụng lí lẽ và dẫn chứng trong một luận điểm tự chọn.

Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ?

Nhóm 3. Phân tích sự kết hợp các thao tác lập luận.

Những thao tác lập luận nào đã được sử dụng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác lập luận đó?

Nhóm 4. Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

Tác giả thể hiện quan điểm, tư tưởng gì khi bàn về năng lực sáng tạo của con người?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:
Để làm sáng tỏ luận đề “Năng lực sáng tạo” tác giả đã đưa ra hệ thống luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó?
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Phân tích cách sử dụng lí lẽ và dẫn chứng trong một luận điểm tự chọn. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong
</td><td>
II. Khám phá văn bản
1. Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm

* Luận đề: “Năng lực sáng tạo”:

* Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề:
<table>
<tr><th colspan="2">Luận đề: Năng lực sáng tạo</th></tr>
<tr><th>STT</th><th>Luận điểm</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Khó tìm được một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Cái năng lực sáng tạo để làm nên sự giàu có và sức cạnh tranh của nền kinh tế mới phải là từ mọi thành phần của nền kinh tế đó, tức là từ mọi người trong xã hội.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Cái chung nhất của sáng tạo là tìm kiếm những cái mới.</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Sáng tạo là một loại lao động phức tạp và vất vả/ Yếu tố năng lực sáng tạo trở thành chìa khoá chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập.</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Sáng tạo cho đến nay vẫn là năng lực riêng có của con người.</td></tr>
</table>
* Mối quan hệ giữa các luận điểm:

Các luận điểm sắp xếp theo trình tự logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau: Luận điểm 1 giải thích năng lực sáng tạo là gì => luận điểm 2 nói về phạm vi của hoạt động sáng tạo => luận điểm 3 bàn về bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo => luận điểm 4 khẳng định vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức => luận điểm 5 khẳng định những điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện tại.
</td></tr>
</table>

văn bản *Năng lực sáng tạo* ?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

2. Nghệ thuật lập luận

- Phân tích 1 luận điểm

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Cái năng lực sáng tạo để làm nên sự giàu có và sức cạnh tranh của nền kinh tế mới phải là từ mọi thành phần của nền kinh tế đó, tức là **từ mọi người trong xã hội.**	**Lí lẽ:** - Mọi người đều tham gia sáng tạo, và mọi người đều có năng lực sáng tạo. - Nói mọi người đều sáng tạo thì có vẻ khó tin nhưng đổi mới tư duy ở đây đòi hỏi trước hết phải xác lập niềm tin đó… - … **Dẫn chứng:** Trong danh sách 10 chìa khoá hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo cá nhân do tổ chức Coach Ville đề xuất…

-Tác giả đã sử dụng lí lẽ và bằng chứng một cách hiệu quả, làm cho bài viết *Năng lực sáng tạo* có tính thuyết phục cao.

+ Lí lẽ: sử dụng để **làm nổi bật các luận điểm**, sắp xếp một cách **logic, chặt chẽ** (các luận điểm được trình bày theo trật tự, có mối quan hệ mật thiết với nhau); sử dụng **nhiều lý lẽ** khác nhau (lý lẽ khoa học, lý lẽ thực tiễn, lý lẽ so sánh,...) để làm rõ những luận điểm khác nhau; lý lẽ **thuyết phục** (mang tính khẳng định, rõ ràng, dễ hiểu,...); hướng tới tính phổ quát trong nhận thức về vấn đề năng lực sáng tạo.

+ Bằng chứng: **đa dạng, phong phú** (ví dụ thực tế, số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia,...); **cụ thể, rõ ràng** (tính xác thực cao, phù hợp với luận điểm); **hiệu quả** (bổ sung cho lí lẽ, tăng tính thuyết phục cho bài viết); trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng giúp củng cố cho luận điểm, tăng tính thuyết phục cho bài viết; thể hiện sự hiểu biết của tác giả về vấn đề đang bàn.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Những thao tác lập luận nào đã được sử dụng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác lập luận đó?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở

3. Sự kết hợp các thao tác nghị luận

Một số thao tác được sử dụng trong văn bản:

STT	Thao tác lập luận	Phân tích
1	Giải thích	Khái niệm “năng lực sáng tạo", tầm quan trọng của năng lực sáng tạo
2	Phân tích	Các biểu hiện của năng lực sáng tạo, điều kiện phát triển năng lực sáng tạo; sự “cộng năng" sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc

nhà theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

3	Chứng minh	Tầm quan trọng của năng lực sáng tạo thông qua dẫn chứng thực tế, ảnh hưởng của năng lực sáng tạo đến sự phát triển của cá nhân và xã hội
4	Bình luận	Vai trò của năng lực sáng tạo trong cuộc sống hiện đại, giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo
5	Bác bỏ	Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo

Tác dụng của việc phối hợp các thao tác nghị luận:

+ Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo: **làm rõ bản chất sự việc** (thao tác giải thích); **chia tách các khía cạnh** cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích) để hiểu sâu hơn về vấn đề; **Sử dụng dẫn chứng để củng cố lí lẽ**, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); **phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề** chủ thể sáng tạo (thao tác bác bỏ); **đánh giá** được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng lực sáng tạo (thao tác bình luận).

+ Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.

4. Mục đích, quan điểm của người viết.

- Tư tưởng của tác giả khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người:

+ Năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn

+ Khẳng định vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức. Cần khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

+ Khẳng định những điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện tại.

- Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp…

=> Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu mục đích, quan điểm của người viết.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Tác giả thể hiện quan điểm, tư tưởng gì khi bàn về năng lực sáng tạo của con người?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Phiếu thảo luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi, tham vấn, trao đổi. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo. - Khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức. **2. Nghệ thuật:** - Văn bản thể hiện sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc; các ý kiến, số liệu trích dẫn đáng tin cậy, văn phong khoa học, chuẩn mực, thể hiện cái nhìn bao quát về vấn đề năng lực sáng tạo.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết cách viết một đoạn NLXH khoảng 150 chữ về một vấn đề liên quan tới thực tiễn.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung.* **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức: - Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa. + Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có? + Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào? - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. **Bước 3 - 4.** GV yêu cầu HS nộp bài tập cho GV, GV chấm ngẫu nhiên 5 sản phẩm và chữa bài vào tiết học tiếp theo.	- Sáng tạo không chỉ là khả năng tạo ra những ý tưởng mới mẻ mà còn là cách tiếp cận với cuộc sống, tạo nên những giá trị cho cuộc đời. - Khi mỗi người áp dụng sự sáng tạo vào cuộc sống hàng ngày, họ có cơ hội khám phá và phát triển bản thân, tạo ra những trải nghiệm độc đáo và ý nghĩa. - Người sáng tạo sẽ vượt qua được những thử thách, khó khan trong cuộc sống và tạo nên thành công vượt bậc. - Với sự sáng tạo, cuộc sống trở nên đa dạng và phong phú hơn, đồng thời đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

*** Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn	

	văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Hs rút ra bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Ghi lại những bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS ghi những bài học cho bản thân bằng sơ đồ tư duy.

B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV đánh giá sản phẩm, chuẩn kiến thức

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách kết hợp các thao tác lập luận trong VB nghị luận

5. HDVN: Chuẩn bị bài mới: Mấy ý nghĩ về thơ (Nguyễn Đình Thi)

TIẾT 25,26 - VĂN BẢN 3: MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản;
- Phân tích được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ", cách thức lập luận tài hoa của tác giả Nguyễn Đình Thi;
- Hiểu được mục đích của người viết.

2. Về năng lực:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận văn học: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận văn học;
- Phân biệt được văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học;
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận "Mấy ý nghĩ" về thơ để thực hiện một số nhiệm vụ đặt ra trong thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- Yêu thích thơ ca, có ý thức bồi dưỡng, nâng cao tâm hồn;
- Có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập một, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập…
2. Học liệu: Một số tư liệu ảnh có liên quan đến tác giả Nguyễn Đình 'Thi và văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* trên Internet.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết huy động những trải nghiệm về kiến thức nền có liên quan đến việc tiếp nhận nội dung văn bản.

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe bài thơ

c. Sản phẩm:

- Cảm nhận được bài thơ.
- Nắm bắt sơ bộ được một số đặc trưng của thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS lắng nghe bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử https://www.youtube.com/watch?v=P0i8cRnNwjM&ab_channel=NSThanhNgang%C3%A2mth%C6%A1 - *Hãy chia sẻ cảm nhận của bạn về bài thơ trên.* - *Từ việc cảm nhận bài thơ, hãy cho biết: một bài thơ muốn tác động đến cảm xúc, tâm hồn người đọc thì cần có những yếu tố nào?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả:** 3-4 HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	- HS được kích hoạt tri thức nền về thơ ca, sẵn sàng tâm thế đón nhận bài học. - Chú ý trân trọng các ý kiến của học sinh, đưa ra đáp án mở, có thể như: Một bài thơ muốn tác động đến cảm xúc của người đọc thì phải thể hiện chân thật cảm xúc, tình cảm của nhân vật trữ tình; có nhịp điệu, nhạc điệu…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu: Hs nắm được thông tin cơ bản về tác giả và văn bản chuẩn bị cho việc khám phá văn bản

b. Nội dung:

- Hs thực hiện sơ đồ hóa thông tin về tác giả và trả lời câu hỏi về văn bản.
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc thành tiếng văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* sau khi lắng nghe phần hướng dẫn đọc của GV. Sau khi đọc, HS chia sẻ ấn tượng chung ban đầu về tác phẩm. 2. Tìm hiểu tác giả và tác phẩm: GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập dựa trên phần chuẩn bị ở nhà	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003): nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà phê bình văn học, đã có những đóng góp quan trọng cho việc xây dựng nền văn học cách mạng Việt Nam. - Sáng tác nổi bật nhất vẫn là thơ với những

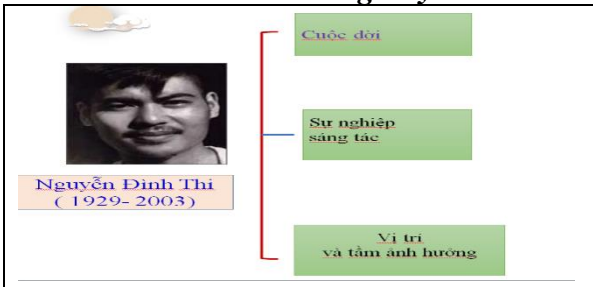

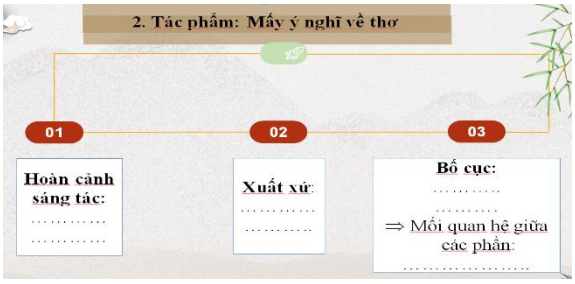

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc độc lập, khi đọc văn bản, chú ý các thẻ đọc; hoàn thiện phiếu học tập dựa trên sự chuẩn bị bài trước ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Đại diện Hs báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận

- HS khác nhận xét
- GV nhận xét, kết luận

cách tân đáng chú ý trên phương diện hình thức.

- Tác phẩm chính: *Xung kích* (tiểu thuyết), *Người chiến sĩ* (thơ), *Con nai đen* (kịch), *Vỡ bờ* (tiểu thuyết), *Dòng sông trong xanh* (thơ)…

2. Tác phẩm

- **Hoàn cảnh sáng tác**: *Mấy ý nghĩ về thơ* là tiểu luận được Nguyễn Đình Thi viết từ năm 1949 và đọc tại Hội nghị tranh luận văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc.
- **Xuất xứ**: In trong tập *Mấy vấn đề văn học*
- **Bố cục:**

+ *Phần 1*: Bình luận một số quan điểm về thơ

(*Đoạn 1* - từ"Từ Trước đến nay"đến "nhưng lại không phải là thơ.").

+ *Phần 2*: Lý giải của tác giả về bản chất của thơ (*Đoạn 2, 3,4* - từ"Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn" đến "nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.").

+ *Phần 3*: Quan niệm của tác giả về vấn đề vần trong thơ và thơ tự do (*Đoạn 5* - từ"Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do"đến "giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.").

=> Các phần có quan hệ với nhau rất chặt chẽ: Bình luận một số quan niệm về thơ (phần 1) là cơ sở để tác giả đưa ra ý kiến của mình về bản chất của thơ (phần 2) Những diễn giải về bản chất của thơ trở nên đầy đủ hơn khi bàn luận thêm một số yếu tố quan trọng của hình thức thơ (phần 3).

Nội dung 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu hoạt động:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận.
- Vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.

b. Nội dung thực hiện: HS đọc VB, vận dụng "tri thức ngữ văn", làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Học sinh tìm hiểu về cấu trúc nghị luận của văn bản qua luận đề, luận điểm, nhan đề của văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - HS thảo luận và trả lời 3 câu hỏi:	**II. Khám phá văn bản** **1. Tìm hiểu sự kết hợp giữa luận điểm và luận đề** - ***Luận đề:*** Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ. - ***Hệ thống luận điểm:***

1. Văn bản bàn về vấn đề gì?
2. Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ?
3. Nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề với luận đề và hệ thống luận điểm.
4. Hãy chọn một luận điểm và chỉ ra sự phối hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận, trao đổi cặp đôi hai câu hỏi trên.

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện cặp báo cáo nội dung đã thảo luận
- Các cặp còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề\

Nhiệm vụ 2: Học sinh tìm hiểu nghệ thuật lập luận

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm theo yêu cầu:

+ Chọn phân tích một luận điểm mà nhóm tâm đắc theo bảng sau:

Luận điểm:		
Thao tác 1	Thao tác 2	Thao tác 3
.....	.....	.....
- Nhận xét cách triển khai luận điểm của VB. - Rút ra cách triển khai một luận điểm trong bài viết NLVH để viết thuyết phục, hấp dẫn.		

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận, trao đổi theo nhóm các yêu cầu trên.
- Lớp chia làm 6 nhóm

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo
- Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề

+ Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện thế giới "bên trong tâm hồn con người".
+ Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh thấm đẫm cảm xúc.
+ Chữ và tiếng trong thơ phải có nhịp điệu, nhạc điệu để không chỉ gọi tên sự vật, mà còn gợi ra những ý tứ sâu xa.
+ Những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những võ khí rất mạnh trong tay người làm thơ.

- ***Nhan đề*** : có sự thống nhất với luận đề: Nhan đề đã nêu rõ đối tượng (thơ), nội dung chính (mấy ý nghĩ) mang tính cá nhân người viết. NĐ được thể hiện cụ thể qua hệ thống luận điểm.

2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Luận điểm: Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh thấm đẫm cảm xúc. **Câu chủ đề: "Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần túy"**		
Giải thích	**Bình luận**	**Chứng minh**
Nói bằng ý niệm thuần tuý là chuyện của triết học, luận lý; thơ nói bằng cảm xúc cho nên có sức mạnh lay động chiều sâu của tâm hồn con người.	- Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ "nhìn bằng con mắt của người đầu tiên"...hình ảnh mới tinh...không bị rập khuôn...	- Đưa ra một đoạn ca dao làm dẫn chứng, phân tích để thấy sự tác động vào tâm hồn con người thể hiện cụ thể như thế nào. - Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều có trong đời thực, chúng ta đều thấy.
Nhận xét: Luận điểm được xây dựng sáng rõ, mạch lạc; được phân tích bằng sự suy ngẫm, nung nấu sâu sắc, bằng sự trải nghiệm và rung cảm qua thực tiễn sáng tác nên có sức thuyết phục; được chứng minh bằng những hình ảnh sống động lấy từ cuộc sống hằng ngày nên có sức lay động thấm thía, gây ấn		

TIẾT 2:

Nhiệm vụ 3: Học sinh tìm hiểu về sự kết hợp các thao tác nghị luận.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS thảo luận trả lời câu hỏi:

1. Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ?
2. Tác giả đã dùng những thao tác nghị luận nào để làm sáng tỏ điều đó?
3. Nhận xét về sự phối hợp các TTLL trong việc làm rõ vấn đề.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận nhóm theo bàn (10-12 nhóm) ba câu hỏi trên theo bảng sau:

STT	Thao tác	Biểu hiện
1	....	....
2	....	....
...	....	....
Nhận xét về sự phối hợp của các thao tác:.....		

- Đổi chéo bài làm của các nhóm theo nguyên tắc: G1->G2-> G3->G4....->G1 để nhận xét, bổ sung.

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận
- Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề

tượng mạnh.

* Rút ra hướng triển khai luận điểm trong bài viết NLVH để viết thuyết phục, hấp dẫn: Luận điểm -> luận cứ (lí lẽ +dẫn chứng từ sáng tác và thực tiễn)->chọn lựa thao tác lập luận phù hợp.

3. Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận

- Trong văn bản, có những câu đáng chú ý, chẳng hạn: *"Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống".* Qua những câu như thế, tác giả đã phát biểu quan niệm của mình: *sáng tạo thơ là tìm phương tiện phù hợp để biểu đạt những rung cảm khác thường của tâm hồn nhà thơ trước cuộc sống. Người làm thơ phải thực sự sống, gắn bó sâu sắc với thực tại, từ đó nảy sinh cảm xúc chân thực, mạnh mẽ.*

STT	Thao tác	Biểu hiện
1	Giải thích	Thể hiện ở những câu dẫn ở trên nói về bản chất của việc làm thơ
2	Chứng minh	Hình ảnh "trời xanh", "mưa phùn" và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lý trí.
3	Bình luận	Tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần tuý, mà là "tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống", "nằm ngay trong cảm xúc, tình tự".
4	Bác bỏ	"Thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý", vì "nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có tho'"...
- Nhận xét: *Các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục.*		

Nhiệm vụ 4: Học sinh tìm hiểu về mục đích, thái độ của tác giả **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - HS nhận xét về mục đích và thái độ của tác giả qua bài viết **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs thảo luận, trao đổi cặp đôi **B3. Báo cáo thảo luận** - Đại diện cặp báo cáo nội dung đã thảo luận - Các cặp còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Hs nhận xét đánh giá - Gv nhận xét, chốt vấn đề	- Quan niệm đó đã được tác giả làm sáng tỏ bằng một số thao tác nghị luận: **4. Tìm hiểu mục đích, thái độ của tác giả** - **Mục đích viết**: Bài tiểu luận viết theo phong cách chính luận - trữ tình, nghị luận kết hợp với tuỳ bút, nghị luận gắn với thực tiễn (cuộc sống, kháng chiến và tâm trạng của bản thân), thể hiện những suy nghĩ, quan niệm của Nguyễn Đình Thi về đặc trưng bản chất của thơ ca nói chung, một phần để trao đổi, đối thoại với một số ý kiến đóng góp cho thơ ông (còn khó hiểu, trúc trắc, không có vần điệu, không bám sát đặc trưng của thơ, xa rời quần chúng…). - **Thái độ**: Bài viết được triển khai mạch lạc, rõ ràng, có sức thuyết phục cao với giọng văn chia sẻ, trao đổi đầy tâm huyết thể hiện thái độ vừa chân thành, vừa cầu thị của một người trong cuộc - đội ngũ những nhà văn, nhà thơ phụng sự cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Nội dung 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu hoạt động:

- Tổng kết, khái quát lại giá trị của văn bản
- Biết cách đọc một văn bản nghị luận văn học

b. Nội dung thực hiện: Học sinh tự sơ đồ hóa giá trị văn bản và rút ra bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS sơ đồ hóa nội dung và nghệ thuật của văn bản theo cách của cá nhân **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs tự vẽ sơ đồ **B3. Báo cáo thảo luận** - Hs mang sản phẩm báo cáo **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Hs nhận xét đánh giá - Gv nhận xét, chốt vấn đề	**III. Tổng kết** **https://app.zenflowchart.com/mindmap/kdCkeJd2xal6ULOtX4OU?fbclid=IwAR0Gd9S4d0rM1**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs củng cố, khắc sâu kiến thức
- Hs thấy được ý nghĩa của văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ"

b. Nội dung thực hiện:

-Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv

- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs, câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra các nhiệm vụ sau: - ***Nhiệm vụ 1***: Vì sao nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay? - ***Nhiệm vụ*** **2**: Văn bản giúp gì trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả** - Hs báo cáo ngắn gọn **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	- Nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay: Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;... đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay. - Một số gợi ý cho việc đọc thơ: + Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ. + Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs vận dụng viết đoạn văn NLVH
- Phát triển kĩ năng viết, kết nối "Viết- Đọc"

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv,
-Gv hướng dẫn Hs trên lớp, hoàn thành bài tập ở nhà. Gv chấm sửa vào tiết học tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs, bài viết của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hs viết đoạn văn kết nối đọc- viết: Cách hiểu về ý kiến: Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người đọc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả trong tiết sau **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận vào đầu tiết tiếp theo** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	- Nội dung: Cách hiểu của HS về ý kiến: Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. + Giải thích "Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người độc" nghĩa là gì. + Tại sao "Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người đọc"? + Lấy dẫn chứng trong văn bản làm sáng tỏ ý kiến. - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách kết hợp các thao tác lập luận trong VB nghị luận

5. HDVN:

- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Tiết 27: LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Giúp HS

- Nhận biết được các biểu hiện của lỗi logic và lỗi câu mơ hồ.
- Biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm khi thực hành nói và viết.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: HS tự nhận biết được lỗi logic, lỗi câu mơ hồ trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi logic, lỗi câu mơ hồ trong tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng ngôn ngữ dân tộc
- Ý thức giữu gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, ti vi, máy tính (nếu có)

2. Học liệu: SGK 12 kì 1, SGV 12 kì 1, Bảng giao nhiệm vụ cho HS, giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình
- Kết nối kiến thức tiếng Việt đã học trước (ở lớp 11 bài lỗi về thành phần câu và cách sửa) với bài học

b. Nội dung: Kiến thức về thành phần câu

c. Sản phẩm: Những hiểu biết, chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng bảng biểu

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV cho hs quan sát, đọc các ngữ liệu sau: (GV trình chiếu PW)
<table>
<tr><th>Câu</th><th>Lỗi mắc</th></tr>
<tr><td>1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường.
2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công.
3. Đây là dung dịch độc nhất.
4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.</td><td></td></tr>
</table>
- GV giao nhiệm vụ cho hs: Chỉ ra lỗi các câu trên mắc phải?
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm lỗi về câu.
B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo, nhận xét.
</td><td>- HS trả lời cá nhân.</td></tr>
</table>

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung tri thức về thành phần câu
(phần sửa lỗi ở phần vận dụng)

Câu	Lỗi mắc
1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường.	1. Lỗi logic
2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công.	2. Lỗi logic
3. Đây là dung dịch độc nhất.	3. Lỗi câu mơ hồ
4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.	4. Lỗi câu mơ hồ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa (Kiến thức Tiếng Việt được học)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu của chuẩn mực của tiếng Việt về ngữ pháp. Từ đó nhận ra những lỗi logic, lỗi câu mơ hồ thường mắc phải và biết cách sửa lỗi.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT LỖI LOGIC CỦA CÂU VÀ CÁCH SỬA	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi: + Em hãy cho biết thế nào là lỗi logic của câu? + Chỉ ra các biểu hiện của của câu mắc lỗi logic và hướng chỉnh sửa? Cho ví dụ minh họa? + Nêu những lưu ý khi chỉnh sửa câu mắc lỗi logic? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Khái niệm/Bản chất:** Lỗi logic chính là lỗi tư duy. Khi tư duy người viết/người nói thiếu sáng sủa, rõ ràng thì sản phẩm ngôn ngữ (câu) sẽ có sự bất cập về hình thức và nội dung. **2. Các biểu hiện của câu mắc lỗi logic và cách sửa** **a. Có sự lẫn lộn về các bình diện khi nói về đối tượng** - VD: *Trong các phóng sự phản ánh hiện thực đời sống Việt Nam trước Cách mạng, Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất.* - Cách sửa: Quy các ý về cùng 1 bình diện (bình diện tác giả/bình diện tác phẩm) *+ Trong các phóng sự phản ánh hiện thực đời sống Việt Nam trước Cách mạng, tác phẩm "Cơm thầy cơm cô" của tác giả Vũ Trọng phụng đã gây được tiếng vang lớn.* *+ Trước Cách mạng, ở thể loại phóng sự, Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất.* **b. Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu** - VD: *Việc làm kịp thời này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.* - Cách sửa: Lược bỏ 1 trong 2 ý (hoặc ý gắn với từ *kịp thời*/ý gắn với cụm từ *lẽ ra)* *+ Việc làm này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.* *+ Việc làm kịp thời này của ban giám đốc đã giúp*

	cho hàng nghìn công nhân có thu nhập ổn định. **c. Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng** - VD: *Báo in, báo điện tử, các phương tiện truyền thông, đài phát thanh, đài truyền hình,…đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* - Cách sửa: Cần phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc đến. + *Báo in, báo điện tử đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* + *Đài phát thanh, đài truyền hình đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* + *Các phương tiện truyền thông có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* **3. Lưu ý:** - Khi sửa lỗi cần nắm bắt đúng điều người viết muốn biểu đạt để chọn hướng sửa phù hợp. - Trong văn bản văn học có những câu "phi logic" được tác giả chủ động sử dụng với ý đồ nghệ thuật riêng.
II. NHẬN BIẾT LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi: + Em hãy cho biết thế nào là lỗi câu mơ hồ? + Chỉ ra các biểu hiện của của lỗi câu mơ hồ và hướng chỉnh sửa? Cho ví dụ minh họa? + Nêu những lưu ý khi chỉnh sửa lỗi câu mơ hồ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Khái niệm/Bản chất:** Lỗi câu mơ hồ là có những trường hợp, câu gợi ra những nghĩa khác nhau, khiến người đọc/người nghe không xác định được người viết/người nói muốn dùng nghĩa nào. **2. Các biểu hiện của lỗi câu mơ hồ và cách sửa** **a. Không có dấu câu tách các vế, do đó, nếu đặt dấu câu ở vị trí khác nhau sẽ cho những nghĩa khác nhau** - VD: *Vườn có nhiều cây cảnh rất đẹp.* - Cách sửa: Cần đặt câu vào ngữ cảnh để biết người viết muốn nói điều gì. Đặt dấu phẩy vào vị trí hợp lí để tách các vế câu. + *Vườn có nhiều cây cảnh, rất đẹp.* + *Vườn có nhiều cây, cảnh rất đẹp.* **b. Không cân nhắc khi sắp xếp các đơn vị, khiến người đọc nhận diện khác nhau về từ ngữ trong câu nên hiểu câu theo những nghĩa khác nhau** - VD: *Tôi có cái xe đạp rất nặng.* - Cách sửa: Sắp xếp các đơn vị từ ngữ hợp lí. + *Cái xe đạp của tôi rất nặng.* + *Tôi có cái xe, đạp rất nặng.* **c. Sắp xếp trật tự các thành phần câu không hợp lí khiến nội dung thông báo của câu thiếu rõ ràng** - VD: *Các ý kiến đánh giá tác phẩm này rất mới mẻ.* - Cách sửa: Thay đổi cấu trúc ngữ pháp của câu. + *Đánh giá về tác phẩm này, có nhiều ý kiến rất mới mẻ.*

	+ Các ý kiến đều đánh giá rằng tác phẩm này rất mới mẻ. **3. Lưu ý:** - Cần phân biệt câu mơ hồ do sơ suất của người viết với những câu đa nghĩa trong văn bản văn học thể hiện sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học từ lớp dưới về thành phần câu
b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập
c. Sản phẩm:Kết quả của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
III. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập1 trong SGK - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** -HS làm bài tập - Chia nhóm: + Nhóm 1: Làm bài tập 1 + Nhóm 2: Làm bài tập 2 + Nhóm 3: Làm bài tập 3 + Nhóm 4: Làm bài tập 4 **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày câu trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Bài 1:** a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân. Lỗi logic: - Mâu thuẫn trong khái niệm "nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới". "Mới nhất" nghĩa là mới xuất hiện sau cùng, nhưng "nhà Thơ mới" là một phong trào thơ ca đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XX. Cách sửa: - Có thể sửa thành: "Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân." - Hoặc: "Với quan điểm sống vội vàng, mãnh liệt, Xuân Diệu đã thể hiện một cách rõ nét cái tôi cá nhân trong thi phẩm *Vội vàng*." b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện. Lỗi logic: - Mâu thuẫn trong khái niệm "không tốn nhiên liệu". Nhà máy điện gió sử dụng năng lượng gió để sản xuất điện, tuy nhiên, việc xây dựng và vận hành nhà máy điện gió vẫn cần sử dụng nhiên liệu cho các hoạt động như vận chuyển, bảo trì,... Cách sửa: - Có thể sửa thành: "Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa tiết kiệm nhiên liệu so với nhà máy nhiệt điện." - Hoặc: "Điện gió là nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính và bảo vệ môi trường sống." c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ. Lỗi logic: - Sai lầm trong suy luận. Không biết làm thơ chỉ là một khía cạnh nhỏ trong nghệ thuật, không thể khẳng định vì không biết làm thơ mà Loan không thích nghệ thuật.

	Cách sửa: - Có thể sửa thành: "Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không có hứng thú với các hoạt động nghệ thuật như vẽ tranh, nghe nhạc,...". - Hoặc: "Có thể Loan không thích thơ ca, nhưng điều đó không có nghĩa là cô ấy không thích nghệ thuật." **2. Bài 2:** a. "Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát." Lỗi: Sai ngữ pháp Câu sửa: Ông tôi rất say mê làm thơ, ông thích sáng tác thơ bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát. b. "Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh." Lỗi: Lỗi ngữ pháp hai cụm từ “tốt cho sức khỏe” và “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” có ý nghĩa tương đương nhau. Sửa: “Ăn nhiều rau quả rất tốt cho sức khỏe.” c. "Hoàng Phủ Ngọc Tường – một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao." Lỗi: Sai logic Sửa: Bỏ "cây bút viết kí" vì "Hoàng Phủ Ngọc Tường" là tên riêng của một nhà văn, không cần thêm giới thiệu chung chung. Câu sửa: "Hoàng Phủ Ngọc Tường – nhà văn được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao." d. "Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt." Lỗi: ngữ pháp trong câu liệt kê những đơn vị ngữ pháp ngang hàng nhưng ý nghĩa của chúng không tương đương nhau: “từ đơn và từ ghép” không tương đương với “bộ phận từ Hán Việt” trong từ Hán Việt bao gồm cả từ ghép và láy. Sửa: Bên cạnh từ thuần Việt, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt **3. Bài 3:** a. "Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết." Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Các cảnh sát đang truy tìm một tên tội phạm rất thông minh, không để lại bất kỳ dấu vết nào. - Cách hiểu 2: Các cảnh sát đã truy tìm được tên tội phạm, nhưng tên tội phạm này không để lại dấu vết gì tại hiện trường. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào đặc điểm của tên tội phạm ("không để lại dấu vết"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào hành động của các cảnh sát ("truy tìm"). Sửa:

	- Cách : "Các cảnh sát đang truy tìm một tên tội phạm rất ma mãnh, không để lại bất kỳ dấu vết nào." - Cách 2: "Các cảnh sát đã truy tìm được tên tội phạm, nhưng hiện trường vụ án không để lại bất kỳ dấu vết nào." b. "Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Trong vườn có nhiều hoa cúc nở rộ, tạo nên một màu vàng rực rỡ. - Cách hiểu 2: Vườn hoa cúc nở rộ với một màu vàng rực rỡ. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào số lượng hoa cúc ("nở rộ"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào màu sắc của hoa cúc ("rực một màu vàng"). Sửa: - Cách 1: "Vườn hoa cúc nở rộ với vô số bông hoa vàng rực rỡ." - Cách 2: "Vườn hoa cúc nở rộ một màu vàng rực rỡ, thu hút mọi ánh nhìn." c. "Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu." Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Bầu trời có màu xanh ngắt, in xuống dòng sông cũng có màu xanh ngắt. - Cách hiểu 2: Bầu trời in hình ảnh của mình xuống dòng sông xanh ngắt. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào màu sắc của bầu trời và dòng sông ("xanh ngắt") - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào hành động của bầu trời ("in xuống"). Sửa: - Cách 1: "Bầu trời xanh ngắt in bóng xuống dòng sông cũng mang một màu xanh ngắt. - Cách 2: "Bầu trời trong xanh in hình ảnh của mình xuống dòng sông xanh ngắt, tạo nên một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp." d. "Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều." Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và thu được nhiều lợi nhuận - Cách hiểu 2: Doanh nghiệp có mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác và thu được nhiều lợi nhuận. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ("làm ăn"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào mối quan hệ của doanh nghiệp ("có lãi"). Sửa: - Cách 1: "Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả và thu được lợi nhuận rất nhiều."

	- Cách 2: "Doanh nghiệp có mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác, từ đó thu được lợi nhuận rất nhiều." **4. Bài 4:** a. Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau. - Ngắt nhịp 3/2: *Những sông trưa/không đò* *Những đường mưa/ngẩn trắng* - Ngắt nhịp 2/3: *Những sông /trưa không đò* *Những đường/mưa ngẩn trắng* - Có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp: *Những sông trưa không đò* *Những đường mưa ngẩn trắng* -> Mỗi cách ngắt nhịp cho 1 ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc. **Cách hiểu:** - Cách hiểu 1: "Anh" là chủ thể trữ tình, mang theo tình yêu của người em qua những địa danh hoang vắng, heo hút. - Cách hiểu 2: "Tình em" là chủ thể ẩn dụ, được "anh" mang đi qua những địa danh, thể hiện sự trân trọng, nâng niu. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều phù hợp với ngữ cảnh và logic của bài thơ. - Câu thơ sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợi cảm giác bâng khuâng. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ. b. Câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa *giọt nước mắt* và *vầng trăng* có thể có nhiều những quan hệ khác nhau: *Giọt nước mắt* như *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* là *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* thành *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* của *vầng trăng...*Mỗi tương quan được được xác lập cho một nghĩa khác nhau. **Cách hiểu:** - Cách hiểu 1: "Giọt nước mắt" được so sánh với "vầng trăng", long lanh và sáng ngời. - Cách hiểu 2: "Vầng trăng" soi bóng xuống đáy giếng, tạo nên hình ảnh long lanh như giọt nước mắt. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận được, nhưng cách hiểu thứ nhất phù hợp với ngữ cảnh và chủ đề bài thơ hơn. - Câu thơ sử dụng phép so sánh độc đáo, thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận, sự tài hoa trong việc sử dụng ngôn từ của tác giả. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ. c. Câu thơ đầu có 2 cách ngắt nhịp:

	- Ngắt theo nhịp 3/4: *Đất đá ong/khô nhiều suối lệ* - Ngắt theo nhịp 4/3: *Đất đá ong khô/nhiều suối lệ* **Cách hiểu:** - Cách hiểu 1: "Đất đá ong" khô cằn, nứt nẻ, thấm đẫm nước mắt, thể hiện sự gian khổ, vất vả của người dân. - Cách hiểu 2: "Suối lệ" là ẩn dụ cho những giọt nước mắt của người dân, chảy dài trên mảnh đất khô cằn. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận được, nhưng cách hiểu thứ hai phù hợp với ngữ cảnh và chủ đề bài thơ hơn. - Câu thơ sử dụng phép ẩn dụ và nhân hóa, thể hiện sự đồng cảm với nỗi đau khổ của người dân. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Vận dụng những kiến thức đã học để có thể nhận ra lỗi sai của bạn mình

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

1. Chữa lỗi phần khởi động

Câu	Lỗi mắc	Chữa lỗi
1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường. 2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công. 3. Đây là dung dịch độc nhất. 4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.	1. Lỗi logic 2. Lỗi logic 3. Lỗi câu mơ hồ 4. Lỗi câu mơ hồ	1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, đóng cửa và lên đường 2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi không câu được vô số con cá chép, thật phí công. 3. Đây là dung dịch độc hại nhất 4. Cả nhà đang hát say sưa theo ca sĩ.

2. Viết đoạn văn ngắn về vai trò/ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống.

3. GV chiếu đoạn văn sau và yêu cầu HS phát hiện lỗi về thành phần câu và sửa lỗi (trên bài làm thực tế của HS)

a. Không chỉ vậy, sự sáng tạo giúp cải tiến các sản phẩm và dịch vụ đã có sẵn để chúng trở nên tốt hơn và đáp ứng nhu cầu của của con người, khiến cuộc sống của con người trở nên dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, sự sáng tạo có thể giúp tạo nên sự yêu quý và tạo dựng mối quan hệ tốt giữa con người theo nhiều cách khác nhau. Sự sáng tạo trải nghiệm độc đáo và thú vị.

b. Sự sáng tạo có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn. Bên cạnh đó, sự sáng tạo khiến cho cuộc sống của con người trở nên tối tân hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn khiến cho cuộc sống thêm thú vị hơn.

c. Bên cạnh đó, sự sáng tạo khiến cho cuộc sống của con người trở nên tối tân hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn khiến cho cuộc sống thêm thú vị hơn, con người sẽ có nhiều thời gian dành cho bản thân hơn, khám phá được nhiều điều mới lạ, khám phá ra nhiều thứ khác.
d. Sự sáng tạo thời kì phát triển hiện nay này vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống. Người có tính sáng tạo là người năng động làm việc và tìm tòi cái mới. Họ không dễ dàng chấp nhận những gì hiện có, sẵn có. Họ cũng không bắt chước hoặc lặp lại những cách thức cũ mà say mê tìm kiếm những cái mới mẻ, đem lại hữu ích cho cuộc đời.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài
B3. Báo cáo thảo luận: Trao đổi thảo luận
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và cho điểm

Gợi ý:

a. Lỗi: thiếu vị ngữ ở câu cuối
Chữa lỗi: Sự sáng tạo có thể giúp tạo ra những trải nghiệm độc đáo và thú vị, giúp tạo dựng và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người.
b. Lỗi: thiếu chủ ngữ ở câu thứ 2
Chữa lỗi: Sự sáng tạo giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn
c. Lỗi logic: "khám phá được nhiều điều mới lạ" đã bao hàm "khám phá ra nhiều thứ khác"
Chữa lỗi: bỏ cụm từ "khám phá ra nhiều thứ khác"
d. Lỗi câu mơ hồ: Sự sáng tạo thời kì phát triển hiện nay này vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống.
Chữa lỗi: Sự sáng tạo vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống này nhất là thời kì phát triển hiện nay.
4. Củng cố: GV có thể dùng bảng hệ thống để khắc sâu kiến thức cho HS

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Lỗi logic của câu	**Lỗi câu mơ hồ**
Khái niệm/Bản chất		
Các biểu hiện và cách sửa lỗi		
Lưu ý		

5. HDVN:
- Hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

PHẦN 3. VIẾT
Tiết 28,29: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (NHỮNG HOÀI BÃO, ƯỚC MƠ)

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Hs nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội theo định hướng nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Hs biết tiến hành theo các bước viết một bài văn nghị luận đáp ứng các yêu cầu đã nêu.
2. Về năng lực:
- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.

- Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
- Kết bài gây ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy tính kết nối tivi, các dụng cụ học tập khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và hiểu bản chất của một bài văn nghị luận theo định hướng nội dung: về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: HS chia sẻ về hoài bão, ước mơ.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS về hoài bão, ước mơ của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: **GV yêu cầu HS:** Hãy chia sẻ về những hoài bão và ước mơ của em. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học.	Gợi ý: lí tưởng, ước mơ, khát vọng cống hiến,…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: Hs nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội theo định hướng nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: Các yêu cầu của kiểu bài viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi: Theo em, theo kiểu bài nghị luận xã hội viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, kết cấu bài viết cần đảm bảo các yêu cầu nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận:** 2-3 nhóm HS đại diện trả lời, các nhóm khác nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv chốt ý.	**Mục tiêu bài học:** - Vấn đề nghị luận: có liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ - Hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng. - Phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh. - Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều. - Kết bài gây ấn tượng.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi và xác định quy trình viết của kiểu bài nghị luận về vấn đề của tuổi trẻ.

b. Nội dung: Đọc bài viết tham khảo, thực hiện các yêu cầu và xác định quy trình viết.

c. Sản phẩm: HS đọc và thảo luận nhóm, trả lời miệng và ghi chép vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
***Nội dung 1. Đọc bài viết tham khảo, thực hiện các yêu cầu** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao 1 HS đọc bài viết tham khảo (Chú ý luận đề, vị thế của người viết), nhóm 4 HS thực hiện trả lời các câu hỏi từ SGK: **Nhóm 1. Câu 1** **Nhóm 2,3. câu 2** **Nhóm 4. Câu 3** **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, nhóm HS thảo luận. **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm HS trả lời, HS còn lại góp ý, nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, kết luận.	**I.Đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu** Câu 1. Vấn đề bàn luận: giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị. Vị trí của người viết: -Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm - Là một người từng trải - Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ Câu 2. Phân tích cấu trúc nghị luận: ***Luận đề: Giá trị đích thực của tuổi trẻ** **Luận điểm 1. Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ** - Lí lẽ + Thanh niên là trụ cột của một xã hội... + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. – Bằng chứng + Trịnh Xuân Mười… + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh... + Lê Thị Thắm… **Luận điểm 2. Học cách đặt mục tiêu** - Lí lẽ + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. – Dẫn chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang "tạo ra"chứ không phải đang "phá huỷ" việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Đai-xơn (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài. * Cách phối hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng: +Lí lẽ được sử dụng làm nền tảng cho bài viết. Mỗi luận điểm đều được trình bày một cách logic, chặt chẽ. +Dẫn chứng được sử dụng để minh hoạ cho lí lẽ, làm cho bài viết thêm sinh động và thuyết phục. Các dẫn chứng được đưa ra đều cụ thể, tiêu biểu và phù hợp với luận điểm. + Sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng giúp bài viết vừa có tính

	khoa học, vừa có tính nghệ thuật. Câu 3. Những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết là: - Giải thích: Khái niệm "tuổi trẻ", giá trị của tuổi trẻ - Phân tích: + Đặc điểm của tuổi trẻ (sức khoẻ, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); + Vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước). - Chứng minh: giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng: + Trịnh Xuân Mười... + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh… - Bình luận: về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị.
Tiết 2 ***Nội dung 2. Quy trình viết viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)** **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** GV giao HS thảo luận nhóm đôi (10ph): Nếu các bước (quy trình) viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi làm việc nhóm. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS 1-2 nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức và gợi ý theo bảng.	**II. Quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)** Xây dựng quy trình viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ) gồm bốn bước: **Bước 1. Chuẩn bị viết** Lựa chọn đề tài có liên quan đến cuộc sống của tuổi trẻ hiện nay (quan niệm sống, định hướng tương lai, việc học tập và rèn luyện, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...). **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý** * Để tìm ý, người viết cần tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau: – Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? – Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận? – Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề? *** Trên cơ sở đó, lập dàn ý:** ***Mở bài*:** Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó. ***Thân bài*:** –Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. – Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). –Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết. – Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. – Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề. ***Kết bài*:** Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Bước 3. Viết bài

– Triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn.

– Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác bằng chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung.

– Thao tác nghị luận và các yếu tố bổ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn.

Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý:

Nội dung	**Yêu cầu**
Bố cục ba phần	MB: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào? TB: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không? KB: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?
Các lỗi còn mắc	Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.
Đánh giá chung	Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết là gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: Thực hành viết theo quy trình về bài văn nghị luận theo kiểu bài.

b. Nội dung: Lựa chọn một trong các vấn đề sau:

(1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ

(2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ

(3) Ý thức về giới của các bạn trẻ.

(4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ

(5) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội

Câu 1. Lập dàn ý bài viết.

Câu 2. Viết một bài văn nghị luận bày tỏ quan điểm về vấn đề đã lựa chọn.

Câu 3. Chỉnh sửa bài văn đã viết.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	**Dự kiến sản phẩm**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lựa chọn một vấn đề từ phần nội dung. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn vấn đề nghị luận **B3. Báo cáo thảo luận:** HS thống nhất đề tài **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại đề tài.	**III. Thực hành viết** **1. Chuẩn bị viết** **Đề 1:** Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ.

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm ý và lập dàn ý cho bài viết. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận:** 2-3 nhóm HS trình, HS nhóm khác nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá, chốt ý.	**2. Lập dàn ý** ****MB:*** Giới thiệu vấn đề chọn nghề rất quan trọng với giới trẻ, nhất là trước tác động của CMCN 4.0. ***TB:** - CMCN 4.0 là gì? Tác động của CMCN đến đời sống XH (dẫn chứng) - Ảnh hưởng của CMCN đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ như thế nào? (dẫn chứng) - Cần phải làm gì để khắc phục ảnh hưởng của CMCN và chọn nghề phù hợp? - Cần nhìn nhận, đánh giá đúng tình hình, tránh phiến diện dẫn đến thái độ, hành vi tiêu cực ra sao? ***KB:*** Ý nghĩa việc chọn nghề phù hợp với thời đại của giới trẻ.

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu cá nhân HS chọn 1 luận điểm để viết, đọc lại và chỉnh sửa hoàn thiện. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:** Cá nhân HS đọc, HS khác nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, gợi ý.	**3. Viết** **4. Chỉnh sửa, hoàn thiện** Cách mạng công nghiệp 4.0 được định nghĩa là sự kết hợp của các công nghệ, giúp thu gọn khoảng cách về vật lý, số hóa và sinh học. Tác động của CMCN đến đời sống XH, cụ thể là: + *Y tế*: Đây là lĩnh vực có sự thay đổi đột phá hơn, các bệnh viện có thể dễ dàng quản lý, lưu trữ hồ sơ bệnh án, nhiều ca mổ thành công nhờ có sự trợ giúp của các robot. + *Nông nghiệp*: Giờ đây, các trang trại đã thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, áp dụng nhiều công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng tốt hơn và giảm thiểu chi phí. Các trang trại có thể dùng điện thoại di động để điều chỉnh cho việc tưới tiêu… Các trang trại kỹ thuật số cũng đang là mục tiêu lớn cho ngành nông nghiệp. + *Công nghiệp*: Các nhà máy đã chuyển đổi một số quy trình sản xuất đơn giản sử dụng tay chân sang máy móc tự động. Công nghiệp 4.0 có thể tạo các nhà máy thông minh, làm việc với nhau thông qua internet giúp cải

	thiện năng suất, kiểm soát và quản lý công việc tốt hơn. *+ Công nghệ phần mềm*: Hiện nay có nhiều ứng dụng, phần mềm giúp con người dễ dàng sử dụng và thuận tiện hơn khi làm việc, sinh hoạt hằng ngày. Ví dụ như: ứng dụng đặt xe, đặt đồ ăn, ví điện tử…

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thực hành viết hoàn chỉnh bài văn theo kiểu bài
b. Nội dung: Viết bài văn hoàn chỉnh
c. Sản phẩm: Bài viết của HS
d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS về hoàn chỉnh bài viết đề số 1.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết bài
B3. Báo cáo thảo luận: HS viết bài, nộp bài vào tiết tiếp theo.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV gợi ý Bảng kiểm, gom, chấm bài và nhận xét 1 vài bài ở tiết sau.</td><td>
<table>
<tr><th>STT</th><th>Yêu cầu</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>1</td><td>- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>- Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Kết bài gây ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động.</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

4. Củng cố: Hệ thống lại kiến thức cơ bản về bố cục bài viết, các thao tác nghị luận…
5. HDVN: Hoàn thiện bài viết sau nhận xét, đánh giá, chuẩn bị cho tiết Nói và Nghe.

<u>TIẾT 30:</u> **ÔN TẬP GIỮA KÌ**

<u>TIẾT 31,32:</u> **KIỂM TRA GIỮA KÌ**
(ĐỀ TẬP TRUNG)

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE
Tiết 33: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Xác định rõ vấn đề cần thuyết minh
- Biết và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể trước đối tượng người nghe
- Biến cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách của người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung bài thuyết trình (trong tư cách người nghe)
- Biết liên hệ, đối chiếu với đời sống thực tế, vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về năng lực:
- Biết cách thuyết trình môt vấn đề xã hội (liên quan đến tuổi trẻ)
- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói, đánh giá về nội dung và hình thức bài thuyết trình.
- Biết thảo luận về một vấn đề xã hội, gần gũi, đưa ra được những lập luận chặt chẽ thuyết phục, lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất:
- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm khi thuyết trình một vấn đề
- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học : Máy tính máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới: GV giới thiệu bài mới bằng lời dẫn: Trong tiết học trước các em đã được học về quy trình viết bài văn nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão và ước mơ). Hôm nay cô và các em vẫn tiếp tục đến với chủ đề đó theo một kĩ năng mới đó là thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
b. Nội dung: Chia sẻ về những ước mơ nghề nghiệp trong tương lai
c. Sản phẩm: HS trình bày ý kiến cá nhân những ước mơ nghề nghiệp trong tương lai.
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu một số hình ảnh về các công việc ngành nghề trong cuộc sống sau đó giao nhiệm vụ học tập
Hãy chia sẻ về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai của các em?
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trả lời câu hỏi
B3. Báo cáo thảo luận: GV chọn 3 - 5 HS trình bày. Học sinh chia sẻ
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Trên cơ sở những ý kiến khác nhau đó, GV dẫn dắt, kết nối với bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yêu cầu khi thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- HS biết cách chuẩn bị cho bài thuyết trình
- Đánh giá được yêu cầu đối với người nói và người nghe

b. Nội dung: Các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

c. Sản phẩm: HS trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp theo 4 nhóm giao nhiệm vụ theo câu hỏi đối với từng nhóm, sau đó mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày: **Nhóm 1:** Nêu yêu cầu khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ? **Nhóm 2**: Nêu các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ **Nhóm 3:** Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ thì cần có những yêu cầu gì đối với người nói? **Nhóm 4:** Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ thì cần có những yêu cầu gì đối với người nghe? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận, trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** HS cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt kiến thức	**I. Một số yêu cầu khi thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ** **Câu 1:** - Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tiêu cực và tích cực của các cách nhìn nhận vấn đề - Đảm bảo tính chính xác, khách quan về các thông tin có liên quan đến vấn đề - Rút ra được ý nghĩa của bài thuyết trình **II. Chuẩn bị nói** **Câu 2**: các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là: - Xác định đối tượng: GV và các bạn trong lớp - Mục đích bài nói: trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ - Lập dàn ý bài nói - Thời gian thực hiện bài nói: 5- 7 phút - Phương tiện hỗ trợ: Video, hình ảnh, loa đài **Câu 3**: Yêu cầu gì đối với người nói : - Tác phong tự tin đĩnh đạc - Giới thiệu vấn đề sinh động ,hấp dẫn - Giọng nói lưu loát, truyền cảm **Câu 4**: Yêu cầu đối với người nghe: - Tích cực lắng nghe - Thái độ tiếp thu, chú ý - Ghi chép nội dung

2. Xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

a. Mục tiêu:

- Biết và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể trước đối tượng người nghe
- Biến cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách của người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung bài thuyết trình (trong tư cách người nghe)

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe

- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: HS trả lời, thuyết trình

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị
- HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân
- HS thực hành lập dàn ý và nói
GV gợi dẫn thêm một số đề tài mới:
+ Các bạn nghĩ thế nào về cống hiến và hưởng thụ của thế hệ trẻ hiện nay
+ Nêu và nhận xét cách ứng xử của thế hệ trẻ hiện nay đối với gia đình và cộng đồng…
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
Học sinh thực hành nói theo chủ đề
B3. Báo cáo thảo luận:
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Giáo viên chốt những kiến thức
</td><td>
1. Lựa chọn đề tài: Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.
2. Tìm ý và sắp xếp ý
Dựa vào nội dung bài viết để lập dàn ý cho bài thuyết trình, chú ý điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. (Đối với đề tài mới thì cần tìm ý và lập dàn ý)
3. Thực hành nói
- Mở đầu: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, chọn cách giới thiệu gây được chú ý cho người nghe.
- Triển khai: Đi sâu vào từng khía cạnh của vấn đề, làm rõ sự liên quan của từng khía cạnh đó đối với đời sống của giới trẻ, lí giải và nêu cách thức ứng xử…
- Kết luận: Làm rõ ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.
4. Trao đổi, đánh giá
- Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm
- Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình
- Thực hiện tự đánh giá và đánh giá về bài thuyết trình dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:
<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr>
<tr><th>Đạt</th><th>SĐ</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Xác định mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Đảm bảo tính cụ thể’, chính xác của các thông tin liên quan.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được bài thuyết trình đã chuẩn bị.
- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và kĩ năng thuyết trình thực hành bài nói và nghe
- Biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ để phần diễn đạt thêm sinh động, thuyết phục

b. Nội dung: Trình bày bài thuyết trình khai thác từ đề tài của bài viết

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận: HS suy nghĩ, trình bày trước lớp
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV gọi 1-2 hs lên trình bày, sau đó tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình theo bảng sau:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	**Đạt (1 điểm)**	**Tốt (2 điểm)**
1	Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lặp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điệu bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lí.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
	ĐIỂM	**Tổng điểm: /10**		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
b. Nội dung: HS được yêu cầu lựa chọn một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ mà mình quan tâm để thuyết trình trước lớp (tự chọn)
c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà theo yêu cầu của bài thuyết trình đã nắm được trên lớp.
B3. Báo cáo thảo luận: Tất cả học sinh gửi video bài thuyết trình cho GV vào thời gian thích hợp**.** Buổi học kế tiếp GV sẽ gọi 1-2 hs thực hiện thuyết trình
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét đánh giá

4. Củng cố: GV nhắc lại nội dung chính của bài nói và nghe
5. HDHB: xem trước nội dung bài 4: " Yếu tố kì ảo trong truyện kể"

TIẾT 34: THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG: CẢM HỨNG VÀ SÁNG TẠO
I.
II. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức
- HS hiểu được cảm hứng và vai trò của cảm hứng được bàn luận trong văn bản; tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống của cá nhân và cộng đồng. Cách diễn giải về cảm hứng; vai trò của cảm hứng trong sáng tạo; phạm vi ảnh hưởng của cảm hứng đối với cá nhân, cộng đồng; mối quan hệ giữa cảm hứng và trí tuệ, giữa cảm hứng và tự do,…
- HS nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.
2. Về năng lực: HS vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản **.**
3. Về phẩm chất:
- Bồi đắp tâm hồn, nuôi dưỡng cảm hứng và không ngừng sáng tạo.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
b. Nội dung:
- GV cho hs xem video về nữ youtuber An Đen – nhân vật tiêu biểu cho thấy được vai trò quan trọng của cảm hứng và sáng tạo đối với cá nhân và cộng đồng. (An Đen truyền cảm hứng trên TikTok: 'Sự mộc mạc đi vào lòng người')
c. Sản phẩm: Phần nhận xét của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và chia sẻ video **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh suy nghĩ và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên dẫn dắt vào bài học	HS chia sẻ suy nghĩ về video và nhân vật An Đen.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN (TÌM HIỂU CHUNG)
a. Mục tiêu: Học sinh nêu một số thông tin về thể loại, tác giả,….
b. Nội dung: HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi GV gợi ý.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV cho hs đọc văn bản và nêu thể loại,	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Thể loại:** Văn bản nghị luận – Nghị luận

tác giả,... **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành nhiệm vụ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ câu trả lời của bản thân. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	xã hội **2. Tác giả** - Nguyễn Trần Bạt (1946 – 2020), quê Nghệ An. - Là luật sư, doanh nhân, nhà nghiên cứu xã hội. - Tác phẩm tiêu biểu: *Suy tưởng* (2005), *Cải cách và sự phát triển* (2005), *Văn hóa và con người* (2006), *Cội nguồn cảm hứng* (2008), *Đối thoại với tương lai* (2010), *Tình thế và giải pháp* (2015), *Không gian tinh thần* (2019)

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- Cách diễn giải về cảm hứng; vai trò của cảm hứng trong sáng tạo; phạm vi ảnh hưởng của cảm hứng đối với cá nhân, cộng đồng; mối quan hệ giữa cảm hứng và trí tuệ, giữa cảm hứng và tự do,…
- Quan điểm, thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề cảm hứng trong hoạt động sáng tạo của con người.

b. Nội dung thực hiện: HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV cho hs đọc bài thơ và trả lời câu hỏi : - *Xác định luận đề?* Sau đó GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời các câu hỏi sau: **- Nhóm 1** *Khi bàn về cảm hứng và sáng tạo, tác giả đã triển khai thành những luận điểm nào? Mối quan hệ giữa các luận điểm?* **- Nhóm 2:** *Nêu một số lí lẽ và dẫn chứng tác giả đưa ra trong văn bản. Việc trích dẫn các dẫn chứng từ các nhân vật tiêu biểu trên thế giới có vai trò quan trọng như thế nào cho bài viết?* **- Nhóm 3:** *Những thao tác nghị luận nào được tác giả sử dụng để làm rõ vấn đề trong bài viết?. Tác dụng của việc kết hợp các thao tác nghị luận đó trong văn bản?* **- Nhóm 4:** *Quan điểm, thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề cảm hứng trong hoạt động sáng tạo của con người.*	**II. Tìm hiểu chi tiết văn bản** **1. Vấn đề cần nghị luận:** Cảm hứng và sáng tạo. **2. Các luận điểm được tác giả triển khai khi bàn luận về cảm hứng và sáng tạo:** + Cảm hứng là gì? + Tác động hai mặt của cảm hứng. + Tầm quan trọng của cảm hứng đối với sự phát triển của cá nhân và cộng đồng. + Mối quan hệ giữ cảm hứng với sáng tạo + Mối quan hệ giữa sáng tạo và cái đẹp → *Các luận điểm này liên kết chặt chẽ với nhau chặt chẽ, cùng làm sáng rõ vấn đề nghị luận.* **3. Một số lí lẽ và dẫn chứng tác giả đưa ra trong văn bản.** - Lí lẽ: *(HS nêu ra trong văn bản)* - Dẫn chứng: Mi-ken-lăng-giơ (Michelangelo) từng nằm ngửa trên các quang treo mấy năm ròng để vẽ bức họa *Sáng tạo thế giới* trên nóc vòm nhà thờ Xích-xtin (Sixtine) nổi tiếng ở I-ta-li-a (Italia). …. →*Việc trích dẫn các dẫn chứng từ các nhân vật tiêu biểu trên thế giới có vai trò quan trọng trong bài viết, tăng hiệu quả và sức thuyết phục cho lập luận của mình.* **4. Những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng để làm rõ vấn đề trong bài viết**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời các câu hỏi. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - HS trả lời cá nhân. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	*Gợi ý:* Một số thao tác được sử dụng trong văn bản: + *Thao tác phân tích:* Thể hiện rất nhiều trong văn bản + *Thao tác chứng minh:* ví dụ *thể* hiện ở Mối quan hệ giữa cảm hứng với sáng tạo, giữa sáng tạo và cái đẹp + *Thao tác bình luận:* ví dụ sử dụng để đánh giá vai trò của cảm hứng: Cảm hứng là nhân tố vô cùng quan trọng đối với sự phát triển. Một con người không có cảm hứng, một dân tộc không có cảm hứng thì sẽ luôn lôn lười biếng và không còn khát vọng để đi tìm cái mới ngoài những thứ mà mình đã có, và do đó, không thể phát triển được. + *Thao tác giải thích:* Ví dụ:. Cảm hứng thường được biểu hiện dưới hình thức của văn hóa, nó là một trạng thái tinh thần được phát tán, lan truyền, ảnh hưởng rất nhanh và hiệu quả thông qua văn hóa → Việc phối hợp các thao tác trên có tác dụng làm rõ bản chất vấn đề; củng cố lý lẽ, gia tăng hiệu quả lập luận; đánh giá được vai trò to lớn và sự cần thiết của cảm hứng và sáng tạo. Nhờ việc phối hợp các thao tác đó, bài viết có được sức thuyết phục cao. **5. Quan điểm, thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề cảm hứng trong hoạt động sáng tạo của con người.**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích vai trò của vấn đề đối với bản thân và cuộc sống.
b. Nội dung: HS phân tích và nêu cảm nhận cá nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.
c. Sản phẩm: Bài viết của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Qua việc đọc văn bản trên, văn bản này giúp gì cho em trong việc đọc các văn bản nghị luận? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành viết **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày suy nghĩ của cá nhân. **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	**- VD: Khi đọc các văn bản nghị luận, chúng ta cần:** + Xác định đúng vấn đề cần nghị luận + Chỉ ra các luận điểm + Tìm lí lẽ, dẫn chứng cho từng luận điểm. + Xác định các thao tác nghị luận và vai trò của từng thao tác. + Nhận biết được mục đích của người viết + Hiểu được quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong bài viết

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích vai trò của vấn đề đối với bản thân và cuộc sống.
b. Nội dung: HS phân tích và nêu cảm nhận cá nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.
c. Sản phẩm: Bài viết của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ: HS viết một đoạn văn khoảng 150 từ trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của cảm hứng và sáng tạo đối với thanh niên trong cuộc sống hiện nay.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. Củng cố: GV nhắc lại nội dung chính của bài đọc

5. HDHB: Soạn bài 4: " *Yếu tố kì ảo trong truyện kể*"

Tuần: 12-15 ***Ngày soạn: 17/10/2024***
Tiết PPCT: 35-44 ***Lớp: 12a2,3***

BÀI 4 YẾU TỐ KỲ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một vài yếu tố của truyện truyền kỳ về đề tài nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật
- Đánh giá vai trò của yếu tố kỳ ảo trong chuyện truyền kỳ, liên hệ với yếu tố này trong các thể loại khác

2. Về năng lực:

- Vận dụng kinh nghiệm, trải nghiệm, trải nghiệm cuộc sống để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về văn học.
- Vận dụng kiến thức để phân tích đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.
- Biết trình bày, so sánh đánh giá tác phẩm văn học. Qua đó làm nổi bật những yếu tố vay mượn, cải biên, sáng tạo của một tác phẩm văn học mà nó chịu ảnh hưởng.

3. Về phẩm chất: Có thái độ trân trọng yêu quý, bảo vệ thiên nhiên, có lối sống hòa hợp với thế giới tự nhiên

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN I: ĐỌC

Tiết 35,36 - VĂN BẢN 1: HẢI KHẨU LINH TỪ

(Đền thiêng cửa bể - trích)

- Đoàn Thị Điểm-

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận diện đánh giá được vai trò của yếu tố kỳ ảo trong truyện (nhân vật, sự kiện, thủ pháp) so sánh tác phẩm với truyện cùng loại *(Chuyện chức phán sự đền Tản Viên)*
- Xác định được đề tài của truyện *Hải khẩu linh từ*

2. Về năng lực:

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng để đọc hiểu, và thực hiện nhiệm vụ
- Vận dụng được khái niệm văn học để đánh giá phê bình, nêu nhận xét về đặc điểm của truyện truyện truyền kỳ qua văn bản.
- Đánh giá vai trò của yếu tố kỳ ảo trong truyện truyền kỳ *" Hải khẩu linh từ",* từ đó liên hệ với một số tác phẩm truyện truyền kỳ dân gian.

3. Về phẩm chất: Có ý thức trân trọng và yêu quý lịch sử và văn hóa dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

2. Học liệu: Hình ảnh liên quan đến tác giả, tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: HS sẵn sàng tiếp cận, hứng thú với bài học.

b. Nội dung: Tri thức nền về truyện truyền kỳ và đặc điểm của truyện truyền kỳ trong tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy chia sẻ cảm xúc, và những hiểu biết của em về truyện truyền kỳ Việt Nam thời kỳ trung đại - Kể tên một vài tác phẩm truyện truyền kỳ mà em biết **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh báo cáo kết quả thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Nhận xét, đánh giá và đưa ra bài học	- Là sản phẩm văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc, tiếp nhận và chịu ảnh hưởng từ văn hóa Hán, được phát triển từ thể loại quái chi, chí dị…. - Truyện truyền kỳ phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết của văn hóa dân gian, …và những tín ngưỡng trong văn hóa, đời sống tinh thần của dân tộc. - Một số tác phẩm truyền kỳ" Truyền kỳ lục mạn" …

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

e. Mục tiêu: HS nhắc lại khái niệm truyện truyền kỳ; nhận biết được yếu tố kỳ ảo, đặc điểm ngôn ngữ của truyện truyền kỳ

f. Nội dung: Tri thức ngữ văn

g. Sản phẩm: Phiếu học tập

h. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Trình bày khái niệm truyện truyền kỳ.
Chia lớp thành 4 nhóm thực hiện hoàn thành phiếu học tập số 1 và số 2
Phiếu số 1:
<table>
<tr><th></th><th>Khái niệm</th><th>Đặc điểm</th></tr>
<tr><td>Nhân vật kỳ ảo</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Sự việc kỳ ảo</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Thủ pháp nghệ thuật</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Phiếu số 2:
<table>
<tr><th>Tiêu chí</th><th>Yếu tó kỳ ảo trong truyện TĐ</th><th>Yếu tố kỳ ảo trong truyện DG</th><th>Nhận xét</th></tr>
<tr><td>Đặc điểm</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
I. TRI THỨC NGỮ VĂN
1. Truyện truyền kỳ
a. Khái niệm:
- Truyện truyền kỳ là thể loại văn xuôi tự sự, có nguồn gốc từ Văn học Trung Quốc, được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vức chịu ảnh hưởng của van hóa Hán.
- Xuất hiện ở cuối đời Đường
- Phát triển trên nền tảng truyện thần thoại, truyền thuyết,… của văn học dân gian và tín ngưỡng trong văn hóa tinh thần dân tộc.
b. Yếu tố kỳ ảo trong truyện truyền kỳ
* Nhân vật kỳ ảo:
+ Có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kỳ lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hóa…
+ Nhân vật kỳ ảo và nhân vật phàm trần đối thoại tương tác tự nhiên
+ Thân phận khác thường của con người cũng là một đối tượng phản ảnh đặc biệt.
* Sự việc kỳ ảo:
+ Các biến cố sự kiện, hành động kỳ ảo… liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kỳ, huyễn hoặc.
+ Thường sảy ra trong không gian, thời gian khác lạ, bất thường.
* Thủ pháp nghệ thuật:
+ Kết hợp linh hoạt giữa các yếu tố kỳ ảo với yếu tố
</td></tr>
</table>

Tính chất			
Cách tham dự			

Nêu đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kỳ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh lắng nghe và nhận nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh thảo luận và báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận

thực. Là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kỳ.

+ Biểu hiện ở sự hòa trộn không gian (thần tiên, trần tục, âm phủ), sự thống nhất về thời gian.

*** Phân biệt yếu tố kỳ ảo của truyện truyền kỳ với truyện dân gian.**

Giống: Đều được nhà văn sáng tạo, sử dụng ở nhiều bình diện khác nhau

Khác : Yếu tố kỳ ảo trong truyện dân gian được nhìn nhận như biểu hiện của một thế giới riêng. Sự xuất hiện của các yếu tố kỳ ảo thường gắn với nhân hóa các lực lượng tự nhiên. Thường gắn với các nhân vật có phép lạ, có tài biến hóa.

c. Đặc điểm ngôn ngữ của truyện truyền kỳ.

- Có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn.
- Sử dụng lối nói so sánh- ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kỳ, khoa trườn, phóng đại, ngôn ngữ hoa mĩ, sử dụng nhiều điển cố, hình ảnh mang tính biểu trưng…

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: HẢI KHẨU LINH TỪ *(Đền thiêng cửa bể)*

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nhận biết các yếu tố kỳ ảo, đặc điểm ngôn ngữ của truyện truyền kỳ

b. Nội dung: Tìm hiểu chung về tác phẩm và đoạn trích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** - HS đọc nối tiếp, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc (chú ý đọc cước chú về từ ngữ khó, nhân vật lịch sử, điển tích điển cố…) - Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi theo dõi, dự đoán, tưởng tượng dừng lại 1 phút để suy ngẫm. **2. Tác giả** Hs đọc kỹ nội dung về tác giả. Nêu những nét chính về tác giả Đoàn Thị Điểm **3. Tác phẩm** Học sinh đọc lần lượt các đoạn trong văn bản Hải khẩu linh từ. Nêu những nét chính về tác phẩm Tóm tắt sơ lược văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh lắng nghe và nhận nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh đọc bài. Thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trước lớp **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả:** - ***Đoàn Thị Điểm*** (1705- 1748). Biệt hiệu là Hồng Hà nữ sĩ - Người huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên - Sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng, bà từng mở trường và có công dạy học cho cung nữ trong phủ chúa Trịnh. Là người tài sắc. **2. Văn bản** **a. Thể loại:** Truyện truyền kỳ **b. Xuất xứ:** trích từ cuốn "*Truyền kỳ tân phả*" **c. Văn bản.** - Hải khẩu linh từ kể về nhân vật chính là nàng Bích Châu, một phi cung đời Trần, là người tài sắc đức độ, luôn quan tâm tới chính sự. (nhân vật sgk) - Truyện được viết dựa trên một số sự kiện lịch sử có thật với những tên người, tên đất hết sức đậm nét.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: : HS phân tích được được các yếu tố kỳ ảo của truyện truyền kỳ: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả; ý nghĩa và tác dụng của yếu tố kỳ ảo trong truyện Hải khẩu linh từ; Hiểu được tư tưởng của văn bản; liên hệ được sự giống và khác nhau giữa truyện truyền kỳ trung đại và truyện truyền kỳ dân gian.

b. Nội dung: tập trung làm rõ các vấn đề về đề tài, nội dung, nghệ thuật, các yếu tố kỳ ảo trong truyện Hải khẩu linh từ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Nhiệm vụ 1:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Học sinh xác định đề tài của văn bản là gì?
- Đưa ra nhận xét về đề tài, cốt truyện?
- Nhân vật chính của văn bản là ai?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh trả lời câu hỏi
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV đánh giá và chốt lại nội dung
Nhiệm vụ 2:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Học sinh chia thành 4 nhóm tiến hành thảo luận, thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập số 3:
<table>
<tr><th>Nàng Bích Châu</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Lai lịch, chân dung</td><td></td></tr>
<tr><td>Lời nói, suy nghĩ, hành động</td><td></td></tr>
<tr><td>Chi tiết kỳ ảo</td><td></td></tr>
<tr><td>Nhận xét về nhân vật</td><td></td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh thảo luận và thực hiện nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận
Học sinh thảo luận và đưa va báo cáo, tiến hành nhận xét bài làm của các nhóm
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
</td><td>
II. Khám phá văn bản
1. Đề tài và cốt truyện
a. Đề tài: Quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến, sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê
b. Cốt truyện: Gắn với các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng về đến thờ bà Bích Châu
2. Nhân vật
a. Hệ thống nhân vật:
- Vua Trần Duệ Tông, Bích Châu, các phụ lão, Giao thần, vua Lê Tánh Tông, Nguyễn Trọng Ý, Lương Tế Vinh,
- Nhân vật chính là nàng Bích Châu
b. Nhân vật Bích Châu
<table>
<tr><th>Nàng Bích Châu</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Lai lịch, chân dung</td><td>- Nguyễn Cơ- Cung phi triều tần. Con gái nhà quan, tên chữ Bích Châu
- Tính tình đoan trang, chân dung tươi tắn, thông hiểu âm luật, thông minh, giỏi thơ văn.</td></tr>
<tr><td>Lời nói, suy nghĩ, hành động</td><td>- Khuyên vua nên rộng lượng, dừng việc binh đao
- Khi gặp việc cấp bách, nàng không tiếc thân, gieo mình xuống biển, tự nộp thân mình cho Giao thần, giải mối nguy</td></tr>
<tr><td>Chi tiết kỳ ảo</td><td>- Nhân vật hiển linh 2 lần:
+ Lần 1: Hiển linh để giãi bày oan khuất với vua Lê, được nhận “oan tái tạo” nên nàng phù cho vua Lê đi đâu thắng đó.
+ Lần 2: Bày tỏ sự “không yên lòng về chỗ vua - tôi, chồng - vợ” vì ý kết của bài thơ vua đề trên miếu thờ
⇨ Vua lập đền thờ nàng, và nàng trở thành biểu tượng bất tử</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Giáo viên chốt lại và đưa la kết quả thảo luận

Nhiệm vụ 3

B1 Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong văn vản Hải khẩu linh từ
- Đưa ra nhận xét về các thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thảo luận và thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh thảo luận và đưa ra kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên đánh giá và đưa ra kết quả

Nhiệm vụ 4

B 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Học sinh đọc kỹ nội dung của văn bản, tìm hiểu các sự kiện, nhân vật, chi tiết có tính chất linh thiêng kỳ ảo xuất hiện trong văn bản và điền vào phiếu học tập số 4:

Stt	Sự kiện, nhân vật chi tiết	Vị trí, ngữ cảnh xuất hiện	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
...			

- Nhận xét trong các yếu tố vừa kể, đâu là chi tiết hấp dẫn hơn cả? Vì sao
- Yếu tố kỳ ảo có vai trò như thế nào?
- Liên hệ với các văn bản truyện có yếu tố kỳ ảo trong truyện cổ dân gian, và đưa ra nhận xét

	trong lòng dân
Nhận xét về nhân vật	Nhân vật là người phụ nữ kiên trinh, có tài, sắc, trí tuệ, có tinh thần trượng nghĩa

3. Ngôn ngữ và thủ pháp nghệ thuật

a. Ngôn ngữ

- Lời kể ở ngôi thứ 3
- Điểm nhìn từ bên ngoài
- Kết hợp giữa tản văn và văn biền ngẫu, có sử dụng nghệ thuật ẩn dụ - so sánh
- Lời đối thoại: Văn bản sử dụng 30 lời thoại, thực hiện ở cả hai thế giới, hữu hình và vô hình. Được tác giả thể hiệ khá nhuần nhuyễn.

b. Thủ pháp nghệ thuật

- Đan xen giữa yếu tố ỳ ảo và lịch sử
- Yếu tố lịch sử là cốt lõi từ các sự kiện lịch sử có thật
- Yếu tố kỳ ảo gắn liền với nhân vật, sự kiên, chi tiết kỳ ảo xuất hiệ từ đầu đến cuối văn bản.

=> Sự đan xen giữa các yếu tố giúp thể hiện chủ đề, tư tưởng, nền bình trị cảu đất nước là thiêng liêng, chính sự là điều quan trọng, các thế lực siêu nhiên phù trợ cà giúp đỡ con người.

4. Yếu tố kỳ ảo

- "*Thần miếu ở phía trước rất hiển linh*", "*Nếu đến đó lễ bái sẽ được thuận buồm xuôi gió"* -> Xuất hiện ở phần đầu vua không nghe lời can gián -> Là lời tâu của các vị Bô lão đất Kỳ hoa.
- "Bích Châu ngửa mặt lên thấy một đám mây đen" -> Lúc nửa đêm -> Sự linh ứng
- Vua Lê Thánh Tông mộng thấy 1 cô gái từ dưới nước hiện lên, lạy kể khóc lóc. Rồi giao ngọc minh châu -> Sự giúp đỡ của Bích Châu
- Nhà vua thấy 1 cô gái xinh đẹp đoan trang nhắc về câu kết bài trên bia miếu……
- Chi tiết hấp dẫn là khi Bích Châu thắc mắc về 2 câu kết trên bia miếu -> điều này cho thấy dù Bích Châu đã là thần tiên nhưng vẫn tưởng nhớ đến nghĩa vua tôi, đạo vợ chồng -> xứng đáng là "anh kiệt trong đám nữ lưu" được ca ngợi và truyền tụng

*** Vai trò của yếu tố kỳ ảo:**

+ Là yếu tố không thể thiếu của thể loại truyện truyền kì.
+ Khắc hoạ đậm nét nhân vật và sự việc, thể hiện dụng ý của nhà văn.
+ Tạo nên sự lôi cuốn, li kì, sức hấp dẫn,... cho câu chuyện.
+ **"**Lấy kì nói thực" là phương thức lí giải nội

B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** HS thảo luận, tìm hiểu nội dung câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV lắng nghe, nhận xét, rút ra kết quả	dung hiện thực của truyện truyền kì

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Xác định được chủ đề, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung: Đặc sắc nghệ thuật, giá trị nội dung, tư tưởng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Sau khi đọc văn bản, Hãy chỉ ra nội dung tư tưởng và nghệ thuật của văn bản - GV tổ chức cho HS thảo luận về phương thức "lấy kì nói thực" của truyện. HS trao đổi và nhận xét. - Từ nội dung đã học, em thấy dấu hiệu nào để có thể nhận biết truyện truyền kỳ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh lắng nghe, thảo luận cặp với bạn cùng bàn **B3. Báo cáo thảo luận:** Sau khi thảo luận, học sinh lần lượt đưa ra câu trả lời, Các bạn khác lắng nghe và đưa ra nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV quan sát, lắng nghe và đưa ra kết luận Gv giải thích cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì là: – Đọc và xác định đề tài, cốt truyện và hệ thống sự kiện. – Tìm hiểu thế giới nhân vật. – Nhận xét về ngôn ngữ (lời kể và lời nhân vật). – Hệ thống các yếu tố kì ảo. – Quan điểm hiện thực của tác giả. – Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** Thông qua câu chuyện về nàng Bích Châu, một nhân vật gắn với những truyền tụng về các sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê; gián tiếp đề cập quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến; tác giả đã ca ngợi tấm gương trung trinh, tiết nghĩa của người phụ nữ tài sắc vẹn toàn, một lòng vì non sông đất nước. **2. Dấu hiệu nhận biết truyện truyền kỳ** - Cốt truyện: tổ chức hệ thống sự việc li kì. - Nhân vật: kì ảo, có sức mạnh siêu nhiên, ở cõi âm – cõi dương giao tiếp. - Ngôn ngữ: đan xen tản văn với biền văn và vận văn; sử dụng lối nói so sánh – ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kì. - Thủ pháp nghệ thuật: đan xen yếu tố thực và ảo

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học trong văn bản Hải khẩu linh từ, thực hiện nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của em về hình tượng nhân vật Bích Châu trong văn bản Hải khẩu linh từ (Đền thiêng cửa bể)

b. Nội dung: Đánh giá đặc điểm nhân vật, vai trò của yếu tố kỳ ảo, cũng như tư tưởng của tác gải gửi gắm trong nhân vật

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn 150 chữ Nêu cảm nhận của em về hình tượng nhân vật Bích Châu **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** Học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên nhận xét	Bài viết của học sinh, cảm nhận về hình tượng nhân vật Bích Châu. Có cái nhìn toàn thể về nhân vật. Đảm bảo hình thức của đoạn văn 150 chữ

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng khi đọc văn bản Hải khẩu linh từ để thực hiện nhiệm vụ

b. Nội dung: Viết đoạn văn khoảng (150 chữ) so sánh yếu tố kỳ ảo trong văn bản "Hải khẩu linh từ" với một văn bản có yếu tố kỳ ảo trong thần thoại dân gian.

c. Sản phẩm: bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh viết đoạn văn (khoảng 150 chữ)

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày bài viết ra giấy

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, đánh giá 1 vài bài viết của học sinh

4. Củng cố: Năm được đặc điểm truyện truyền kỳ

5. HDVN: Chuẩn bị văn bản Muối của rừng và những câu hỏi trong sgk

<u>Tiết 37, 38:</u> ĐỌC- VĂN BẢN 2

MUỐI CỦA RỪNG

Nguyễn Huy Thiệp

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của một truyện ngắn hiện đại.
- HS hiểu được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn hiện đại.

2. Về năng lực: HS biết đọc các thông tin ngoài văn bản và vận dụng khám phá văn bản.

3. Về phẩm chất: HS biết trân trọng cuộc sống và có tình yêu thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: bảng, máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập một, tư liệu về Nguyễn Huy 'Thiệp

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS bước đầu nhận diện trọng tâm bài học.

- Biết cách thu thập tài liệu và trình bày vấn đề trước tập thể.

b. Nội dung:

- HS chia sẻ sự hiểu biết của bản thân
- HS trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

c. Sản phẩm: HS trao đổi suy nghĩ của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS - Nêu tên một/một số tác phẩm văn học có yếu tố kỳ ảo mà em biết. - Trả lời câu hỏi: con người cần phải ứng xử với thiên nhiên như thế nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày ý kiến cá nhân của mình. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi 2-3 HS chia sẻ. - Lớp theo dõi, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV cho HS đánh giá, phản biện trao đổi. - GV dẫn vào bài mới	* Một/một số tác phẩm văn học có yếu tố kỳ ảo mà em biết: - Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) - Chuyện xứ Lang Biang (Nguyễn Nhật Ánh) - Vàng lửa (Nguyễn Huy Thiệp). * Con người cần phải ứng xử với thiên nhiên: - Gần gũi, thấu hiểu, trân trọng, có trách nhiệm với thiên nhiên - Chung tay bảo vệ thiên nhiên.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các thông tin về tác giả Nguyễn Huy Thiệp
- HS năm được các thông tin khái quát về tác phẩm *Muối của rừng*.

b. Nội dung:

- HS thực hiện các yêu cầu của GV
- HS căn cứ vào SGK và các tài liệu tham khảo để có thông tin
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trình bày bài đã chuẩn bị trước giờ học: - Các thông tin nổi bật về tác giả Nguyễn Huy Thiệp. - Hoàn cảnh sáng tác - Đọc văn bản - Xác định ngôi kể - Cốt truyện Muối của rừng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu về tác giả Nguyễn Huy Thiệp tại lớp. - 2-3 HS đọc văn bản, chú ý các	**I. TÌM HỂU CHUNG** **1. Tác giả Nguyễn Huy Thiệp (1950-2021)** - Quê: Hà Nội - Ông sáng tác cả kịch, tiểu thuyết, thơ và viết tiểu luận. - Truyện ngắn là thành tựu đặc sắc nhất của Nguyễn Huy Thiệp. Các tác phẩm truyện ngắn thể hiện cái nhìn sắc lạnh của ông về hiện thực và lịch sử, bút pháp cô đọng, dồn nén, ngôn ngữ giàu tính đối thoại, thể hiện sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống. - Tác phẩm tiêu biểu: *Tướng về hưu* (Tập truyện ngắn, 1987); *Những ngọn gió đồi Hua Tát* (Tập truyện ngắn, 1989); *Như những ngọn gió* (Tuyển tập truyện ngắn và kịch, 1995); *Giăng lưới bắt chim* (Tập tiểu luận, 2006); … - Ông được nhìn nhận là một cây bút xuất sắc của

thẻ chỉ dẫn, chú thích,…, xác định bố cục - GV cho các bạn còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	nền văn học hiên đại. **2. Văn bản** **a. Hoàn cảnh sáng tác**: viết năm 1986 khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Đây là giai đoạn đất nước ta đạt nhiều các thành tựu về kinh tế đồng thời đời sống xã hội và nhân tâm vỡ ra nhiều bất ổn; mối quan hệ giữa con người với thiện nhiên, cách ứng xử của con người với thế giới tự nhiên cũng đòi hỏi phải được nhìn nhận lại. **b. Đọc, xác định bố cục: 6 đoạn** - Đoạn 1: "Ông Diểu…nặng nề": Ông Diểu gặp đàn khỉ và bắn trúng khỉ đực. - Đoạn 2: "Sự hỗn loạn…buông mồi": Ông Diểu chứng kiến khỉ cái quay lại dìu khỉ đực chạy đi. - Đoạn 3: "Từ mô đá…từng đường nét": Ông Diểu bị khỉ con cướp súng và chứng kiến những sự là. - Đoạn 4: "Có tiếng kêu…an toàn": Ông Diểu leo lên mỏm núi và cứu giúp khỉ đực. - Đoạn 5: "Ông Diểu lần mò…con khỉ đực nằm": ông Diểu ôm khỉ đực xuongs núi rồi phóng sinh cho nó. - Đoạn 6: Phần còn lại: Ông Diểu ra về và gặp hoa tử huyền **c. Xác định ngôi kể:** ngôi thứ ba (toàn tri).

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc một truyện ngắn hiện đại có sự xen kẽ giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kỳ ảo.
- HS nhận biết và phân tích được diễn biến hành động và tâm lí của nhân vật.
- HS hiểu được giá trị và thông điệp của truyện ngắn đối với đời sống con người.
- HS biết trân trọng thiên nhiên từ đó có ý thức bảo vệ, thân thiện với thiên nhiên.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân kết hợp với làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân + Nêu cốt truyện trong truyện *Muối của rừng.* + Nhận xét về cách tổ chức cốt truyện trên? **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận**	**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** **1. Cốt truyện** *** Cốt truyện**: đơn giản, ít sự đan cài, chồng chéo. Diễn biến câu chuyện theo trình tự thời gian của một cuộc đi săn: - Ông Diểu được con tặng súng và vào rừng đi săn; - Gặp khỉ đầu đàn và đàn khỉ ông Diểu suy nghĩ về đời sống của đàn khỉ trong rừng; - Ông bóp cò bắn trúng khỉ đực khi nó đang hái quả cho "vợ con";

- 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu về tác giả Nguyễn Huy Thiệp tại lớp. - 2-3 HS đọc văn bản, chú ý các thẻ chỉ dẫn, chú thích,… - GV cho các bạn còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	- Chứng kiến tình yêu thương của gia đình khỉ ông cảm thấy sợ hãi rồi kinh hoàng khi khỉ con rơi xuống vực. - Ông tìm đến khỉ đực bị thương để cứu giúp nó; thấy khỉ cái theo sau ông quyết định hpongs sinh khỉ đực. + Trước khi kết thúc cuộcđi săn ông gặp loài hoa tử huyền. *** Nhận xét**: Truyện mở đầu theo lối truyền thống nhưng kết thúc lại theo lối hiện đại với cấu trúc mở. Tác giả không giải quyết các vấn đề câu chuyện đặt ra mà để ngỏ cho người đọc hình dung, suy ngẫm, đồng sáng tạo, từ đó mỗi người đọc đến với tác phẩm sẽ có những cách kiến giải và rút ra cho bản thân những thông điệp riêng.
Nhiệm vụ 2: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** **-** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân + Nhắc lại khái niêm tình huống truyện + Nêu tình huống truyện trong truyện Muối của rừng. + Ý nghĩa của tình huống truyện trên? **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu về tác giả Nguyễn Huy Thiệp tại lớp. - 2-3 HS đọc văn bản, chú ý các thẻ chỉ dẫn, chú thích,… - GV cho các bạn còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	**2. Tình huống truyện** *** Khái niệm:** - Tình huống truyện là hạt nhân của truyện ngắn (Chu Văn Sơn) - Tình huống truyện chưa đựng những mâu thuẫn, bất thường, thậm chí là nghịch lí trong cuộc sống của nhân vật, dẩy câu chuyện lên cao trào, buộc nhân vật vào tình thế lựa chọn để bộc lộ tính cách. *** Tình huống truyện trong truyện Muối của rừng:** trong một buổi sớm mùa xuân, ông Diểu chuẩn bị đầy đủ, mang súng vào rừng đi săn. Ông săn được một chú khỉ đực nhưng cuối cùng không những không mang chiến lợi phẩm về mà còn cô đơn, mất súng, áo quần, giày, mũ, trần truồng khi trở về. *** Ý nghĩa của tình huống truyện trên:** - Thông qua tình huống truyện, nhà văn nhấn mạnh hình ảnh ông Diểu trần truồng, tay không ra khỏi rừng, trở về với phố thị. Đó không phải là sự thất bại mà là sự giải phóng, sự tự do của con người. Ông đã được giải phóng khỏi sự tội lỗi, tham lam, xấu xa, đê hèn để trở về với bản lai diện mục của con người. Ông tìm lại sự tự do tuyệt đối khi trút đi tất cả những ràng buộc về cả thể xác và tinh thần. - Sự trở về của ông Diểu còn chỉ ra một quá trình ngược: con người được thiên nhiên chỉ ra những bài học về cách sống, cách làm người. - Tình huống truyện bất ngờ, độc đáo tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho tác phẩm; tác động mạnh mẽ đối với bạn đọc.
Nhiệm vụ 3: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (3HS), phát phiếu học tập (Phụ lục)	**3. Nhân vật ông Diểu** **a. Hành trang đi săn** - Hoàn cảnh: Thời gian (mùa xuân mỏng và mịn); không gian (rừng bình thản, tĩnh lặng)

để HS thảo luận, thống nhất nội dung: Nhân vật ông Diểu: + Hành trang đi săn + Hành động khi đi săn + Diễn biến nội tâm + Nguyên nhân ông phóng sinh khỉ đực + Thông điệp cuộc sống qua nhân vật. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc nhóm, thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chon HS nhận xét chéo, chốt kiến thức **Nhiệm vụ 4:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân + Chỉ ra các chi tiết kỳ ảo trong	- Trang phục: quần áo ấm, đội mũ lông, đi giày cao cổ. **b. Hành động:** - Khi tiếp cận đàn khỉ: ông lột mũ và áo lông - Bắn con khỉ đực: Ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài; - Đuổi theo khỉ con - Băng bó cho khỉ bố, tha chết cho nó và trở về nhà. **c. Diễn biến nội tâm** - Trước khi bắn khỉ bố: "mỉm cười, chăm chú nhìn", "thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó", suy ngẫm "số phận bậc đế vương không trùng số phận ông". - Tâm trạng đột ngột thay đổi khi có sự xuất hiện của con khỉ đầu đàn: tự tin, khinh địch đến ganh tị, tủi thân. - Sau khi bắn khỉ bố, "ông Diểu sợ hãi run lên, ông vừa làm điều ác". Khi khỉ mẹ liều mình cứu khỉ bố, "Ông Diểu tức giận giương súng…căm ghét". - Đuổi theo khỉ con để giành lại súng, chứng kiến khỉ con rơi xuống vực ông đã "tái mặt, toát mồ hôi như tắm…rùng mình", một sự kinh hoàng sợ hãi. Ông quay lại tìm con khỉ bố bị bắn hạ và gặp cảnh "đôi mắt đờ dại nhìn ông khẩn cầu", lúc này ông thấy thương hại. - Khi cõng khỉ đực xuống núi, chứng kiến cảnh khỉ cái theo sát, "ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng". Đây chính là đỉnh cao của cảm xúc tình thương để ông quyết định "phóng sinh" khỉ bố. **d. Nguyên nhân ông Diểu phóng sinh khỉ đực** - Cách phản ứng của gia đình nhà khỉ đã cho thấy tình vợ chồng, tình cha con, sự đau xót, yêu thương của các thành viên trong gia đình nhà khỉ. - Bản chất con người trong ông Diểu trỗi dậy với sự thấu hiểu, thương xót, quan tâm và chia sẻ. - Thiên nhiên đã dạy cho ông một bài học lớn: con người và sinh vật tự nhiên ngang bằng, binhd đẳng như nhau. Hành trình đi săn cũng là hành trình tìm lại nhân bản cho ông Diểu. **e. Thông điệp cuộc sống qua nhân vật** Giữa con người và thiên nhiên có mối qua hệ gắn bó mật thiết: chỉ khi nào con người nhận thức được ý nghĩa thực sự của cuộc sống, chọn đứng về phía cái thiện thì lúc đó thiên nhiên mới ban phát quà tặng cho con người. **4. Yếu tố kỳ ảo trong truyện**

truyện + Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo đó. **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu tại lớp. - GV cho các bạn còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	*** Chi tiết kỳ ảo**: - "cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?"; "tất cả như trong mộng mị",… - Hoa muối của rừng xuất hiện cuối tác phẩm. *** Vai trò:** - Tạo nên sự li kỳ, hấp dẫn cho truyện. - Thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới tự nhiên và tâm linh. - Phản ánh những vấn đề đang diễn ra trong xã hội đương thời.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm vững những nét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** Qua câu chuyện đi săn của ông Diểu nhà văn đặt ra vấn đề mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên: chính thiên nhiên đã trao cho con người bài học về cách chung sống hòa bình để đạt được sự bình an, phong túc. **2. Nghệ thuật** - Xây dựng nhân vật và tình huống truyện "lạ hóa", sử dụng yếu tố kỳ ảo tạo sức hấp dẫn cho truyện. - Giọng văn lạnh lùng, không sắc thái biểu cảm giúp đọc giả tự do phán xét nhân vật theo chủ kiến của mình. - Kết cấu truyện: theo dòng thời gian tuyến tính, kết thúc mở tạo chất thơ cho tác phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập **MUỐI CỦA RỪNG** **Nguyễn Huy Thiệp** **Tìm hiểu nhân vật ông Diểu**
** Nhân vật ông Diểu* a. Hành trang đi săn của ông Diểu - Bối cảnh đi săn …… …… - Trang phục người đi săn …… ……

b. Hành động …… …… c. Diễn biến nội tâm …… …… d. Nguyên nhân ông Diểu phóng sinh con khỉ đực …… …… e. Thông điệp cuộc sống qua nhân vật …… ……

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa của tác phẩm thông qua một chi tiết nghệ thuật.
- HS nhận biết và phân tích được giá trị nghệ thuật của chi tiết trong tác phẩm.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân kết hợp với làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: suy nghĩ về chi tiết hoa tử huyền xuất hiện cuối tác phẩm **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy nháp để chuẩn bị phát biểu. **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu tại lớp. - GV cho các bạn còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	Suy nghĩ về hoa tử huyền - Hình ảnh hoa tử huyền: Loài hoa có màu tắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn hay gọi là hoa muối của rừng; loài hoa tượng trưng cho may mắn, điềm báo cho đất nước thanh bình, mùa màng phong túc. - Ý nghĩa: + Biểu tượng cho sự thanh lọc tâm hồn: hoa mọc lên sau cơn mưa rào như để gột rửa những tội lỗi và sai lầm của con người, giúp ông Diểu tìm lại sự bình yên và thanh thản. + Biểu tượng cho sự hi vọng và tái sinh: 30 năm hoa mới nở một lần tượng trưng cho sự hy vọng vào một tương lai tươi sáng, một sự khởi đầu mới, hứa hẹn một tương lai tươi sáng khi con người sống hòa hợp với tự nhiên. + Biểu tượng cho vẻ đẹp tuần khiết của tự nhiên: hoa mọc hoang dã trong rừng, tượng trưng cho vẻ đẹp thuần khiết, hoang sơ của tự nhiên.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.
- HS nhận biết và so sánh được yếu tố nghệ thuật trọng tác phẩm truyện.
- Rèn luyện cho HS kỹ năng viết 01 đoạn văn bàn về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ
- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để làm sáng tỏ vấn đề: So sánh chi tiết kỳ ảo trong "Muối của rừng" với chi tiết kỳ ảo trong "Đền thiêng cửa bể"? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cặp đôi, ghi vào giấy nháp để chuẩn bị phát biểu. **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS đại diện cho cặp báo cáo kết quả tìm hiểu tại lớp. - GV cho các cặp còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	So sánh chi tiết kỳ ảo trong "Muối của rừng" với chi tiết kỳ ảo trong "Đền thiêng cửa bể" * Giống nhau: các chi tiết kỳ ảo đều nhằm mục đích: - Tạo sự hấp dẫn, li kỳ cho tác phẩm. - Thể hiện quan niệm của con người về thế giới tự nhiên và tâm linh. - Phản ánh hiện thực xã hội và gửi gắm thông điệp của tác giả. * Khác nhau: - Chi tiết kỳ ảo trong "Muối của rừng": thuộc loại hiện thực kỳ ảo, ít xuất hiện và đóng vai trò điểm nhấn; thể hiện sự bí ẩn của thiên nhiên. - Chi tiết kỳ ảo trong "Đền thiêng cửa biển": thuộc loại hoang đường kỳ ảo, xuất hiện đóng vai trò cốt lõi, thể hiện niềm tin và ước mơ công lý, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người.
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập dàn ý cho bài viết. Bài viết sẽ thực hiện tại nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy gnhix của bạn về vai trò của yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn "Muối của rừng". **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy nháp để chuẩn bị phát biểu. **B3. Báo cáo thảo luận** - 2-3 HS báo cáo kết quả tìm hiểu tại lớp. - GV cho các HS còn lại đóng góp ý kiến, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	Yêu cầu: - Hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn - Nội dung: + Mở đoạn: Giới thiệu yếu tố kỳ ảo + Thân đoạn: Sử dụng lis lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vai trò của yếu tố kỳ ảo trong truyện. + Kết đoạn: khẳng định tác dụng của yếu tố kỳ ảo trong truyện.

4. Củng cố:

- Những nét chính về tác giả Nguyễn Huy Thiệp
- Giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn *Muối của rừng*.

5. HDVN:

- Tìm đọc toàn bộ tác phẩm

- Tóm tắt nội dung tác phẩm bằng một trong các cách: dùng lời văn, dùng tranh vẽ, dùng sơ đồ
- Tìm đọc các tác phẩm cùng đề tài
- Chuẩn bị bài học tiếp theo: Thực hành tiếng Việt.

PHẦN II: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Tiết 39: NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỐ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU
1. Kiến thức
- HS nhận biết được khái niệm, đặc điểm và cách sử dụng điển tích điển cố.
- HS sử dụng điển tích điển cố một cách phù hợp trong văn học và đời sống.

2. Năng lực

2.1. Năng lực đặc thù
- Nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).
- Nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cố cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.

2.2. Năng lực chung:
- Có năng lực tự học, tự hoàn thiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao ở nhà trước và sau giờ học trên cơ sở nhận và điều chỉnh những sai sót của bản thân sau khi được GV và HS góp ý.
- Hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua những công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm: xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân, hợp tác hiệu quả với bạn bè, GV.
- Có năng lực giải quyết và sáng tạo các vấn đề liên quan đến bài học thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập; hình thành và triển khai ý tưởng mới qua việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Phẩm chất
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, lớp học; Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được GV chuyển giao.
- Yêu nước: Yêu thích vẻ đẹp ngôn ngữ của tiếng Việt, chú trọng lựa chọn ngôn ngữ để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.
- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ được giao trước, trong và sau giờ lên lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học
- Wifi, máy tính, máy chiếu để trình chiếu các nhiệm vụ học tập và kết luận kiến thức liên quan đến bài học
- Đường link padlet để nhận bài tập và nộp bài tập của HS
- Phiếu học tập

2. Học liệu
- SGK Ngữ văn 10 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, SGV Ngữ văn 10 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, bài giảng PowerPoint.
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Nhận diện và hiểu bản chất của điển cố.
b. Nội dung: Trình bày định nghĩa về điển cố.
c. Sản phẩm
- Điển cố là câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại vào tác phẩm dưới hình thức ngắn gọn (thường là 2 - 3 chữ) để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định. Bên cạnh khái niệm điển cố, các tài liệu còn sử dụng khái niệm điển tích với hàm nghĩa tương đương; điển cố hay điển tích cũng thường được gọi tắt là điển. Hiện nay, việc phân biệt rạch ròi các khái niệm này còn có nhiều quan điểm khác nhau
- Sử dụng điển cố là một thủ pháp ngôn ngữ trong sáng tạo văn học, thể hiện qua việc người sáng tác sử dụng tư liệu lịch sử, văn hoá, thơ văn... khi sáng tác tác phẩm. Việc sử dụng điển cố đặc biệt phổ biến trong văn chương thời trung đại
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1. Giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung,* HS hoạt động cá nhân.
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và ghi kết quả vào giấy. Dự kiến sản phẩm như mục *Sản phẩm.*
Bước 3 - 4. Tổ chức thảo luận và kết luận: GV khuyến khích HS xung phong trình bày sản phẩm (dự kiến 3 HS). GV nhận xét sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động của HS; củng cố kiến thức về điển cố.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học
a. Mục tiêu
- Nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).
- Nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cố cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.
b. Nội dung: HS thực hiện hai bài tập trong SGK
Bài tập 1 (SGK *Ngữ văn 12,* tập một, tr. 114**)**
Bài tập 2 (SGK *Ngữ văn 12,* tập một, tr. 114 – 115)
c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.
d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung.* **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3 - 4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV cho HS làm bài tập 1 - 2. GV gọi 2 HS lên trình bày, mỗi HS trình bày một bài tập. Các HS khác nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm,* yêu cầu HS ghi kết quả vào vở.	**Bài tập 1.** Các điển cố được dùng trong đoạn trích - "Dời củi khỏi bếp tranh - Dùng dây ràng của tổ": Dẫn điển trong *Hán thư* (Trung Quốc), ý nói phòng ngừa từ trước để tránh những hậu hoạ - "Bồng môn": Cửa liếp lều tranh, chỉ sự nghèo hèn; đối với "tiêu thất" ở sau: buồng lụa, phòng sơn, chỉ sự quyền quý, cao sang - "Mười điều": Là mười điều tấu sớ của Trình Diễn trong *Hán thư,* Bích Châu muốn bày tỏ mười điều quan tâm, lo lắng của mình về việc cai trị đất nước - Một số điển khác như: "Nén kẻ quyền thần", "Phạt Trụ diệt Khương" trong *Sử ký,* "Thải bớt kẻ những lạm", "Trừ gian diệt bạo" trong *Sử ký,* "Cổ động Nho phong", "Nhân nghĩa lễ trí tín" trong *Tứ thư* **Bài tập 2.** Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn - *Các điển cố được sử dụng:* Đố Phụ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, *Ly tao,...* - *Hình thức:* Tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác

	phẩm - *Nội dung:* Các điển cố trên đều gợi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng - *Tác dụng:* Tăng tính biểu cảm (thể hiện tâm trạng bi thương, sầu uất của nhân vật); tăng sức thuyết phục (hiểu biết lịch sử và văn hoá, khiến lời nói của nàng thêm xác tín); tăng tính nghệ thuật (lời văn trau chuốt, mượt mà và giàu sức gợi); thể hiện ý đồ của tác giả (kiến thức uyên bác, hiểu biết sâu rộng về văn hoá và lịch sử của tác giả)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- Nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).
- Nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cố cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS thực hiện bai tập

Bài tập 3 (SGK *Ngữ văn 12,* tập một, tr. 115)

Bài tập 4. Lí giải vì sao điển cố đặc biệt phổ biến trong văn chương thời trung đại

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung.* **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp. **Bước 3 - 4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV cho một vài HS trình bày kết quả, các HS khác góp ý và bổ sung (nếu có). GV kết luận như mục *Sản phẩm*	**Bài tập 3:** - "Hoa Quả Sơn" và "Thuỷ Liêm Động" là hai điển cố + Hoa Quả Sơn: Tên ngọn núi trong tác phẩm *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân, là nơi sinh sống của Tôn Ngộ Không. Đây là một ngọn núi hoang vu, hiểm trở, nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã + Thuỷ Liêm Động: Tên hang động trong tác phẩm *Tây du ký,* là nơi ở của Tôn Ngộ Không. Đây là một hang động bí ẩn, sâu thẳm - Tác dụng: + Giúp người đọc hình dung ra khung cảnh hoang vu, hiểm trở + Thể hiện tâm trạng lo lắng của nhân vật ông Diều **Bài tập 4:** Điển cố đặc biệt phổ biến trong văn chương thời trung đại vì: - Tư tưởng coi trọng chuyện xưa, người xưa, thái độ yêu thích cổ xưa và thói quen dẫn trích sách vở, kinh truyện - Thơ văn cổ thường có quy định chặt chẽ về số câu số chữ, súc tích, ý tại ngôn ngoại (ý ở ngoài lời), việc dùng điển là một trong những lựa chọn tối ưu để gửi gắm thông điệp - Quan niệm "văn chương công khí" (văn chương là sở hữu chung) thời trước (khi người viết văn, làm

	thơ chưa có ý thức về tác quyền) nên mọi người tự cho mình có quyền chỉnh sửa tác phẩm của người khác để thưởng thức riêng Từ đó, hình thức sáng tác theo lối "tập cổ", "phỏng cổ" trở nên khá phổ biến.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại) và vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một ngữ liệu văn học có sử dụng điển cố

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một ngữ liệu văn học có sử dụng điển cố.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3 - 4.** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập. GV yêu cầu HS trong lớp đọc và góp ý. GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận	Gợi ý: - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. - Nội dung: Phân tích một ngữ liệu văn học có sử dụng điển cố: + Giới thiệu được ngữ liệu văn học có sử dụng điển cố. + Phân tích một ngữ liệu văn học có sử dụng điển cố. + Đánh giá về hiệu quả sử dụng điển cố.

4. Củng cố:

5. HDVN: Chuẩn bị bài học tiếp theo: Nói nghe

PHẦN III. VIẾT

Tiết 40,41 : VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN – CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài, bao gồm việc xác định người sáng tác đã tiếp nhận/ vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào, phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, cảm xúc,... của tác giả.

2. Về năng lực:

- Biết thực hành viết bài văn nghị luận (về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học) theo các bước được hướng dẫn.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
- Chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau).

3. Về phẩm chất:

Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

2. Học liệu:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho Hs, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Hs có hình dung về kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Lựa chọn một tác phẩm đã học trong chương trình hoặc được tìm hiểu thêm mà ở đó có những biểu hiện tương đối rõ của việc tiếp nhận ảnh hưởng ở các phương diện và mức độ khác nhau.

c. Sản phẩm: HS có nhiều lựa chọn, với mỗi tác phẩm cần chỉ rõ về phương diện và mức độ tiếp nhận ảnh hưởng. Ví dụ:

- Yếu tố / giai thoại dân gian trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ)
- *Truyện Kiều* viết dựa theo tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).
- Sự ảnh hưởng qua lại giữa ca dao, dân ca và *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).
- *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) viết dựa theo truyện dân gian *Vợ chàng Trương*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm ở nhà, từ buổi trước: Hướng dẫn HS tìm ra các yếu tố vay mượn/ cải biên của các tác phẩm Truyện so với những văn bản gốc. Yếu tố / giai thoại dân gian trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ). *Truyện Kiều* viết dựa theo tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Sự ảnh hưởng qua lại giữa ca dao, dân ca và *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).*Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ) viết dựa theo truyện dân gian *Vợ chàng Trương*. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày sản phẩm thảo luận. HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và kết luận	Một sản phẩm mong đợi: - Từ những cốt truyện dân gian, Nguyễn Dữ (thế kỉ XVI) khi viết những tác phẩm truyền kì đã hư cấu chúng thành những câu chuyện hoàn chỉnh vừa có yếu tố lãng mạn, vừa có tính tư tưởng nhân văn sâu sắc, vừa có giá trị nghệ thuật cao. Kho tàng truyện kể dân gian không chỉ có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của các thể loại tự sự văn xuôi, mà còn có vai trò rất quan trọng trong sự hình thành và phát triển các thể loại tự sự thời trung đại. - Trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, tác giả đã sử dụng rất nhiều những yếu tố vay mượn trong các giai thoại dân gian như: Quỷ Dạ Xoa, ngục Cửu u, Diêm vương, hồn ma, cõi âm... - Tương tự HS có thể đưa ra những yếu tố vay mượn, cải biên, sáng tạo trong Truyện Kiều, Chuyện người con gái Nam Xương

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu hướng dẫn quy trình viết bài văn nghị luận về việc vay mượn- cải biến- sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

a. Mục tiêu: HS nhận thức được điều làm nên tính thuyết phục và sức hấp dẫn của bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm. Việc so sánh, đối chiếu, khảo sát hai tác phẩm (tác phẩm ra đời trước và tác phẩm chịu ảnh hưởng) sẽ có tác động đến hiệu quả bài viết.

b. Nội dung: yêu cầu cần đạt của một bài viết về việc vay mượn- cải biến- sáng tạo

c. Sản phẩm: Phần yêu cầu trong sgk

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Bài viết về việc vay mượn- cải biên- sáng tạo cần lưu ý theo các yêu cầu nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc theo sgk, trả lời theo ý hiểu của mình **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, nhấn mạnh ý**	**I.Yêu cầu cần đạt của kiểu bài** – Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng. – Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm. – Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác. – Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nắm bắt được các nội dung cơ bản trong một bài nghị luận về việc vay mươn- cải biến- sáng tạo trong một tác phẩm văn học

b. Nội dung: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các nội dung trả lời câu hỏi của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **HS đọc văn bản** **HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong SGK** 1. Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn *Sự tích những ngày đẹp trời*, Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của "mẫu gốc"? 2. Khi bàn về sự "biến đổi" của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở "mẫu gốc", theo em, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào? 3. Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo. 4. Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của em trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học. **B2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS trao đổi, thảo	**II.Đọc và phân tích bài viết tham khảo** 1. Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn Sự tích những ngày đẹp trời, Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản sau của "mẫu gốc": *** Kế thừa:** - Cốt truyện: Giữ nguyên cốt truyện chính của truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. Nhân vật: Giữ nguyên các nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Mị Nương, vua Hùng. - Mô típ: Sử dụng các mô típ quen thuộc trong truyền thuyết. *** Biến đổi:** - Biến đổi về chủ đề và cốt truyện: + Chủ đề: Bên cạnh chủ đề ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác

luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ - Đọc văn bản - Làm việc theo nhóm **B3. Báo cáo thảo luận:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận - Kết quả mong đợi 1. Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn Sự tích những ngày đẹp trời, Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản sau của "mẫu gốc": * Kế thừa: – Cốt truyện: Giữ nguyên cốt truyện chính của truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. -Nhân vật: Giữ nguyên các nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Mị Nương, vua Hùng. – Mô típ: Sử dụng các mô típ quen thuộc trong truyền thuyết. *Biến đổi: – Biến đổi về chủ đề và cốt truyện: + Chủ đề: Bên cạnh chủ đề ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hoà hợp. + Cốt truyện: Bổ sung các chi tiết mới như lí do Mị Nương chọn Sơn Tinh vì yêu mến phẩm chất của chàng; nỗi đau khổ của Thuỷ Tinh sau khi thua cuộc; hành động của Mị Nương để hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh; thay đổi kết thúc (không còn là cuộc chiến triền miên giữa hai vị thần mà hướng đến sự hoà giải, dung hoà). – Biến đổi về nhân vật: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn, thể hiện rõ phẩm chất anh hùng, mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng; Thuỷ Tinh không còn là vị thần hung bạo, chỉ biết dùng vũ lực mà trở thành một người si tình, yêu say đắm Mị Nương; Mị Nương được khắc hoạ nội tâm phức tạp, thể hiện sự thương cảm với Thuỷ Tinh. – Các biến đổi khác: ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn, mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả, lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm. 2. Khi bàn về sự "biến đổi" của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở "mẫu gốc", tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn với vai là người anh hùng và người chồng; Thuỷ Tinh từ vị thần hung bạo, độc ác trở thành một người si tình với nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm; Mị Nương từ một công	phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hoà hợp. + Cốt truyện: Bổ sung các chi tiết mới như lí do Mị Nương chọn Sơn Tinh vì yêu mến phẩm chất của chàng; nỗi đau khổ của Thuỷ Tinh sau khi thua cuộc; hành động của Mị Nương để hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh; thay đổi kết thúc (không còn là cuộc chiến triền miên giữa hai vị thần mà hướng đến sự hoà giải, dung hoà). –Biến đổi về nhân vật: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn, thể hiện rõ phẩm chất anh hùng, mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng; Thuỷ Tinh không còn là vị thần hung bạo, chỉ biết dùng vũ lực mà trở thành một người si tình, yêu say đắm Mị Nương; Mị Nương được khắc hoạ nội tâm phức tạp, thể hiện sự thương cảm với Thuỷ Tinh. – Các biến đổi khác: ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn, mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả, lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm. 2. Khi bàn về sự "biến đổi" của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở "mẫu gốc", tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn với vai là người anh hùng và người chồng; Thuỷ Tinh từ vị thần hung bạo, độc ác trở thành một người si tình với nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm; Mị Nương từ một công chúa chỉ biết tuân theo mệnh lệnh vua cha trở thành một người phụ nữ có nội tâm phức tạp. 3. Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo: khách quan, thuyết phục và có sức gợi mở, liên tưởng cho người đọc. 4. Kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học: - Xác định rõ luận đề.Triển khai hệ thống luận điểm: chỉ rõ phương diện tiếp thu, cải biến, sáng tạo của tác phẩm so với "mẫu gốc". Nhận xét về mức độ thành công.

chúa chỉ biết tuân theo mệnh lệnh vua cha trở thành một người phụ nữ có nội tâm phức tạp. 3. Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo: khách quan, thuyết phục và có sức gợi mở, liên tưởng cho người đọc. 4. Kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học: - Xác định rõ luận đề.Triển khai hệ thống luận điểm: chỉ rõ phương diện tiếp thu, cải biến, sáng tạo của tác phẩm so với "mẫu gốc". Nhận xét về mức độ thành công. - Lập dàn bài chi tiết, khoa học. - Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động. - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, lưu ý thao tác so sánh. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt lại ý chính và ghi lên bảng	- Lập dàn bài chi tiết, khoa học. - Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động. - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, lưu ý thao tác so sánh.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: Hs nắm được quy trình một bài viết

b. Nội dung: Hiểu được quy trình cụ thể các bước

c. Sản phẩm: ND việc làm cụ thể từng bước: Xác định đề tài, lập dàn ý, viết văn bản

Bước 1. Chuẩn bị viết: HS đọc kĩ các gợi ý trong SGK để chọn được đề tài/ vấn đề phù hợp.

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý: GV hướng dẫn HS dựa vào các câu hỏi gợi ý trong SGK để tìm ý và dựa vào gợi ý từ bài viết tham khảo để lập dàn ý.

Bước 3. Viết: HS thực hiện bài viết theo dàn ý đã lập, bài viết cần đầy đủ bố cục.

Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện: HS tự chỉnh sửa, hoàn thiện; chú ý kiểm tra tính chính xác cả về nội dung và hình thức của bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc kĩ các gợi ý trong SGK để chọn được đề tài/ vấn đề phù hợp. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK **B3. Báo cáo thảo luận:** Chọn đề tài: tác phẩm nào? vay mượn – cải biến- sáng tạo so với tác phẩm nào có trước **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt lại một tác phẩm cụ thể để Hs tập trung làm: Truyện Kiều của Nguyễn Du so với Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân	**III. Luyện tập** **Đề tài**: Việc vay mượn, cải biến, sáng tạo Truyện Kiều của Nguyễn Du so với Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du là điển hình cho sự	**1. Dàn ý** ***Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về Nguyễn Du và Truyện Kiều, trọng tâm vấn đề (sự vay

vay mượn, cải biến và sáng tạo trong văn học. Hãy làm sáng tỏ bằng một bài văn nghị luận. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS sẽ lập dàn ý cụ thể: Phần MB, TB, KB **B3. Báo cáo thảo luận:** Trình bày nằng sơ đồ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung, hoàn thiện dàn ý	mượn – biến đổi cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,...) mà bài viết bàn luận. ***Thân bài:** Cần triển khai các ý chính sau: + Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng của Truyện Kiều với Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân và ảnh hưởng qua lại với văn học dân gian. + Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể (cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,…). + Phân tích, đánh giá những điểm biến đổi, sáng tạo của Nguyễn Du trong quá trình vay mượn: câu chuyện, thể loại, nhân vật (nghệ thuật xây dựng chân dung, miêu tả nội tâm,…), ngôn ngữ, xây dựng nhiều tình tiết mới,… ***Kết bài:** Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến, sáng tạo trong Truyện Kiều, nêu đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu Hs dựa dàn bài để chuyển thành văn bản hoàn chỉnh **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs viết bài **B3. Báo cáo thảo luận:** HS nộp lại bài **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đọc một vài bài, nhận xét, rút kinh nghiệm dựa theo các tiêu chí	**2. Bài viết mong đợi đáp ứng được cơ bản** - Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc. Ông được sinh ra trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. Truyện Kiều của Nguyễn Du có tên gọi là Đoạn trường Tân Thanh, được viết bằng chữ Nôm theo thể thơ lục bát. Nội dung của Truyện Kiều dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của thanh Tâm Tài Nhân. Tuy vay mượn cốt truyện, nhưng Nguyễn Du đã việt hóa, sáng tạo trên nhiều mặt: ngôn ngữ, thể loại, hình tượng nhân vật... -Về ngôn ngữ: Ngôn ngữ trong TK khong phải do Nguyễn Du dịch từ tiếng TQ mà là ngôn ngữ của chính nhà thơ. Đại thi hào đã vận dụng một cách kết hợp tài tình giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ dân tộc một cách tài tình -Về thể loại: Kim Vân Kiều truyện viết theo thể loại tiểu thuyết. Truyện Kiều được Nguyễn Du sáng tác theo thơ lục bát của dân tộc -Về Nhân vật: Nguyễn Du giữa tên riêng của nhân vật nhưng tính cách nhân vật có những cải biên: Kim Vân Kiều truyện xoay quanh "song kì mộng", Truyện Kiều viết về thân phận con người, số phận người phụ nữ "đoạn trường tân thanh". Với cảm hứng

STT	Yêu cầu	Đạt	CĐ
1	Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.		
2	Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.		
3	Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.		

4	Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.		

nhân đạo cao cả và xuất phát từ thực tế cuộc sống, xã hội, con người Việt Nam, Nguyễn Du đã có những sáng tạo độc đáo cho tác phẩm: viết nên một tác phẩm trữ tình bằng chữ Nôm; sử dụng thể thơ của dân tộc; nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật, nghệ thuật dựng cảnh, nghệ thuật ngôn từ tài tình;..

- Về cốt truyện: Nguyễn Du có vạy mượn cốt truyện nhưng chi tiết có thay đổi. Nguyễn Du đã bỏ đi khoảng 1/3 những chi tiết trong Kim Vân Kiều truyện và đã thêm vào một số lượng những chi tiết khá lớn. Nguyễn Du bỏ đi những chi tiết dài dòng, những đoạnmiêu tả có tính chất tự nhiên chủ nghĩa, nhiều khi thô bỉ. Đồng thời nhà thơ thêm vào rất nhiều đoạn tả cảnh, tả tình. Vì thế, người đọc cmar nhận rất rõ những vẻ đẹp truyền thống của dân tộc trong tả cảnh, xây dựng nhân vật, tả tình...

- "Truyện Kiều" có cốt truyện vay mượn nhưng ngay từ khi ra đời đến nay đã thường xuyên được cảm nhận, tiếp nhận, xác định giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật trong văn mạch dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài viết.

b. Nội dung: Hoàn thiện bài viết sau khi đã đối chiếu với các yêu cầu chỉnh sửa.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS được GV chỉnh sửa

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu chia 4 nhóm Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về sự vay mượn – cải biến-sáng tạo của một tác phẩm so với tác phẩm trước đó **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS sẽ trao đổi thảo luận theo nhóm, lập dàn ý. Từ dàn ý chuyển thành văn bản hoàn chỉnh **B3. Báo cáo thảo luận:** HS đại diện các nhóm nộp văn bản hoàn chính **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận bài, GV cho Hs đọc bài và chỉnh sửa chi tiết, cho điểm cụ thể theo các tiêu chí sau	**IV. Vận dụng** **1.Ưu diểm** **2.Cần rút kinh nghiệm**

STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.		

	2	Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.			
	3	Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.			
	4	Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.			

4.Củng cố: GV chốt lại nội dung bài học

- Nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài, bao gồm việc xác định người sáng tác đã tiếp nhận/ vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào, phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, cảm xúc,... của tác giả.
- Biết thực hành viết bài văn nghị luận (về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học) theo các bước được hướng dẫn.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

5. HDVN:

- Tìm hiểu yếu tố dân gian trong Truyện Kiều
- Hoàn thiện bài viết, chuẩn bị cho bài nói

PHẦN IV: NÓI VÀ NGHE

Tiết 42 - NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY VỀ VIỆC VAY MƯỢN – CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết yêu cầu nội dung và hình thức của việc trình bày vấn đề tiếp nhận, cách tân,... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- Nhận biết các bước: chuẩn bị; thực hành; trao đổi; đánh giá về vấn đề tiếp nhận, cách tân,... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- Biết lựa chọn đề tài để vận dụng được việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

- Trình bày được bài nói về vấn đề tiếp nhận, cách tân,... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- Đánh giá được được việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.
- Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn; Phát huy khả năng tự học và hợp tác, giải quyết vấn đề đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập.
- Hình thành tư duy phản biện cho HS.

3. Về phẩm chất: Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng.

2. Học liệu:

- KHBD, Bài giảng Power Point.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.
- SGK, sách GV Ngữ văn 12

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Chia sẻ về đề tài sẽ lựa chọn để trình bày về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS thông qua phần chia sẻ của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh – Chia sẻ về đề tài em sẽ lựa chọn để trình bày. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs vận dụng tri thức của bản thân, suy nghĩ để chia sẻ hiểu biết về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs trình bày quan điểm cá nhân; Hs khác nhận xét, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv đánh giá, nhận xét; dẫn dắt vào bài.	Phần chia sẻ của Hs

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Định hướng

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
b. Nội dung: Hs sử dụng Sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của Hs.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu rõ yêu cầu HS xác định yêu cầu bài trình bày và đối tượng nghe: Để thuyết phục người nghe khi trình bày về hiện tượng vay mượn cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học, người nói cần lưu ý những điều gì? - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói. - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - HS trả lời, nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học - Các nhóm luyện nói. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận; - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: tác phẩm, tác giả; nội dung đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói. - Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật của sự vay mượn trong tác phẩm (như cốt truyện, nhân vật, tình tiết,...) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả so với "nguyên mẫu" - Đánh giá chung về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói.

Hoạt động 2: Thực hành
a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói/ Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.
b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**II. THỰC HÀNH** **1. Chuẩn bị nói:** *** Lựa chọn đề tài:** - Đề tài của bài trình bày là đề tài đã thực hiện ở phần *Viết.* - Lựa chọn đề tài mới. Tuy nhiên, cần phù hợp với điều kiện đọc và tra cứu tài liệu tham khảo. *** Tìm ý và sắp xếp ý:** Tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi: - Nội dung chính của bài nói là gì? Tác giả, tác phẩm nào sẽ được tập trung phân tích? - Tác phẩm được chọn chịu ảnh hưởng từ tác phẩm nào có trước? Căn cứ xác định có quan hệ vay mượn - cải biến ở đây là gì? - Đâu là phương diện cho thấy rõ nhất sự tiếp nhận ảnh hưởng từ "nguyên mẫu"? Bài nói sẽ nhấn mạnh điểm gì khi đề cập vấn đề này? - Các biểu hiện chính của việc vay mượn là gì? Nên

đánh giá thế nào về mức độ, tính chất của mối quan hệ vay mượn - cải biến ở trường hợp này?
- Tác giả có những sáng tạo nổi bật gì khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho sáng tác của mình?
- Việc vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả nói lên được điều gì về bối cảnh văn học lúc tác phẩm ra đời?

*** Lưu ý:** Nếu bài nói được xây dựng dựa trên bài viết đã thực hiện, cần lựa chọn từ bài viết những ý (luận điểm) quan trọng nhất, thể hiện được những tìm tòi, khám phá riêng của mình; đồng thời sắp xếp các ý đã chọn theo một trình tự logic, phù hợp với tính chất của bài nói.

2. Thực hành nói:

Bài nói gồm đủ ba phần, tập trung vào các nội dung sau:

Mở đầu
Giới thiệu vấn đề trình bày, đối tượng và phạm vi nội dung sẽ được đề cập.
Triển khai
Lần lượt trình bày các luận điểm chính, phối hợp nhịp nhàng giữa lời nói và nội dung của các slide trình chiếu (nếu có).
Kết luận
Tóm lược vấn đề đã trình bày; nêu nhận định, đánh giá khái quát về sự vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả; ý nghĩa, giá trị thực tế của việc vay mượn - cải biến - sáng tạo được thể hiện trong tác phẩm.

***** Những lưu ý khi trình bày bài nói:
- Nêu rõ lí do chọn đề tài, vấn đề.
- Cung cấp thông tin xác thực về tác giả, tác phẩm liên quan.
- Chú ý mức độ đánh giá, khen chê về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo một cách khách quan.

3. Trao đổi, đánh giá:

Người nghe	**Người nói**
Đánh giá về tính hệ thống, hợp lý của vấn đề mà bài trình bày đề cập; sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo được bài trình bày lựa chọn.	Trao đổi về các góp ý, đề nghị,... của người nghe theo đúng trọng tâm. Có thể' xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể' hiện hết.
Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh	Có thể đặt ra các câu hỏi với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng

	nghiệm,...	quan tâm.
	Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.	Với những vấn đề, phương tiện còn có cách hiểu, cách lý giải khác nhau, cần ghi nhớ để' xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài nói về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học; biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ để phần diễn đạt thêm sinh động, thuyết phục.

b. Nội dung: Trình bày bài nói về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm học tập: Bài nói của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: trình bày được bài nói về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học; biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ để phần diễn đạt thêm sinh động, thuyết phục. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV điều phối: + 1,2 Hs trình bày bài nói + HS khác tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** + GV nhận xét, bổ sung, cho Hs đánh giá theo bảng; chuẩn hóa lại kiến thức.	Hs có thể trình bày bài nói theo gợi ý: yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì và yếu tố kì ảo trong thể loại khác...

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI TRÌNH BÀY DỰA TRÊN CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC NÊU TRONG BẢNG SAU:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1	Nội dung bài nói về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, có tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lặp lại hay ngập ngừng.

3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điệu bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lý.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
ĐIỂM		**Tổng điểm: /10**		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để trình bày về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS được yêu cầu chỉnh sửa dàn ý bài nói, tập luyện để trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm học tập: Bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS.

Bước 2. Trao đổi, thực hiện: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bài thuyết trình của HS, đảm bảo các yêu cầu sau:

STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: tác phẩm, tác giả; nội dung đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói.		
2	Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật của sự vay mượn trong tác phẩm (như cốt truyện, nhân vật, tình tiết,...) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả so với "nguyên mẫu".		
3	Đánh giá chung về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói.		

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận: GV yêu cầu HS quay video clip hoặc trình bày trước lớp vào vào buổi học tới

Bước 4. **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV tổ chức cho Hs nhận xét và đánh giá.

4. Củng cố

5. HDVN:

Tiết 43 CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. THỰC HÀNH ĐỌC: BẾN TRẦN GIAN (Lưu Minh Sơn)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh bến trần gian
- Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh

- Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này .

2. Về năng lực:

*** Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.

*** Năng lực đặc thù:** Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ.

3. Về phẩm chất: Sống nhân ái, có trách nhiệm và yêu chuộng hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/TV, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, loa.

2. Học liệu: Bài giảng powerpoint, phiếu học tập

Video hậu quả chiến tranh: https://www.youtube.com/watch?v=MFa6xd728dM

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình dạy học

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức để tiếp thu bài học

b. Nội dung: HS xem clip và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS và GV dẫn dắt vào bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu cho HS video về hậu quả của cuộc chiến tranh mà Mỹ gây ra cho Việt Nam https://www.youtube.com/watch?v=MFa6xd728dM **Trả lời câu hỏi**: 1. Chiến tranh đem lại những hậu quả gì cho con người Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung? 2. Theo em, kết thúc chiến tranh, con người đã kết thúc mọi đau khổ chưa? Vì sao? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video và suy nghĩ câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** HS giơ tay trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá bằng điểm số. Sau đó dẫn dắt vào bài học. Hậu quả từ cuộc chiến tranh đã làm gần tám triệu người Việt Nam bị chết và bị thương tật. Hơn 4,8 triệu người bị di chứng chất độc da cam - đi-ô-xin . Rất nhiều nhà văn thời hậu chiến đã dùng ngòi bút mô tả số phận con người sau cuộc chiến và những phẩm chất cao đẹp của họ vượt lên trên nỗi đau. Với Lưu Minh Sơn, ông cũng viết về đề tài này qua truyện ngắn "Bến trần gian" nhưng lại đan cài rất nhiều yếu tố kì ảo trong một câu chuyện hiện đại.	*** Hậu quả:** Chiến tranh để lại muôn vàn đau thương cho nhân loại, là thứ mà không ai muốn Hậu quả về con người**:** - Thương vong bên ngoài: Hàng nghìn người đã ngã xuống vì chiến tranh, và để lại những con người sống sót nhưng với di chứng như thương tật, bệnh nặng từ chất độc màu da cam. - Nỗi đau bên trong: Ám ảnh về cái chết, mất mát người thân, gia đình bị ly tán, dư chấn thời hậu chiến. *** Hậu quả về của cải, vật chất:** - Ô nhiễm môi trường và tàn phá thiên nhiên. - Phá hủy các công trình văn minh. - Suy thoái kinh tế và mất bản sắc văn hóa dân tộc. *** Hậu quả về mối quan hệ quốc tế:** - Căng thẳng gia tăng. - Ảnh hưởng đến nền hòa bình

	toàn cầu

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả Lưu Minh Sơn, tác phẩm "Bến trần gian"

b. Nội dung: GV vấn đáp HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc: Hs đọc trước ở nhà** **2. Tác giả:** Nêu những nét chính về tác giả Lưu Minh Sơn? **3. Tác phẩm:** Nêu những nét chính về truyện "Bến trần gian?" **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Hs đọc trước ở nhà, suy nghĩ trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận** HS giơ tay trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv nhận xét và đánh giá câu trả lời. **GV chốt**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Lưu Minh Sơn sinh năm 1974 tại Hà Nội - Thành công với các truyện viết về đề tài lịch sử - Một số tác phẩm: *Mưa sâm cầm". "Duyên nghiệp", "Nước mắt trúc"*...; các tiểu thuyết *"Trần Khánh Dư"* và *"Trần Quốc Toản"* (bản lần đầu công bố 2005) **2. Văn bản** - Trích trong tập truyện "Mưa sâm cầm" (in năm 2002)

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được yếu tố kì ảo trong một truyện ngắn hiện đại
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm

b. Nội dung: HS hoạt động nhóm, đóng vai để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: ĐỌC VĂN BẢN **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv phân công HS đóng vai người kể chuyện, Lăng, mẹ Lăng, Thùy để đọc văn bản. Chú ý đến giọng điệu buồn thương da diết của các nhân vật. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS giơ tay đọc văn bản **B3. Báo cáo thảo luận:** HS đọc văn bản theo vai của mình **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và đánh giá về cách đọc của HS **Nhiệm vụ 2: KHÁM PHÁ VĂN**	**II. Khám phá văn bản** **1. ĐỌC** **2. Khám phá văn bản** **a. Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh "bến trần gian"** * Bến trần gian - không gian đặc biệt: - Bến là nơi gặp gỡ, chia ly, là ranh giới giữa hai thế giới: hiện tại và vĩnh hằng. - Bến trần gian là nơi con người gặp gỡ, trò

BẢN **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành phiếu học tập (Phụ lục) trong 7 phút: **Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh "bến trần gian**" ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Hs suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào các vị trí số 1,2,3,4 Thống nhất ý kiến chung và ghi vào phần ở giữa Đại diện nhóm sẽ lên thuyết trình và trả lời câu hỏi của các nhóm khác **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi 1 đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi nếu có**.** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và đánh giá Chốt**:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **Sử dụng kĩ thuật Think – Pair - Share** GV yêu cầu học sinh trao đổi theo cặp đôi trong 3 phút: Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Hs suy nghĩ cá nhân tìm câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** Trao đổi với bạn bên cạnh về suy nghĩ của mình 1 cặp đại diện trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	chuyện với những người lính đã hy sinh. -Không gian bến mang đậm màu sắc huyền ảo, linh thiêng. **a1. Bến trần gian - biểu tượng cho cuộc đời:** - Bến là nơi con người trải qua muôn vàn cung bậc cảm xúc: vui, buồn, sướng, khổ. - Bến là nơi con người đối mặt với những thử thách, gian nan. - Bến là nơi con người học cách trưởng thành, vượt qua chính mình. **a2. Bến trần gian - biểu tượng cho sự hy sinh:** - Bến là nơi ghi dấu những hy sinh thầm lặng của những người lính. - Bến là nơi tưởng nhớ, tri ân những người đã ngã xuống vì độc lập tự do. - Bến là lời nhắc nhở về trách nhiệm của thế hệ sau đối với những người đã khuất. **a3. Bến trần gian - biểu tượng cho niềm tin vào cuộc sống:** - Bến là nơi con người tìm thấy sự đồng cảm, chia sẻ. - Bến là nơi con người tiếp thêm sức mạnh cho nhau để vượt qua khó khăn. - Bến là nơi con người giữ gìn niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp. **a4. Bến trần gian - biểu tượng cho sự bất tử:** - Bến là nơi con người gặp gỡ những người đã khuất, nhưng họ vẫn sống trong lòng mọi người. - Bến là nơi con người gửi gắm niềm tin vào sự bất tử của tâm hồn. - Bến là nơi con người hướng đến một tương lai tốt đẹp. **b. Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh** **b1. Nỗi ám ảnh về chiến tranh**: - Chiến tranh đã để lại những vết thương lòng sâu sắc cho con người, đặc biệt là những người lính. - Họ phải chứng kiến sự hy sinh của đồng đội, người thân, và bản thân họ cũng phải chịu đựng những đau đớn về thể xác và tinh thần. - Nỗi ám ảnh về chiến tranh khiến họ luôn sống trong lo âu, sợ hãi và dằn vặt. **b2. Nỗi khát khao bình yên:** - Sau chiến tranh, con người khao khát được sống trong hòa bình, được hàn gắn những vết thương lòng và xây dựng lại cuộc sống. - Họ mong muốn được sum họp bên gia đình,

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cặp đôi và chung cả lớp **GV chốt:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn và tác dụng của việc sử dụng yếu tố này? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Hs suy nghĩ cá nhân tìm câu trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** 1 HS đại diện trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cặp đôi và chung cả lớp **GV chốt:**	được yêu thương và chia sẻ. - Nỗi khát khao bình yên là động lực để con người vượt qua những khó khăn và tiếp tục sống. **b3. Niềm tin vào cuộc sống:** - Mặc dù trải qua nhiều mất mát, con người vẫn giữ niềm tin vào cuộc sống. - Họ tin rằng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, và họ sẽ có cơ hội để bù đắp những gì đã mất. - Niềm tin vào cuộc sống giúp con người có thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách và hướng đến tương lai. **b4. Lòng vị tha và sự bao dung:** - Sau chiến tranh, con người có xu hướng vị tha và bao dung hơn. - Họ sẵn sàng tha thứ cho những lỗi lầm của người khác và giúp đỡ những người gặp khó khăn. - Lòng vị tha và sự bao dung giúp con người xích lại gần nhau hơn và cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. **b5. Suy tư về kiếp nhân sinh**: - Chiến tranh khiến con người suy ngẫm về kiếp nhân sinh, về giá trị của cuộc sống. - Họ nhận ra rằng cuộc sống ngắn ngủi và quý giá, và họ cần trân trọng từng khoảnh khắc hiện tại. - Suy tư về kiếp nhân sinh giúp con người sống có ý nghĩa hơn và biết yêu thương cuộc sống hơn. **c. Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn " và tác dụng** **c1. Yếu tố kì ảo**: - Hình ảnh những người lính đã hy sinh: họ xuất hiện trong tâm trí của nhân vật "tôi" một cách sinh động, rõ ràng. - Bến đò và người lái đò: không gian và nhân vật huyền ảo, mang tính biểu tượng. - Những chi tiết kì ảo khác: tiếng sáo diệu kỳ, ánh trăng lung linh, sương giăng mờ ảo, chiếc lá… **c2. Tác dụng:** - Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn cho tác phẩm: yếu tố kì ảo khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc, khiến họ tò mò và muốn khám phá nội dung tác phẩm. - Thể hiện quan niệm về thế giới tâm linh: con người tin vào sự tồn tại của thế giới bên kia, tin vào sự bất tử của linh hồn. - Thể hiện niềm tin vào cuộc sống: dù trải qua nhiều mất mát, con người vẫn giữ niềm tin vào tương lai tốt đẹp. - Khắc họa nội tâm nhân vật: yếu tố kì ảo giúp thể hiện những suy tư, cảm xúc phức tạp của nhân vật "tôi".

	- Giúp tác giả truyền tải thông điệp: ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người, bày tỏ mong muốn về hòa bình.

Nội dung 3: Tổng kết
a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản
b. Nội dung:
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày câu trả lời, quan sát và bổ sung.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung chính của văn bản là gì ? - Đặc sắc về nghệ thuật thể hiện? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **B3. Báo cáo thảo luận:** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**III. Tổng kết** **1. Về nội dung** - Tác phẩm "Bến trần gian" thể hiện những suy tư sâu sắc của tác giả Lưu Minh Sơn về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh. Qua tác phẩm, tác giả ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người như lòng dũng cảm, sự hy sinh, niềm tin vào cuộc sống và lòng vị tha. Đồng thời, tác giả cũng bày tỏ mong muốn về một thế giới hòa bình và hạnh phúc. **2. Về nghệ thuật** - Điểm nhìn trần thuật đa dạng mở ra thế giới nội tâm nhân vật. - Nghệ thuật trần thuật hấp dẫn, lôi cuốn nhờ kết hợp các yếu tố kì ảo trong truyện kể. - Ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời sống. - Sử dụng nhiều hình ảnh mang tính biểu tượng....

PHIẾU HỌC TẬP

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP
a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức bài học qua thực hiện các bài tập
b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi
c. Sản phẩm:
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành phiếu học tập sau trong 5 phút. GV lưu ý HS chỉ gạch đầu dòng những ý lớn về phẩm chất của nhân vật. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi đại diện 1-2 HS đọc phiếu học tập của mình trước lớp. Hs khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung nếu có. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá cho điểm Chốt:	PHIẾU HỌC TẬP Buổi sáng ngày mười sáu là một buổi sáng đẹp trời. Thuỳ chạy sang nhà bà cụ Lăng từ sớm. Lúc chị thắp mấy nén hương lên bàn thờ thì thấy trong khung ảnh Lăng có một chiếc lá màu xám, kiểu màu của lá rụng đã lâu. Thuỳ vội vào nhà trong tìm bà cụ. - U ơi, u khóc hở ? – Đâu, tạo có khóc đâu – Bà cụ chối đây đẩy. – Đúng u khóc, u lại nhớ anh Lăng hở ? – Mẹ cha mày – Bà cụ giụi mắt – Tao đang lo vợ chồng mày cãi nhau, chốc tao định sang bảo nó một nhời. - Sáng nay anh ấy xin lỗi con rồi, u ạ. - Rõ khéo trẻ con, có với nhau năm mặt con rồi mà cứ như là... Thuỳ khẽ kêu lên "..." rồi giấu mặt vào lòng bà "Thế mà lại sắp giỗ anh Lăng rồi u nhỉ...". Bà cụ Lăng không nói gì, bà mải nhìn ra vườn. Ngoài ấy cây ổi thằng Lăng trồng đang xào xạc. Chốc bà phải ra vườn hái mấy quả vào thắp hương cho nó. "Tội nghiệp thằng bé, u nhớ mày lắm, Lăng ơi". Hai giọt nước mắt chậm chạp lăn trên gò má răn reo rồi rơi xuống tóc Thuỳ. Cảm nhận về nhân vật bà cụ Lăng qua đoạn trích (Viết đoạn văn khoảng 200 chữ) Gợi ý - Là người mẹ có số phận bất hạnh: mẹ liệt sĩ, ốm yếu già nua, cô đơn, là nạn nhân của chiến tranh với nỗi ám ảnh và đau đớn day dứt. - Có nhiều phẩm chất tốt đẹp + Yêu thương con kể cả lúc con còn sống hay trở thành một hồn ma + Bao dung, nhân hậu, quan tâm lo lắng về hạnh phúc của cô con dâu hụt. + Dũng cảm vượt lên trên nỗi đau, sự mất mát để tiếp tục cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống cụ thể

b. Nội dung: Hs thiết kế video theo thông điệp rút ra từ bài học

c. Sản phẩm: Video của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện 1 video theo chủ đề:

+ Thông điệp hòa bình, ngừng chiến tranh

+ Nghị lực của con người việt nam vượt lên trên nỗi đau chiến tranh

+ Sáng tác các ca khúc, bài thơ, câu chuyện… về hòa bình.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS theo danh sách các nhóm, lên ý tưởng, thống nhất ý tưởng và thiết kế video. Hạn nộp 1 tuần.
B3. Báo cáo thảo luận: HS gửi về zalo cá nhân của GV để kiểm duyệt, chấm điểm và công chiếu
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá, nhận xét sau 2 tuần.

4. Củng cố: GV thực hiện kĩ thuật trình bày 1 phút: Em hãy ghi lại những điều em còn băn khoăn về bài học, gửi cho GV để được giải đáp qua zalo/ cuối giờ.
5. HDVN:
- Ôn tập kiến thức đã khám phá
- Chuẩn bị bài học tiếp theo

TIẾT 44: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ
(ĐÁP ÁN ĐỀ THI TẬP TRUNG

****

Tuần: 15- 18 ***Ngày soạn: 1/11/2024***
Tiết PPCT: 45-54 ***Lớp: 12a2,3***

BÀI 5: TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

A. MỤC TIÊU CHUNG
1. Về kiến thức:
- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua đoạn trích *Nhân vật quan trọng.*
- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm của tiếng cười hài kịch thể hiện qua tình huống, tính cách nhân vật trong hài kịch *Quan thanh tra*, từ đó phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Nhân vật quan trọng để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
2. Về năng lực:
- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
+ Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lựa chọn hình thức làm việc nhóm có quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ; biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.
- Năng lực đặc thù: năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình nói và viết.
Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với phần đọc.
3. Về phẩm chất: HS thấy được những thói tật đáng cười của các nhân vật trong vở hài kịch, từ đó biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.
B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC
Tiết 45,46 - VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
-HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua đoạn trích *Nhân vật quan trọng.*
-HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm của tiếng cười hài kịch thể hiện qua tình huống, tính cách nhân vật trong hài kịch *Quan thanh tra,* từ đó phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
-Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Nhân vật quan trọng để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
2. Về năng lực:
- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
+ NL tự chủ và tự học: Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lựa chọn hình thức làm việc nhóm có quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ; biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.
- Năng lực đặc thù: năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình nói và viết.
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với phần đọc.
3. Về phẩm chất: HS thấy được những thói tật đáng cười của các nhân vật trong vở hài kịch, từ đó biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, các công cụ đánh giá.
2. Học liệu: sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
a. Mục tiêu: tạo tâm thế thoải mái, hứng khởi vào bài học.
b. Nội dung: Gv có thể lựa chọn 1 trong 2 hình thức khởi động sau: Trò chơi ô chữ
- Ô chữ hàng dọc HÀI KỊCH
- Câu hỏi hàng ngang:
Câu 1: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống "Mọi so sánh đều là…" ĐA: khập khiễng
Câu 2: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống "Bao giờ trạch đẻ ngọn…/ Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình" ĐA: đa
Câu 3: Tên truyện cười kể về 2 kẻ khoe khoang kệch cỡm? ĐA: Lợn cưới áo mới
Câu 4: Tính từ miêu tả cách ăn mặc, nói năng, cư xử vô lí, lố bịch, không phù hợp khiến người khác thấy nực cười, đáng xấu hổ. ĐA: kệch cỡm
Câu 5: Tên một thói tật cố muốn cho người khác tôn trọng mình bằng những điều mình không có. ĐA: sĩ diện hão
Câu 6: Nhân vật phản diện là nhân vật đại diện cho cái… ? ĐA: Ác
Câu 7: Người trình diễn trên các sân khấu với phục trang diêm dúa và thường có mũi đỏ? ĐA: chú hề

- Cho học sinh xem video sau và trả lời đây là trích đoạn từ tác phẩm nào đã học trong chương trình THCS: https://www.youtube.com/watch?v=VHJa8Zx_pkE

c. Sản phẩm: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục – Mô-li-e

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: – Cho học sinh xem video sau và trả lời đây là trích đoạn từ tác phẩm nào đã học trong chương trình THCS? https://www.youtube.com/watch?v=VHJa8Zx_pkE **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh theo dõi và chia sẻ **B3. Báo cáo thảo luận:** Chia sẻ của HS **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS Dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

e. Mục tiêu: Học sinh nắm được các tri thức ngữ văn về hài kịch.

f. Nội dung: GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức các nhóm thuyết trình nội dung đã được giao chuẩn bị ở nhà.

g. Sản phẩm: HS hiểu các khái niệm phần tri thức ngữ văn, biết vận dụng trong học tập.

h. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HĐ của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Giáo viên giao nhiệm vụ cho 4 nhóm (dựa vào phần tri thức ngữ văn) chuẩn bị ở nhà những nội dung sau và trình bày trên lớp các hình thức tùy chọn (thuyết trình, pp, bảng phụ, canva…):
-Nhóm 1: Tìm hiểu về hài kịch.
-Nhóm 2: Phân loại và đặc điểm của nhân vật trong hài kịch.
- Nhóm 3: Hãy lập bảng tổng hợp những đặc điểm tình huống, xung đột, hành động, kết cấu của thể loại hài kịch.</td>
<td>1. Hài kịch
- Hài kịch là một thể loại kịch, cốt lõi của hài kịch là cái đáng cười - cái hài.
- Ngoài việc tạo ra tâm trạng vui vẻ, hài kịch luôn nhằm mục đích làm bật lên tiếng cười chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kệch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. Bằng tiếng cười phủ nhận cái chưa hoàn thiện, hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội.
2. Đặc điểm nhân vật, tình huống, xung đột, hành động và kết cấu hài kịch
<table>
<tr><td rowspan="2">Nhân vật</td><td>Nhân vật chính</td><td>-Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc thường xuyên lầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế.
- Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác, mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục.</td></tr>
<tr><td>Nhân vật phụ</td><td>– Pha trò châm chích, giễu nhại, hài hước tạo không khí "suồng sã", vui vẻ.
– Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ.</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td rowspan="4">-Nhóm 4: Thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch.
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm chuẩn bị sản phẩm ở nhà.
B3. Báo cáo thảo luận
Lần lượt từng nhóm lên trình bày sản phẩm.
Các nhóm khác cho nhận xét, bổ sung.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</td>
<td>Tình huống</td>
<td>-Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thế sự với những ảo tưởng, toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. -Có thể là những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười, song không bi đát và luôn có thể được giải quyết tốt đẹp.</td>
</tr>
<tr>
<td>Xung đột</td>
<td>– Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toán tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải,... (phần nhiều là ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội.
– Xung đột dù căng thẳng đến mấy, cũng luôn có khả năng được giải quyết theo hướng cái xấu, cái không hoàn thiện bị phủ nhận, cái tốt đẹp, tiến bộ được khẳng định.</td>
</tr>
<tr>
<td>Hành động</td>
<td>– Chủ yếu là hành động bên ngoài, là những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời, chứ không phải là những trăn trở nội tâm.
– Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng chứ không hướng tới làm nổi bật sự kiện. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết.</td>
</tr>
<tr>
<td>Kết cấu</td>
<td>Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: Mở đầu (giới thiệu nhân vật với thói tật và những toan tính, ảo tưởng) - Thắt nút (đưa nhân vật vào tình huống khó xử) - Triển khai (phát triển xung đột) - Đỉnh điểm (toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế) - Kết thúc (giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo hay một yếu tố ngẫu nhiên, bất ngờ dẫn đến sự sụp đổ của những toan tính, ảo tưởng làm bật lên tiếng cười).</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td colspan="2">3. Thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch
Thủ pháp trào phúng bao gồm các cách thức bất ngờ làm bật lên tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, hạ thấp đối tượng.
Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; tạo tương phản gây cười (hoán đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đồ vật một cách nghịch lý, cải trang lộ liễu, đột ngột biến dạng bất cân xứng,...).
Ngôn từ trong hài kịch (từ chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật đến đối thoại, độc thoại) sử dụng rất nhiều biện pháp tăng cường tính trào phúng: cường điệu, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng,... Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chát, "ăn miếng trả miếng" trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau; có khi được triển khai xoay quanh tình huống "ông nói gà, bà nói vịt" thể hiện sự lệch kênh về V thức: cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại khiến người đọc, người xem bật cười.</td>
</tr>
</table>

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tiểu sử, vị trí, các tác phẩm chính, văn phong của Gô-gôn.
- HS nắm được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm và đoạn trích.

b. Nội dung:

- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn" để HS ghi nhớ những kiến thức quan trọng về tác giả Gô-gôn.
- HS sơ đồ hóa phần tóm tắt tác phẩm.

c. Sản phẩm:

- Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.
- HS ghi nhớ được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** HS đọc và tìm hiểu trước ở nhà. **2. Tác giả:** Đọc kĩ phần tiểu dẫn về tác giả. **3. Tác phẩm:** Chia thành 4 nhóm thực hiện sơ đồ hóa nội dung vở kịch. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** *** Phần tác giả** - 3 HS tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn" trả lời nhanh các câu hỏi về tác giả dựa trên phần đã chuẩn bị ở nhà. HS được điểm theo số lượng câu trả lời đúng (mỗi câu đúng được 2 điểm) Câu 1: Gô-gôn là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng nước nào? Câu 2: Gô-gôn sống vào thế kỉ nào? Câu 3:Tác phẩm đầu tay của ông tên là…? Câu 4: Tác phẩm nào sau đây không phải của Gô-gôn: A. Ta-rax Bun-ba B. Đám cưới chàng Phi-ga-rô C. Quan thanh tra D. Những linh hồn chết Câu 5: Hình tượng con người trong tác phẩm của Gô-gôn thường được xây dựng theo bút pháp: A. Lí tưởng hóa B. Bình thường hóa C. Đồ vật hóa D. Thần thánh hóa *** Phần văn bản** - HS sơ đồ hóa phần tóm tắt tác phẩm. **B3. Báo cáo thảo luận**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Gô-gôn là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng của văn học Nga thế kỉ XĨ. Ông sinh ra trong gia đình quý tộc tỉnh Pôn-ta-va, nay thuộc U-crai-na. - Năm 1828, Gôgôn từng làm trợ lý cho Vụ bất động sản hoàng gia ở Pê-téc-bua một thời gian, hiểu rõ bộ máy công chức thủ đô, cuộc sống sinh hoạt của họ và cả những tâm tư, cũng như thói tật đáng cười nảy sinh từ cuộc sống ấy. - Tác phẩm đầu tay: Những buổi tối ở thôn gần Đi-can-ka - Các sáng tác nổi tiếng của ông: Ta-rax Bun-ba, Quan thanh tra, Những linh hồn chết… - Đặc điểm sáng tác của Gogol: + Phần nhiều những tác phẩm hiện thực của Gô-gôn thể hiện cơn mê sảng của thực tại đương thời với những hình tượng con người bị đồ vật hoá, thảm hại, trống rỗng, tồn tại như những bóng ma và luôn ám ảnh về sự báo ứng. + Giọng văn trào phúng của Gô-gôn vừa thể hiện thái độ phủ nhận thực tại nhố nhăng đương thời "qua tiếng cười thế gian thấy rõ và những giọt nước mắt thế gian không **2. Văn bản** - Xuất xứ cốt truyện và nội dung tư tưởng của hài kịch *Quan thanh tra:* Hài kịch năm hồi *Quan thanh tra* của Gogol được

- HS tham gia trò chơi - HS trình bày phần sơ đồ hóa đã chuẩn bị theo từng nhóm. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV cho HS xem phần giới thiệu và trailer vở kịch do Nhà hát kịch Việt Nam thực hiện Link giới thiệu: https://www.youtube.com/watch?v=cA2pZnWdY1U Link trailer: https://www.youtube.com/watch?v=cDWeJG3fQlE	sáng tác trên cơ sở một giai thoại do Puskin gợi ý. *Quan thanh tra* không chỉ là vở hài kịch đả kích "tất cả những gì tệ hại của nước Nga" đầu thế kỉ XIX, mà còn khơi dậy nỗi đau về sự tồn tại trống rỗng, phi lí của con người và niềm hi vọng vào một cuộc sống tốt đẹp hơn. - Vị trí của văn bản đoạn trích *Nhân vật quan trọng:* Lớp VI, hồi III của hài kịch *Quan thanh tra.* - Tóm tắt vở kịch: (sgk)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách đọc và tóm tắt được các sự kiện chính trong đoạn trích.
- Học sinh nhận biết được bối cảnh, tình huống kịch, xung đột kịch được miêu tả trong đoạn trích; diễn biến tâm trạng, hành động của nhân vật và tác hại của thói khoác lác, ảo tưởng được gợi ra qua đoạn trích.
- Học sinh chỉ ra và phân tích được thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong đoạn trích.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết đoạn trích – Khám phá văn bản	

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phiếu học tập số 1 ở nhà (Xác định bối cảnh, tình huống và hành động kịch) **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện sản phẩm ở nhà **B3. Báo cáo thảo luận** GV: Dựa vào phần tóm tắt hài kịch Quan thanh tra và phiếu bài tập, hãy xác định bối cảnh, tình huống hiểu lầm và hành động kịch? HS trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	**II. Khám phá VB** ***1. Bối cảnh, tình huống và hành động kịch*** ***a. Bối cảnh*** - Khơ- lét – xta- cốp vốn là nhân viên thư ký quèn từng sống chui lủi để trốn tiền trọ, rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ. Đám quan chức nhận nhầm Khơ – lét – xta – cốp là quan thanh tra, đưa anh ta rời khỏi quán trọ, tới thăm thú, tiệc tùng ở viện tế bần. Sau đó, họ chuyển anh ta tới ở tại nhà thị trưởng, tránh không cho tiếp xúc với dân chúng. Vợ và con gái của thị trưởng sốt sắng thể hiện mình trước nhân vật quan trọng từ thủ đô tới. Khơ – lét – xta – cốp vẫn chưa thật hiểu tại sao đám quan chức trong thị trấn lại cung phụng mình, song anh ta không hề băn khoăn, chỉ tận hưởng mọi sự thết đãi, "khoe mẽ" với vợ và con gái thị trưởng, được đà khoác lác như thể mình thực sự là một nhân vật vô cùng quan trọng từ thủ đô tới. - Lớp kịch diễn ra tại **phòng khách** của nhà thị trưởng. ***b. Tình huống và hành động kịch*** - Tình huống: Nhận nhầm quan thanh tra - Hành động kịch: + Từ mâu thuẫn giữa danh vị xã hội của các nhân vật với thực chất cuộc sống tệ hại, trống rỗng của họ; từ nỗi lo sợ bị lật tẩy dẫn họ đến sự lầm lẫn. + Cách ứng xử, hành động của các nhân vật chuyển hóa dần từ chỗ ứng phó, che đậy thực chất sang trạng thái say sưa trong ảo vọng để cuối cùng vỡ mộng trong nỗi lo sợ khi quan thanh tra thật xuất hiện
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên chia lớp làm 3 nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2 trong vòng 7 phút. Nhóm 1: Tìm hiểu về Nhân vật Khơ – lét – xta – cốp Nhóm 2: Tìm hiểu về tầng lớp quan chức Nhóm 3:Tìm hiểu về nhân vật An – na An – đrê – ép – na và Ma – ri – a An – tô – nốp – na Các nhóm thảo luận và trình bày sản phẩm trên giấy A0 **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm chuẩn bị sản	***2. Nhân vật*** **2.1 Khơ – lét – xta – cốp** *** Hoàn cảnh thực tế:** -Vốn là nhân viên thư ký quèn "đoảng vị, không được việc gì" tại văn phòng của một vụ ở Pe- téc – bua. - Từng sống chui lủi đến trốn tiền trọ, phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ, sa vào bài bạc, cháy túi; từng lê la với đám đào hát và xem ca kịch vui bình dân. => Giúp hắn biết nhiều đào hát; biết bập bõm vài tên nhà báo, nhà văn (dù lẫn lộn các tác phẩm thuộc các thể loại khác nhau, lẫn tên các tờ báo, các tạp chí) *** Ảo tưởng về cuộc sống thượng lưu:** (chú ý các lời thoại) - Coi mình là: + Bạn của vụ trưởng + Cũng gần như là đại nguyên soái + Là văn sĩ có thể suồng sã với Puskin + Luôn miệng khẳng định ai mình cùng biết + Có những sáng tác xuất chúng + "Có nhà to đẹp nhất ở Pê – téc – bua", hay mở những buổi tiệc tùng thiết đãi mọi người

phẩm trong vòng 7 phút **B3. Báo cáo thảo luận** Lần lượt từng nhóm lên trình bày sản phẩm. -Thời gian báo cáo sản phẩm 5 phút/ nhóm - Các nhóm khác cho nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. *Một số câu hỏi gợi ý khi tìm hiểu các nhân vật trong trích đoạn Nhân vật quan trọng:* - Đối thoại xã giao thái quá của các nhân vật thể hiện điều gì? - Thái độ của Khơ-lét-xta-cốp với "dân đen", cũng như chính bản thân mình được thể hiện như thế nào? -Khơ-lét-xta-cốp sơ ý bộc lộ thân phận thật của mình qua lời khoác lác thế nào? Sự vênh lệch của việc gắn tên tuổi Puskin với thể loại ca kịch vui thể hiện điều gì? Khơ-lét-xta-cốp đã bộc lộ thực chất trình độ hiểu biết văn chương của mình như thế nào? Chỉ ra những lời thoại của các nhân vật tố cáo lẫn nhau Qua lời khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp, có thể nhận ra điều gì về các hoạt động được giới thượng lưu quan tâm. Vì sao Khơ-lét-xta-cốp càng nói càng hăng?	….. Người đọc buồn cười trước những lời bốc phét, khoác lác của nhân vật. Các nhân vật khác hòa theo lời khoác lác của Khơ – lét – xta – cốp như một chuỗi hài. ***Thái độ sống:** - Khinh bỉ cuộc sống ở tỉnh lẻ, cuộc sống ở tầng lớp dưới của chính mình. - Khinh bỉ thân phận "thư ký quèn" của bản thân - Khát khao trở nên bằng vai phải lứa với những nhà văn danh tiếng - Khát khao có cơ ngơi hoành tráng, có người hầu kẻ hạ, được tiệc tùng bài bạc công khai cùng những nhân vật tai to mặt lớn. **=> Nhân vật đáng cười:** -Được nhận lầm là quan thanh tra -> tự ảo tưởng mình là quan thanh tra, đón nhận sự cung phụng như lẽ tự nhiên, say sưa khoác lác tới mức lầm tưởng mình chính thực là nhân vật quan trọng. - Ăn hối lộ, công khai tán tỉnh vợ, con gái thị trưởng - Cuỗm xe cộ, hành trang, tiền bạc, cao chạy xa bay lo bại lộ chân tướng **2.2 Tầng lớp quan chức** **(*Thị trưởng, chánh án, chủ sự bưu vụ, viên kiểm học, trưởng viện tế bần…)*** ***Thực chất:** -Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ, bê trễ công việc, dò xét, đe dọa lẫn nhau… - Ăn chơi, trống rỗng. - "Đốt đuốc giữa ban ngày cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế. ***Thái độ trước sự khoác lác của Khơ – lét – xta – cốp:** -Nhận lầm Khơ – lét – xta- cốp là quan thanh tra, cho nên cung phụng anh ta, đưa hối ộ, lợi dụng cơ hội cầu thân, tiến thân. - Hạn chế không cho quan thanh tra tiếp xúc với những người bị ức hiếp. - Vênh vang, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị. => Vỡ mộng trong nỗi khiếp sợ bị báo ứng. **2.3 Nhân vật vợ và con gái thị trưởng** ***(An – na An – đrê – ép – na và Ma – ri – a An – tô – nốp – na)*** ***Thực chất:** - Lời thoại "Dạ! Chúng tôi còn vui mừng hơn khi được gặp một người như tôn ông" "Đâu phải thế! Ông nói thế thực là quá khen cho chúng tôi. Xin rước ông ngồi ạ!" "Ông cứ nói quá! Ông làm vinh dự cho tôi nhiều lắm, tôi

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chia lớp làm 2 dãy, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 3 và phiếu học tập 4. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS trao đổi theo hình thức cặp đôi; Thời gian thảo luận 5 phút **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi ngẫu nhiên một số cặp đôi báo cáo sản phẩm -Thời gian báo cáo sản phẩm 3 phút/ nhóm - Các nhóm khác cho nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. ? Theo em, "thói Khơ – lét – xta – cốp" (thói khoác lác) bắt nguồn từ đâu và có thể gây ra những hậu quả gì? Vì sao Gogol cho rằng "Ít ai tránh được việc trở nên giống Khơ – lét – xta –	thật không xứng chút nào" *-> Những lời đưa đẩy, nịnh nọt, tạo cảm hứng cho Khơ – lét – xta – cốp khoe mẽ, khoác lá, đồng thời bộc lộ sự giả tạo, dốt nát của mình.* *-> Đầu óc rỗng tuếch, đài các rởm.* *-> Được kết thân với người quyền thế, sang trọng để làm sang, bước vào thế giới thượng lưu ở thủ đô.* ***Thái độ trước sự khoác lác của Khơ – lét – xta – cốp** - Nhận lầm Khơ – lét – xta – cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng, đong đưa cầu thân để làm sang. - Ngỡ ngàng vỡ mộng. **Nhận xét:** Nhân vật thường xuyên nhầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế, có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu hóa, tô đậm nét đáng cười chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. ***3.Xung đột và kết cấu*** ***a. Kết cấu hài kịch "Quan thanh tra":*** - P1 - Mở đầu: Thị trưởng thông báo về việc quan thanh tra có thể đã tới thị trấn và nỗi lo sợ của cả đám quan chức trước tin này. (Hồi I) - P2 – Thắt nút: Đám quan chức nhận lầm Khơ – lét – xta – cốp là quan thanh tra. (Hồi II) - P3 – Triển khai: Khơ – lét – xta – cốp hồn nhiên nhập vai quan thanh tra (Hồi III); Khơ – lét – xta – cốp thoạt đầu còn ngượng ngùng vay tiền đám quan chức, tiến tới đòi hỏi, quát nạt để ăn hối lộ công khai của cả người bị hiếp đáp; tận dụng cơ hội đê tán tỉnh cả vợ lẫn con gái thị trưởng, cầu hôn với con gái thị trưởng rồi cao chạy xa bay. (Hồi IV) P4 - Đỉnh điểm: Thị trưởng vênh váo, ra oai với đám dưới quyền, say sưa trong ảo tưởng con gái mình sẽ kết hôn với quan lớn thanh tra (Lớp I – VII, hồi V) P5 – Kết thúc: Chủ sự bưu vụ đọc trộm thư, phát hiện ra Khơ – lét – xta – cốp không phải quan thanh tra, một viên hiến binh thình lình xuất hiện, tuyên bố: Quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố, cả bọn đờ ra như hóa đá. (lớp VIII – lớp Câm, hồi V ***b. Xung đột:*** Mâu thuẫn giữa những toan tính, ảo tưởng, trong cuộc sống tệ hại, trống rỗng của các nhân vật với hoàn cảnh thực tế. ***<u>Nhận xét:</u>*** Nét đặc sắc của kết cấu và xung đột trong hài kịch Quan thanh tra là tổ chức vở hài kịch xoay quanh thói khoác lác, ảo tưởng của Khơ – lét – xta – cốp (xuất hiện ở hồi II – biến mất ở cuối hồi IV). Nó trở thành điểm hội tụ của tất cả những tệ hại của đám quan chức, trưởng giả trong thị trấn. ***4. Thủ pháp trào phúng và ngôn từ*** - Tạo tình huống hiểu lầm (Nhận lầm Khơ – lét – xta –

cốp, dù chỉ một lần trong đời.” ?	cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn, nhà văn) - Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (Phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khơ – lét – xta – cốp) - Tạo tương phản gây cười (Lời khoác lác về cuộc sống thượng lưu cùng vị thế quan trọng của Khơ – lét – xta – cốp tương phản gay gắt với thân phận thực tế của nhân vật…) - Ngôn ngữ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng, đối thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau …)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ

a. Mục tiêu: Kết nối đọc – viết: Học sinh viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về cách khắc phục "thói Khơ-lét-xta-cốp".

b. Nội dung: GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Bài làm của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về cách khắc phục "thói Khơ-lét-xta-cốp". **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs chia sẻ bài viết, trao đổi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. - GV thu bài viết của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	*Gợi ý: - Hình thức: đoạn văn, dung lượng khoảng 150 chữ. - Nội dung: trình bày suy nghĩ của bạn về cách khắc phục "thói Khơ-lét-xta-cốp".

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế bản thân trong cuộc sống.
- HS vận dụng kĩ năng đọc hài kịch để đọc, diễn một đoạn hài kịch khác.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo HD của GV

c. Sản phẩm:

- Rút ra tác hại của thói khoác lác, ảo tưởng trong đời sống hiện đại.
- Diễn được một đoạn kịch.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Theo em tác hại của thói khoác lác, ảo tưởng trong đời sống hiện đại là gì?
- Sân khấu hóa đoạn trích đã học hoặc một đoạn trích hài kịch khác.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời nhiệm vụ 1 tại lớp để chia sẻ tác hại của thói khoác lác, ảo tưởng trong đời sống hiện đại và rút ra được lối sống đúng đắn, tích cực cho bản thân
- HS luyện tập nhiệm vụ 2

B3. Báo cáo thảo luận

- HS trả lời tại lớp, có thể tranh luận nếu có ý kiến bất bất đồng trái ngược nhau
- Diễn đoạn trích sâu khấu hóa trong tiết học hoặc trong một buổi ngoại khóa…

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá kết quả thực hiện của HS

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn đọc hiểu văn bản "Giấu của" theo hệ thống gợi dẫn SGK

Nhóm: Lớp:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

PHIẾU 1: BỐI CẢNH, TÌNH HUỐNG VÀ HÀNH ĐỘNG KỊCH

Dựa vào phần tóm tắt hài kịch Quan thanh tra, hoàn thành phiếu học tập sau để xác định Bối cảnh, tình huống và hành động kịch

(Nhóm) Nhân vật	Khơ – lét – xta – cốp	Quan chức thị trấn (Thị trưởng, chánh án, chủ sự bưu vụ, viên kiểm học, trưởng viện tế bần…)	Tầng lớp trưởng giả (hai gã địa chủ, vợ và con gái thị trưởng…)
Thực chất			
Tâm thế			
Ảo tưởng			
Tình huống nhầm lẫn, ứng xử và kết cục			

Nhận xét:

- Bối cảnh:……
……
……
- Tình huống:……
- Hành động kịch:……
……
……
……

Nhóm: Lớp:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

PHIẾU 2: NHÂN VẬT

1. Khơ – lét – xta – cốp

Đối chiếu hoàn cảnh thực tế của Khơ - lét - xta - cốp với cuộc sống thượng lưu mà nhân vật khoe hoang theo bảng phía dưới. Từ đó lý giải nhân vật này đáng cười ở điểm nào?

Hoàn cảnh thực tế	"Cuộc sống thượng lưu" ảo tưởng	Thái độ sống

Nhận xét

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Nhóm: Lớp:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

PHIẾU 2: NHÂN VẬT

2. Đám quan chức ở thị trấn

Hoàn thành bảng sau và chỉ ra thái độ của đám quan chức ở thị trấn trước sự khoác lác của Khơ - lét - xta - cốp?

Nhân vật	Thực trạng cuộc sống	Tâm thế (Phản ứng trước những lời khoác lác của Khơ - lét - xta - cốp)
Thị trưởng		
Viên kiểm học Lu – ca – lu – kích		
Trưởng viện tế bần Ác – tê – mi Phi líp – pô – vích		

3. Vợ và con gái thị trưởng

Nhân vật An - na An - drê - ép - na và Ma- ri - a An - tô - nốp - na đóng vai trò gì trong việc tạo ra tiếng cười trong đoạn trích?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Nhóm: Lớp:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

PHIẾU 3: XUNG ĐỘT VÀ KẾT CẤU CỦA VỞ KỊCH

1. Qua việc đọc trích đoạn Nhân vật quan trọng và phần tóm tắt hài kịch Quan thanh tra. Hãy xác định kết cấu của vở kịch theo mẫu sau:

Kết cấu	Nội dung
Mở đầu	
Thắt nút	
Triển khai	
Đỉnh điểm	
Kết thúc	

2. Xung đột chính trong trích đoạn Nhân vật quan trọng là gì?

.....

.....

.....

3. Nét đặc sắc của kết cấu và xung đột trong hài kịch Quan thanh tra là gì

.....

.....

.....

.....

.....

Nhóm: Lớp:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

PHIẾU 4: THỦ PHÁP TRÀO PHÚNG VÀ NGÔN TỪ

1.Xác định các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong đoạn trích? (ví dụ: Tạo tương phản, gây cười)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Lựa chọn một thủ pháp trào phúng vừa xác định ở câu 1, tìm các dẫn chứng trong trích đoạn Nhân vật quan trọng để làm rõ?

Lưu ý: – Chỉ ra sự vênh lệch giữa hình thức và bản chất

– Làm rõ mục đích của tiếng cười

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 47,48 - VĂN BẢN 2: GIẤU CỦA
***Trích:Quẫn* - Lộng Chương**

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức: Kiến thức về một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột,hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng, chủ đề ,tư tưởng của hài kịch
2. Về năng lực
- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch được thể hiện trong đoạn trích như: tình huống gây cười, ngôn ngữ đối thoại, cử chỉ và hành động của nhân vật,...
- HS xác định và lý giải được nguồn gốc của tiếng cười trong đoạn trích.
-Từ tiếng cười của hài kịch trong đoạn trích, HS đánh giá được ảnh hưởng của tác phẩm văn học trong sự phát triển của xã hội đương thời và kết nối được vấn đề mà tác phẩm văn học đặt ra với những vấn đề trong đời sống hiện tại.
3. Về phẩm chất:Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập
2. Học liệu: Một số hình ảnh, video clip về vở diễn Giấu của
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức đã có của HS về hài kịch, chuẩn bị tâm thế cho HS đón nhận văn bản
b. Nội dung: Chia sẻ trải nghiệm của bản thân
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy chia sẻ trải nghiệm của bạn khi xem một bộ phim hài, một vở hài kịch, hoặc đọc một truyện cười. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - 4 HS 1 nhóm chia sẻ trải nghiệm trong nhóm nhỏ - Bình chọn trải nghiệm thú vị nhất trong nhóm **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện nhóm chia sẻ trải nghiệm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV kết luận, dẫn dắt vào bài mới	- Câu trả lời của HS

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
Nội dung 1. Tìm hiểu chung
a. Mục tiêu:
- Kiến thức chung về tác giả, tác phẩm
-Tìm hiểu các thông tin liên quan tới văn bản thông qua các câu hỏi trong thẻ đọc
- Thông tin chung về tác giả, tác phẩm
b. Nội dung: Câu hỏi trong phần chuyển giao
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Trình bày nét cơ bản về tác giả, tác phẩm - Đọc văn bản - Trả lời các câu hỏi trong thẻ đọc **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc SGK trang 145 - HS phân vai đọc đoạn trích - Tìm hiểu các câu hỏi trong thẻ đọc **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trả lời câu hỏi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** - GV đánh giá	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Lộng Chương (1918 – 2003) tên khai sinh là Phạm Văn Hiền, quê ở tỉnh Hải Dương, là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ văn nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong khoảng thời gian từ cuối những năm 1940 đến cuối những năm 1990, ông đã sáng tác, viết lại, chỉnh lí hàng trăm vở kịch thuộc nhiều thể loại, nổi bật là: A Nàng (kịch thơ, 1960), Đôi ngọc lưu li (chèo, 1962), Tình sử Loa thành (tuồng, 1979),... Ông thành công nhất ở lĩnh vực hài kịch với các vở tiêu biểu như: Mối lo của cụ Cửu (1950), Hỏi vợ (1958), Yểm bùa trừ sâu (1959), Quẫn (1960), Cửa mở hé (1969),... - Lộng Chương dã được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000. **2. Văn bản** ***Quẫn*** là vở hài kịch gồm năm hồi, được công diễn trong hơn hai mươi năm, với khoảng 2.000 buổi diễn, và trở thành tác phẩm kinh điển của hài kịch hiện đại Việt Nam. Năm 2018, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Lộng Chương, vở kịch lại dược công diễn trên sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội và thu hút được sự quan tâm của cả giới kịch nghệ lẫn công chúng. **3. Tóm tắt** Trước chủ trương công tư hợp doanh, các thành viên trong gia đình nhà tư sản dân tộc Đại Cát có những suy nghĩ khác nhau. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tánkhối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tưhợp doanh. Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác đi sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. Mẹ Đại Cát – cụ Đại Lợi và em gái Đại Cát – bà Đại Hưng biết tin này, cũng dòi dược chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thuý Trinh và người yêu cô – Hùng là những thanh niên hăng hái tham gia lao dộng kiến thiết, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. U Trinh – người làm công trong gia đình, tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của, đã mách vớiThuý Trinh và Hùng. Cuối cùng, Thuý Trinh và người yêu đã thuyết phục được cha mẹ chấp thuận không“giấu của” nữa. Ông bà Đại Cát cũng nhận ra rằng mình đã "quẫn". - Giấu của là đoạn trích từ *Cảnh vào trò* của vở hài kịch *Quẫn.*

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...
- Nhận xét chủ đề, tư tưởng của văn bản

b. Nội dung: Tập trung làm rõ các vấn đề như Kết cấu – Tình huống – Nhân vật – Hành động – Xung đột – Thủ pháp trào phúng – Ngôn từ.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Lập bảng tìm hiểu về các yếu tố của hài kịch qua văn bản *Giấu của* - HS hoàn thành phiếu học tập **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - NV1: 6 HS 1 nhóm (đánh số thứ tự thành viên từ 1->6) , mỗi HS trong nhóm nhận 1 nhiệm vụ (theo số thứ tự) trình bày bảng phụ nội dung mình nghiên cứu được - NV2: Sau khi hoàn tất việc trình bày bảng phụ các thành viên trong nhóm giảng giải nội dung màmình phụ trách cho các bạn còn lại **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày kết quả thảo luận theo trình tự sau - HS 2 Nhóm 1: Nội dung 1 - HS 3 Nhóm 2 : Nội dung 2 - HS 4 Nhóm 3: Nội dung 3 - HS 5 Nhóm 4: Nội dung 4 - HS 5 Nhóm 5: Nội dung 5 - HS1 Nhóm 6: Nội dung 6 - Các thành viên còn lại đánh giá, nhận xét, chấm điểm cho các thành viên	**II. Khám phá văn bản** **1. Các yếu tố của hài kịch qua văn bản *Giấu của*** *** Nhân vật:** – Lời nói: gây hiểu lầm,…; – Cử chỉ và hành động: được phóng đại, gây tương phản, tạo nghịch lí;… – Trạng thái "quẫn" trong đoạn trích: đây là trạng thái do hai nhân vật tự tạo ra, tự mình làm khổ mình. -> Các suy nghĩ, toan tính, cảm xúc trong nội tâm nhân vật đều được bộc lộ ra bên ngoài thông qua lời nói, cử chỉ và hành động. *** Tình huống** Hai nhân vật ông bà Đại Cát vì muốn giữ tài sản, trốn tránh chủ trương công tư hợp doanh mà tìm mọi cách "giấu của" trong chính những bức ảnh chân dung của mình và của bà mẹ (cụ Đại Lợi) trong phòng khách nhà họ. Bên cạnh đó, trong đoạn trích lại có thể tìm thấy nhiều tình huống gây cười nhỏ: ngã vào nhau trong bóng tối, hiểu lầm khi đối thoại,… -> Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thế sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. *** Xung đột** – Lí tưởng: Mong muốn giấu của của hai ông bà Đại Cát. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. – Thực tế (chuẩn mực xã hội): Hai ông bà bị "quẫn". -> Mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với những chuẩn mực và xu thế xã hội. Từ đó, tiếng cười của hài kịch cất lên từ sự vênh lệch giữa thực tế và lí tưởng. *** Hành động** Xoay quanh hành động "giấu của" của hai ông bà Đại Cát. -> Chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính, của nhân vật đều bộc lộ qua lời thoại, giúp tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính-> Tiếng cười bật lên. *** Kết cấu**

trình bày: + Nhóm 7 chấm nhóm 1,2,3 + Nhóm 8 chấm nhóm 4,5,6 **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Lớp phó học tập tổng kết và công bố điểm - GV đánh giá, kết luận	Kết cấu hài kịch được tổ chức trên cơ sở hành động "giấu của": – Phần 1. Mở đầu: Giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính. – Phần 2. Thắt nút: Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. – Phần 3. Triển khai: Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác đi sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. – Phần 4. Đỉnh điểm: Mẹ Đại Cát (cụ Đại Lợi) và em gái Đại Cát (bà Đại Hưng) biết tin này, cũng đòi được chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thuý Trinh và người yêu cô (Hùng) là những thanh niên hăng hái tham gia lao động kiến thiết, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. – Phần 5. Kết thúc: U Trinh – người làm công trong gia đình, tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của, đã mách với Thuý Trinh và Hùng. *** Thủ pháp trào phúng và ngôn từ** – Tạo tình huống "quẫn": Hai ông bà Đại Cát giấu của. – Phóng đại cử chỉ, điệu bộ (phóng đại cử chỉ, điệu bộ giấu của trong đêm của hai ông bà). – Tạo tương phản gây cười (lời nói thầm, nói không ra tiếng của hai ông bà). – Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (nói lỡ, nói không ra tiếng,…): Đối thoại của hai nhân vật ông Đại Cát và bà Đại Cát, có nhiều chi tiết gây hiểu lầm hoặc gợi liên tưởng, loại ngôn ngữ "nói lỡ", "nói không ra tiếng". -> Khắc hoạ tính cách nhân vật, tạo ra tình huống trớ trêu, oái ăm, thúc đẩy xung đột kịch.
Nhiệm vụ 2: **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Từ việc phân tích các đặc điểm của hải kịch trong đoạn trích, hãy rút ra chủ đề tư tưởng của văn bản **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - 2 HS 1 nhóm thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS phát biểu cá nhân **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận	**2. Chủ đề, tư tưởng của văn bản.** - Cách nhìn nhận vấn đề thời sự đặt ra trong tác phẩm có thể đã thay đổi theo thời gian, nhưng những suy tưởng mà nó gợi ra vẫn có giá trị trong thời hiện tại. Chẳng hạn, con người không nên đi ngược lại những chuẩn mực chung của tập thể và xã hội. Tỉnh táo để tránh tự mình làm khó mình, khiến mình rơi vào tình thế "quẫn" - Đoạn trích phản ánh cảnh sống chân thực của giai cấp tư sản và bất cập trong chính sách quản lý của nhà nước ở giai đoạn lịch sử cụ thể. Nhiều thương gia rơi vào túng quẫn, khánh kiệt trước chính sách công tư hợp doanh của nhà nước.

PHIẾU HỌC TẬP

CÁC YẾU TỐ CỦA HÀI KỊCH	NHẬN XÉT
Nhân vật	
Tình huống	
Xung đột	
Hành động	
Kết cấu	
Thủ pháp trào phúng và ngôn từ	

Tiêu chí đánh giá Nhóm đánh giá: ……..							
TIÊU CHÍ	**ĐIỂM**	**NHÓM 1**	**NHÓM 2**	**NHÓM 3**	**NHÓM 4**	**NHÓM 5**	**NHÓM 6**
1. Phong thái người trình bày:Thể hiện chủ động tự tin, tạo hứng thú cho người nghe, duy trì tương tác với người nghe	**2**						
2. Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ hợp lí	**1**						
3. Trình bày mạch lạc, đúng bản chất vấn đề	**7**						
Tổng	**10**						

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ)
b. Nội dung: HS viết đoạn
c. Sản phẩm: Bài viết của HS
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích *Giấu của* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày bài viết **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - HS, GV đánh giá bài viết	- HS chọn được chi tiết hài hước tiêu biểu - Phân tích chi tiết

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dung nội dung bài học để dàn dựng một đoạn trích kịch trên sân khấu

b. Nội dung: Dàn dựng một đoạn trích kịch trong văn bản *Giấu của*
c. Sản phẩm: Đoạn kịch do HS biểu diễn
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Xem đoạn trích kịch *Giấu của* trên sân khấu do Trần Lực đạo diễn
- Nếu được chọn để diễn em sẽ diễn đoạn trích như thế nào? Chọn một đoạn ngắn để diễn
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Lớp chia 2 nhóm chọn diễn viên để diễn
B3. Báo cáo thảo luận: HS diễn
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: HS và GV đánh giá đoạn diễn

4. Củng cố: Cách khai thác một văn bản hài kịch
5. HDVN: Chuẩn bị bài tiết sau

PHẦN 3. VIẾT
Tiết 49,50: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Hoàn thiện kĩ năng viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.
- Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng tới việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
2. Về năng lực:
- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học.
- Xây dựng được hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ trong bài viết báo cáo.
3. Về phẩm chất: Chủ động trong việc bàn luận về chủ đề, biết kết nối vấn đề khi nghiên cứu.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Thiết bị
- Thiết bị CNTT, phần mềm: Máy tính, Power Point
- Thiết bị dạy học khác: tivi thông minh...
2. Học liệu
- Học liệu số: Bài trình chiếu PowerPoint
- Học liệu khác: Phiếu học tập, hình ảnh
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học.
b. Nội dung: Xem video và cho biết điều gì sẽ xảy ra khi ta sống trong môi trường bị ô nhiễm?
https://www.youtube.com/watch?v=wtLvIk7WbAU&t=82s
c. Sản phẩm: HS liệt kê, tổng hợp những hậu quả xảy ra khi ta sống trong môi trường bị

ô nhiễm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Xem video dưới đây và cho biết điều gì sẽ xảy ra khi ta sống trong môi trường bị ô nhiễm? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá. - GV đưa ra đáp án: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Những điều sẽ xảy ra khi ta sống trong môi trường bị ô nhiễm: Hủy hoại hệ sinh thái, đe dọa sự sống, gây ra các căn bệnh nguy hiểm,…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu

a. Mục tiêu: HS nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Đặc điểm của kiểu bài và yêu cầu đối với bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về kiểu bài, yêu cầu đối với bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần đầu trong SGK và trả lời câu hỏi: Yêu cầu đối với bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK, nhận biết thông tin và tìm câu trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hai HS trình bày trước lớp ý kiến của mình. GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV bổ sung ý kiến của HS, nhấn mạnh hướng dẫn HS chốt ý.	**1. Yêu cầu đối với bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội:** - Giới thiệu được đề tài nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu qua hệ thống luận điểm. - Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết. - Vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Sử dụng hiệu quả sơ đồ bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, sử dụng trích dẫn, cước chú.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo *"Mĩ thuật Việt Nam thời mở cửa"*

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

b. Nội dung: Đọc và phân tích bài viết tham khảo.

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích VB mẫu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **** Giao nhiệm vụ học tập*:**	**2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo *"Mĩ thuật Việt Nam thời mở cửa"***

- GV chiếu ngữ liệu tham khảo theo từng đoạn và yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (Tr. 81, 82, 83), chú ý những thông tin chứa trong tet box. Sau đó, GV yêu cầu nhóm đôi thảo luận (think – pair – share) để trả lời câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu bài.

Yêu cầu HS đọc VB mẫu và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm như sau:

PHIẾU HỌC TẬP: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

Bố cục	Vấn đề được báo cáo nghiên cứu
Đặt vấn đề	
Giải quyết vấn đề	
Kết luận	

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh và điền thông tin vào phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận:

Đại diện 2 – 3 nhóm đôi trình bày, các nhóm khác bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét câu trả lời của HS; chốt lại kiến thức:

2.1. Giới thiệu kết quả nghiên cứu:

Giới thiệu vấn đề cần nghiên cứu: Mĩ thuật chính là *"cửa sổ đổi mới', "hình ảnh đổi mới"* của văn nghệ Việt Nam thời kì này.

2.2. Giải quyết vấn đề

- Trình bày các kết quả cần nghiên cứu: "Mở cửa hai chiều là đặc điểm nổi bật"

- Nêu luận điểm thứ nhất:

+ Ở chiều mở vào, các nghệ sĩ tìm về nghệ thuật dân tộc thời tiền thực dân, thời trước khi có Trường mĩ thuật Đông Dương cũng như trước khi ảnh hưởng nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa châu Âu.

+ Chiều mở vào thứ hai:

. Mở vào nội giới cá nhân.

. Khuynh hướng nội giới hóa, cá nhân hóa .

- Nêu luận điểm thứ hai:

+ Đưa ra các dữ liệu làm tăng thuyết phục của luận điểm.

+ Thêm hình ảnh minh họa.

2.3. Kết luận:

- Trình bày kết luận, nêu đánh giá: *"Như đã trình bày ở trên, chính khuynh hướng dân tộc – hiện đại đã xác định diện mạo mĩ thuật Việt Nam trong giai đoạn đổi mới."*

- Mở rộng vấn đề:

+ *"Tính đa dạng, phức hợp và sự đan xen là đặc điểm phát triển"...*

+ *Và cái tôi độc đáo, sự "mở cửa "hai chiều" vừa khám phá cái tôi vừa khám phá thế giới, tạo ra nhiều phong cách cá nhân."*

=> **Bố cục văn bản báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội:**

- Đặt vấn đề: Giới thiệu vấn đề cần nghiên cứu.

- Triển khai vấn đề:

+ Trình bày các luận điểm.

+ Trình bày kết quả nghiên cứu.

+ Phân tích đánh giá qua dữ liệu thực tế.

+ Sử dụng tranh, ảnh, sơ đồ, biểu đồ.

- Kết luận:

+ Trình bày kết luận.

+ Đánh giá, mở rộng vấn đề.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Giúp HS rèn luyện kĩ năng viết bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Viết bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và dàn ý bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
Đề bài: Tác động của công nghệ đến xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh, sinh viên.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc nhóm đôi, trao đổi thảo luận.
B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày ý kiến
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Giáo viên đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS
Bảng kiểm tham khảo
<table>
<tr><th>NỘI DUNG KIỂM TRA</th><th>YÊU CẦU CỤ THỂ</th></tr>
<tr><td>Bố cục 3 phần</td><td>- Đặt vấn đề:
+ Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để báo cáo
+ Lí do, mục đích và phương pháp nghiên cứu của bài báo cáo
- Triển khai vấn đề:
+ Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn. Triển khai các lí lẽ, dẫn chứng, lập luận chứng minh cho các luận điểm được nêu ra.
+ Có thể trích dẫn ý kiến người khác, cước chú, lập biểu bảng, thống kê về đối tượng nghiên cứu để chứng minh cho tính chính xác trong các lập luận và nhận định của mình.
+ Tạo sự so sánh cần thiết với các đối tượng nghiên cứu khác để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài viết.
- Kết luận:
+ Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được báo cáo
+ Nêu các đề xuất, khuyến nghị của người nghiên cứu (nếu có).</td></tr>
<tr><td>Các lỗi còn mắc</td><td>- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,…
- Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ, diễn đạt.</td></tr>
<tr><td>Đánh giá chung</td><td>- Bài viết đáp ứng được yêu cầu ở mức độ nào?
- Bạn thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?</td></tr>
</table>
</td><td>Hs trình bày dàn ý của nhóm</td></tr>
</table>

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:	Bài viết của nhóm

Yêu cầu mỗi nhóm đôi sẽ viết thành một báo cáo hoàn chỉnh về một vấn đề tự nhiên, xã hội. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tiến hành viết (10-15p) **B3. Báo cáo thảo luận:** các nhóm đại diện trình bày bài viết **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Các nhóm tự nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài. Giáo viên nhận xét, chỉnh sửa, đánh giá chung.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu**: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: nêu yêu cầu của kiểu bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Theo em kiểu báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội có thể triển khai theo cấu trúc nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs** trao đổi chỉ ra yêu cầu của bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội. **B3. Báo cáo thảo luận:** hs trả lời câu hỏi của mình trước lớp **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** gv chốt lại yêu cầu chung; đánh giá kết quả và chỉnh sửa bài viết của hs	Bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội có thể sử dụng cấu trúc sau sao cho phù hợp với đối tượng: **- Đặt vấn đề:** Giới thiệu vấn đề cần nghiên cứu. **- Triển khai vấn đề:** + Trình bày các luận điểm. + Trình bày kết quả nghiên cứu. + Phân tích đánh giá qua dữ liệu thực tế. + Sử dụng tranh, ảnh, sơ đồ, biểu đồ. **- Kết luận:** + Trình bày kết luận. + Đánh giá, mở rộng vấn đề.

4. Củng cố: Gv nhắc lại đặc điểm yêu cầu của kiểu bài, những lưu ý cần tránh mà hs hay mắc phải về lỗi diễn đạt, dùng từ, cách tìm hiểu số liệu thông tin cần chính xác, sử dụng linh hoạt các phương tiện phi ngôn ngữ để bài báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội sinh động, hấp dẫn.

5. Hướng dẫn về nhà: Báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội mà em quan tâm.

Tiết 51 - NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS biết cách lựa chọn đề tài nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội, xác định được vấn đề nghiên cứu chính.
- HS hiểu được cách triển khai các luận điểm trong bài nghiên cứu, biết sử dụng trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo theo quy chuẩn.
- HS vận dụng được các thao tác nghiên cứu và sử dụng được các phương tiện hỗ trợ trong bài viết.
- HS biết cách thể hiện quan điểm của mình trong bài viết.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Thuyết trình được kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
- Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn.

3. Về phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, ti vi

2. Học liệu: Sgk, Sgv, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Dẫn dắt, tạo ấn tượng cho học sinh về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Học sinh nêu được một số vấn đề nghiên cứu thuộc tự nhiên và xã hội.

c. Sản phẩm: Một số chủ đề nghiên cứu thuộc tự nhiên và xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy kể tên một số vấn đề nghiên cứu thuộc tự nhiên và xã hội? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs trình bày. Nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và kết luận.	Vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội rất rộng: tự nhiên, môi trường, văn hóa, nghệ thuật, đời sống…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Thuyết trình được kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

b. Nội dung: HS hoàn thành phiếu học tập. Từ đó biết được quy trình báo cáo kết quả nghiên cứu.

c. Sản phẩm: Học sinh hoàn thành kiến thức trong phiếu bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập. ***B2. Thực hiện nhiệm vụ*** Gv chia học sinh thành 2 nhóm, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập Hs: Nhận phiếu học tập, thảo luận, làm việc nhóm ***B3. Hs báo cáo thảo luận***	**I. Các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội** *1. Chuẩn bị nói* - Người nói cần xác định rõ mục tiêu: đưa đến cho người nghe một cái nhìn khái quát về nghiên cứu của mình và thu thập được những phản hồi, trao đổi của người nghe về nghiên cứu đó. - Sắp xếp cách trình bày và thời gian trình bày các luận điểm phù hợp với thời gian thuyết trình, giúp người nghe có một cái nhìn tổng quan về vấn đề.

Hs đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc. ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện*** Đại diện nhóm hs nhận xét kết quả. Gv nhận xét kết quả thảo luận của hs.	Người nói cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ, hỗ trợ cho bài nói để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin. *2. Thực hành nói* - *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - *Triển khai*: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi sự phản ứng người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh nếu cần thiết. - *Kết luận*: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá khái quát, mở rộng, liên hệ,...; bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe. *3. Trao đổi, đánh giá* - Người nghe: + Nhận xét ngắn gọn về nội dung và hình thức của báo cáo + Nêu ý kiến, đặt câu hỏi về vấn đề vừa được báo cáo - Người nói: + Bàn luận về các ý kiến và trả lời câu hỏi(nếu có) + Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện báo cáo đã thực hiện.

PHIẾU HỌC TẬP

Quy trình trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	
Các bước tiến hành	**Yêu cầu**
Bước 1: Chuẩn bị nói	*1. Chuẩn bị nói* - Người nói cần xác định rõ mục tiêu: đưa đến cho người nghe một cái nhìn khái quát về nghiên cứu của mình và thu thập được những phản hồi, trao đổi của người nghe về nghiên cứu đó. - Sắp xếp cách trình bày và thời gian trình bày các luận điểm phù hợp với thời gian thuyết trình, giúp người nghe có một cái nhìn tổng quan về vấn đề. - Người nói cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ, hỗ trợ cho bài nói để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin.
Bước 2: Thực hành nói	*2. Thực hành nói* - *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - *Triển khai*: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi sự phản ứng người nghe trong quá

	trình trình bày và có điều chỉnh nếu cần thiết. - *Kết luận*: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá khái quát, mở rộng, liên hệ,...; bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.
Bước 3: Trao đổi đánh giá	*3. Trao đổi, đánh giá* - Người nghe: + Nhận xét ngắn gọn về nội dung và hình thức của báo cáo + Nêu ý kiến, đặt câu hỏi về vấn đề vừa được báo cáo - Người nói: + Bàn luận về các ý kiến và trả lời câu hỏi (nếu có) + Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện báo cáo đã thực hiện.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Hs củng cố những kiến thức đã học để trình bày báo cáo. Báo cáo kết quả nghiên cứu đã được giao từ tiết học trước.

b. Nội dung: Học sinh thực hành nói và nghe báo cáo kết quả nghiên cứu.

c. Sản phẩm: Phần trình bày nói và nghe của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm - Báo cáo kết quả nghiên cứu vấn đề: *Vai trò của những người có ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện thảo luận theo nhóm **B3. Báo cáo thảo luận** - Các nhóm trình bày - Đánh giá chéo theo phiếu đánh giá **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**II. Luyện tập** - Học sinh trình bày bài nghiên cứu của nhóm mình. - Các nhóm khác lắng nghe, phản biện, góp ý. - Nhóm vừa trình bày trả lời. - Giáo viên nhận xét về tác động 2 mặt của người có tầm ảnh hưởng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay. Có thể là những tấm gương về lối sống, tư duy và hành động. Sức ảnh hưởng của họ có thể tích cực khi truyền cảm hứng, động viên ư Tuy nhiên, mặt trái cũng tồn tại khi một số người có ảnh hưởng lan truyền các xu hướng tiêu cực, thái độ sống không lành mạnh... Do đó, vai trò của họ cần được nhìn nhận một cách toàn diện, và thanh niên cũng nên tỉnh táo để lựa chọn những hình mẫu phù hợp để noi theo.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Kết nối những kiến thức đã học của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu với Tiếng cười của hài kịch.

b. Nội dung: Học sinh lập đề cương cho vấn đề: *Điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?*

c. Sản phẩm: Đề cương của học sinh về sức sống của hài kịch

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Hs làm việc cá nhân - Lập đề cương nghiên cứu trả lời cho câu hỏi sau *Điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?* **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs tìm hiểu biểu hiện của sức sống của 1 vở hài kịch. - Những điều làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau **B3. Báo cáo kết quả:** Hs trình bày. Nhận xét và bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**	**Gợi ý:** Các yếu tố làm nên sức sống của vở hài kịch: Tính nhân văn Tính hài hước Tính phê phán Tính nghệ thuật

4. Củng cố: Khắc sâu những kiến thức đã học về các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội

5. HDVN:

- Hoàn thiện bài viết đã lập đề cương *Điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?*
- Chuẩn bị ôn tập học kì I.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Vấn đề nghiên cứu: *Vai trò của những người có ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay*

Nhóm nghiên cứu…..

Nhóm đánh giá:…..

Kết quả nghiên cứu và cách trình bày		Đạt	Chưa đạt
Kết quả nghiên cứu	Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn đề tài một cách chính xác tạo hứng thú.		
	Trình bày được kết quả nghiên cứu sáng rõ, có hệ thống.		
	Thể hiện được quan điểm riêng của người trình bày.		
Cách trình bày	Duy trì được việc tương tác với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Sử dụng cí hiệu quả các phương tiện hộ trợ.		

Tiết 52 CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. THỰC HÀNH ĐỌC:
CẨN THẬN HÃO
(Trích Thợ cạo thành Xê – vin – Séville)
Bô – mác –se

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, thủ pháp trào phúng,..
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản

3. Về phẩm chất: Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV yêu cầu HS chia sẻ một số câu chuyện với chủ đề: cái giá của sự tham lam

c. Sản phẩm: Phần chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi và yêu cầu HS làm việc cá nhân Hãy chia sẻ một số câu chuyện với chủ đề: cái giá của sự tham lam **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung dẫn vào bài mới.	Một số gợi ý: Tham lam tiền bạc của người khác. Lợi dụng lòng tin Tham lam danh vọng …

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm
b. Nội dung: Đọc chú thích và tóm tắt để trả lời
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu một học sinh đọc phần chú thích và phần tóm tắt vở kịch Câu hỏi: Yêu cầu làm việc cặp đôi Dựa trên phần văn bản vừa đọc, nêu tóm tắt những thông tin cơ bản về tác giả và vở kịch. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận theo cặp đôi **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện 01 cặp đôi trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, bổ sung	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** -Là nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp thời kì cuối của chế độ quân chủ chuyên chế. - Ông đã đem những trải nghiệm cuộc sống cung đình lẫn ngoài xã hội vào những vở kịch với tiếng cười tiễn đưa cái cũ và chào đón cái mới -Hài kịch của ông được coi là đỉnh cao sân khấu Pháp thế kỉ XVIII. -Tác phẩm tiêu biểu: *Thợ cạo thành Xê – vin, Đám cưới Phi – ga – rô.* **2. Văn bản** -Vở kịch là vở hài kịch nổi tiếng nhất của Bô-mac-se, ra đời năm 1775. Vở kịch ca ngợi trí thông minh của anh thợ cạo thành Xê-vin, đề cao tình yêu tự do, phê phán thói chuyên quyền, áp đặt của những kẻ tự cho mình là có quyền uy tối thượng -Vị trí đoạn trích: Thuộc phần cuối của vở kịch -Nội dung: Nhờ vào sự mưu trí của Phi-ga-rô, An-ma-vi-a và Rô-din làm phép cưới, Bác-tô-lô phải trả giá vì lòng tham.

Nội dung 2: Khám phá văn bản
a. Mục tiêu:
-Học sinh phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, nhân vật, kết cấu, thủ pháp trào phúng,các chi tiết..
-Học sinh thấy được ý nghĩa, bài học về cuộc sống từ đoạn kịch.
b. Nội dung: HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trong SGK.
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 06 nhóm thực hiện 03 nhiệm vụ Nhóm 1,4: Nêu đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích. Nhóm 2,5: Chỉ ra các thủ pháp trào phúng được dùng trong đoạn trích Nhóm 3,6: Hãy cho biết tình huống gây cười ở đây và chỉ ra chi tiết về sự "cẩn thận hão". **B2. Thực hiện nhiệm vụ**	**II. Khám phá văn bản** **1. Các nhân vật hài kịch** -Hầu hết các nhân vật quan trọng của vở kịch "gặp nhau" trong đoạn trích" Bác-tô-lô; Ba-din, An-ma-vi-ô, Rô-din, Phi-ga-rô, viên chưởng khế, thẩm phán -Các nhân vật hài kịch trong đoạn trích là: +Viên chưởng khế thấy hai khế ước đều có tên cô dâu là Rô-din nên lầm tưởng "hiển nhiên là hai chị em ruột cùng một tộc danh" +Ba-din là phe cánh với Bác-tô-lô nhưng bản tính vụ lợi nên phản bội Bác-tô-lô dễ dàng bởi y "cân nhắc túi tiền"; "một khi tôi đã hứa lời thì phải có

HS theo nhóm thảo luận trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện 03 nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét, chốt ý	những lí do nặng đồng cân". +Bác-tô-lô bất ngờ vì mọi việc lộn trái so với những gì hắn tính toán, cuối cùng hắn càng bộc lộ bản chất tham tiền chứ không hề có tình cảm với Rô-din **2.Các thủ pháp trào phúng.** -Tình thế đảo ngược: Bác-tô-lô sắp đặt để kết hôn với Rô-din nhưng rồi y bị chơi khăm, bá tước và Rô-din thuận tình kết hôn với nhau và có người làm chứng. Sự tráo đổi vị thế của nhân vật gây cười cho độc giả. -Đối thoại: các nhân vật sử dụng lối nói cường điệu, bóng gió, đối đáp "ăn miếng trả miếng"…Đối thoại góp phần khắc họa tính cách của nhân vật. **3.Tình huống và chi tiết trào phúng** -Tình huống nhầm lẫn: +Chưởng khế nhầm tưởng có hai Rô-din, là hau người cùng họ +Bá tước, Phi-ga-rô cố tình gây nên sự nhầm lẫn để cưới được Rô-din và giải thoát cô khỏi lòng tham của Bác-tô-lô +Bác-tô-lô bị chơi khăm bằng một sự nhầm lẫn -Chi tiết về sự "cẩn thận hão": Bác-tô-lô đã dùng mọi cách lừa dối, mưu tính mọi đường để cưới được Rô-din nhưng cuối cùng lại bị đổ bể

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác động của vở kịch với bản thân –với tư cách là một người đọc

b. Nội dung: Học sinh trình bày về một bài học rút ra từ đoạn trích

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ bàn về một bài học sâu sắc rút ra từ nội dung đoạn văn bản **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** 01 học sinh trình bày, các học sinh khác nhận xét, bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt ý.	Bài làm của học sinh -Nêu 01 bài học: hướng tới tình yêu tự do; không nên tham lam; cần phải bình tĩnh để xử lí mọi việc… -Lí giải về bài học

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu thêm, bổ sung thêm tri thức về thể loại hài kịch

b. Nội dung: Học sinh tìm đọc và tóm tắt lại nội dung một vở hài kịch

c. Sản phẩm: Bài tóm tắt của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:GV yêu cầu HS về nhà

- Tìm đọc một vở hài kịch của Việt Nam hoặc thế giới
- Tóm tắt nội dung vở hài kịch trong khoảng 20 dòng

B2,3. Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, nộp sản phẩm vào tiết sau.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chấm và chữa một số bài cụ thể

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi thực hiện kĩ năng viết bài.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài tiết sau.

Tiết 53,54: **KIỂM TRA CUỐI KÌ**
(ĐỀ THI TẬP TRUNG)